

S

Sư phạm

lý thuyết

TÚ SÁCH SƯ-PHẠM
TRẦN-VĂN-QUẾ

Giao-sư Trường Sư-Phạm Saigon

TRẦN - VĂN - QUẾ

Giáo-sư Trường Quốc-gia Sư-phạm

SƯ-PHẠM LÝ-THUYẾT

(ĐẠI - CƯƠNG)

BAN HAI NĂM

Đang với chương-trình lớp hai năm

Quốc-gia Sư-phạm

BỘ GIÁO - DỤC

TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU XUẤT-BẢN

1968

TỦ SÁCH
NGUYỄN TRỌNG TUẤN
An Dân Tân Tạo, An Túc - 22031975

LỜI NÓI ĐẦU

Mấy năm gần đây, ở nước ta, chương trình giáo dục ở cấp bậc Sơ-Tiểu được cải-tiến luôn để theo kịp trình độ giáo dục Sơ-Tiểu ở các nước tân-tiến.

Song song với sự cải-tiến nói trên, khoa Sư-Pham cũng đã được canh-lắn khá nhiều.

Bề giúp ích các Giáo-sinh lớp một năm các trường Quốc-Gia Sư-Pham trong nước trước kia, theo cái đà giáo dục mới, chúng tôi đã có soạn và cho ấn-hành hai quyển Sư-Pham Đại-Cương và Sư-Pham Thực-Hành.

Nay cũng với mục-đich tương-tự chúng tôi chỉnh-đốn xong quyển Sư-Pham Lý-Thuyết nói trên bằng cách thêm vào nhiều mục mới cốt để quyền sách này phù hợp với trình độ của các Nam, Nữ Giáo-sinh lớp hai năm các trường nói trên.

Lẽ dĩ nhiên sự chỉnh-đốn quá đột-ngoại này không sao tránh khỏi những khuyết-điểm. Vậy chúng tôi rất ước mong được các bạn đồng-nghiệp vui lòng chỉ-giáo những chỗ thiếu sót.

Saigon, ngày 1 tháng 8 năm 1963

TRẦN-VĂN-QUẾ

TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU

BỘ GIÁO-DỤC

In lần thứ nhất, 1964: 3.000 cuốn

In lần thứ nhì, 1968: 5.000 cuốn

MỤC - LỤC

	TRANG
Lời nói đầu	iii
Mục lục	v
Chương-trình Sư-phạm lý-thuyết	xi
Tổng-quát nền giáo dục sơ-tiểu ở V.N. hiện nay.	1
 CHƯƠNG I	
Mục-đích giáo-đục.	13
— Phép giáo-đục và khoa sư-phạm	15
Định-nghĩa	15
Mục-đích.	18
Ba hình-thức hiện-thời của phép giáo-đục .	18
— Những liên-hệ của phép giáo-đục với sư-phạm	21
Phép giáo-đục và các thể-hệ xã-hội	28
Sự phê-bình cẩn-bản về phép giáo-đục được quan-niệm như một sự thâu nhận cá-nhan vào cơ-cấu xã-hội	32
— Nhiệm-vụ trường sơ-tiểu và các nguyên- tắc cẩn-bản	37
Về phương-diện thể-đục	37
Về phương-diện tri-đục	38
Về phương-diện đức-đục	38
Về phương-diện xã-hội	39
Kết-luận.	41
Các nguyên-tắc cẩn-bản của trường sơ-tiểu .	41

CHƯƠNG II

Những đại-cương về tâm-lý trẻ con lành mạnh.	
— Quan-niệm sai lầm về trẻ con của thời xưa.	47
Những điều đại-cương về tâm-lý trẻ con.	48
Những giai-đoạn mà đứa trẻ phải trải qua trước khi trở nên người lớn.	49
Sự tiến-triển của tư-tưởng trẻ con.	25
Bảng tóm tắt những giai-đoạn tiến-triển của trẻ con hòa-nhịp với các khả năng tâm-lý.	53
Những nhu-cầu chính yếu của trẻ con.	54
Kết luận.	57

CHƯƠNG III

Trẻ con khác thường.	59
Quan-niệm về trẻ con khác thường.	61
Hai loại trẻ con khác thường.	61
Tại sao phải giáo-hóa những trẻ khác thường.	63
Sự dạy dỗ trong các lớp cải-thiện trẻ con khác thường.	64
Kết luận.	66

CHƯƠNG IV

Các phương-pháp giáo-dục.	67
— Phương-pháp qui-nap và phương-pháp suy diễn về phương-diện khoa-học và giáo-dục.	69
— Các phương-pháp giáo-dục xưa và nay.	75
Biến thể của hai phương-pháp trên.	75
Các phương-pháp thể-dục.	75
Các phương-pháp tri-dục.	78
Những phương-pháp hoạt động.	87
Phương-pháp giáo-dục mới của John Dewey.	104
Đồ-án Dalton.	109
Đồ-án Gary.	114
Phương-pháp Winnetka.	115
Phương-pháp kế hoạch.	117
Những lời bình-luận về các phương-pháp hoạt động.	129
Uốn nắn và giáo-dục.	130

Những phương-pháp đức-dục	132
Sự hỗ-tương giữa phương-pháp tri-dục, đức-dục	133
Phương-pháp giáo-huấn hay giáo-thu.	133
Những khuyết-diểm của phương-pháp giáo-huấn về phương-diện đạo-đức	135
Phương-pháp trực-giác	138
Những phương-pháp hoạt-động đức-dục . .	143
Sở-trường của phương-pháp hoạt động đạo-đức	146
Bài đọc thêm.	147

CHƯƠNG V

Các cách-thức dạy học hay là các thể-thức giáo-huấn.	173
--	-----

CHƯƠNG VI

Các phương-sách giáo-huấn.	181
— Bài số 1. Những phương-sách nào hay và những phương-sách nào dở trong nền giáo dục.	183
— Bài số 2. Phương-sách chất vấn hay là vấn đáp.	185
— Bài số 3. Phương-pháp Martinière.	189
— Bài số 4. Lời nói của giáo-chức, bài dạy bằng miệng.	191
— Bài số 5. Sách học — Phương-pháp dạy học bằng cách kèm theo lời dẫn giải của giáo-chức.	194
— Bài số 6. Những bài làm hay bài viết.	196
— Bài số 7. Các sách giáo-khoa phát cho học sinh. Các quyển vở mà chúng phải làm bài trong ấy	202

CHƯƠNG VII

Làm thế nào tạo nên một hoàn-cảnh, một không khí thuận-tiện cho sự học-tập của trẻ con	209
--	-----

TRANG

Định-nghĩa	211
Phương-diện hữu-hình	211
Phương-diện tinh-thần	214
BÀI ĐỌC THÊM	
Khung cảnh của nhà trường theo lối giáo- dục mới.	217
CHƯƠNG VIII	
Dụng-cụ giáo-khoa	221
Định-nghĩa	223
Cách sử-dụng dụng-cụ giáo-khoa	223
Các dụng-cụ giáo-khoa vừa thích hợp cho các lớp bậc sơ-tiểu và vừa cho các lớp bậc trung-học,	224
Các dụng-cụ giáo-khoa với phương-tiện thính thị	236
Cách học Anh-ngữ theo phương-tiện thính-thị	238
Kết-luận	239
CHƯƠNG IX	
Sự lõi-chức nhà trường theo nguyên-tắc sư-phạm	241
— Sự sắp-xếp hay sự thâu-nhận học-sinh	243
Chương-trình học-khoa	249
Chương-trình trường sơ-tiểu	252
Sự phân-chia chương-trình	254
Thời-khoa-biểu	256
Việc soạn bài	258
Công-dụng của sự soạn bài hay là sự chuẩn bị lớp học	259
Phải soạn bài cách nào	259
Sự khác-biét gi <small>á</small> ra tập soạn bài và quyền nhật-ký các đầu bài dạy	260
Các hình-thúc soạn bài	261
Chủ-diểm	262
Kỹ-luật nhà trường	264
Những hình-phạt	266
Những lao-tưởng hay là tặng-thưởng	268
Sự ganh-đua	270

TRANG

Sự phát-phán thưởng cuối-niên-khoa	271
Những hình-phạt và những tặng-thưởng công-cộng	273
Kỹ-luật mới	275
Sự hợp-tác giữa nhà trường và gia-đình học-sinh.	282
CHƯƠNG X	
Hướng-nghiệp	291
Mục-dịch	293
Sự cần-thiết của hướng-nghiệp	293
Những bằng-cố và những phương-sách của sự hướng-nghiệp	294
Sự định-hướng của nhà trường và sự hướng nghiệp	295
Sự lõi-chức công-việc hướng-nghiệp	296
Kết-luận.	298
CHƯƠNG XI	
Công-cuộc bô-túc nhà trường	299
Những ích-lợi	301
Những công-cuộc giúp ích trẻ con khi chúng còn đi học.	302
Tủ-thuốc nhà trường.	302
Ngọ-phận điểm	303
Trại-nghỉ hè	304
Hội-thể-thao và hoạt-động thanh-niên	305
Thư-viên nhà trường.	310
Học-xưởng.	311
Học-dường-viên.	311
Học-dường-hợp-tác xã	312
Hội-phụ-huynh học-sinh	314
Hội-bảo-trợ học-sinh	315
Những công-cuộc giúp ích trẻ con sau khi chúng thôi-học	316
Các công-cuộc có tính-cách-xã-hội và giàn tiếp giúp ích các cựu-học-sinh.	318
CHƯƠNG XII	
Nhà-giáo-dục.	323

TRANG

Giáo-chức	325
Hiệu-trưởng và nhân-viên	329
Kết-luận.	332
PHẦN PHỤ THÊM	335
I.— Nền giáo-dục và học-vấn ở Mỹ.	337
II.— Nền giáo-dục bên Anh-cát-lợi	353
III.— Trẻ em không phải chỉ sống bằng sữa mà còn sống bằng tình yêu	362
IV.— Trẻ em đặc-biệt	365

A.— SỰ-PHẠM LÝ-THUYẾT
(Đại cương)

CHƯƠNG - TRÌNH BAN HAI NĂM
NĂM THỨ NHẤT
(4 GIỜ MỖI TUẦN)

I. MỤC-ĐÍCH GIÁO-DỤC

- Giáo-dục và Sư-phạm — Định-nghĩa — Mục-dịch
- Mỗi liên-hệ giữa giáo-dục và xã-hội
- Nhiệm-vụ trường Tiểu-học và các nguyên-tắc căn-bản

II. CÁC PHƯƠNG-PHÁP GIÁO-DỤC

- Các phương-pháp giáo-dục xưa và nay
- Qui nạp pháp và suy diễn-pháp

1. Về phương-diện thề-dục

Sự lựa chọn các trò chơi

Các phương-pháp về thề-dục

2. Về phương-diện trí-dục

Phương-pháp giáo-huấn hay giáo-thụ (*méthode didactique*)Phương-pháp trực-giác (*méthode intuitive*)Phương-pháp hoạt-dộng (*méthodes actives*)

3. Về phương-diện đức-dục

Phương-pháp giáo-huấn

Phương-pháp trực-giác

Phương-pháp hoạt-dộng

III. CÁC THÈ-THỨC GIÁO-HUẤN (les modes d'enseignement)

1. Thè-thức cá-nhân (mode individuel)
2. Thè-thức nhứt-tề (mode simultané)
3. Thè-thức hổ-tương (mode mutuel)
4. Thè-thức hổn-hợp (mode mixte)

IV. CÁC PHƯƠNG - SÁCH GIÁO - HUẤN (les procédés d'enseignement).

1. Thuyết-trình
2. Phô-diển (démonstration)
3. Vấn-dáp
4. Thực-hành
5. Thực-nghiệm (expérimentation)
6. Nghiên-cứu
7. Dự-án (projet) v.v...

V. DỤNG-CỤ GIÁO-KHOA

- VI. KHUNG CẢNH THUẬN-TIỆN CHO SỰ HỌC TẬP
Ở BẬC TIỀU-HỌC
- VII. SỰ TÒ-CHỨC NHÀ TRƯỜNG THEO NGUYÊN-
TẮC SỰ-PHẠM
- VIII. VIỆC GIÁO-DỤC NHỮNG TRẺ CON KHÁC
TRƯỜNG (les enfants anormaux).
- IX. HƯỚNG NGHIỆP (orientation professionnelle)
- X. CÔNG CUỘC BỒ-TÚC NHÀ TRƯỜNG
- XI. NHÀ GIÁO-DỤC (l'Éducateur)

PHẦN PHỤ THÊM

Những mục trên đây có nhiều mục tương đối dễ hiểu, giáo-sinh có thể được chỉ dẫn để tự đọc và tìm hiểu lăp trong sách, chỉ cần hỏi lại thầy những thắc mắc, để dành những giờ giảng cuối năm cho phần phụ lục sau đây :

1) So sánh hệ thống tổ-chức giáo-dục tại vài nước tiến bộ trên thế giới (ví dụ : Pháp, Mỹ, Anh, Áo, Nhật v.v...)

2) Nhận xét về kế hoạch Karachi (Unesco) về việc cưỡng bách giáo-dục Tiêu-học và nâng cao nền Tiêu-học tại các xứ Á-châu tự-do.

TỔNG - QUÁT

NỀN GIÁO-DỤC SƠ-TIỂU
HIỆN NAY Ở VIỆT-NAM

TRUNG QUỐC
UẤT-UR ĐIỂM VÀ
MẶT-ỦN TỰ LÃM

I. SỰ LIỀN-QUAN MẬT-THIẾT GIỮA HAI NỀN
GIÁO-DỤC VỚI HAI YẾU-TỔ : « NƯỚC VÀ DÂN »

Nước lấy Dân làm gốc.

Dân có học mới khôn,

Dân khôn, nước mới mạnh.

Ba câu ấy chứng tỏ sự liên-quan mật-thiết giữa hai yếu-tổ « Nước » và « Dân ». Đồng-thời nó cũng cho biết tính-cách cực-kỳ quan-trọng của sự giáo-dục con dân trong một quốc-gia. Một nước thạnh hay suy, hùng-cường hay bạc-nhược đều do cách dạy-dỗ, huấn-luyện con em mà ra cả. Vì các lẽ ấy, hiện nay ở các nước văn-minh tân-tiến, nền giáo-dục quốc-dân được đặc-biệt chú-ý và được coi là phần căn-bản của một quốc-gia xã-hội.

Nước Việt-Nam ta ngày nay đã trở thành một nước độc-lập. Lẽ dĩ-nhiên văn-dề giáo-dục quốc-gia tất phải là

một trong những trọng-tâm hoạt-động của chính-phủ. Về phuong-diện này, trước khi đi sâu vào vấn-dề, cần phải hiểu rõ tinh-trạng nước ta ngày nay như thế nào, nhiên-hậu mới nêu lên những phuong-pháp giáo-dục vừa hợp-thời vừa hợp-cảnh.

Từ xưa đến nay ở nước ta có ba lối giáo-dục : lối giáo-dục cõi-truyền, lối giáo-dục theo phuong-pháp Pháp-lan-tây và sau này lối giáo-dục theo phuong-pháp Hiệp-chủng-quốc.

II. LỐI GIÁO-DỤC CÕI-TRUYỀN

Lối giáo-dục này được phổ-thông trong nước từ Nam chí Bắc từ hai ngàn năm nay. Nó là phuong-pháp truyền-bá Nho-giáo trong dân-gian. Căn-cứ vào Nho-giáo, nó chủ-trương « tiên học lễ, hậu học văn ». Chữ « lễ » ở đây ám-chỉ đạo làm người nghĩa là đức-dục. Chữ « văn » ám-chỉ « trí-thức » nghĩa là trí-dục. Theo lối giáo-dục cõi-truyền, trước nhất phải dạy con em « đạo làm người » phải cư-xử cách nào cho đáng là con người. Nói một cách khác nhà trường phải dạy con em cách « tu-thân ». Tu thân là phần chính. Thân có tu rồi mới « tề » được nhà. Tề được nhà rồi thì mới mong « trí » được quốc. Trí được quốc rồi mới dám nói đến « bình thiên-hạ ». Con em phải học tu-thân trước rồi sau còn dư thi-giờ mới học văn-chương thi-phụ.

Quan-niệm ấy có đúng không ? Thời-gian đã qua và tinh-trạng thương-luân bại-lý hiên-dai trong xã-hội ta ngày hôm nay đã trả lời cho câu hỏi ấy. Hiện nay đã có phong-trào chấn-hưng đạo-đức bắt nguồn từ sự tu-thân ; nếu thân không tu thì cá-nhân sẽ loạn. Nếu cá-nhân loạn thì gia-dình là cơ-cấu của nhiều cá-nhân sẽ loạn. Mà nếu gia-dình loạn thì quốc-gia là cơ-cấu của nhiều gia-dình lẽ tất-nhiên phải loạn. Nếu quốc-gia xã-hội loạn thì toàn-thể hoàn cầu làm sao yên tĩnh được ?

Theo chế-dộ giáo-dục cõi-truyền, người gương mẫu là người « quân-tử » hay là « hiền-nhân » đầy-dủ đức-tính tốt kết-quả của sự tu-thân. Người quân-tử lúc nào cũng hành-dộng đúng theo đạo « nhân ». Căn-bản của đạo « nhân » là « hiếu ». Con người trong nhà có hiếu với cha mẹ, đế với anh chị thì ra ngoài mới biết thương người, ăn ở có « nhẫn » với mọi người.

Đối với xã-hội, người quân-tử vẫn giữ khí-tiết của mình. Khi phải thời, thì người quân-tử hiện ra cùng đi với dân và làm việc giúp dân ; khi không gấp thời, thì ở yên một chỗ và lúc nào cũng giữ tròn danh-tiết của mình.

Một điểm nữa cần được đề ý là : lối giáo-dục xưa đã đưa ông thầy lên một địa-vị rất cao. Thầy đứng sau vua mà trước cha. Cha sinh ra con không thể dạy-dỗ cho nên người, nên phải nhờ đến thầy. Nếu không có thầy thì trẻ con ấy sẽ trở nên loạn-thần tặc-tử và sẽ là một tai-hại vừa cho cha mẹ, gia-dình, vừa cho xã-hội, làng nước.

Bởi thế, công giáo-hoa được coi trọng hơn công sanh-thành là vậy. Lẽ dĩ-nniên, khi bàn đến lối giáo-dục cõi-truyền, cần phải gác lại một bên chế-dộ khoa-cử, một biến-thể của công-dụng Nho-giáo và Hán-học. Nó là nguyên-nhận đã làm khó-khan sinh-lực của cõi-thụ Nho-giáo khiến nên khi làn sóng văn-minh vật-chất Âu-tây tràn vào thì một sớm một chiều nó bị đánh ngã ngay.

III. LỐI GIÁO-DỤC THEO PHƯƠNG-PHÁP PHÁP-LAN-TÂY

Trong thời Trung-cõi, ở nhiều nước bên cõi Thái-tây, người ta có quan-niệm một người kiều mẫu diền-hình gọi là « hiệp-sĩ » (chevalier). Người « hiệp-sĩ » có tinh-thần thượng-võ, có nhiều đức-tính tốt, thích làm việc nghĩa, không vụ-lợi, nhiều khi có đức-dộ một vị anh hùng. Quan-niệm người hiệp-sĩ đã chi-phối chế-dộ giáo-dục của phái

vô-biển nhất là hàng qui-phái. Qua đến thập-lục và nhất là thập-thất thế-kỷ, nhân có phong-trào khoa-học văn-nghệ phục-hưng, các triết-gia, các thi-gia lại đề-xướng lên sự tôn-sùng lý-tinh và quan-niệm « chính-nhân » đã chi-phối khá lâu vấn-dề giáo-dục, học-vấn ở các nước ấy: mãi cho đến thập-hát thế-kỷ mới cáo-chung và nhường chỗ lại cho nhiều quan-niệm khác. Từ đó trở đi, trong văn-giới, các bậc thi-gia, triết-gia và tri-thức có quan-niệm, tác-phong của một ngotrì thương-lưu tri-thức. Trong khoa-học-giới thì có nhà bác-học diễn-hình với với một tác-phong đặc-biệt. Theo lối giáo-dục này, cá-nhân được tự-do học-hỏi để trau-giồi tri-tuệ, tu-sửa thân-tâm hầu vượt lên khỏi mức tầm-thường. Quan-niệm này tương-tự như quan-niệm tu-thân của Nho-giáo nhưng bị đóng khung vào một công-thức chặt chẽ, không nhất-định theo một đường-lối nào. Lối giáo-dục này căn-cứ vào khoa-học thực-nghiêm, nhất là khoa tâm-lý học, và vào tinh-thần dàn-chủ. Thầy đối với học-sinh không có quyền hình-phạt đánh đậm nặng-nề như thời xưa. Các năng-khiếu trẻ con được kích-thích đến cực-dộ. Lúc sau này « học-dường hoạt-dộng » là lối giáo-dục được áp-dụng cho các môn học riêng-biệt trong chương-trình. Những trường-hop « thường » và « phật » cá-nhân hoặc công-cộng đều được ấn-định rõ-rệt. Thầy phải luôn-luôn ra mặt hướng-dẫn trẻ con. Các học-sinh trong một lớp cùng học chung và làm một thứ bài. Lối dạy này kích-thích óc quan-sát, tri suy-luận của trẻ con và nhiệt-liệt đánh dồn lối học nhồi sọ, lối học « vẹt » xưa. Cách dạy học phải chú-trọng về sự cụ-thể-hóa bài dạy. Bầu này phải có tính-cách thực-tiễn, đi từ dễ đến khó.

IV. LỐI GIÁO-DỤC THEO PHƯƠNG-PHÁP HIỆP-CHỦNG-QUỐC

Lối giáo-dục này có phần tương-tự như lối thứ nhì ở

chỗ áp-dụng triết-dề khoa tâm-lý nhi-dòng, kích-thích các năng-khiếu và ngũ-giác-quan của trẻ con đến cực-dộ. Nó khác với hai lối giáo-dục trên ở chỗ thầy nhiều khi không phải đóng vai chính. Trong lớp, nam nữ học-sinh đóng vai dào kép trên sân-khấu. Trước lại, thầy học chỉ đóng vai người dàn cảnh, người « nháu vở » (souffleur) núp kin một chỗ và chỉ nháu dào hoặc kép khi chúng quên một đoạn nào đó thôi. Thầy hướng-dẫn trẻ con một cách kin-dao dề trẻ con có cảm-tưởng là chúng hoàn-toàn tự-do hành-dộng. Thầy chỉ can-thiệp khi nào cần. Thầy phải tôn-trọng nhân-vị của trẻ con. Bài học phải thực-tế, có nhiều dụng-cụ và tài-liệu để chúng tự quan-sát lấy. Lối giáo-dục này có một đặc-sắc ở bậc tiểu-học cũng như ở các bậc trên: phần quan-trọng là phần thực-hành; phần phụ là phần lý-thuyết. Lý-thuyết rất ít mà thực-hành rất nhiều. Cá-nhân phải được dào-luyện để phục-vụ xã-hội một cách đặc-lực. Hễ học môn nào thi phải biết môn ấy cho đến nơi đến chốn. Vì lẽ ấy mà bên Hiệp-chủng-quốc, sự phản-công hay là sự chuyên-môn trong các ngành y-học và khoa-học, đã di đến một mức có thể cho là thái-quá được. Nhà kỹ-thuật chuyên-môn là người gương-mẫu của xã-hội Hiệp-chủng-quốc. Bên ấy, lối học tổng-quát (culture générale) như bên Pháp-lan-tây và bên Á-dòng ta (như bên Tầu và bên Việt-Nam ta ngày xưa), là một vấn-dề ít ai nghĩ đến. Người Hiệp-chủng-quốc rất thực-tế và rất tiết-kiệm thời-giờ. Họ quan-niệm kỷ-luật nhà trường khác hẳn với kỷ-luật được áp-dụng ở các học-dường Pháp-lan-tây. Theo người Hiệp-chủng-quốc, kỷ-luật là phương-pháp trau-sửa tinh-tinh trẻ con. Nó chỉ đề-cập đến sự sửa-chữa những lối làm của trẻ con được coi là một việc làm vô ý-thức, vô-tinh, bởi sự không hiểu biết, không thông-thạo mà ra. Học-dường phải giúp trẻ con có đủ tiện-nghi để học-tập. Thầy học phải tùy theo cơ-thể, tinh-tinh riêng-biệt của trẻ con mà hướng-dẫn chúng.

Ở Hiệp-chung-quốc, học-đường ở một vùng nào phải phụng-sự dân-chúng vùng ấy, làm thỏa-mãn những nhu-cầu của dân-chúng. Thường một ngôi học-đường được dựng lên là do tiền bạc của dân-chúng. Bởi thế, dân-chúng trong một vùng có quyền ấn-dịnh chương-trình học của nhà trường để phù-hợp với những nhu-cầu địa phương. Các giáo-chức hoặc giáo-sư hoặc giáo-viên đều do dân-chúng tuyển-chọn và trả lương.

Ở Hiệp-chung-quốc, học-sinh đi đến trường học để biết, để thu-thập tri-thức, chứ không phải để kiểm khuyễn-diêm và cuối năm để chiếm mảnh bảng. Ngày thường, thầy cho bài làm nhưng không khuyễn-diêm để tránh sự chạm lòng tự-ái của trẻ con và sự giả-dối của chúng. Cuối niên-học, không có một cuộc thi nào cả. Ở các học-đường không có cuộc thi ra trường như ở các nước khác. Trái lại, ở các trường ấy, sinh-viên bị bắt-buộc làm bài tam hoặc lục-cá-nghẹt. Các bài ấy được sửa-chữa và được ghi dấu. Cuối năm, ban Giám-đốc sẽ căn-cứ vào đó mà thảo ra giấy chứng-chỉ học-lực của mỗi sinh-viên. Nói tóm lại, lối dạy theo phương-pháp hoạt-động căn-cứ vào các điểm sau đây :

1. Tôn-trọng nhân-vị của trẻ con dùng theo tinh-thần dân-chủ.
2. Thầy chỉ hướng-dẫn trẻ con một cách kin-dào và trong đường lối đã hoạch-định sẵn ; thầy để trẻ con hoạt-động tự-do nếu việc làm của chúng không phuong-hại đến chúng và toàn lớp.
3. Thầy giúp trẻ con phát-triển các năng-khiếu và ngũ-giác-quan đúng theo khoa tâm-lý nhì-dòng.
4. Thầy giúp trẻ con biết tự kiềm-chế lấy mình và biết nhẫn-thức tinh-thần trách-nhiệm.

V. ĐỨNG TRƯỚC NGÀ BA ĐƯỜNG NÓI TRÊN, NỀN GIÁO-DỤC TƯƠNG-LAI VIỆT-NAM NHẤT LÀ Ở BẬC TIỀU-HỌC, PHẢI ĐI THEO HƯỚNG NÀO ?

Lẽ dĩ-nhiên, chúng ta không thể hoàn-toàn theo lối dạy cõi-truyền vì nó có nhiều chi-tiết phản khoa học.

Tuy vậy, chúng ta cũng không vì lẽ ấy mà hết mình chạy theo lối mới mà tự mình không có một suy-xét nào để thích-ứng với hoàn-cảnh nước ta.

Vậy nhà giáo chúng ta phải làm sao đây ?

Theo thiên-kiến chúng tôi, chúng ta nên làm mấy việc sau này :

1. Tìm hiểu tinh-thần dân-tộc ta trải qua các thời-đai có những đặc-sắc gì ?

Căn-cứ theo Nho-giáo, trên bốn ngàn năm lịch-sử, dân tộc ta đã sẵn có một lõi-chức gia-dinh và làng nước một cách rành-rọt, phân-minh. Về phương-diện đạo-lý, trong nhà người con phải « hiếu » với cha mẹ, « dể » với anh chị. Ai không giữ đúng phận-sự thì bị coi như là nghịch tử. Nếu ở trong nhà là nghịch-tử thì khi ra ngoài xã-hội kẽ ấy sẽ là loạn-thần. Người như thế sẽ bị quan-chúng coi là cặn-bã của xã-hội. Tuy rằng ngày nay quan-niệm ấy bị những kẻ nóng-nồi đánh dỗi, nhưng kỳ-trung trong thâm-tâm những ngirời chán-chênh nó vẫn còn nguyên-vẹn ý-nghĩa. « Hiếu » là mầm-mống của đạo « nhân », là khởi-diểm của tinh-thần gia-tộc và rộng ra nữa, của lòng ái-quốc, của tinh-thần quốc-gia.

Trên mấy ngàn năm, dân-tộc Việt ta đã lấy phong-dộ của người quân-tử làm nền-tảng trong việc xử-kỷ tiếp-vật ; mà danh-tử quân-tử lại ám-chỉ sự tu-thân hoàn-bị vì người không biết tu-thân thì không thể làm người quân-tử được.

Người biết tu-thân tức là người biết thờ cha kính mẹ,

tôn-kinh thầy học, biết phân tâ biến chánh, làm lành lành dũ, lúc nào cũng nghe và làm theo tiếng gọi của lương-tâm.

Các đặc-sắc vừa kể tiêu-biểu cho tinh-thần truyền-thống của dân-tộc Việt, chứng-minh rõ-rệt rằng trong lối dạy học ngày nay, ta không thể không làm sống lại tinh-thần gia-dinh với hai chữ « Hiếu, Đê », tinh-thần quốc-gia dân-tộc với hai chữ « Nhân, Nghĩa », trật-tự trong gia-dinh và xã-hội với quan-niệm người quân-lử và phương-pháp tu-thân, trật-tự ở học-dường với sự kính-trọng thầy học. Lối giáo-dục cỗ-truyền giúp ta những yếu-tố cần-thiết là vậy.

2. Phương-pháp giáo-dục Pháp-lan-tây giúp ta những gì ?

Phương-pháp giáo-dục Pháp-lan-tây giúp ta có trí phán-doán, óc suy-luận rành-rẽ theo một trật-tự chặt-chẽ. Theo phương-pháp này, môn dạy được trình-bày riêng-biệt sau khi giải-rành các nguyên-tắc đại-cương. Mục-tiêu của chế-dộ này là đào-tạo một cá-nhân hoàn-toàn về ba phương-diện: đức-dục, tri-dục và thể-dục. Điểm này bồ-túc phương-pháp giáo-dục cỗ-truyền của ta và khوác-lên nền giáo-dục hiện-dai một bộ áo khoa-học chứng-minh sự tàn-tiến.

3. Phương-pháp giáo-dục Hiệp-chủng-quốc giúp ta những gì ?

Phương-pháp giáo-dục Hiệp-chủng-quốc giúp ta đặc-biệt dễ ý đến tâm-hồn và sự phát-triển các năng-khiếu và ngũ-giác-quan của trẻ con. Phương-pháp này còn làm cho chúng ta dễ ý đến nhân-vị của trẻ con; đến sự tôn-trọng cá-tinh của chúng, và nhất là phần thực-hành được coi là phần chính của khoa su-pham. Nó lại còn nhắc chúng ta nhiệm-vụ của cá-nhân trong vai-tuồng một công-dân của quốc-gia, một phần-tử của xã-hội.

VI. KẾT-LUẬN

Vậy ngày hôm nay, để hành-dộng cho hợp-cảnh mà khôi mang tiếng là vong-bản, nhà giáo chúng ta phải biết tùy-nghi bồ-túc những cái hay của nền giáo-dục cũ bằng những điều hay, mới, lạ, đúng theo tinh-thần khoa-học của hai phương-pháp Pháp-lan-tây và phương-pháp Hiệp-chủng-quốc.

Ta không bỏ cái bay mà cũng không phụ cái tốt, cái đẹp của người, nếu cái tốt cái đẹp ấy giúp ta cải tiến, to-diễn thèm cái mà ta đã có từ lâu.



CHƯƠNG MỘT
MỤC-BÍCH GIÁO-DỤC

TIẾT I

PHÉP GIÁO-DỤC VÀ KHOA SƯ-PHẠM

I. ĐỊNH-NGHĨA

A. PHÉP GIÁO-DỤC

Phép giáo-dục là toàn thể những động-tác, những ảnh-hưởng đã được sử-dụng theo ý muốn của một người đối với một người, hay nói cho đúng hơn, của một người cao niên đối với một người thiếu niên và được hướng theo mục-đích đào-tạo ở người thiếu niên những tinh-chất (*dispositions*) đủ các loại mà một khi trở nên trưởng thành người ấy cần phải đạt được.

Phản giải-thích để làm rộng ý-nghĩa giáo-dục

1. Phép giáo-dục phải được hiểu với một ý-nghĩa rộng rãi của nó. Theo Ông J.J. Rousseau thì phép giáo-dục cần khởi ngay khi cá-nhan còn ở trong nôi, hoặc sớm hơn nữa. Nói một cách khác, phép giáo-dục hay là giáo-dưỡng phải liên-tục, từ khi cá-nhan còn ở trong nôi đến khi cá-nhan lia bỏ cõi trần. Nhưng trên thực-tế, người ta chỉ nghĩ đến thời kỳ trưởng thành và nhất là giai-doạn trước đó mà người ta có thể gọi là giai-doạn chuẩn-bị để cá-nhan có những khả-năng cần-thiết hầu làm tròn chức-vụ mình trong trường đời một khi đã đến tuổi trưởng-thanh.

2. Những tinh-chất mà phép giáo-dục giúp cá-nhan đạt được phải được coi là những phương-tiện chờ không

phải là những cứu-cánh. Thí-dụ : Phép giáo-dục các tinh-cảm (sentiments) cốt không phải đem hạnh-phúc lại cho cá-nhan một cách trực-tiếp mà chỉ tạo cho cá-nhan khả-năng cảm-giác được hạnh-phúc. Đối-tượng của phép giáo-dục lý-trí hay là trí-năng không phải là sự hưởngh-hữu ngay một học-thức mà là sự áp-dụng các phương-pháp giúp sự thu-hoạch học-thức ấy.

3. Cách kết-cấu (la structure) về vật-chất cũng như về tinh-thần thực-hiện được nhờ ảnh-hưởng của phép giáo-dục, thực ra không phải là « tự-nhiên-tính » của cá-nhan con người nhưng nó có tính-chất, như « tự-nhiên-tính » ấy. Vậy ta có thể nói rằng cách cấu-kết ấy chỉ là sự đơm hoa kết quả theo một ý-nghĩa nào của tự-nhiên-tính kia ; mà cũng có thể rằng cách kết-cấu ấy phản-đối lại tự-nhiên-tính ấy và thay thế hẳn nó.

B. KHOA SƯ-PHẠM

Sự định-nghĩa của danh-từ sư-phạm thật là rắc-rối, khó-khăn, là vì khoa.sư-phạm rất là phức tạp. Xét về tính-chất riêng-bié特, khoa sư-phạm không phải hoàn-toàn là một khoa-học, là một kỹ-thuật, là một mỹ-thuật, là một triết-lý và nhất là một triết-lý thực-hành. Thực ra nó gồm tất-cả các khoa ấy nếu không toàn-diện thì ít nữa cũng một phần nào của mỗi môn. Vì lẽ ấy mà người ta tạm định nghĩa khoa sư-phạm như sau :

Khoa sư-phạm có nhiệm-vụ khởi-thảo một học-thuyết giáo-dục, vừa lý-thuyết vừa thực-hành cũng như học-thuyết về đạo-đức (doctrine de la moralité) mà chính khoa sư-phạm là sự nối-liếp. Khoa sư-phạm không phải chỉ là khoa-học, là kỹ-thuật, là triết-lý, là mỹ-thuật mà là tất-cả các khoa ấy hợp lại và được chỉnh-đốn theo những điều-nút (quan-liết = articulations) hợp-lý.

Những giải-thích làm rộng ý-nghĩa danh-từ sư-phạm

1. Những liên-hệ giữa hai khoa sư-phạm và sinh-vật-học

Khoa sư-phạm cho là tất-yếu :

a. Sự hiều biết các định-luật tổng-quát về đời sống con người (sinh-vật-học tổng-quát).

b. Sự hiều biết các định-luật riêng biệt về sinh-vật hình-thái-học, về giải-phẫu-học và về nhân-thể sinh-lý-học.

c. Sự hiều-biết những điều-kiện thiết-yếu cho sự tiến-triển con người (cá-thể tiến-hóa-học = ontogénétique).

d. Sự hiều biết về sự khác biệt những hình-thái (biologie humaine) của con người có thể có hoặc những hình-thái mà sự cấu-tạo tinh-thần con người có thể có, vì chịu ảnh-hưởng của những yếu-tố sinh-lý (Sinh-vật quan-sát hình-thái-học = biotypologie).

e. Sự hiều biết những điều-kiện theo đó khoa sư-phạm có ảnh-hưởng đến cá-nhan con người như là về cơ-thể như : ảnh-hưởng cụ-thể của sự học-hành, sự đi học sự mệt-nhọc, sự cố-gắng quá sức do môn thể-đục gây nên (sư-phạm sinh-lý-học = biologie éducationnelle).

2. Những liên-hệ giữa hai khoa sư-phạm và xã-hội-học

Khoa xã-hội-học là một trong các nền-tảng tất-yếu của khoa sư-phạm, là sự hiều biết về quá-khứ rất cần-thiết để soi-sáng hiện-tại. Lại nữa, không ai phủ-nhận rằng phép giáo-dục có bồn-phận thích-nghi-hoa cá-nhan con người với những trường-hợp chung của hoàn-cảnh xã-hội mà cá-nhan ấy cần phải biết rõ.

3. Những liên-hệ giữa hai khoa sư-phạm và tâm-lý

Trước kia, trong một thời-gian khá dài khoa sư-

phạm chỉ kêu gọi đến những nguyên-tắc của khoa tâm lý tổng-quát (nói về người lớn). Nhưng từ hậu bản thế-kỷ thứ 19, khoa tâm-lý-nhi-đồng xuất-hiện, khoa sự-phạm đã đi được một bước khá dài nhờ có được những tài-liệu chính-xác về tâm-lý trẻ con khác với tâm-lý của người lớn. Tâm-lý trẻ con là một thế-giới riêng-hiệt và trẻ-con không phải là « một người lớn thu hình ». Trẻ con đối với người lớn không khác nào con « nòng-nọc » đối với con éch.

II. MỤC-DÍCH

a. Mục-dịch của phép giáo-dục

Mục-dịch duy nhất của phép giáo-dục là cá-nhan con người tiến-hóa không ngừng đến mức cuối-cùng là : Chân Thiện, Mỹ, ba tuyệt-dịch mà tất-cả hành-động con người đều hướng về.

b. Mục-dịch của khoa sự-phạm

Khoa sự-phạm có mục đích giúp phép giáo-dạo tùy hoàn-cảnh, tùy trình độ của mỗi cá-nhan, những phương-tiện, những kỹ-thuật thích-hợp cho mỗi môn học để đạt mục-dịch duy nhất nói trên.

III. BA HÌNH-THỨC HIỆN-THỜI CỦA PHÉP GIÁO-DỤC

Hiện nay phép giáo-dục được thực-hiện dưới ba hình-thức như sau :

1. Thể-dục. Tức là phép giáo-dục làm cho cơ-thể phát-triển điều-hòa và cá-nhan con người lúc nào cũng có một sức khỏe dồi-dào, một tinh-thần sáng-suốt và dũng-mạnh để đi đến-mức cuối-cùng của phần trí-dục và làm tròn phận-sự của mình sau này đối với cá-nhan mình, gia đình và quốc-gia xã-hội.

MỤC-DÍCH GIÁO-DỤC

2. Trí-dục. Tức là phần thứ hai của phép giáo-dục. Phần này giúp cá-nhan học hỏi những điều nghe, thấy hoặc tự mình làm để mở rộng khả-năng hiểu biết của mình hầu sau này sau khi ra ở đời tự tạo lấy một địa-vị trong xã-hội và tự mưu-sinh. Trí-dục phải theo đúng một chương-trình chính-xác đã được ấn-định từ trước.

3. Đức-dục. Tức là phần thứ ba của phép giáo-dục. Nó có tính cách trứu-tượng vì là phần giáo-dục tinh-thần cá-nhan. Phần này giúp mỗi cá-nhan có những đức-tính tốt về bốn phương-diện.

a. Phương-diện cá-nhan : Về phương-diện này phép đức-dục được gọi là phép Tu-thân.

b. Phương-diện gia-đình : Về phương-diện này, phép đức-dục được gọi là phép Tề-gia.

c. Phương-diện quốc-gia : Về phương-diện này phép đức-dục được gọi là phép Trị-quốc.

d. Phương-diện xã-hội, nhân-loại : Về phương-diện này, phép đức-dục được gọi là phép Bình thiên-hạ. Bình thiên-hạ không có ý-nghĩa là dùng vũ-lực chiếm đất nước người. Trái lại bình thiên-hạ có nghĩa là : nhờ sự làm sáng cái đức-sáng của mình, một cá-nhan nói riêng, một dân tộc nói chung, được người nước láng giềng qui-mến, được các dân-tộc bạn kinh-yêu và bắt chước gương tốt của mình để cùng nhau sống trong niềm hòa-nhã và yêu-đương. « Thiên-hạ bình » là vậy.

IV. TƯ-ĐỨC VÀ CÔNG-ĐỨC

Tư-đức là những đức-dỗ, tánh-hạnh tốt khi đem ra thực-hành thì nó đem cái lợi trước nhất lại cho

cá-nhân và gián-tiếp, sau một thời-gian lâu hay mau, đến cho gia-dinh và quốc-gia xã-hội. Thí dụ :

Sự điều-độ trong cách ăn, cách uống, cách giải-tri.

Công-đức là những đức-độ, những tánh-hạnh tốt khi đem ra thực-hành thì nó vừa ích lợi cho mình và vừa cho những người quanh mình trong quốc-gia xã-hội.

Thí-dụ : Tính công-bình, tính khoan-dung, lẽ-phép, thiệp-thế v.v...



TIẾT I

A. NHỮNG LIÊN-HỆ CỦA PHÉP GIÁO-DỤC VỚI XÃ-HỘI

I. HAI LOẠI GIÁO-DỤC : PHÉP XÃ-HỘI GIÁO-DỤC VÀ PHÉP THIÊN-NHIÊN GIÁO-DỤC

Nhà xã-hội học Durkheim (Pháp) có nói : « Con người mà phép giáo-dục muốn thực-hiện ở ta không phải là con người mà thiên-nhiên đã tạo ra mà là con người mà xã-hội muốn được như thế ».

Con người do thiên-nhiên tạo ra có những cử chỉ, hành-động, ý-nghĩ, tập quán không phù hợp với đời sống xã-hội là vì bất cứ một xã-hội nào dù thô sơ đến đâu đều có một hệ-thống tư-lưỡng về cách quan-niệm sự vật và những tập-quán riêng biệt. Trong xã-hội ấy mỗi cá-nhân phải được tập-luyện cho y khuôn-mẫu hầu hòa-mình trong đời sống cộng đồng của xã-hội ấy.

Lời ông Durkheim cho ta thấy rõ sự khác biệt của hai lối giáo-dục : lối giáo-dục theo quan-niệm xã-hội hay là phép xã-hội giáo-dục và lối giáo-dục theo quan-niệm tự-nhiên hay là phép thiên-nhiên giáo-dục.

Sự khác biệt ấy bắt nguồn từ ý-niệm xã-hội, nhứt là về cor-cấu (structure) và tác-dụng xã-hội của ông Durkheim.

Ý-niệm ấy chủ trương rằng : phép giáo-dục cần được áp-dụng trong xã-hội, do xã-hội và vì xã-hội.

Nói một cách khác khung-cảnh cần thiết cho phép xã-hội giáo-dục là xã-hội; chủ trương thực thi phép giáo-dục ấy lại cũng là xã-hội và mục-dịch phép giáo-dục ấy cũng lại là : phục vụ xã-hội.

II. SỰ TỔ-CHỨC MỘT XÃ-HỘI QUAN-HỆ ĐẾN PHÉP GIÁO-DỤC CỦA XÃ-HỘI ẤY

Tất cả xã-hội đều là những tập-hợp (groupements) đông người và có tổ-chức đường hoàng. Mỗi xã-hội đều có sắc thái riêng biệt về cách quan niệm đời sống công-cộng dưới mọi khía cạnh.

Mỗi xã-hội phải theo đúng hệ-thống tiêu biểu công-cộng (représentation collective) để bảo-vệ những chế-định (institutions) những phong-tục của mình (thí-dụ : quan niệm người quân-tử ở Đông-phương ; quan niệm người hiệp-sĩ ở Tây-phương, trong thời kỳ Trung-Cổ thời đại).

Các chế-định của một xã-hội đương kim là : các tòa-án, các cơ quan hành-chánh trung-ương và địa-phương vân-vân...

III. NHỮNG ĐẶC-SẮC CỦA PHÉP GIÁO-DỤC TRẢI QUA CÁC THỜI-ĐẠI

Trong bất cứ một xã-hội nào phép giáo-dục là sự khai tâm giúp mỗi cá-nhân hiểu biết cách tổ-chức và mục đích hệ-thống các tiêu-biểu công-cộng nói trên. Vì lẽ đó mà có sự khác biệt về cách thức và về chiều hướng của phép giáo-dục thuộc các xã-hội trải qua các thời đại : cơ cấu xã-hội và giáo-dục có tinh-cách tôn-giáo và bác-học (structure religieuse et universaliste) ở thời đại Trung-Cổ; cơ- cấu xã-hội và giáo-dục có tinh-cách quốc-gia và tôn-giáo ở thời đại cận kim : cơ- cấu xã-hội và giáo-dục dần dần hướng về chính-trị và công-nghệ-học (technologie) ở thời đại đương kim.

IV. TÍNH-CÁCH XÃ-HỘI CỦA PHÉP GIÁO-DỤC BẮT NGUỒN Ở NHỮNG ĐIỀU-KIỆN CĂN-BẢN CỦA XÃ-HỘI

Tính-cách xã-hội của phép giáo-dục chính là do những điều-kiện căn-bản của xã-hội mà ra. Thi-dụ : Vì thời gian sinh trưởng của cá-nhân con người quá dài cho nên các thế-hệ thanh-thiếu-niên, vì thiếu kinh-nghiệm, tự-nhận thấy bơ-vơ trên đường đời ; chúng tự-nhận thấy cần được bảo-vệ, chỉ-bảo, giúp đỡ. Vì lẽ đó mà chúng cần có luôn luôn bên mình những bậc cao-niên, lão-thanh. Trái lại, bậc cao-niên, lão-thanh cũng cần có bên mình những thế-hệ thanh-thiếu-niên để kết nạp chúng vào những công-việc của mình hầu mai sau này chúng sẽ thay thế các thế-hệ tiền-bối để vĩnh-truyền công-nghiệp của các bậc này. Đó là mối liên-quan mật-thiết của xã-hội trong thời-gian.

V. TÍNH-CÁCH TỐI-U QUAN-TRỌNG CỦA PHÉP GIÁO-DỤC TRONG XÃ-HỘI

Phép giáo-dục thực ra là phương-tiện liên-lục hóa xã-hội. Loài cầm-thú mà cũng còn có lối giáo-dục của chúng thay, huống chi là loài người.

Lối giáo-dục của thú-cầm nhằm vào sự kiện-toàn ở mỗi con thú còn bé thơ kiều-mẫu bắt di bắt dịch của chủng loại. Lối giáo-dục ấy có mục-dịch là hướng dẫn những bản năng (les instincts) đến mức phát triển tột độ như sự tập bay, tập săn thịt v.v...

Lối giáo-dục ấy được áp-dụng dưới hình thức bắt chước các động tác các con thú lớn chờ không phải bằng lối nhủ-khuyên hay ra lệnh.

Lối giáo-dục này còn ở trên bình-diện sinh vật (plan biologique), nghĩa là cẩn-cứ vào những khả-năng mà sự cấu-tạo thích-ứng của cơ-thể cho phép.

Đây là một sự chuyền-giao lại cho kẻ sinh sau kinh-nghiệm đã thu hoạch được. Kinh nghiệm ấy đã được súc tích trong cơ-thể của con vật rồi. Thí dụ : Loài chim bay được là nhờ có những ống xương trống rỗng và bộ lông rướm rà, cứng mạnh.

Ở con người, thì, trái lại, kinh-nghiệm thu-hoạch được đã mất hẳn phần lớn tinh-chất sinh-vật của nó. Kinh nghiệm ấy được ghi sâu vào những truyền-thống (traditions), những phong-tục, những lê-nghi, những tín-ngrưỡng của con người. Lối giáo-dục này được trợ lực bằng một loại khi-cụ vĩ-dại và phúc-tập.

Ở con người lối giáo-dục này không còn một sự chuyền-giao tồng số động-tác mà là sự truyền-đạt (une communication) một hệ-thống tư-tưởng và tinh-cảm (sentiments). Nói tóm lại, nó là một sự xã-hội hóa có tính-cách chuyền-môn và tinh-thần.

Lối giáo-dục này không thể có tinh-chất nào khác là vì con người không thể sinh sống khác hơn là trong khuôn-khổ xã-hội. Hay nói một cách khác, không có một nền giáo-dục nào mà không căn-cứ vào xã-hội.

Người gương-mẫu mà xã-hội có ý-định đào-tạo thì khác hẳn với gương-mẫu chủng-loại của thú-cầm nói trên,

Người gương-mẫu ấy phải phù hợp với quan-niệm mà xã-hội đã tự nghĩ ra cho mình nghĩa là con người trong xã-hội với những chức vụ đối với xã-hội.

Tuy thế, người ta cũng không thể nói rằng : một xã-hội đào tạo những cá-nhân trẻ trung cho xã-hội chứ không phải cho các cá-nhân ấy là vì xã-hội không khi nào quan-niệm các cá-nhân ấy sẽ ra sao, một khi các cá-nhân ấy sống ngoài xã-hội.

Ý-niệm con người vẫn còn là ý-niệm xã-hội hoặc là một tiêu-biểu công-cộng theo các nhà xã-hội-học.

Trái lại, không một xã-hội nào mà không có phép giáo-dục. Không một xã-hội nào mà không trước vọng được vĩnh-truyền theo ý-nghĩa sự phát triển của mình trong quá-khứ và những ước-vọng (aspirations) hiện tại của mình.

Xã-hội được thành-công là khi giao lại cho những thế-hệ trẻ trung cái di-sản gồm có những tri-thức, kinh-nghiệm, những tập-quán về vật-chất và về tinh-thần, nếp sống và sự nhìn thấy cuộc đời của mình.

Sự xã-hội hóa ấy được thực-hành trước hết bằng cách thấm nhuần dần dần vì lẽ hạng trẻ tuổi vẫn tiếp-tục sống giữa các bậc lão-thanh. Kế đó là sự xã-hội-hóa được dem ra thực-hành với tính cách hiểu biết và suy-nghĩ của mỗi cá-nhân.

Mỗi xã-hội đều trưởng-tượng mình dã như thế nào trong dĩ-vãng ; hiện-tại mình ra sao và cái mà mình ước mong sẽ trở thành trong tương-lai.

Nếu một xã-hội có học-thức thì khoa sử-ký sẽ giúp xã-hội đó có những nhận xét sáng suốt về mình trong quá-khứ, hiện-tại và có thể trong tương-lai nữa.

Một xã-hội phúc-tập thường gồm những tập-doàn riêng-biệt hay dao-động và vô thường, bất định. Các tập-doàn này xen lẫn giữa nhau (interférer). Vì thế mà các hệ-thống sư-phạm đều phản chiếu những biến động ấy.

Cần nói thêm rằng : khi lập lên một chế độ giáo-dục một xã-hội ít căn-cứ vào sự trưởng-tượng về cơ-cấu ý-tưởng của mình — Hai việc ấy không ăn khớp với nhau.

Nhiều khi xã-hội chỉ truyền lại những tri-thức lôi thời, những tin-tưởng mà thực-sự chính xã-hội ấy không còn

thi hành nữa những vẫn còn là phần quan-trọng trong quan-niệm truyền-thống mà xã-hội đã nghĩ ra cho chính mình.

VI. TÍNH-CÁCH BẢO-THỦ CỦA PHÉP GIÁO-DỤC

Nhà sư-phạm Lucien Fèbre có nói. « Khoa sư-phạm là sự bảo-dảm (và là sự bảo-dảm hữu-liệu nhất) mà xã-hội đã ngẫu nhiên chấp nhận để đối phó lại với những tai-nạn luôn luôn có thể xảy ra, những chuyện bậy bạ, dien khùng (incartades), những cuộc phản kháng (les révoltes), những ý-ngông (caprices), những cải cách quá ư vô trật-tự của những tân học-sinh trẻ trung. »

Do đó chúng ta có thể nói rằng : « Một nền xã-hội giáo-dục là thuần-túy bảo-thủ ; một xã-hội không khi nào quyết-dịnh thêm vào « sự giáo-dục hạng trẻ trong một ít ý-kiến hoặc một vài thực-hành khi mà chính xã-hội ấy không có kinh-nghiệm lâu ngày và một cách già-dặn. »

« Phải có những chuyen-dong (secousses), những cuộc cách-mạng « chính-trị » để buộc xã-hội nói trên thi-hành sự cải-cách sâu xa những co-cấu sư-phạm của mình, như ở Pháp vào năm 1793, cũng như ở các nước độc-tài như Áo và Nga trong thời-kỳ hiện đại.

« Trái lại, chế-dộ phong-kiến ngày xưa (Ancien régime) không khi nào thành công trong công cuộc biến đổi sâu xa chế độ giáo-dục hưống-thôn về thời đại Trung-cổ. Thi dụ : Những đạo luật của Nã-phá-Luân Đệ-Nhất, cho đến ngày nay, vẫn còn là nền tảng của bậc giáo-dục trung-cấp ở Pháp ».

VII. CÁC HÌNH-THỨC CỦA PHÉP GIÁO-DỤC BẢO-THỦ

Về tính cách bảo thủ một nền xã-hội giáo-dục tất nhiên

phải theo lối quyền-lực bên ngoài đưa đến cho mỗi học-sinh (hétéronomie) và rất hách dịch.

~ Về phương-diện tri-dục lối giáo-dục ấy đi đến lối giáo-dục truyền-thụ. Về phương-diện đức-dục nó sẽ đi đến những kỹ-luật phương-pháp (méthodes disciplinaires).

Đây là lối giáo-dục xây dựng toàn-diện cá-nhan của hàng trẻ trung với những nguyên-liệu lấy ở ngoài lương-tâm của họ, một thiên-nhiên tinh-thứ hai không một chút gì giống và hòa-hợp với cơ-thể sinh-vật và tâm-lý của họ.

Người ta công nhận rằng : cần phải nhìn-nhận giá-tri cuối cùng của thiên-nhiên-tinh thứ nhì được đề-nghị như cứu cánh của phép giáo-dục. Riêng đối với các nhà xã-hội-học Pháp thì lối xã-hội giáo-dục bắt nguồn từ xã-hội là vì những phân-biệt chủng-loại của tinh lý (la raison) chính là những sản-phẩm của đời sống xã-hội về lý-thuyết cũng như về thực-hành.

Điều ấy không cấm đoán phép giáo-dục được quan-niệm như sự thu nhận dần dần vào xã-hội những cá-nhan khác-biéet và phép giáo-dục được luôn luôn thay đổi hình-thái tùy theo hoàn-cảnh mà cá nhân phải thích-ứng.

Như vậy, phép giáo-dục phải vừa là sự khai-tâm đưa đến sự hiểu-biết chế-dộ của tri-thức, các tập-quán công-nghệ-học, các tin-ngưỡng đạo-đức và, trên hết, là những ý-ý Nghĩa về chính-trị của xã-hội.

Phép giáo-dục nói trên sẽ chia ra làm nhiều giao-doạn chồng-chặt lén nhau nếu chính xã-hội đè xuong lén nó có nhiều dâng-cấp được sắp-xếp có trật tự.

Nền giáo-dục ấy sẽ có mục-dich để xuong lén công-thức chủ-nghĩa (le conformisme) mà tinh-thần duy-nhất

của đoàn-thề phải tùy thuộc sau khi đã cưỡng chế (imposer) ngay lúc đầu sự đồng nhất tương đối của nếp sống, đồng nhất hay nhất-trí về-sự sinh sống ở hạ tầng ; đồng nhất hay nhất-trí về tinh-thần ở thượng-tầng. Phép giáo-dục này phô diễn ra từ dưới lên trên và từ trên xuống dưới.

Sự nhất-trí về sự sanh sống ở hạ tầng được thực hiện trong mấy năm đầu của đời sống cá nhân vì lẽ duy nhất là trong thời kỳ này cá-nhan sống chung với gia-dinh.

Nhờ đó mà có sự chuyên-tiếp giữa lối sống theo thiên-nhiên và lối sống theo xã-hội.

Tuy nhiên, ngay lúc ấy phép giáo-dục vượt qua hẳn thiên-nhiên là vì nếp sống của cá-nhan đã được ấn-định phần lớn bởi những tập-quán không bắt nguồn ở thiên-nhiên mà ở đời sống công-cộng. Ở những tín-ngưỡng được đời sống công-cộng ám chỉ mà nếp sống cá nhân phải tùy thuộc.

Về sự nhất-trí về tinh-thần thì nó có một ý-nghĩa rõ-rệt là khi xã-hội tự coi như một nền văn-minh nghĩa là một hệ-thống giá-trị tinh-thần không lệ-thuộc vào thời hiện-tại và những nhu-cầu của thời-đại này vì rằng : các giá-trị tinh-thần ấy đều là một loại định-luat lý-tưởng và thường-trụ của lịch-sử xã-hội nói trên và nhiều xã-hội khác.

B. PHÉP GIÁO-DỤC VÀ CÁC THẾ-HỆ XÃ-HỘI

Cái riêng biệt của một nền giáo-dục được quan-niệm như một tổ-chức xã-hội, không phải là hành-dòng của một cá-nhan đối với một cá-nhan mà là hành-dòng của một thế-hệ (thế-hệ lão-thành) đối với một thế-hệ (thế-hệ trẻ-trung).

Hình như ông Cournot là người đầu tiên đã thấy sự quan-hệ của vấn-dề về các thế-hệ của xã-hội.

Ông nói : « Mỗi thế-hệ nhờ phép giáo-dục mà chuyển sang được cho thế-hệ tiếp theo một bản chất gồm nhiều tư-tưởng. Trong lúc mà động-tác giáo-dục và sự chuyên-giao ấy được thi-hành thì chế-độ có sứ-mạng giáo-dục chịu ảnh-hưởng của những người còn sống sót thuộc các chế-độ trước. Những người này không ngót tham-dụ một cách hăng-hái vào sự cai-trị xã-hội, vào trào-lưu tư-tưởng về thương-mại công kỹ-nghệ và họ cũng không lâng quên tất cả quyền-uy của họ trong gia-tộc ».

Áp-lực ấy của mỗi thế-hệ đối với thế-hệ kế tiếp không thể chối cãi trong gia-dinh. Nhưng trong hoàn-cảnh xã-hội mà nơi ấy sự sanh-sản của các cá-nhan đều được thực-hiện một cách liên-tục mà không có sự phân-biệt nào và nơi ấy cũng không có sự đối-xứng nào giữa quan-niệm thế-hệ sinh-vật (génération biologique) và quan-niệm thế-hệ xã-hội thì làm sao mà người ta tưởng nghĩ được rằng sự sống có thể phô-diển theo một nhịp điệu được điều-chỉnh bởi sự kế tiếp của các thế-hệ ?

Nhiều nhà xã-hội học đầy thiện-chí và khách-quan như Ông François Mentré cũng đã cố gắng ấn-định cho ý-niệm thế-hệ xã-hội một nội-dụng xác-thực, và có thể áp-dụng ý-niệm ấy cho tất cả hình-thái của lịch-sử văn-minh và lẽ tất-nhiên là lịch-sử giáo-dục.

Trong văn-chương giới và mỹ-thuật giới người ta thường quen nói đến tình-trạng tinh-thần (état d'esprit) của một thế-hệ, và về diêm này, đã lập ra một cách sắp-xếp các thời-kỳ liên-tiếp nhau. Sự tiến-hóa về chánh-trị chứng tỏ những hiện-tượng cùng một loại.

Lý do có lẽ là cơ-cấu của các xã-hội đã như thế nào rồi khiến cho những người sinh ra trong các xã-hội ấy xấp xỉ cùng một tuổi đều chiếm những địa-vị then chốt trong các địa-hạt khác nhau và có một ảnh-hưởng to lớn bao trùm tất cả các ngành hoạt-dộng của xã-hội.

Nhà hiền-triết Platon đã lập thành pháp-quí (codifier) hiện-tượng ấy bằng cách ấn-định hạng tuổi là 50, khi cá-nhan con người đạt được trình-dộ ấy thì ngay từ 25 tuổi phải bắt đầu giữ những chức-vụ trong công-quyền. Quyền-uy nói trên được xử-dụng đối với thế-hệ theo sau đó. Như vậy ý-thức tông-quát (ton général) của tinh-thần nhân-dân đã được tạo nên.

Lại nữa, một ít biến-cố lớn-lao đập mạnh vào sự cảm-xúc quần chúng ở những thời buổi đặc-biệt. Các biến-cố ấy đã tạo cho sự cảm-xúc nói trên liền ngay một sự nhứt-trí để rồi sự này được đứng vững trong một thời, vang dội sâu xa về sau.

Cuộc đại-cách-mạng Pháp, những hậu-quả của phản-động lực gây nên bởi sự sụp đổ của Đệ-nhứt đế-chế vào năm 1815, sự chấn-hưng của nước Đức sau Đệ-nhứt thế-chiến chỉ kéo dài xấp xỉ nhau không quá một phần-ba hoặc một phần-tứ thế-kỷ.

Như vậy, cứ sau một thời gian độ chừng 30 năm thì ý-thức tông-quát (ton général) của tinh-thần nhân dân lại biến-chuyển sang một chiều hướng khác. Một hiện-tượng như thế, nếu nó được kiềm-soát bằng một cuộc phê-bình gắt-gao sẽ tất nhiên có tiếng dội trong nền giáo-đục. Hiện-tượng ấy sẽ giải-thích sự xung-đột thường được nêu lên giữa các thế-hệ kế tiếp nhau.

Thật thế, mỗi thế-hệ có một sự nhận xét đặc-biệt các vấn-dề về cuộc sinh-sống. Căn-cứ vào ánh-sáng của kinh-

nghiệm đời sống thế-hệ sẽ phê-phán giá-trị của nền giáo-đục mà họ đã thu nhận.

Nếu kinh-nghiệm ấy lợi cho lối giáo-đục nói trên thì thế-hệ này sẽ cõi xúy sự bảo-tồn những qui-tắc (normes) sư-phạm đối với thế-hệ sắp đến. Như vậy, thế-hệ nói trên vì hệ-thống mà trở thành bảo-thủ và đó là trường-hợp thường xảy ra nhất.

Trái lại, nếu kinh-nghiệm nói trên tỏ ra bất-lợi, thì thế-hệ vừa kể thử tìm những cách-thíc sửa chữa những điều đã đưa đến những kết-quả tai-hại cho họ. Trong trường-hợp này cũng như trong trường-hợp trước, ít khi thế-hệ ấy có tri-tưởng-tượng và tính không vụ lợi cần-thiết để muốn có một phép giáo-đục phù-hợp với ước-vọng của các thế-hệ sau.

Sự thật là thế-hệ đương lên đổi-chọi lại với thế-hệ trước bởi vì thế-hệ trẻ này ước-vọng thay thế thế-hệ đàn anh vừa nói và họ đã nhận thấy những nhu-cầu tương-lai của họ. Họ ước mong xác-định sự độc-lập của họ. Vì thế mà thế-hệ đương lên này có tính-cách cải-tiến.

Khi những hiện-tượng ấy đã làm tồn-thương cơ-cấu xã-hội đang hồi sắp tan rã thì nó góp sức vào để thúc đẩy sự tan rã ấy đến cho mau.

Người ta ít khi đề ý rằng các cuộc cách-mạng xã-hội thường là do những thế-hệ trẻ-trung gây nên để xô nhào các thế-hệ trước. Ấy là trường hợp của cuộc Đại cách-mạng Pháp, của cuộc cách-mạng Phát-xít ở Ý, của cuộc cách-mạng Quốc-Xã ở Đức mà các lãnh-tụ phần nhiều tuổi độ từ 30 trở xuống.

Tất cả cuộc cách-mạng đều nêu lên đầu hết của chương-trình cải-tắc (sự dúc-lại) những cơ-cấu sư-phạm,

Sự phản-kháng của một thế-hệ đối với thế-hệ trước, sự từ-chối không chấp-nhận những huấn-lịnh của thế-hệ lãnh-đạo càng bồng-bột lên nếu xã-hội ở trong tình-trạng bấp-bênh và sự an-ninh của tương-lai bị đe-dọa.

Thế-hệ mới thù oán thế-hệ đàn anh vì thế-hệ này đã chuyền-giao lại cho họ những điều-kiện sinh-sống không làm họ thỏa-mãn và họ đề-nghị xóa bỏ những truyền-thống, những gương-mẫu để tự tin lấy họ trong sự bảo-dảm đời sống và hạnh-phúc của họ.

Trong hoàn cảnh gia-dinh sự chống đối của trẻ con chỉ mãnh-liệt trong những thời-kỳ biến-loạn ngoài xã-hội. Chúng dựa vào tình-trạng tinh-thần chung mà hành động ở trong gia-dinh.

Sự chống đối nhau giữa các thế-hệ không phải là sự đồng-hợp các vấn đề cá-nhan khác, mà là một tiêu-biểu chung. Các trường-hợp chống đối cá-nhan đều do đó mà ra. Sự chống đối công-cộng là hiện-tượng trước nhất đã xảy ra.

C. SỰ PHÊ-BÌNH CĂN-BẢN VỀ PHÉP GIÁO-DỤC ĐƯỢC QUAN-NIỆM NHƯ MỘT SỰ THÂU NHẬN CÁ-NHÂN VÀO CƠ-CẤU XÃ-HỘI

Dù cho có người nói rằng phép giáo-dục không ăn nhập gì với xã-hội, lời phủ-nhận ấy không đứng vững. Những sự-kiện đã chứng-minh sự trái ngược lại rất rõ ràng.

Người ta tự hỏi : xã-hội tự đảm-nhiệm phép giáo-dục phải chăng chỉ có phận-sự duy-nhất là chỉ nghĩ đến mình mà thôi sao ?

Trước nhứt một nền giáo-dục như thế sẽ có tính-cách

nào ? Người ta không ngần-ngại mà nói rằng : càng đi sâu vào vấn-dề lối giáo-dục xã-hội ấy không khác với lối giáo-dục uốn-nắn dù rằng lối giáo-dục sau này có liên-hệ đến cơ-thể hữu-hình của cá-nhan và dựa vào đấy để làm điểm tựa.

Tất cả những con chó đều không có khả-năng săn bắt cứ loại thú rừng nào mà chỉ săn những loại mà cơ-thể của chúng cho phép.

Nhiều phép uốn-nắn không dính-dáng gì đến thiên-nhiên-tinh. Thí-dụ : những con thú được uốn-nắn để làm trò trong những gánh hát xiệc (cirque) hoặc trong những việc trèo-trẹo hay chuyên-chở.

Phép uốn-nắn là sự tạo ra ở con người hoặc con thú một thiên-nhiên-tinh thứ nhì, giả-tạo. Có người cho biết rằng con người được tiền định sống trong xã-hội là vì những nhu-cầu vật-chất con người không thể tự mình làm thỏa-mãn được trong thời-kỳ còn yếu đuối và đương sinh trưởng và vì lẽ cơ-cấu tinh-thần con người bắt buộc con người sống quần tụ với nhiều kẻ khác. Một lý do nữa là xã-hội chẳng những siêu-việt (transcendante) đối với cá-nhan con người mà lại còn hằng cửu bất biến (immuable). Sự triu mến các đoàn-thể xã-hội thị-hiện ở cá-nhan bằng sự khát-vọng tự nhiên của xã-hội tinh (sociabilité).

Các nhà xã-hội học Đức cho đó là lý-tưởng căn-bản đã được ghi sâu vào những tính-chất tự-nhiên của cá-nhan.

Các nhà xã-hội học Pháp từ chối không nhìn-nhận rằng đời sống xã-hội phải buộc dính vào căn-bản sinh-vật hoặc tâm-lý.

Lối giáo-dục được ấn định theo quan-niệm trên đây gần như là lối giáo-dục uốn-nắn. Nó là lối dạy dỗ đúng

theo công-thức chủ-nghĩa (conformisme) rất cần cho sự bảo-tồn đoàn-thề.

Khoa xã-hội học giáo-dục (sociologisme éducationnel) không có chi-phối sâu xa sự dạy dỗ ở bên Pháp và không chịu trách-nhiệm về sự xuống đốc của tính-tinh đạo-đức cá-nhân mà người ta thường gán cho nó. Có điều chắc chắn là ở các xứ khác, sự chi-phối hoàn-toàn của xã-hội đối với phép giáo-dục đã đưa đến sự làm mờ ám hoàn-toàn (obnubilation) ý-niệm cá-nhân tinh (individualité) của con người.

Muốn được coi là phép giáo-dục xác thực (véritable) sự uốn-nắn có tánh-cách xã-hội cần được dần dần biến thành sự đào-tạo nhân-phẩm đạo-đức (personnalité morale). Ta phải nhìn nhận ngay liền rằng : lý-thuyết xã-hội học không bắc hẳn việc ấy. Khi các xã-hội đã đến cao-độ của sự khác biệt trong phạm-vi phân công thì tính đoàn-kết về vật-chất sẽ thay thế cho tính đoàn-kết rất mây móc thời sơ-thủy, và các xã-hội nói trên sẽ bị bắt buộc phải tuyên-bố giá-trị và tôn-trọng quyền-lợi con người. Như vậy phép giáo-dục có thể có một sự tiến bộ song-hành.

Nhưng nhân-cách (Personnalisme) được hiểu như thế vẫn còn bị bao-vây trong phạm-vi những yêu-sách căn-bản của đời sống công-cộng.

Thực ra nhân-cách ấy không vượt ra ngoài đời sống công-cộng mà cũng không vượt lên khỏi đời sống này. Nếu có được như thế là phép giáo-dục xã-hội có thể tự biến-thè để trở thành lối giáo-dục cá-nhân. Nói một cách khác, ở đây người ta cảm thấy đứng trước một tinh-cảnh tương-phản triệt-dè (antinomie radicale) có thể vì với tinh-cảnh tương-phản mà lối giáo-dục tự-nhiên đã vấp phải. Hoặc là phép giáo-dục được hoàn-toàn chuyên-môn có tinh-cách xã-hội và như thế nó sẽ không phải là phép giáo-

dục xác-thực nữa : hoặc là phép giáo-dục được hoàn-toàn là giáo-dục và như thế nó sẽ không thể là chuyên-môn xã-hội nữa.

Dù rằng những trắc-vọng tối cao của cá-nhân chỉ có phô-trương ra tùy trường-hợp và nhờ phương-tiện sống chung, con người chẳng phải là hoàn-toàn trọn vẹn con người khi bị tự thu nạp vào xã-hội. Trong mỗi cá-nhân con người còn có một chủ-quan thực-tại nữa (réalité subjective), một căn-bản trong một tồn-chất linh-diệu (résidu mystérieux). Chính cái đó mới làm cho cá-nhân con người thật là cá-nhân và do đó mà phần này thoát ra khỏi công-thức-thuyết (conformisme) và ngự-trị trong nội giới của mỗi cá-nhân.

Không có một lý-do nào để cho phép giáo-dục toàn-diện bỏ rơi khía-cạnh ấy của đời người. Trái lại, muốn được đầy-đủ, phép giáo-dục phải chẳng cần đi sâu vào khía-cạnh ấy ?

Sự thực hiển-nhiên là đào-tạo con người cho xã-hội chú-trọng đến sự giáo-dục lý-trí hay là đến sự mây-móc hóa cử-động của cá-nhân, những hình-thái bề ngoài của nhân-phẩm, nhiều hơn là sự chú-trọng đến cảm-xúc tinh ở nội-tâm và sâu-xa. Lối giáo-dục ấy không nghĩ đến hạnh-phúc cá-nhân con người mà chỉ nghĩ đến cách nhận-xét những giá-trị riêng-biệt về tinh-thần để hưởng-thụ thôi.

Rốt lại, sự tiến-hóa của loài người chỉ lên đến các giá-trị tinh-thần cao-tot là với điều-kiện sau đây : tự tách rời khỏi xã-hội. Đó là ý-nghĩa những hiện-tượng cao-tot của văn-minh. Thực ra, văn-minh là tổng-số những tài-sản chung cho các xã-hội, như chân-lý khoa-học (vérité scientifique) hoặc lịch-sử, một ít qui-luật căn-bản của đạo-lý hay của pháp-luật, những phô-diển mỹ-thuật thuộc các loại, những trào-lưu quan-trọng về tư-tưởng triết-lý và tôn-giáo.

Khi một xã-hội tự coi mình như một phần-tử-xây-dựng hoặc một phần-tử truyền-tin của nền văn-minh chung thì xã-hội ấy phải từ bỏ lối khoanh tròn mình lại, lối sống theo xã-hội cờ-lập (bế quan tỏa cảng), lối ép buộc phải công-nhận quan-diểm của mình trong những lời phán-doán có giá-trị và phải tự mở rộng cửa để tiếp-xúc với tinh-thần thế-giới, nhứt là về phương-diện lý-trí và đạo-đức. Cũng theo cái dà áy, trên bình diện sư-phạm, xã-hội ấy phải vượt qua khuôn-khổ chật hẹp của mình để trở thành một con đường đưa đến các giá-trị tinh-thần nói trên. Đến mức áy, cần phải thu-nạp vào thiên-tài nói trên, đặc-tính quốc-gia (génie national), ý-niệm khách-quan thực-tiễn (objectivité positive), ý-niệm và sự tôn-trọng những khác-bié特 chủ-quan, và, trên hết là ý-niệm mỗi dân-tộc là một phần-tử cốt-cán của sự hợp-tác chung đã khai-sinh ra nền văn-minh.

Không có cái gì đổi-chọi lại cử-động vừa nói cho bằng sự chuyên-hướng giáo-dục ở các nước mà quan-niệm xã-hội học đã trở thành một giáo-điều căn-bản (un dogme fondamental) của cơ-cấu chánh-trị.

Như vậy vấn-dề tư-tưởng mâu-thuẫn (antinomie) về xã-hội-học đã được đặt ra một cách rõ-ràng : không có con đường nào khác hơn là xã-hội để đạt được bằng phép giáo-dục những giá-trị tinh-thần cao-tot của văn-minh và của thần-thể-tinh (spiritualité). Phép giáo-dục chỉ đạt được các giá-trị ấy là với điều-kiện vượt-lên trên xã-hội riêng-bié特 đã xây-dựng mình. Có lẽ đây là một vấn-dề ghê-gớm, đáng sợ nhất trong các vấn-dề mà khoa triết-lý giáo-dục phải giải-quyet.

*

TIẾT III

A. NHIỆM-VỤ TRƯỜNG SƠ-TIỀU VÀ CÁC NGUYỄN-TẮC CĂN-BẢN

Trường Sơ-Tiểu chiếm hạ tầng của cơ-quan giáo-dục trong một nước. Nó rất quan-hệ vì phạm-vi của nó rất rộng lớn và bao trùm tất cả thể-hệ thanh-thiếu-niên của nước ấy. Nó lại còn quan-hệ hơn nữa ở chỗ nó là nền-tầng của chế-độ giáo-dục trong một nước. Nếu nền-tầng ấy không vững-chãi thì công-trình đồ-sộ kiến-thiết trên đây sẽ sụp đổ ngay. Nước nhà thạnh hay suy, hùng-cường hay bạc-nhuoc, thảy đều do đó mà ra cả.

Phần nhiều trẻ con sau khi đã học qua năm năm bậc sơ-tiểu thì, vì hoàn-cảnh gia-dinh thiểu hụt, phải ra đời tìm kế sinh-nhai. Vì lẽ áy mà ngay trong giai-doạn sơ-tiểu này, nhà trường phải dạy con trẻ một cách đầy-dủ về bốn mặt : thể dục, trí-dục, đức-dục và xã-hội.

I. VỀ PHƯƠNG-DIỆN THỂ-DỤC

Về phương-diện này, nhà trường tập trẻ con tra hoạt động, thích thể-thao, để có một thân-thể nở-nang, một sức khoẻ dồi-dào và một tinh thần tráng-kiện. Chỉ với các điều cần-thiết áy mà trẻ con mới tiến xa trong đường học-vấn được. Xưa kia, lối giác-dục cờ-truyền đã bỏ rơi thể-dục. Ngày hôm nay chúng ta quyết không làm như vậy và chúng ta sẽ dành cho môn thể-dục một địa-vị xứng đáng. Điều nên nhớ : một sức khoẻ dồi-dào giúp chúng ta có nhiều đức-tính hay, nhất là sự lạc-quan trong sự học tập cũng như trong công cuộc mưu-sinh.

II. VỀ PHƯƠNG-DIỆN TRÍ-DỤC

Các môn học ở nhà trường có mục-dịch kích-thích, làm phát-triển ngũ-giác-quan và các năng-khiếu của trẻ con. Vậy, khi dạy một môn gì, giáo-chức phải biết ở trẻ con năng-khiếu nào cần phải kích-thích, giác-quan nào cần phải khai-thác. Giáo-chức nên nhớ rằng « trẻ con phát-triển (lớn khôn) một cách liên-tục và toàn-diện ». Câu ấy có nghĩa là : đồng-thời thân-thể của trẻ con nở nang, cao lớn, thì đồng-thời các giác-quan, các năng-khiếu và trí-tuệ của chúng đều phát-triển. Bởi thế, ta không nên kích-thích một ít năng-khiếu này mà bỏ rơi các năng-khiếu khác.

III. VỀ PHƯƠNG-DIỆN ĐỨC-DỤC

Trước thời Pháp-thuộc đức-dục được đề-cao, đóng vai chính theo lối giáo-dục cõi-truyền : « Tiên học lễ hậu học văn ». Đến thời Pháp-thuộc, trí-dục được nâng cao mà đức-dục bị bỏ rơi. Chế-độ giáo-dục này đã di-hại đến ngày nay. Nó đã đào-tạo ra những người « có học-thức rộng mà không có lương-tâm ». Hạng người ấy là một tai-hại rất lớn cho xã-hội vậy. Thấy rõ cái tệ-doan của chế-độ giáo-dục ấy, ta phải can-đảm mà đi ngược lại trào-lưu và cương-quyết làm sống lại những chi-gọi là quốc-hồn, quốc-túy của dân-tộc Việt.

Về phương-diện đức-dục, trong những giờ luân-lý, theo nguyên-tắc « do thiền nhập thâm » (đi từ chỗ cạn đến chỗ sâu), giáo-chức sẽ lần-lượt giảng-giải cho trẻ con hiểu và làm theo những công-đức và tư-đức. Hai loại đức-tính ấy hợp lại thành chương-trình « Tu thân ». Đồng-thời giáo-chức dạy trẻ con biết rõ và thực-hành hai chữ « Hiếu-Đê » ở trong gia-đình, sự tôn-kính thầy ở nhà trường. Ở lớp Nhì và lớp Nhất, giáo-chức bắt đầu nói cho trẻ con biết thế nào là lòng « nhân », thế nào là tinh-thần gia-đình, thế nào là lòng thương mến quê-hương tò-quốc ?

Giáo-chức cũng giải qua thế nào là người quân-tử; đại-cương những đức-tính của người quân-tử là gì ? Mỗi tuần chỉ có một hoặc hai giờ luân-lý ở mỗi lớp mà thôi. Như vậy, nếu môn luân-lý không được khéo dạy thì nó sẽ vô-hiệu như dưới thời Pháp-thuộc. Vậy, ngoài giờ luân-lý chánh-thức ra, khi dạy bất-cứ một môn gì, giáo-chức nên đặc-biệt đề ý đến sự áp-dụng các bài Luân-lý đã học rồi (các đức-tính chẳng hạn) cho trường-hợp hôm nay. Ngoài giờ học, trong giờ chơi, ngoài đường hoặc ở nhà của trẻ con, giáo-chức, nếu có thể được, cần luôn-luôn theo dõi chúng để xem chúng có áp-dụng những bài Luân-lý đã học rồi không ?

IV. VỀ PHƯƠNG-DIỆN XÃ-HỘI

Về phương-diện này trường sơ-tiểu có nhiệm-vụ đào-luyện trẻ con thành một công-nhân lành nghề, một người chủ gia-đình sáng-suốt và một công-dân gương-mẫu.

1. Nhà trường đào-luyện trẻ con thành một người công-nhân, một người thợ lành nghề

Câu ấy mới xem qua tựa-hồ như không thể áp-dụng cho trường sơ-tiểu được vì lẽ trường sơ-tiểu đâu phải là trường kỹ-thuật chuyên-nghiệp ? Tuy-nhiên, trong khi giảng dạy các môn trong chương-trình tổng-quát, giáo-chức đã mặc-nhiên khải-thị nhiều đức-tính hay cần-thiết cho sự học chuyên-nghiệp mai sau này của trẻ. *Thí-dụ* : tinh-cần-thận, tinh-nhẫn-nại, tinh-ura-trật-tự, óc quan-sát thực-tế, sự suy-nghĩ kỹ-lưỡng trước khi hành-dộng, sự tiết-kiệm các vật-liệu, sự săn-sóc các dụng-cụ, v.v... Ngoài ra lại còn có các môn học có tính-cách thực-tế giúp trẻ con có một số tri-thức (connaissances) tối-thiểu khả-dĩ đem ra áp-dụng cho đời sống hàng ngày mai sau này của chúng. Các môn ấy là : Toán, Hình-học, Đo-lường, Khoa-học thường-thức, Nông-phố, Vệ-sinh, Hội-họa, Thủ-công, Nữ-

công, Gia-chánh, v.v... Với bấy-nhiều học-thức đó, trẻ con sau khi rời ghế nhà trường, sẽ có những điều-kiện cần-thiết để trở nên một công-nhàn, một người thợ lành nghề. Về phần chuyên-môn, trẻ con tiếp-tục theo học một lớp kỹ-nghệ chuyên-môn nào đó và sẽ có nghề dẽ sinh-nhai ngay.

2. Nhà trường đào-luyện trẻ con thành một chủ gia-dinh sáng-suốt

Gia-dinh là một đơn-vị của xã-hội. Như trong « Lời-tổng-quát » đã có nói, nếu gia-dinh hư-nát, rối-loan thì lẽ tất nhiên xã-hội sẽ bị hư-nát và rối-loạn. Mà sở-dĩ gia-dinh hồn-loạn là tại gia-trường là người không ra gì, không biết tu-thân. Chính cá-nhan minh không ra gì thì mình còn điều-khiển vợ con trong nhà sao được ? Trong tình-trạng ấy, sự đồ-vỡ của gia-dinh là lẽ cố-nhiên. Vậy muốn gia-dinh được hưng-vượng, gia-trường phải tự khép mình, phải có nhiều đức-tinh dâng phục, nghĩa là phải biết tu-thân. Được như vậy, gia-trường mới sáng-suốt mà điều-khiển mọi việc và chắc-chắn vợ con sẽ nghe lời mình. « Nguồn suối có trong thi dòng suối mới trong » là vậy.

3. Nhà trường đào-luyện một công-dân gương-mẫu

Trẻ con sau khi đã rời ghế nhà trường, sau khi đã có một nghề dẽ sinh-sống và sau khi đã đúng tuổi « thành-nhàn » sẽ nghiêm-nhiên là công-dân của nước. Vì lẽ đó, ngay khi chúng còn ngồi ghế nhà trường, đến giờ Công-dân giáo-dục, giáo-chức phải dạy chúng thế nào là quyền-lợi, thế nào là bồn-phận của một công-dân. Hai khoản này sẽ được giải-rành-rọt với nhiều chi-tiết khi giáo-chức giảng-giải môn Công-dân giáo-dục. Ngoài ra còn dạy trẻ con cách di-dứng, cách đối-xử giữa

dám-dông, hoặc ngoài lộ, hoặc nơi hội-hè dòng-dảo để tỏ ra chúng là những công-dân xứng-đáng của một nước văn-minh tân-tiến. Môn công-dân giáo-dục cũng là sự áp-dụng những công-đức đã được giải-rõ khi trẻ con học môn luân-lý. Một công-dân gương-mẫu là một cá-nhan biết rõ quyền-hạn của mình đến đâu, bồn-phận của mình đối với quốc-gia xã-hội, đối với người trong nước và người ngoại-bang đến viếng xứ mình. Trong mọi trường-hợp, người công-dân gương-mẫu phải nêu cao tinh-thần phục-vụ và lúc nào cũng cố-gắng tò-diêm, bồi-bồ danh-dự của quê-hương, tổ-quốc trước con mắt ngoại-bang. Nếu cần, người công-dân gương-mẫu sẵn-sàng hy-sinh xương máu để bảo-vệ lãnh-thổ của cha ông.

V. KẾT-LUẬN

Nói tóm lại, trường sơ-tiểu có nhiệm-vụ hết sức nặng-nề là đào-tạo những công-dân xứng-đáng về bốn mặt thể-dục, trí-dục, đức-dục và xã-hội cho nước nhà. Bởi thế sự sơ-xuất của giáo-chức trong khi dạy-dỗ trẻ con sẽ có một hậu-quả tai-hại. Hậu-quả ấy sẽ kéo dài trong nhiều năm và sẽ là nọc độc làm hại biết bao-nhiều thế-hệ ! Một giáo-chức có lương-tâm chúc-nghiệp nên luôn-luôn sợ cái viễn-ảnh tai-hại ấy.

B. CÁC NGUYÊN-TẮC CĂN-BẢN CỦA TRƯỜNG SƠ-TIỂU

Trong sự dạy-dỗ trẻ con, trường sơ-tiểu áp-dụng đúng những nguyên-tắc căn-bản sau đây :

I. NHÀ TRƯỜNG ĐÀO-TẠO NHỮNG CON NGƯỜI TỰ-DO CHỐ KHÔNG ĐÀO-TẠO NHỮNG CON NGƯỜI NÔ-LỆ HÈN-MẠT

Câu ấy có nghĩa là trong khi dạy-dỗ trẻ con, giáo-chức phải tôn-trọng nhân-vị, thê-thống cá-nhan của trẻ. Giáo-

chức không nên áp-dụng những hình-phạt hung-tợn khiến trẻ con sợ-sệt, khùm-núm, đề rồi vì sợ-hãi mà trở nên dối-trá, giấu-giếm, không dám nhận lỗi mình, không dám nói sự-thật. Cách dạy-dỗ vừa nói được coi là phản khoa sư-phạm và phản tinh-thần dân-chủ. Trái lại, giáo-chức phải dạy-dỗ trẻ con cách nào để chúng trọn tin nơi thầy, bày-tỏ sự-thật cùng thầy mà không chút giấu-giếm nào trong mọi trường-hợp. Làm thế nào cá-tính của mỗi trẻ con được tự-do phát-triển để rồi giáo-chức sẽ do đó mà sửa-chữa chúng theo đúng ngay nẻo thẳng.

II. NHÀ TRƯỜNG THÚC-GIỤC TRÍ-ÓC TRẺ CON LÀM VIỆC LUÔN LUÔN

Bản-tính trẻ con là tra hoạt-động. Giáo-chức nên theo cái đã ấy mà thúc-giục trẻ con hoạt-động dưới nhiều hình-thức khác nhau và trong một thời-gian vừa sức của chúng, để kích-thích các năng-khiếu, các giác-quan của chúng. Đó là giúp sự tiến-triển điều-hòa của trẻ con về phương-diện vật-chất cũng như về phương-diện tinh-thần.

III. NHÀ TRƯỜNG NHÌN-NHẬN RẰNG : CÁ-NHÂN CON NGƯỜI ĐƯỢC TẠO NÊN PHẦN LỚN LÀ DO CÁC TÌNH-CẢM CHƠN-THẬT BÊN TRONG (NỘI-GIỚI) CHỨ KHÔNG DO NHỮNG ĐIỆU-BỘ, NÉT MẶT BÊN NGOÀI

Câu ấy có nghĩa là: trong khi dạy học, giáo-chức phải làm thế nào cho trẻ con kinh-phục ở trong thâm-tâm chứ chẳng phải ở ngoài mặt. Sự tâng-phục mới là chân-thật và bên lâu. Trái lại, sự diện-phục chỉ là giả-dối và nhất thời. Lại nữa muốn biết rõ chân-tánh của trẻ con thì giáo-chức phải tìm hiểu các mối-tình chân-thật ẩn-tàng bên trong của chúng, chứ không nên căn-cứ vào những điều-bộ bên ngoài.

IV. NHÀ TRƯỜNG DẠY TRẺ CON KHÔNG PHẢI TÙY NGẦU-HỨNG, TÙY THỊ-HIẾU NHẤT-THỜI, MÀ TRÁI LẠI, NHÀ TRƯỜNG THEO ĐÚNG NHỮNG NGUYỄN-TẮC CĂN-BẢN, KẾT-QUẢ CỦA SỰ KINH-NHIỆM LÂU ĐỜI VÀ KHOA TÂM-LÝ-HỌC

Câu ấy có nghĩa là các phương-pháp, các phương-sách được áp-dụng trong sự dạy-dỗ trẻ con đều là những kinh-nghiệm lâu đời đã thu lượm trong địa-hạt giáo-dục và đã được công-nhận là đúng với khoa tâm-lý, nhất là khoa tâm-lý nhi-dồng. Vậy trong khoa sư-phạm hiện thời, nhất nhât việc chi đều được đem ra thi-nghiệm và nghiên-cứu kỹ-lưỡng trước khi đem ra áp-dụng. Giáo-chức, khi dạy một môn nào, thì trước đó phải sửa-soạn bài chu-dáo, đúng theo những nguyên-tắc căn-bản về công-việc này chờ chẵng phải sau khi vào lớp thích cái gì thì dạy cái ấy mà không sửa-soạn trước. Ngầu-hứng, thị-hiếu nhất thời đều không được tha-thử trong nghề dạy học.

V. NHÀ TRƯỜNG, TRONG KHI DẠY-DỖ TRẺ EM DẠY ÍT NHƯNG DẠY KỸ

Câu ấy có nghĩa là: nhà trường chỉ dạy ít điều cần-thiết cho đời sống của trẻ con mai-hậu. Nhưng cách dạy rất là chu-dáo, rành-rọt khiến trẻ con không chút gì mơ-hồ. Những điều chúng đã học, sau khi ra trường, chúng sẽ áp-dụng được ngay.

VI. NHÀ TRƯỜNG VỪA KHIÊM-TỐN VỪA CÓ CAO-VỌNG

1. Nhà trường khiêm-tốn ở chỗ nhà trường tự biết sức mình không thể, trong một thời-gian ngắn dạy tất cả những điều thuộc về sự hiều-biết của loài người. Trái lại, nhà trường tự hạn-chế chương-trình dạy-dỗ của mình để nó phù-hợp với tuổi-tác và trình-độ hiều-biết của trẻ

con. Số các môn dạy cũng được ấn-dịnh rõ-rệt, nhất-là các môn cần-thiết cho đời sống trẻ con sau này.

2. Nhà trường có cao-vọng. Câu ấy có nghĩa là một số ít môn mà nhà trường đã dạy cho trẻ con sẽ giúp chúng mai sau này tự học tiến-bộ.

VII. NHÀ TRƯỜNG MỞ CỬA RỘNG CHO TẤT-CẢ CON EM BẤT-LUẬN LÀ THUỘC GIAI-CẤP, ĐẢNG-PHÁI HAY TÔN-GIÁO NÀO TRONG XÃ-HỘI

Những điều mà nhà trường dạy cho trẻ con có tinh-cách tông-quát cần-thiết cho tất-cả mọi cá-nhan dù cá-nhan ấy thuộc đảng-phái hay tôn-giáo nào cũng vậy. Về phương-diện tôn-giáo và chính-trị đảng-phái, nhà trường lúc nào cũng giữ thái-dộ trung-lập tuyệt đối nhất là đối với các đảng phái chính-trị hợp-pháp, ngoại-trừ những chủ-nghĩa đảng-phái đi ngược lại giải-pháp quốc-gia.

VIII. KẾT-LUẬN

Để cho sự dạy-dỗ trẻ con có kết-quả tốt đẹp, nhà trường cần theo đúng những nguyên-tắc căn-bản làm nòng-cốt cho khoa sư-phạm ngày nay. Không theo đúng các nguyên-tắc ấy tức là cất nhà trên bãi cát vậy.



CHƯƠNG HAI

NHỮNG ĐẠI-CƯƠNG VỀ TÂM-LÝ TRẺ CON LÀNH MẠNH

NHỮNG ĐẠI-CƯƠNG VỀ TÂM-LÝ TRẺ CON LÀNH-MẠNH

I. QUAN-NIỆM SAI-LẦM VỀ TRẺ-CON CỦA THỜI XƯA

Trước ngày khoa tâm-lý nhi đồng xuất hiện từ Âu sang Á, trên mấy ngàn năm, người ta có những quan-niệm sai-lầm về trẻ con.

Theo những quan-niệm sai-lầm ấy, người ta cho rằng trẻ con có một cơ-thể và một tinh-thần được cấu-tạo như người lớn. Nói một cách khác, trẻ con là người lớn thu nhỏ lại. Vì lẽ đó, ở trong gia-dình, các bậc phụ-huynh và, ở nơi học-đường, các thầy học đều tập trẻ con đi đứng, nói-nắng, làm việc và suy-nhĩ như người lớn vậy. Trong cách giáo-dục cõi-truyền của nước ta, trẻ con đến trường lần thứ nhất đã phải học qua bộ giáo-khoa « Tam-tự-kinh » là quyển sách Bách-khoa thu hẹp của Trung-Hoa, không hơn không kém. Kế đó, chúng phải học hai quyển Minh-Tâm rồi Tĩnh-Tâm là hai quyển sách góp nhặt những tư-tưởng hay, những lời cao-dep của các danh-nhân, hiền-triết Đông-phương ấn định phương-châm xử-th thế, tu-thân của người lớn ; và nhiều loại sách nữa trước khi học đến Tứ-thơ, Ngũ-kinh. Trong cách trình-thura, vâng, dạ, đi đứng, chào hỏi, trẻ con nhất-nhất phải tập hành-dộng như người lớn.

Khoa tâm-lý nhi đồng ngày nay chứng-minh trái ngược lại. Tâm-hồn trẻ con là một thế-giới riêng-bié, không

giống một mảng may nào tâm-hồn của người lớn. Để chứng minh cụ thể sự khác-biệt ấy, người ta ví trẻ con như con cá nhái, con « nòng-nọc » mà người lớn, cha mẹ chúng, là « con ếch ». Con nòng-nọc vốn là trứng ếch nở ra, là con của ếch. Ấy thế mà trong thời-kỳ còn là nòng-nọc, hình-thù và cách sinh-sống của nó không có cái chi là giống con ếch cả. Dần dần nó sẽ mọc chân, rụng đuôi, mất hai cái mang và có hai buồng phổi để rồi nhảy lên bờ sống đời sống của ếch.

Như vậy trẻ con cần sống một đời sống đúng theo tuổi trẻ-trung của chúng. Chúng có những nhu-cầu, những ý-nghĩ, những cách chơi mà người lớn không khi nào nghĩ đến. Người lớn mua cho chúng một con ngựa gỗ sơn thêp đẹp-dẽ; chúng thích chơi với vật ấy trong vài ngày rồi chúng sẽ chán, bỏ vào một góc tường, hoặc đập hủ nát đi. Khi chúng cần, một cái gối, một cây gậy, một tàu cau là con ngựa của chúng, đủ rồi.

II. NHỮNG ĐIỀU ĐẠI-CƯƠNG VỀ TÂM-LÝ TRẺ CON

Trước khi dạy-dỗ trẻ con, giáo-chức cần cảm-thông những điểm đại-cương về khoa tâm-lý nhi-dồng.

Nhận-xét thứ nhất : « Trẻ con là một sinh-vật tự-động tự-chủ ». Nói một cách khác, trẻ con hoạt-động, suy-nghĩ và nhận-xét sự-vật theo một lối riêng, không giống lối của người lớn.

Nhận-xét thứ nhì : « Trẻ con là một sinh-vật đương tiễn-triển, đương lớn một cách toàn-diện và liên-tục ». Nói một cách khác, ở trẻ con thân-hình và tri-não tâm-hồn đều biến-chuyển, phát-triển đồng nhịp với nhau nghĩa là không có sự so-le, chênh-lệch và không ngừng. Vì lẽ đó mà trong khi dạy-dỗ chúng, thầy phải làm phát-triển tất-cả khả-năng, tất-cả giác-quan và năng-

khiếu của chúng về ba mặt thể-dục, trí-dục và đức-dục cùng một lúc.

III. NHỮNG GIAI-DOẠN MÀ DỨA TRẺ PHẢI TRÁI QUA TRƯỚC KHI TRỞ NÊN NGƯỜI LỚN

Trước khi trở nên người lớn, cơ-thể cũng như tâm-hồn tri-não của trẻ con, phải trải qua năm giai-doạn như sau :

1. Giai-doạn thứ nhất (Từ sơ-sanh đến 2 tuổi tây)

Trong giai-doạn này trẻ con lúc đầu không biết chi cả; nhưng sau rồi biết nhìn những sự-vật chung-quanh, những ánh-sáng, những màu-sắc, biết vài cử-dộng, biết bò chút đỉnh và từ một tuổi tám trở lên thì hay bắt chước những hành-dộng của người lớn.

2. Giai-doạn thứ hai (Từ 2 đến 6 tuổi tây)

Trong giai-doạn này đứa trẻ bắt đầu nhận-định hiếu-lực của tiếng nói, các điệu-bộ và tập nói nhiều. Nhận biết rằng mỗi tiếng nói có một ý-nghĩa nên chúng thường hỏi cha mẹ hoặc anh chị để hiểu biết : « Tại sao cái này là như vậy, cái nọ là như kia ? » Tự chúng lặp đi, lặp lại nhiều lần những tiếng mà người lớn đã dạy chúng. Trẻ con bắt đầu học hỏi vậy.

Tuy-nhiên, trẻ con trong thời kỳ này chưa sống hẳn trong hoàn-cảnh thực-tại. Phản nửa đời sống tinh-thần của chúng còn thuộc về hoàn-cảnh hoang-dường do tri-tưởng-tượng của chúng gây nên. Vì thế mà chúng chưa phân biệt được cái chi là thực-tế với cái chi là tưởng-tượng và sự nhận-xét sự-vật của chúng khác hẳn với cách nhận-xét của người lớn. Trong giai-doạn này trẻ con dễ chịu ảnh-hưởng của ngoại-giới.

3. Giai-doạn thứ ba (Từ 5 đến 12 tuổi tây)

Trong giai-doạn đầu, trẻ con chỉ biết đến bản-thân

mà không biết gì hoặc để ý đến những người sống chung-quanh chúng. Cái « ta », cái « bản-ngã » của chúng phát-triển mạnh là vậy. Trái lại, trong giai-đoạn thứ ba này thì chúng nhận thấy người chung-quanh chúng khác với chúng, không phải chúng.

Đồng-thời trong sự tiếp-xúc với ngoại-giới, chúng tò-mò, thích quan-sát, khảo-sát, để hiểu-biết những sự-vật quanh chúng. Chính trong giai-đoạn này mà trẻ con thích học-hỏi và thích đến nhà trường. Theo nữ bác-sĩ Montessori, từ 4 đến 7 tuổi, trẻ con tập nói các thứ tiếng và uốn giọng rất dễ-dàng.

Cũng trong giai-đoạn này trẻ con thích học tính-toán, đo-lường, hình-học, trang-trí, thủ-công, hơn là học chữ nghĩa, và bắt đầu hành-động có trật-tự. Chúng thích sống đời sống thực-tại trong giây phút và không nhớ những việc đã qua.

Chính ở giai-đoạn này mà giáo-chức phải chăm-chú sủa-chữa trẻ con một cách ôn-tồn nhã-nhặn mỗi khi chúng, làm một điều chi không hay, không tốt. Giáo-chức cõi làm cho chúng cảm-xúc, tin-cậy nơi thầy và sẵn-sàng chữa lỗi.

4. Giai-đoạn thứ tư (Từ 12 đến 14 tuổi) (rút trong « giáo-dục mới » của tác-giả Lâm-Toại)

« Trong giai-đoạn này, trẻ con bắt đầu nhận-thức nhân-cách của chúng, để ý đến đời sống thực-tế, thích những hoàn-cảnh thực-tại và không thích những chuyện thần-tiên mơ-hồ như hồi tho-ấu nứa ». Cũng trong giai-đoạn này, kỹ-ức của chúng rất sung-mãn, chúng đọc chí thi nhớ nẩy. Bắt đầu từ 12 tuổi sắp lên, thể-chất và tinh-tinh của chúng phát-triển theo hai đường khác nhau trai khác, gái khác.

Trẻ trai thì thích hoạt-động, thích bạn-bè, thích đua-tranh. Trẻ gái, trái lại, uề-oải, không thích cử-động, hay

mủi lòng, dễ phiền-muộn, ít thích bạn-bè, thường thích cảnh sống đầm-ấm ở gia-dình với chị em hơn, ưa mờ-mộng, thích đọc tiểu-thuyết, xem kịch, xem chiếu bóng.

Lúc này, thiếu-niên nam nữ bắt đầu tiếp-xúc với thực-tế, hay lo-ngai về tương-lai của mình, sống hồi-hộp theo lý-tưởng nên dễ sinh chán-nản, thất-vọng.

Trong giai-đoạn này, thầy học và cha mẹ phải đặc-biệt chăm-sóc chúng để tránh những sự đáng tiếc.

5. Giai-đoạn thứ năm (Từ 15 đến 18, 19 tuổi tây) (rút trong : « Giáo-dục mới » của tác-giả Lâm-Toai).

« Chính là lúc mà trẻ sắp thành-nhân, sắp đổi trạng-thái trẻ con ra trạng-thái người lớn. Thể-chất cũng như tinh-thần của chúng phải trải qua một cuộc dao-động mãnh-liệt khiến chúng sinh ra hoang-mang, cuồng-nhiệt, thường suy-nghĩ vắn-vor đến đời sống tương-lai, cần bạn tâm-phúc, thân-tin để trút hết nỗi lòng và thăm dò ý-khiến.

Vào khoảng 18, 19 tuổi, người ta thường thấy thanh-niên phát-biểu những ý-tưởng kỳ-dị, điên-cuồng về mỹ-thuật, chính-trị, tôn-giáo ; lòng hào-hiệp, nên chúng ưa mạo-hiểm, thích hy-sinh, mờ-urớc lập kỳ-công, thích tự-do tự-lập, thích bắt-chước những vị anh-hùng, liệt-nữ. Nhưng càng bồng-bột bao-nhiêu, càng mau nguội lạnh bấy-nhiêu, vui đó rồi lại buồn ngay đó, hăng-hái đó rồi lại chán-nản ngay liền đó ! Tuổi này là tuổi khó-khăn nhất trong đời người. Cha mẹ, và nhà giáo phải cõi-gắng hiểu biết trẻ con gày lỏng tin-cậy của chúng đối với mình để có thể dùng uy-tín và thân-tình mà hướng-dẫn chúng vào con đường chính-đại, phù-hợp với bản-tính của chúng ; và rồi đây tuổi thiếu-niên vô-tư, vô-lực sẽ di qua và thanh-niên sẽ chạm trán với đời thực-tế, sống theo định-mệnh của nó.

Theo sự khảo-cứu của nữ Bác-sĩ Montessori, trong

giai-doan này nên cho trẻ có dịp sống tập-thể, tự-do cùng bạn-lứa, giữa cảnh thiên-nhiên, tại những trại ở đồng quê hay ở rừng núi để trẻ con có dịp hòa đời sống của chúng với đời sống thực-tế chung quanh, để có một ý-niệm rõ-ràng về chân-tướng của xã-hội và cách cộng-tác của loài người trong công-cuộc sinh-tồn chung để nhận định rõ trách-nhiệm của mình và tập sống một đời hữu- ích cho xã-hội ».

IV. SỰ TIỀN-TRIỀN CỦA TƯ-TƯỞNG TRẺ CON : CÁC GIAI-DOẠN (phỏng theo « Giáo-dục mới » của Ông Lâm-Toại)

1. Giai-doan thứ nhất

Trong giai-doan này, trẻ con chỉ biết có mình mà thôi (Période d'autisme).

2. Giai-doan thứ nhì

Trong gian-doan này, trẻ con lấy mình làm trung-tâm điểm mà suy ra người khác, lấy mình làm trung-tâm điểm của vũ-trụ (Période d'égoctrisme),

3. Giai-doan thứ ba

Trong giai-doan này, trẻ con bắt đầu lãnh-hội tông-quát. Khi chúng thấy một sự-vật gì thì thấy sự-vật ấy toàn diện, nghĩa là thấy chung toàn-thể của sự-vật một lượt để nhận-thức, để ghi nhớ chờ không biêt phân-tách riêng ra từng bộ-phận của sự-vật như người lớn đã thường làm (Période de globalisation).

4. Giai-doan thứ tư

Từ 18 tuổi trở-lên, trẻ con lần-lần lý-luận có hệ-thống (raisonnement), biêt phân-tich (analyse) và biêt tông-hop (synthèse) và bắt đầu đi vào trình-degree suy-nghĩ của người lớn.

V. ĐẢN TÓM-TẮT NHỮNG GIAI-DOẠN TIỀN-TRIỀN CỦA TRẺ CON HÒA NHỊP VỚI CÁC KHẢ-NĂNG TÂM-LÝ CỦA CHÚNG (phỏng theo ý-kiến của Ông Lâm-Toại trong « Giáo-dục mới »)

Giai-doan thứ nhứt (ấu-thời)

Từ lúc sơ-sanh đến 6 tuổi : khả-năng chủ-yếu là vận dụng các quan-năng gồm ba thời-kỳ :

- Từ khi sơ-sinh đến 2 tuổi : xúc-tiến mạnh.
- Từ 2 đến 4 tuổi : cảm-giác nhờ bắp thịt nhiều hơn.
- Từ 4 đến 6 tuổi : hành-động nứa theo quan-năng, nứa theo bắt-chước.

Giai-doan thứ hai (thiếu-thời)

- Từ 6 đến 8 tuổi : bắt-chước theo cảm-giác.
- Từ 8 đến 10 tuổi : bắt-chước thuận-túy.
- Từ 10 đến 12 tuổi : bắt-chước theo trực-giác.

3. Giai-doan thứ ba (thanh-niên)

Từ 12 đến 18 tuổi : khả-năng chủ-yếu là trực-giác gồm 3 thời-kỳ :

- Từ 12 đến 14 tuổi : nứa trực-giác, nứa bắt-chước.
- Từ 14 đến 16 tuổi : trực-giác thuận-túy.
- Từ 16 đến 18 tuổi : trực-giác theo lý-trí.

4. Giai-doan thứ tư (tráng-niên)

Từ 18 tuổi đến 24 tuổi : khả-năng chủ-yếu lý-luận, gồm 3 thời-kỳ :

- Từ 18 đến 20 tuổi : lý-luận theo trực-giác.
- Từ 20 đến 22 tuổi : lý-luận thuận-túy.
- Từ 22 đến 24 tuổi : có khả-năng phân-tich và tông-hop, phân-biệt được rõ-ràng giữa : trực-giác, bắt-chước theo tục-lệ và cảm-giác.

Cần nêu chú-ý :

Trong mỗi con người, các giai-đoạn tiến-phát về tâm-lý như đã nói trên, không đều nhau. Có người tiến-phát nhiều về giai-đoạn này, mà tiến-phát ít về giai-đoạn khác. Do đó mà có nhiều loại tâm-lý khác nhau :

- a. Loại hành-động theo lý-trí (duy-lý : type rationnel)
- b. Loại hành-động theo trực-giác (type intuitif)
- c. Loại hành-động theo tục-lệ (type traditionnel)
- d. Loại hành-động theo quan-năng (type sensoriel)

VI. NHỮNG NHU-CẦU CHÍNH-YẾU CỦA TRẺ CON

Trước khi dạy trẻ con, giáo-chức cần biết qua những nhu-cầu chính-yếu của chúng để hướng-dẫn chúng theo sở-thích của chúng. Các nhu-cầu ấy được kể ra như sau :

1. Nhu-cầu hoạt-động

Trẻ con là một sinh-vật đương sinh-trưởng, đương lớn và biến-chuyển liên-tục để dần dần biểu-hiệu chân-tinh của chúng. Vì thế mà chúng thích hoạt-động như tiếp xúc với các sự-vật, quan-sát, khảo-cứu những gì mà chúng thấy trước mắt. Chúng thích sáng-tác một việc gì; phô-diễn một ý-nghĩ, thi-thố các khả-năng của chúng để rút kinh-nghiệm.

2. Nhu-cầu được để yên hay là sự nhu-cầu yên-tĩnh về phương-diện tinh-thần

Khi làm một việc gì, trẻ con cần được để yên, không bị khuấy-rối, bị can-ngăn.

3. Nhu-cầu có một tiêu-chuẩn để noi theo

Trẻ con cần có một tiêu-chuẩn chắc-chắn không thay đổi để noi theo trong khi học-tập. Tiêu-chuẩn ấy chúng không tìm thấy trong tâm-trí chúng vì có sự biến-chuyển

không ngừng và cũng không tìm thấy ở hoàn-cảnh bên ngoài vì chúng thiếu kinh-nghiệm mà chỉ tìm thấy ở cha mẹ và thầy học mà thôi. Vậy thầy học và cha mẹ phải là những gương tốt để trẻ con bắt-chước.

4. Nhu-cầu chơi

Tất cả trẻ con đều cần chơi và thích chơi. Nhân cái đà ấy nhà trường sẽ tổ-chức những cuộc chơi đồng thời dạy trẻ con quan-sát, suy-nghĩ, ghi nhớ và tập nhiều tinh-tốt.

5. Nhu-cầu tư-hữu

Ấy là bản-tinh phát-hiện sớm nhất ở trẻ. Trẻ con đã sớm tỏ ý cần có đồ chơi riêng, của riêng. Nhân thể, giáo-chức tập chúng biết sắp đặt các đồ chơi có trật-tự, ngăn-nắp, hầu dùng các món ấy được lâu và, khi cần đến, sẽ tìm được ngay. Cho mỗi trẻ con một ngăn tủ riêng để cất đồ chơi của chúng.

6. Nhu-cầu làm việc, ăn chơi, có giờ nhứt-định

Tuy nói là trẻ con hành-động tự-do, chờ những hành-động của chúng đều đúng theo một chương-trình đã được ấn-dịnh trước. Nên hiểu chúng hành-động tự-do là như thế này. Thi-dụ : đến giờ hội-họa, giáo-chức giải-nghĩa cho toàn lớp những điểm đại-cương cần-thiết cho môn này. Sau đó, giáo-chức để mỗi trẻ tự-do vẽ vật kiêu-mẫu đặt trước mặt chúng. Giáo-chức không nên luôn luôn can-thiệp, thúc-hối chúng, sửa luôn bài của chúng. Làm như thế trẻ con sẽ không có an-ninh về tinh-thần và lúc nào cũng nơm-nớp lo sợ không làm vừa ý thầy. Vì thế mà cá-tinh của trẻ con không phát-hiện được mà luôn luôn chúng có tinh ý-lại vào thầy. Theo một chương-trình đã được ấn-dịnh trước một cách khéo-léo, trẻ con sẽ ăn, nghỉ, chơi, học có giờ và rất có trật-tự. Sự có trật-tự ấy

phải được trình-bày dưới một hình-thức mà trẻ con có cảm-tưởng là chính chúng đã lập ra.

7. Nhu-cầu thành-tựu

Khi trẻ con làm một việc gì chúng cố gắng làm cho kỳ được việc ấy. Chúng cố-gắng làm thỏa-mãn nhu-cầu thành-tựu của chúng.

8. Nhu-cầu được giúp đỡ

Khi chúng cố-gắng làm một việc gì mà không được thì chúng sẽ mau mau cầu-cứu đến cha mẹ, đến thầy. Thầy chỉ can-thiệp trong trường-hợp ấy mà thôi. Khi trẻ con một mình tự làm lấy một việc gì có ích-lợi mà không có tai-hại gì cho chúng và cho toàn lớp thì giáo-chức để chúng tự-do hoạt-động.

9. Nhu-cầu được khen-thưởng

Sau khi đã làm xong một việc gì, trẻ con cần được khen-thưởng. Chính lúc ấy là lúc lời ban khen của giáo-chức rất cần-thiết để khuyến-kích trẻ tiến-tới nữa.

Chẳng những trẻ con cần thầy ban khen mà chúng cũng cần toàn lớp hoan-nghinh, tán-dương chúng.

10. Nhu-cầu được thấy thương-yêu

Vì mới rời gia-dinh để vào trường trẻ con rất cần sự thương-yêu của thầy cô để an-ủi và tránh sự bỡ-ngỡ lạ-chỗ, lạ-nhà. Sau khi nhận thấy được thầy giáo hoặc cô giáo thương-yêu thì trẻ con sẽ không còn rụt-rè, sợ-hãi nữa và mạnh tiến-trong sự học-hành.

11. Nhu-cầu sống chung với nhiều kẻ khác

Vì chưa biết tự tin-cậy lấy mình trẻ con sẽ nhận thấy bơ-vơ, cô-dộc khi học-tập một mình. Vì thế mà trẻ con cần sống chung với chúng bạn, làm việc tập-thê ở nhà trường.

12. Nhu-cầu về phuong-diện sinh-lý

Trẻ con cần ăn-uống no đủ, nghỉ-ngơi đủ thi-giờ, ăn mặc ấm-áp, chạy chơi trong một khu vườn rộng có bóng mát, thở một không-khí trong sạch... Giờ học không nên quá dài và sau giờ học lại có giờ chơi giải-tri.

13. Nhu-cầu về phuong-diện tinh-thần

Tùy hạng tuổi, tùy giai-doạn, trẻ con cần bắt-chước cần nói-phô, cần tưởng-tượng, cần tò-mò học-hỏi, cần biết-mình, biết-người, hiểu-biết hoàn-cảnh thực-tại.

VII. KẾT-LUẬN

Trẻ con vi như một bệnh-nhán. Thầy học vi như một vị lương-y. Lương-y có đoán trúng căn-bệnh mới mong trị khôi-bệnh được.

Lời nói ấy đáng được ta suy-nghĩ nhiều trong khi dạy-dỗ trẻ con.



CHƯƠNG BA

TRẺ CON KHÁC THƯỜNG

TRẺ CON KHÁC THƯỜNG

I. QUAN-NIỆM VỀ TRẺ CON KHÁC THƯỜNG

Từ-ngữ « khác thường » có nghĩa là ngoài cái **đạo-thường**, ngoài cái lẽ tự nhiên, phép-tắc thông thường. Một trẻ con khác thường là trẻ con vô kỷ-luat hay là trẻ tràng đối với mức học-thức của lớp học. Nói một cách khác, một trẻ con khác thường là trẻ con không được thích-hợp với hoàn-cảnh nhà trường.

Nhiều khi triệu-chứng hữu-hình cho ta biết được tính cách khác thường của trẻ. *Thí-dụ* : bệnh dị-thường phát dục (bệnh cao lớn quá mức), bệnh lùn người, sự biến-hình của xương sọ, của cái mặt, tật-nguyễn tự-nhiên của mũi, mắt, hàm răng, lưỡi, ồ-gà (khẩu-cái), v.v...

II. HAI LOẠI TRẺ KHÁC THƯỜNG

Có hai loại trẻ khác thường như sau : trẻ khác thường về tri-khôn (tri-tuệ) và trẻ khác thường về tính-tinh.

1. Trẻ khác thường về tri khôn

Loại này gồm những trẻ chậm tiến (*arriérés*) và không có khả-năng học-tập.

Trong loại này người ta kề : *trẻ ngu-sí* (ngu-xuẩn, ngu-dại : *idiot*) mà tri khôn không quá trình-degree của đứa trẻ

lên hai, trẻ khờ dai (imbécile) khờ-khở vì tâm-hồn yếu-duối suy-nhược và trí-khôn không quá trình-degree đứa trẻ lên mười và sau rốt là những trẻ thông-minh sóm (thần-dồng). Trước kia, dễ phân-loại các trẻ ấy, người ta căn-cứ vào giọng nói, cách phô-diển tư-tưởng của chúng. Ngày nay, nhờ áp-dụng những « trắc-nghiệm » mà người ta phân-biệt được những trẻ khác thường với những trẻ lành-mạnh.

2. Trẻ khác thường về tinh-tinh. Loại này gồm những trẻ không được thích-hợp với đời sống bởi những phản-ứng của chúng về tinh-da-cảm, những quyết-dịnh lạ đời của chúng do sự hỗn-loạn về khi-sắc. Người ta gọi các trẻ này là : trẻ vô-thường, bất-định (instables) hoặc là trẻ tà-vạy, bại-hoại (pervers).

Trẻ vô-thường, bất-định, là trẻ không ngồi yên, khi-sắc, ttnh-tinh thay đổi mãi, không chú-ý lâu được vào một việc gì ; nói chuyện luôn và vật gì cũng sờ-mó.

Trẻ tà-vạy, bại-hoại là trẻ « nói dối để mà nói dối, hay chọc phá không ngót trẻ bên cạnh, hay đánh đập và ăn-cắp vật, hay nóng-giận, hay da-nghi, hoặc khoe-khoang, hay lý-luận, v.v... ». Loại trẻ này hay có những cơn thịnh nộ thịnh-linh và bạo-t忿. Tất-cả những triệu-chứng ấy đều do sự hỗn-loạn về tinh-tinh mà ra.

Nếu người ta quan-sát kỹ loại trẻ thứ hai này thi thấy chúng hay nói chuyện, hay khuấy bạn trẻ, tinh-tinh xôn-xao, bất-an, hỗn-xược, do-bần và hay ăn-cắp vật.

Đến giờ chơi, loại trẻ này làm rầy ở ngoài sân, nghịch ngợm, hiếu-dòng, khuấy-phá chúng bạn và hay đánh lộn. Chúng không sợ những lời cảnh-cáo, la-rầy, nhiều khi lấy sự thô-tục hỗn-xược để dối lại.

Loại trẻ khác thường về tinh-tinh thực ra chưa phải là trẻ chậm-tiến về tâm-hồn (arriérés mentaux). Nhưng

nhiều triệu-chứng kẽ trên vì làm hư-hoại tính bình-thường của trẻ con sẽ làm trở-ngại hoặc đồi hẩn sự tiến-triền về trí-khôn của chúng.

Ngoài hai loại trẻ khác thường vừa kẽ, còn không biết bao nhiêu trường-hợp khác nữa do những sự biến-dỗi của cơ-năng về tinh-cảm (affectivité), của ý-chí (volonté), của thu-súc-tinh (motricité), v.v... và sau rốt là những trường-hợp do những bệnh-hoạn của cơ-thể mà ra. Chính là sự hỗn-hợp hai loại trường-hợp khác thường ấy đã sinh ra muôn ngàn trường-hợp trẻ khác thường vậy.

III. TẠI SAO PHẢI GIÁO-HÓA NHỮNG TRẺ KHÁC THƯỜNG ?

Trong số các trẻ khác thường có một thiểu-số không thể giáo-hóa được và thuộc vào hạng bất-trị. Hạng trẻ này đã được dưỡng-đường đặc-biệt săn-sóc nhưng cũng không có hy-vọng gì.

Ngoài ra, đa-số trẻ khác thường đều có thể giáo-hóa được. Lý-do giáo-hóa các trẻ ấy là như sau : vì nhân-đạo xã-hội không thể bỏ rơi hạng trẻ ấy là vì chúng cũng có quyền sống như ai, cũng có quyền tự-do mưu-sinh như ai. Lại nữa, nếu các trẻ ấy được giáo-hóa một cách thích-ứng thi chúng sẽ trở nên hữu- ích cho xã-hội và sẽ không ăn-bám xã-hội nữa.

1. Sự giáo-hóa các trẻ con câm, điếc và đui mù

Loại trẻ con này cần được tập-trung trong các học-đường đặc-biệt để vừa săn-sóc nuôi-dưỡng chúng, vừa dạy chúng học một ít nghề thủ-công thích-ứng với tật-nguyễn của chúng. Ở trường mù, người ta dạy trẻ con tập-đọc, học âm-nhạc, học đan thừng-mủng bằng tre, học làm bàn chải, v.v... Sau khi thành-tài, các trẻ con ấy hành-nghề của mình để kiếm ăn, khỏi phải nhờ chính-phủ chau-cấp nữa.

2. Sự giáo-hóa những trẻ con tạm-thời không

thích-trung với nhà trường. Tình-trạng của các trẻ con này do sự phát-triển không đều của thân-thể chúng, do sự suy-nhược, sự kém sức khỏe mà ra. Chúng cần được tập-trung trong những lớp rộng-rãi, mát mẻ, nhứt là ở thôn-quê, đồng-nội, dựa bối biển tốt, hoặc trên núi cao có khí-hậu tốt, mát-mẻ.

IV. SỰ DẠY-DỖ TRONG CÁC LỚP CẢI-THIỆN TRẺ CON KHÁC THƯỜNG

Ở các lớp này, các trẻ con khác thường phải qua một sự khám-xét kỹ-lưỡng của các bác-sỹ chuyên-môn để ấn-dịnh rõ-rệt những khuyết-diểm của chúng về cơ-thể cũng như về tinh-thần hầu sắp chúng ra từng loại một.

Dù sao, trong các lớp này, giáo-chức phải gặp hai trở-ngoại sau đây : sự không hiểu biết chi cả, không thể lãnh-hội được những điều mà giáo-chức dạy chung cho những trẻ khác thường về trí-khôn, và sự dâng-tri, sự không chú-ý đến bài học hay sự vô kỷ-luat của những trẻ vô-thường, bất-định, và những trẻ tà-vay và bại-hoại.

Giáo-chức trông-nom, dạy-dỗ các lớp này phải được huấn-luyện theo một kỹ-thuật riêng-bié特.

Dù sao, ở các lớp nói trên, chương-trình học-khoa gồm có hai phần : phần tông-quát chung cho các trẻ lành-mạnh và các trẻ khác thường, và phần riêng-bié特 dành riêng cho các trẻ thuộc loại sau này.

Theo lời bác-sỹ Simon thì chương-trình học-khoa áp-dụng cho một lớp trên đây phải khác với chương-trình học-khoa áp-dụng cho một lớp học dành cho các trẻ lành-mạnh. Nó có những đặc-diểm sau đây đi đôi với tình-trạng khác thường nặng hay nhẹ của mỗi trẻ con.

1. Đối với trẻ con khỏe-dại-nhẹ. Chương-trình học-khoa và chương-trình Dự-bị (lớp Tư) dành cho trẻ con từ 6 đến 7 tuổi Sơ-tiểu thường.

Đối với những trẻ con suy-nhược nặng. Chương-trình học-khoa không đi quá chương-trình lớp Sơ-đẳng (lớp Ba) dành cho trẻ con từ 7 đến 8 tuổi.

3. Đối với những trẻ con suy-nhược ít. Chương-trình học-khoa không đi quá chương-trình lớp Nhì-trường Sơ-tiểu dành cho trẻ con từ 8 đến 9 tuổi.

Đối với trẻ con khác thường về trí-khôn thuộc hạng 8 đến 9 tuổi, giáo-chức có thể dạy chúng quét-nhà, nhúm-lửa, đào đất, xới đất, v.v... và lăn-lăn tập chúng những nghề mọn như : đan vó (bit-tất) với một cái máy khâu vớ. Sự tiến-bié特 của trẻ sẽ có khi nào những công-việc ấy được làm đi làm lại nhiều lần.

Đó là sự hạn-chế chương-trình. Ngoài ra còn phải hạn-chế trong sự thu-thập những tri-thức của chúng và phải hạn-chế sự dào-luyện tâm-hồn chúng nữa. Ông Binet, vào năm 1910, đã có bày ra những bài áp-dụng cốt để bồi-dưỡng, sửa-chữa trí-ký-írc, trí-quan-sát, và giúp cho trí-khôn của trẻ có một thái-độ nhứt-định và thói quen của thái-độ ấy.

Bác-sỹ Simon nhận thấy rằng : các bài áp-dụng ấy chỉ mở-mang không phải những năng-khiếu cao-thượng của tâm-hồn mà là những việc làm tầm-thường, như sự nhận-thức được sự giống hoặc sự khác nhau giữa nhiều cảm-giác, giữa nhiều ký-írc, giữa nhiều cử-động tể-nhị hoặc khéo-léo. Theo ông thì người ta có thể đi xa hơn nữa.

Người ta nhận thấy rằng : đối với trẻ con khác thường, nếu giáo-chức muốn dạy chúng một việc gì, một điều chi thì phải lặp đi lặp lại luân-luôn. Nếu việc ấy không được liên-tục phô-diễn thì chúng sẽ quên ngay. Vậy việc dạy chúng phải cần nhiều ngày và có nhiều cố-gắng. Lại nữa, đối với chúng, kỷ-luat cần được áp-dụng một cách hết-sinc khéo-léo để tránh những phản-ứng nhiều khi táo-bạo,

thô-khổ của chúng. Chúng kiêng-nề sức mạnh, bộ dạng uy-nghi, tính trầm-tĩnh, nghiêm-nghi, giọng nói cương-quyết và tính công-bằng của giáo-chức.

Trước mặt một đứa trẻ khác thường, điều trước tiên của giáo-chức là nghiên-cứu tì-mỉ đứa trẻ ấy để biết rõ sở-trường, sở-doản của trẻ và hoạch-dịnh một chương-trình giáo-dục đối với trẻ.

Một người giáo-chức giỏi trong sự giáo-hóa đứa trẻ khác thường là một giáo-chức đã hiểu rành-mạch khoa sự-phạm đối với các trẻ lành mạnh ở lớp mẫu-giáo và các lớp trường Sơ-tiểu, và sẽ tùy-cơ ứng-biến, áp-dụng kinh-nghiệm ấy cho trẻ khác thường tùy trình-độ nhiều hay ít của sự khác thường ấy. Nói thực ra, đối với những trẻ khác thường hiện nay chỉ có những nguyên-tắc đại-cương của khoa sự-phạm được tùy trường-hợp mà áp-dụng thôi.

V. KẾT-LUẬN

Nói tóm lại, trong một nước, số trẻ con khác thường không phải là ít. Ấy là những trẻ con xấu số. Trong một gia-dinh đạo-đức biết rõ trách-nhiệm mình, những trẻ con tàn-tật là mối lo-âu lớn của cha mẹ vậy. Chúng sẽ được thương-yêu, săn-sóc nhiều hơn các đứa con lành mạnh.

Ở trong một quốc-gia, chính-phủ là cha mẹ dân thì bang dân xấu số ấy lẽ tất-nhiên phải được chính-phủ chăm-noi, săn-sóc, dạy-dỗ kỹ-lưỡng là vì nếu chúng bị bỏ rơi, thì chúng sẽ là những tai-hại lớn cho làng-nước; mà đối với chúng, chính-phủ cũng không làm tròn phận-sự của mình.

CHƯƠNG BỐN

CÁC PHƯƠNG-PHÁP GIÁO-DỤC

TIẾT I

PHƯƠNG-PHÁP QUI-NẠP VÀ PHƯƠNG-PHÁP SUY-DIỄN VỀ PHƯƠNG-DIỆN KHOA-HỌC VÀ PHƯƠNG-DIỆN GIÁO-DỤC

I. ĐỊNH NGHĨA. Phương-pháp là con đường thẳng nhất và chắc-chắn nhất để tìm ra chân-lý và, một khi chân lý ấy đã tìm ra được, truyền nó lại cho người khác.

Người ta tìm ra chân-lý bằng những phương-pháp nghiên-cứu. Người ta truyền chân-lý ấy lại cho người khác bằng phương-pháp giáo-dục.

II. NHỮNG PHƯƠNG - PHÁP NGHIÊN - CỨU
(Les méthodes de recherche). Trong địa-hạt khoa-học, muốn tìm ra một định-luật, một chân-lý, nhà bác-học phải theo một phương-pháp nhất-định để khỏi mất thời giờ. Các phương-pháp nghiên-cứu rất nhiều : nhưng, tựu trung, đều qui về hai hình-thức căn-bản là : qui-nạp pháp và suy-diễn pháp.

1. Qui-nap pháp (Méthodes inductive)

Theo phương-pháp này, người ta khởi đầu nghiên-cứu những trường-hợp riêng-biệt, thí-nghiệm về nhiều thí-dụ để rút kinh-nghiệm và sau cùng người ta gồm những điểm giống nhau trong các cuộc thí-nghiệm ấy để lập thành một định-luật tổng-quát :

Thí-dụ : Sắt đốt nóng thì phồng lên. Đồng đốt nóng thì phồng lên. Bạc đốt nóng thì phồng lên. Vàng đốt nóng thì phồng lên, vân vân... Mà sắt, đồng, bạc, vàng, v. v... là loài kim-thuộc. Như vậy : Loài kim-thuộc đốt nóng thì phồng lên.

2. Suy-diễn pháp hay là diễn-dịch pháp (Méthode déductive)

Theo phương-pháp này, người ta đi từ định-luật tổng-quát mà xuống cho đến các thí-dụ, các trường-hợp riêng-biệt.

Thí-dụ : Loài kim-thuộc đốt nóng thì phồng lên — (Định-luật tổng-quát).

Đồng là loại kim-thuộc — Vậy đồng đốt nóng thì phồng lên.

Sắt là loại kim-thuộc — Vậy sắt đốt nóng thì phồng lên, v. v...

Nói tóm lại :

Theo qui-nap pháp thì người ta bắt đầu từ những trường-hợp đặc-biệt ở dưới thấp mà lên đến định-luật tổng-quát ở trên cao.

Trái lại, theo suy-diễn pháp thì người ta bắt đầu từ trên cao là định-luật tổng-quát mà đi xuống thấp là những trường-hợp riêng-biệt.

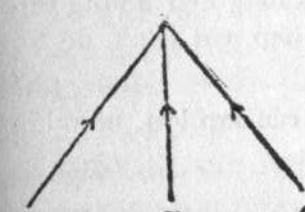
Qui-nap pháp và suy-diễn pháp được gọi là : « lưỡng-

dồ suy-luận » của nhà triết-học Anh là ROGER BACON (La double échelle de Roger Bacon).

Phương-pháp qui-nap dùng để tìm ra chân-lý, hay là một định-luật tổng-quát.

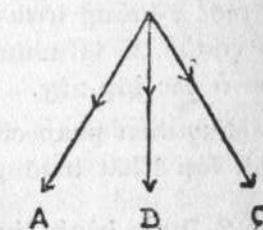
Trái lại, phương-pháp suy-diễn giúp sự kiềm-soát coi định-luật ấy có đúng không bằng cách áp-dụng định-luật ấy cho các trường-hợp riêng-biệt.

Định-luật tổng-quát



Qui-nap-phap

Định-luật tổng-quát



Suy-diễn-pháp

III. NHỮNG PHƯƠNG-PHÁP GIÁO-DỤC CHÍNH

Phương-pháp qui-nap và phương-pháp suy-diễn cũng đã được coi là phương-pháp giáo-dục từ lâu. Thí-dụ : Khi dạy môn Quan-sát hay là Khoa-học thường-thúc, hoặc môn Văn-phẩm, giáo-chức đi từ những trường-hợp đặc-biệt (những thí-dụ cụ-thể khác nhau) rồi đưa học-sinh đến sự tự-chứng-tim ra định-luật hoặc qui-tắc chung. Đó là giáo-chức đã áp-dụng qui-nap pháp vậy.

Trái lại, khi dạy môn Luân-lý, môn Hình-học, v. v... giáo-chức nêu lên một nguyên-tắc, một công-th thức rồi bảo trẻ-con áp-dụng nguyên-tắc, công-th thức ấy cho những thí-dụ cụ-thể. Đó là giáo-chức áp-dụng suy-diễn pháp rồi vậy.

1. Qui-nap-pháp và suy-diễn-pháp được áp-dụng cho những lớp nào ở trường sơ-tiểu ?

Như trước kia chúng tôi đã nói, ở các lớp nhỏ trường sơ-tiểu (từ lớp Năm đến lớp Ba) trẻ con thích quan-sát những sự-vật hữu-hình, cụ-thể vì trong thời-kỳ này chúng vận-dụng triết-dề ngũ-giác-quan của chúng. Bởi thế, qui-nap-pháp là phương-pháp thích-hợp nhất với trình-độ của chúng. Trái lại, chúng không thích cái chi là trừu-tượng; những cái đó sẽ khó hiểu đối với chúng và chúng sẽ chán-nản ngay. Suy-diễn pháp đi từ định-luat tổng-quát nghĩa là một ý-tưởng trừu-tượng để rồi xuống đến những thí-dụ cụ-thể, lẽ tất-nhiên không phù-hợp với trình-độ trẻ con ở các lớp này.

Suy-diễn pháp chỉ áp-dụng cho các lớp lớn, như lớp Nhì, lớp Nhất trường sơ-tiểu.

2. Dưới hình-thức nào hai phương-pháp qui-nap và suy-diễn được áp-dụng trong sự dạy-dỗ trẻ con

Với tư-cách là phương-pháp giáo-dục, hai phương-pháp qui-nap và suy-diễn được áp-dụng dưới một trong ba hình-thức sau đây :

a. Phương-pháp qui-nap hay là suy-diễn dưới hình-thức thuyết-minh

Dưới hình-thức này, trong khi giảng bài mới, thầy chỉ nói một mình từ đầu chí cuối.

Phần lợi : Dưới hình-thức này bài dạy không làm mất quá nhiều thi-giờ. Cuối năm chương-trình học có thể được giảng tắt. Bài giảng khỏi bị giàn-doạn. Thầy sẽ hứng-thú được giảng bài liên-tiếp.

Phần hại : Học-sinh đóng vai thụ-động, chỉ nghe mà không được nói gì từ đầu chí cuối. Chúng sẽ chán và lớp học sẽ trở nên buồn tẻ, không chút gì linh-dộng. Lại nữa,

thầy sẽ không sao biết được học-sinh có theo kịp mình không; thầy sẽ lao tâm, kiệt sức mà rồi kết-quả không có gì.

b. Phương-pháp qui-nap hay là suy-diễn dưới hình-thức chát-ván hay là vấn-đáp

Dưới hình-thức này bài giảng được trình-bày dưới hình-thức một cuộc đàm-thoại giữa thầy và học-sinh. Thầy hỏi, học-sinh trả lời, từ đầu đến cuối bài.

Phần lợi : Lớp học rất linh-động. Học-sinh được nói được phát-biểu ý-kiến. Chúng trở nên dạn-dĩ, lanh-le.

Thầy nhờ thế mà biết được sự hiểu-biết của học-sinh và kết-quả cách dạy của thầy. Đồng thời thầy được nghỉ đôi chút.

Phần hại : Nếu bài không được sửa-soạn kỹ, nếu cách điều-khiển lớp học không được khéo-léo thì cách dạy như thế làm mất thi-giờ rất nhiều cho toàn lớp và lớp học sẽ mất trật-tự.

c. Phương-pháp qui-nap hay suy-diễn dưới hình-thức hỗn-hợp

Dưới hình-thức này, những đoạn khó của bài được thầy giảng-dạy cho toàn lớp (hình-thức thuyết-minh). Nhưng đến những đoạn dễ thì thầy ngừng lại để hỏi học-sinh.

Phần lợi : Lớp học linh-động; toàn lớp ít mất thi-giờ

Phần hại : Lối dạy này đòi-hỏi một kinh-nghiệm dày-dặn. Nếu không, lớp học sẽ lộn-xộn và mất rất nhiều thi-giờ, nhất là bài dạy không được sửa-soạn kỹ.

IV. KẾT-LUẬN

Nói tóm lại trên lãnh-vực khoa-học cũng như trên lãnh-vực giáo-dục, phương-pháp là con đường thẳng

nhất đưa chúng ta đến ngay mục-tiêu đã nhắm và tránh cho ta sự phi-mất thi-giờ-vô-ich. Hai phương-pháp căn-bản về phương-diện nghiên-cứu cũng như giáo-dục là : qui-nạp và suy-diễn hay là diễn-dịch.

TIẾT II

CÁC PHƯƠNG-PHÁP GIÁO-DỤC XƯA VÀ NAY

Biến-thè của hai phương-pháp trên

Như trên chúng tôi đã nói có hai phương-pháp giáo-dục chính là : Qui-nạp pháp và suy-diễn hay là diễn-dịch pháp.

Nhưng trên thực-tế từ xưa đến nay hai phương-pháp ấy được áp-dụng dưới nhiều hình-thức khác nhau. Vì thế mà có những phương-pháp cõi-truyền và phương-pháp tối-tân ngày nay.

PHẦN THỨ NHẤT. CÁC PHƯƠNG-PHÁP VỀ THÈ-DỤC

I. PHẦN KHÁI-QUÁT

Sự lựa-chọn các trò chơi (Le choix des jeux)

Không một phương-pháp rèn-thì nào qua được các cuộc chơi vì lẽ một phần là các trò chơi luôn thích-

thú toàn-diện cơ-thể và một phần là nó thích-ứng đúng mức với những lợi-ich tâm-lý của mỗi hạng tuổi. Tất-cả các cuộc chơi đều có tính-chất đánh thức ở mỗi trẻ ý-thức xã-hội nhờ sự thực-hành những qui-tắc ước-dịnh thuộc về các cuộc chơi ấy. Hầu hết các cuộc chơi đòi hỏi ở mỗi trẻ óc sáng-kiến, tính nhanh-nhẹn trong sự quyết-định, những tính đặc-biệt về sự khéo-léo và sự bình-tĩnh. Các cuộc chơi được phân ra từng đội, từng nhóm, làm nảy-nở tinh-thần đoàn-kết, đồng-dội. Đó là những động-tác qui-báu để đào-luyện tinh-tinh cá nhân.

Sự lựa-chọn các trò chơi cần theo đúng ba điều-kiện sau đây: trò chơi thích ứng với khả-năng của cơ-thể và trí-tuệ của mỗi trẻ tùy theo hạng tuổi; trò chơi phải làm thích-thú những cơ-năng khi-quan (fonctions organiques) mà không làm trẻ quá nhọc; trò chơi không nên có mục-đích làm nảy-nở ở trẻ nhiều tật xấu hoặc nhiều tánh xấu về phương-diện luân-lý. Một ít trò chơi quá mạnh-bạo có thể đưa đến những rủi-ro nhưng không vì thế mà có sự cấm đoán nghiêm-ngặt. Cái tai-hại chính của các trò chơi là các cử động không được kiểm-soát kỹ-lưỡng, sự phung-phi nghị-lực không được lường-do, các trò chơi không được tổ-chức theo cách tuân-tự nhi-tiến.

Trò chơi vượt ra ngoài phạm-vi của khoa vận-động sinh-lý học (physiologie du mouvement). Riêng về giá-trị thể-thao của trò chơi thì nó không có tính-cách súra-chữa chi cả. Một đời khi trò chơi lại làm phát-triển mạnh những khuyết diêm, những tật thuộc về cơ-thể hơn là súra-chữa nó. Vì lẽ ấy mà khoa thể-thao đúng phương-pháp, hợp-lý cần đi đời với trò chơi lâu chừng nào hay chừng ấy mà vẫn không làm mất đặc-tính của trò chơi.

II. NHỮNG PHƯƠNG-PHÁP VỀ THỂ-DỤC

Các nhà sinh-lý học và các lý-thuyết gia về Thể-dục đã tranh-luận trong một thời-gian rất dài và hiện nay họ vẫn còn tranh-luận về phương-pháp có nhiều giá-trị thể-dục nhất. Những người cổ Hy-lạp bỗng-nhiên đã nghĩ ra một lối Thể-dục rất hợp-lý: họ đã tạo ra vận-động-trường và tổ-chức những cuộc cạnh-tranh thể-thao (dấu thể-thao). Cùng một lúc họ đã đạt được mục-dịch duy nhất của môn thể-thao là: sức khỏe bằng cách dung-hòa sự di-tim-thể-lực với sự di-tim-vẻ đẹp của cơ-thể, dung-hòa sức-lực với trạng-thái điều-hòa của các cù-động. Lối thể-dục ấy đã thoái-bộ từ khi nó có tính-cách quân-sự và chỉ dành riêng cho quân nhân. Vấn-de ấy lại được đặt trở lại nhiều lần do những nhà cổ-diễn học trong thời-kỳ khoa-học văn-nghệ phục-hưng và sau nữa là J.J. Rousseau và các nhà lập-pháp trong thời-kỳ Đại cách-mạng Pháp.

Thế-kỷ thứ XIX đã thấy xuất-hiện nhiều hệ-thống thể-thao đưa Thể-dục theo nhiều hướng thuộc những quan-niệm như sau: Quan-niệm lực-sĩ, quan-niệm quân-sự, quan-niệm giải-phẫu sinh-lý, quan-niệm giáo-dục, v.v...

Các hệ-thống hay phương-pháp thể-dục ấy là :

Thể-dục Pháp-lan-tây hay là phương-pháp Armoros, phương-pháp trường Joinville, phương-pháp Thụy-diển, phương-pháp tự-nhiên, Thể-dục lực-sĩ, phương-pháp được chính-thức công-niệm ở các học-đường ngày nay. Được liệt vào loại thể-dục lực-sĩ cần kẽ thêm phương-pháp của nhà thể-dục Georges Demeny, phương-pháp thể-dục nhịp-nhàng của Jacques Dalcoze (Xin xem các phương-pháp thể-dục này về môn thể-dục trong quyển Sư-phạm thực-hành cùng một tác-giả).

III. KẾT-LUẬN

Phần thứ nhứt : Tất cả các phương-pháp thề-dục ngày nay vẫn được đặt dưới sự hiểu-biết về cơ-cấu giải-phẫu và cách-thức vận-chuyển về phương-diện sinh-lý của cơ-thể con người. Đó là tính cách tổng hợp của các phương-pháp ấy.

Thề-dục rất cần-thiết cho bất-cứ hạng tuổi, bất-cứ thời-kỳ sinh-trưởng nào. Nó vẫn còn cần-thiết cho những bậc lão-thành với điều-kiện là nó dura đến sự mệt-nhọc và sự cố-gắng quá lě.

Sự mệt-nhọc là do sự kiệt-lực mà ra và được chấm-dứt bằng sự nghỉ-ngơi sau buổi tập.

Sự mệt-nhọc do sự cố-gắng quá sức có thể dura đến sự đầu-dộc cơ-thể bằng sự bài-tiết một vài chất độc trong thân con người và rất có hại cho sức-khỏe.

Khoa thề-dục cần được kiềm-soát chu-dảo. Sự kiềm-soát ấy gồm hai phần : phần thuộc về sinh-vật học và phần thuộc về chuyên-môn. Phần thứ nhất bắt-buộc phải lập phiếu cá-nhan và các yếu-tố giúp thành-lập một trắc-diện (protot) rất đúng của mỗi cá-nhan.

Phần thứ hai : Được giao cho các giáo-sư hay các giảng-tập-viên. Nó gồm tất-cả những kết-quả các tiến-bộ về chuyên-môn và về các thành-tích trong các cuộc thi đua.

Sự so-đọ hai phần trên đây giúp ta có nhiều tài-liệu quí-báu về sức tiến-triền của mỗi cá-nhan và giúp chúng ta tổ-chức những sự tìm-tòi mới để luôn luon cải-thiện các phương-pháp được áp-dụng.

PHẦN THỨ HAI. CÁC PHƯƠNG-PHÁP VỀ TRÍ-DỤC (Les méthodes intellectuelles)

Các phương-pháp tri-dục được kẽ theo tuần-tự cũ trước, mới sau, theo như dưới đây :

I. PHƯƠNG-PHÁP GIÁO-HUẤN HAY GIÁO-THỦ

(Méthode didactique)

a. Định-nghĩa : Ấy là phương-pháp giáo-dục chuyên truyền-thụ lại cho nhiều người khác những tư-tưởng qui, những tri-thức hay dưới hình-thức một bài dạy soạn trước do giáo-sư trình-bày một mình. Học-sinh cứ việc ngồi nghe và không phát-biểu ý-kiến gì. Bài dạy có tính-cách một lời khuyên-răn, một chân-lý cần phải công-nhận.

b. Những ích-lợi của phương-pháp giáo-huấn hay giáo-thủ

Trẻ con nếu để chúng tự tìm ra các ý-kiến, hoặc tự lập lại những phát-minh của các thế-hệ trước thì không sao làm được là vì chúng thiếu kinh-nghiệm. Chúng sẽ chối-với như người xuống biển mà không biết bám-viù vào đâu. Lại nữa chúng ít khi, lần đầu-tiên, đi trung đường, đạt mục-dịch ngay. Chúng sẽ lầm-lạc nhiều và nhiều khi những lầm-lạc ấy rất có hại cho chúng và chúng mất rất nhiều thi-giờ. Có nhiều môn học, dù chúng thông-minh đến đâu cũng không thể tìm ra được. Thi-dụ : Các sự-kiện lịch-sử, nếu chúng không biết thì phải đành chịu vậy chứ không sao tự tạo được.

Để tránh cho trẻ con khỏi mất thi-giờ và khỏi lầm-lạc tai-hại người ta áp-dụng phương-pháp giáo-huấn hay giáo-thủ, một hình-thức của suy-diễn hay là diễn-dịch pháp.

c. Những tai-hại của phương-pháp giáo-huấn hay giáo-thủ

Trong sự áp-dụng phương-pháp giáo-huấn hay giáo-thủ, giáo-sư thường coi trẻ con là một người lớn thu hình « nghĩa là : sự hiểu-biết và cảm-xúc của trẻ y như người lớn ». Điều ấy rất sai theo khoa tâm-lý nhi-đồng ngày nay.

Vì quan-niệm trẻ như thế cho nên người ta cứ rót vào tai trẻ vô số tri-thức không cần tim-hiểu trẻ có hấp-thụ được không và chịu nỗi việc nhồi vào trí-óc liên-tiếp những tri-thức ấy không?

Nếu trẻ tin-tưởng ở thầy và sợ thầy quả phạt thì trẻ sẽ cố-gắng mà « nhớ » những điều thầy đã dạy. Ấy là lỗi « học vẹt » ngày xưa.

Bằng chẵng vậy thì trẻ sẽ chán-nản, sợ lớp học rồi bỏ học.

Trẻ nào không đủ sức theo học lớp ấy nhưng bị cha mẹ bắt-buộc phải theo thì cuối niênn-khoa sẽ trở nên suy-nhược, dần-độn về tinh-thần.

Cái lầm-lạc của phương-pháp giáo-huấn là tự coi mình là đầy-đủ. Nói một cách khác, trong khi dạy một môn gì từ đầu chí cuối ông thầy chỉ áp-dụng phương-pháp này thì đó là một tai-hại; tai-hại cho học-sinh vì suốt giờ chúng phải đóng vai thụ-động; tai-hại cho thầy vì thầy mệt lả!

Phương-pháp giáo-huấn lạm-dụng quá mức sự trùu tượng hóa, sự suy-luận và phép tự-hình giáo-duc (verbalisme).

II. PHƯƠNG-PHÁP TRỰC-GIÁC (Méthode intuitive).

A. ĐỊNH-NGHĨA

1. **Trực-giác** là một tác-động ngẫu-phát nhất của tri khôn con người. Do sự tác-động ngẫu-phát ấy con người biết ngay được một điều gì đúng với chon - lý, đúng với sự thật, nên làm hay không nên làm mà không cần có sự suy-nghĩ tim-tòi, hay nhờ sự gòp sức của một trung-gian nào.

Trực-giác không phải nhờ học-hỏi mà có và không phải ai ai cũng có trực-giác. Có ba loại trực-giác là:

Trực cảm-giác (Intuition sensible), lý-trí trực-giác (Intuition mentale) và **đạo-đức trực-giác** (Intuition morale).

Người có trực cảm-giác sau khi thấy, nghe, sờ, mó, hoặc nếm, ngửi một vật gì, một âm-thanh, một sinh-vật thì biết ngay sự tốt hay xấu, lành hay dữ sắp xảy ra.

Người có lý-trí trực-giác sau khi xem một điều gì thì biết ngay việc ấy nên làm hay không nên làm và, nếu làm, thì phải làm cách nào?

Người có đạo-đức trực-giác thì trong những lúc mọi người đều tâng-thối lưỡng-nan, không biêt cư-xử thế nào cho phải thì người ấy biết ngay cách giải-quyet vấn-de một cách thỏa-đáng. Lúc nào người ấy cũng làm đẹp dạ mọi người.

Trực-giác là một tính-chất (disposition) phi-thường. Nhưng tại sao các sư-phạm già từ xưa đã nêu lên phương-pháp trực-giác? Không chi lạ; các nhà sư-phạm nói trên căn-cứ vào cách thị-hiện của trực-giác thiên-nhiên mà tạo ra một thứ trực-giác nhân-tạo bằng cách như sau.

Thí-dụ: Trẻ con chưa biết ớt là cay, lửa là nóng thì cứ đẽ trẻ nếm ớt, sờ lửa. Tự-hậu hễ thấy ớt không cần nếm mà chúng biết ngay là cay, thấy lửa không cần sờ mà chúng biết ngay là nóng. Sự thấy ớt biêt ngay là cay, thấy lửa biêt ngay là nóng là lỗi trực-giác nhân-tạo vậy. Nó đòi hỏi một sự quan-sát sự-vật bằng ngũ giác-quan lâu hoặc mau để rút kinh-nghiệm. Chính kinh-nghiệm vừa nói trên là nền-tảng của lỗi trực-giác nhân-tạo này.

2. **Vậy phương-pháp trực-giác là một phương-pháp giáo-duc căn-cứ vào sự cho trẻ con quan-sát sự-vật (sờ mó, nếm ngửi, cảm lường, v.v...) để tự rút kinh-nghiệm và tự tìm ra tính-chất và công-dụng của mỗi sự-vật. « Đề vật trước lời » là châm-ngôn của lỗi giáo-duc này, một hình thức « qui-nap pháp ».**

Phương-pháp trực-giác đã được các sư-phạm già trứ-danh thời Văn-học, khoa-học, mỹ-nghệ phục-hưng đề-xướng và truyền-bá như : Rabelais, Montaigne, và sau nữa là Coménies (Tiệp-khắc) và Locke (Anh-quốc). Lối giáo-dục này cẩn-cứu vào những quan-niệm sau đây : quan-niệm về duy-cảm chủ-nghĩa (conception sensualiste) và quan-niệm liên-tưởng triết-học (conception associacioniste) hơn là quan-niệm về khởi-nguyên-thuyết (conception génétique) của khoa tâm-lý nhi-dồng.

Các sư-phạm già bình-vực phương-pháp này đồng-tuyên-bố rằng : phải dành một phần lớn cho sự quan-sát có tính-cách tâm-lý và sự giáo-dục trẻ con đầu-tiên phải đi ngay vào ngũ-giác-quan, phải khởi-dầu bằng cái chi-cụ-thể, thấy được, sờ được để rồi dần-dần đi đến những liên-hệ trừu-tượng. Các vị ấy còn nói thêm rằng : « Những miêu-tả, những tượng-trưng sẽ được in sâu vào tư-tưởng của trẻ con nếu những cái ấy đều hoàn-toàn bằng hình-ảnh gom lại tùy theo những mối quan-hệ của các thứ ấy trong cuộc thí-nghiệm ».

Nhưng khi nêu lên phương-pháp trực-giác các sư-phạm già nói trên không nói rõ đó thuộc về loại trực-giác nào ? Sau này, để cho phương-pháp nói trên được chính-xác, người ta mới áp-dụng nó cho ba loại trực-giác là : Trực cảm-giác, Lý-trí trực-giác, Đạo-đức trực-giác. Ba loại trực-giác này có khi được coi là ba phương-pháp giáo-dục. Nhưng ở đây chúng ta liệt nó vào phương-pháp trực-giác.

B. TRỰC CẢM GIÁC (Intuition sensible)

1. Định-nghĩa : Tức là sự hiểu-biết ngay một điều gì do sự trung-gian của ngũ-giác-quan. Trực cảm-giác được coi như là một phương-pháp giáo-dục.

2. Nguyên-tắc áp-dụng trực cảm-giác trong sự dạy-dỗ trẻ con, « Đè vật trước lời » (Les choses avant les mots).

Câu ấy có nghĩa là : phàm giảng-giải một bài gì, nhất là về môn quan-sát hay khoa-học thường-thức, thì phải để cho trẻ con sờ, mó, nếm, ngửi, cảm-nhắc những đồ-vật mà chúng cần quan-sát để học-hỏi. Nhờ sự quan-sát ấy mà trẻ con sẽ biết những đặc-tính của đồ-vật, và sẽ có một kinh-nghiệm về vật ấy. Nói một cách khác phải cụ-thể hóa bài dạy bằng cách bắt trẻ-con áp-dụng ngũ-giác của chúng trong sự quan-sát.

3. Trực cảm-giác được áp-dụng cho những môn nào trong chương-trình ?

Trực cảm-giác được áp-dụng cho những môn sau đây trong chương-trình như :

Cách-trí hay là môn quan-sát,

Địa-dư,

Sử-ký,

Toán-pháp, Hình-học, Đo-lường,

Ngữ-vựng, Tác-văn.

4. Phần lợi của sự áp-dụng trực cảm-giác

Ở các lớp mẫu-giáo, các lớp tư và lớp ba trường sơ-tiểu sự áp-dụng trực cảm-giác đem lại những thắng-lợi sau đây :

Trẻ con rất vui-thích mà được thấy, sờ, mó, nếm, ngửi, nghe tiếng (âm-thanh) của các vật để trước mắt chúng,

Lớp học sẽ trở nên linh-động : tri-óc quan-sát của trẻ con sẽ luôn-luôn được kích-thích.

5. Phần hại : Nếu bài soạn không được chu-đáo, nếu các câu hỏi không được nghĩ ra và sắp-xếp theo thứ-tự để đạt một mục-đích nhứt-định thì đó là một sự phi-mất thời-giờ quá nhiều và chung cuộc tâm-hồn trẻ con sẽ hoang-mang, các ý-kiến nêu lên sẽ rất rời-rạc.

6. Kết-luận

Sự áp-dụng trực cảm-giác trong sự dạy-dỗ trẻ con đã trở nên nguyên-tắc căn-bản của nền giáo-dục mới. Nó đòi-hỏi ở ông thầy một kinh-nghiệm dày-dặn, một sự cẩn-thẬn lớn trong khi soạn bài và giảng bài. Nếu không, nó chỉ đem lại tai-hại cho trẻ con mà thôi. Trực cảm-giác được triệt-đè áp-dụng cho các lớp mẫu-giáo, các lớp năm, tư và ba trường sơ-tiểu. Từ lớp nhì trở lên về môn quan-sát giáo-chức phải bắt đầu cho học-sinh làm những thí-nghiệm nhỏ.

C. LÝ-TRÍ TRỰC-GIÁC (Intuition mentale)

1. Định-nghĩa : Lý-trí trực-giác hay là trực-giác chính-thức (intuition proprement dite) là sự hiểu biết ngay một điều gì nêu làm hoặc không nêu làm, một cách đúng lý mà không cần đến sự giúp-dỗ của ngũ giác-quan, đến sự suy-nghĩ và một sự chứng-minh nào,

2. Các thí-dụ : Ta suy-nghĩ dễ tìm cách giải-quyết một bài toán đã hai ba ngày mà không ra.

Thỉnh-linh có người bạn đến, ta đem hỏi cách giải-quyết bài toán ấy. Không ngần-ngại một phút nào người ấy chỉ ngay cho ta cách giải-quyết bài toán ấy một cách mau lẹ và rất đúng.

Những nhà khoa-học phát-minh ra nhiều định-luật về vật-lý học là nhờ lối trực-giác này. Thí-dụ : Archimède tìm ra « nguyên-tắc Archimède » về những vật hổ trong nước. Newton tìm ra nguyên-tắc của hấp-lực trong vũ-trụ.

3. Sự ích-lợi của lý-trí trực-giác : Lý-trí trực-giác có một công-dụng vô cùng lớn lao. Những phát-minh vĩ-dai về khoa-học phần nhiều là những kết-quả của lý-trí trực-giác. Những bậc « Siêu-nhân » thời xưa, những « thiên-tài »

đã làm được những công-cuộc hiền-hách, phi-phàm, đều đã nhờ lý-trí trực-giác mà nêu cơ-nghiệp.

Về phương-diện tôn-giáo, lý-trí trực-giác được gọi là « tuệ-giác ».

d. Kết-luận. Nói tóm lại, lý-trí trực-giác là một thiên-tư đặc-biệt, không phải mọi người ai cũng có. Nó, hoặc là sự kết-tinh của nhiều thế-hệ đã được đào-luyện theo một đường lối nhất-định, hoặc là tự-nhiên mà bộc-phát. Cá nhân nào hân-hạnh được có lý-trí trực-giác sẽ giúp ích cho nhơn-quần trong xã-hội không biết bao nhiêu việc. Lý-trí trực-giác có đôi khi phát-triển ở trẻ con mà người ta gọi là « thần-dồng ».

D. ĐẠO-ĐỨC TRỰC-GIÁC (Một phương-pháp giáo-dục)

1. Định-nghĩa : Đạo-đức trực-giác là sự nhận-thức, sự hiểu-biết ngay những chân-lý thuộc về luân-lý đạo-đức ở trong tâm-hồn con người. Các chân-lý ấy là những nguyên-tắc điều-chỉnh tánh-hạnh con người.

2. Phương-pháp áp-dụng : Đạo-đức trực-giác được áp-dụng cho sự giảng-dạy môn luân-lý ở nhà trường. Lý-do chính-yếu là : khi trẻ con đến nhà trường chúng đã có sẵn trong tâm-hồn những khái-niệm về Chân, Thiện và Mỹ. Các khái-niệm ấy chỉ chờ cơ-hội để phát-triển thôi. Khi dạy môn quan-sát, môn toán môn hình-học, môn đơ-lường, môn sử-địa, môn thủ-công, giáo-chức kích-thích óc quan-sát, trí suy-nghĩ của trẻ con, tập chúng ưa thích sự thật và dần dần đưa chúng đến tinh-thành-thật, chân-thật.

Khi giáo-chức dạy chúng những đức-tánh tốt cần phải có, những công-tác xã-hội, những việc bô-thi, chẩn-tế, v.v...giáo-chức đã hướng chúng lần-lần về « Thiện ».

Khi giáo-chức tập trẻ con biết thường-thức một

bài hát hay, một bản nhạc du-dương, một bức tranh, một phong-cảnh đẹp giáo-chứ chướng chúng về « mỹ », khiếu thâm-mỹ sẽ dần dần phát-sinh ở chúng và sẽ giúp chúng có một tinh-tinh cao-thượng, điều-hòa. Trong khi dạy môn luân-lý, giáo-chức phải áp-dụng lối dạy « Do thiền nhập thâm » (đi từ chỗ cạn, chỗ nông, đến chỗ sâu) nghĩa là đi từ chỗ dễ đến chỗ khó. Giáo-chức không nên giảng bài một cách cao-siêu, tể-nhi quá. Trái lại, bài học phải được trình-bày dưới một hình-thức cụ-thể, giản-dị về câu văn, lời nói cũng như về ý-nghĩa. Bài học phải ngắn và cuối cùng có những câu châm-ngôn có ý-nghĩa thiết-thực để trẻ học thuộc lòng thay thế cho toát-yếu của bài.

Ở các lớp nhỏ bậc sơ-tiểu, thầy chỉ thuật một ít mẫu chuyện ngắn thuộc về bài học rồi quay ra bảo học-sinh tìm trong câu chuyện những chỗ nào là phải, chỗ nào là quấy, chỗ nào là hay, chỗ nào là dở. Một câu châm-ngôn tóm-tắt câu chuyện được nêu lên bảng đèn để trẻ học thuộc lòng. Sau đó, giáo-chức có thể bảo trẻ con thuật lại những mẫu chuyện tương-tự mà chúng đã nghe thấy.

Trong khi giảng bài luân-lý giáo-chức không nên nói một mình và phải áp-dụng phương-pháp hoạt-động dưới hình-thức vấn-dáp.

3. Kết-luận

Nói tóm lại, đạo-đức trực-giác được coi là phần tối-cần của cách dạy môn luân-lý và công-dân giáo-dục. Căn-cứ vào đó giáo-chức sẽ khêu-gọi những tiềm-lực tự-nhiên của lương-tâm và tin-tưởng ở tinh-tự-nhiên của con người, những bản-năng tốt của trẻ con, ở những khuynh-hướng của chúng về : Chân, Thiện, Mỹ.

Điều cần chú-ý : Trong khi áp-dụng phương-pháp trực-giác mà thầy không dẫn-dắt học-sinh một cách khéo-leo trong sự quan-sát các sự-vật, trong sự tìm-kiếm các đặc-tính của sự-vật và so-sánh sự-vật này với sự-vật khác và phó-mặc cho học-sinh tùy ý quan-sát sự-vật thì chúng sẽ không quan-sát gì hết, chúng sẽ xem qua sự-vật rồi thôi ; chúng cũng sẽ thụ-động như với phương-pháp giáo-huấn vậy. Ấy là điều đáng trách và đáng tránh trong sự áp-dụng phương-pháp trực-giác vậy.

III. NHỮNG PHƯƠNG-PHÁP HOẠT-ĐỘNG (Les méthodes actives).

A. KHÁI-QUÁT. Chính những khuyết-diểm của phương-pháp giáo-huấn hay giáo-thụ và phương-pháp trực-giác khi người ta so-sánh hai phương-pháp này với những kết-luận đầu-tiên của khoa tâm-lý thực-nghiệm đã thúc-đẩy các nhà sư-phạm nghĩ đến những phương-pháp hoạt-động.

Phương-pháp hoạt-động là những phương-pháp muốn làm nổi bật lên những tiến-bộ của phần tri-dục trẻ-con cũng như của người thanh-niên, chẳng những về quan-diêm thu-thập các tri-thức mà còn về quan-diêm đào-tạo những tập-quán lành-mạnh về cách tư-trưởng thuộc căn-bản tâm-lý của chúng bằng cách khêu-gọi những ích-lợi của chúng cho sự kích-thích óc sáng-kiến và ước-vọng lúc nào cũng hiểu-biết nhiều hơn và luôn luôn hay hơn ở chúng.

Phương-pháp hoạt-động chống hẳn lại với tất-cả cái chi là thụ-động trong phương-pháp giáo-huấn và phương-pháp trực-giác. Nó là một hình-thức của qui-nap pháp. Sự áp-dụng phương-pháp hoạt-động căn-cứ vào sự hiểu-biết đúng mức của những lợi-ich tinh-thần của trẻ con thanh-niên. Nó có hình-thức cơ-giới, kiến-tạo, phát-minh

khi mà tinh-thần trẻ con chỉ hướng về những loại hoạt động ấy để hiểu cảnh thực tại. Hình-thức ấy sẽ được thay đổi và được lý-trí hóa (*s'intellectualiser*) dần khi tri-óc trẻ-con được thúc đẩy bằng những lợi-ich hoàn-toàn lý-trí ; hoặc bằng lối lúc đầu thì trừu-tượng hoặc là hoàn-toàn xác-lý (*logiques*). Như thế hình-thái của phương-pháp hoạt-động thay đổi luôn tùy theo đẳng-cấp của sự áp-dụng nó. Nói một cách khác phương-pháp trí-dục hiện nay có thể luôn luôn là phương-pháp hoạt-động từ giai-đoạn đầu đến giai-đoạn cuối cùng của sự đào-luyện lương-tâm, từ cấp-bực sơ-tiêu, đến cấp-bực trung-học và đại-học dưới một hình-thức rộng-rãi chuyên-nghiệp và không có một sự cố-chấp theo một hệ-thống phép tắc hay thủ-đoạn nào.

Một điều cần được chú-ý là phương-pháp hoạt-động rất tiện lợi cho sự học nghẽ của trẻ con sau này (thủ công, nữ công được áp-dụng luôn). Nhưng không vì thế mà bỏ rơi phần giáo-dục lý-trí. Ông Adolphe Ferrière có nói : « Hoạt-động kinh-tế không khi nào vượt lên trên hoạt-động tinh-thần, cũng như hoạt-động bằng tay không khi nào vượt lên trên hoạt-động của lý-trí ». Nói một cách khác, một cá-nhân làm một công-nghệ gì không vì lẽ ấy mà tự khép mình trong khuôn khổ công-nghệ ấy mà không cần biết chi về hoạt-động lý-trí, tinh-thần. Trưởng như thế là sai.

Những phương-pháp hoạt-động ở cấp-bực Sotie.—Những phương-pháp hoạt-động được áp-dụng trước nhất ở trường mẫu-giáo, vì ở loại trường này những khuyết-diểm thật là quá lớn trong sự giáo-dục các thiếu-nhi. Lại nữa chính với trẻ con thuộc hạng tuổi này mà người ta đã áp-dụng những sáng-kiến đầu-tiên.

B. MỤC-BÍCH CHUNG CỦA CÁC PHƯƠNG-PHÁP HOẠT-ĐỘNG (cũng được gọi là phương-pháp giáo-dục

mời phỏng theo Sư-phạm giản-yếu của ông Phạm-xuân-Độ). Mục-dịch của các hoạt-động là : « vừa mở-mang kiến-thức của trẻ vừa rèn-luyện cho chúng những tập-quán tốt trong việc học-tập.» Nó căn-cứ vào ba nguyên-tắc như sau :

- a) Khêu-gợi hứng-thú của trẻ con,
- b) Gây cho chúng có óc sáng-kiến,
- c) Khiến chúng càng ngày càng hiếu-học.

Ba nguyên-tắc này được thực-hiện khi trẻ con được tự-do hoạt-động, được tự-do theo sở-thích của chúng trong công-việc học-tập về những công-việc làm bằng tay cũng như về những công-việc làm bằng tri-não.

C. CÁC GIAI-ĐOẠN TIẾN-TRIỀN CỦA TINH-THẦN TRẺ CON

I. Quan-niệm của ông Adolphe Ferrière. Theo ông Adolphe Ferrière thì tinh-thần trẻ con tiến-triền tuần-tự theo bốn thời-kỳ như sau :

Thời-kỳ ấu-trí : Từ lúc sơ-sanh đến 6 tuổi. Trong thời-kỳ này trẻ con cảm-giác nhiều, Các ngũ-giác-quan của chúng đều phát-triển.

Thời-kỳ thiếu-niên : Từ 6 đến 12 tuổi. Trong thời-kỳ này chúng cứ mò-phỏng.

Thời-kỳ thanh-niên : Từ 12 đến 18 tuổi. Chủ-yếu của thời-kỳ này là sự mở-mang trực-giác.

Thời-kỳ trưởng-thành : Từ 18 đến 24 tuổi. Trong thời-kỳ này chúng đã có đủ năng-lực để suy-nghĩ và phản-doán.

Sự phân chia các thời-kỳ này căn-cứ vào trình-dộ của những trẻ-con lành-mạnh. Tuy-nhiên, nó không phải là bất-di, bất-dịch, Nó có thể tùy khí-hậu, tùy bẩm-chất, tùy tri-thông-minh của trẻ con mà thay đổi.

2. Quan-niệm của ông Auguste Comte. Ông Auguste Comte thì cho rằng : tinh-thần trẻ con biến-chuyển theo ba trạng-thái sau đây :

Trạng-thái vật-thần (Etat félichiste). Dưới trạng-thái này trẻ con tưởng-tượng các đồ-vật đều có tính-tình và cù-chỉ như con người. Thí-dụ : khi vấp phải một cái bàn, cái ghế thì chúng tức-giận và đánh cái bàn cái ghế ấy để trả thù.

Trạng-thái siêu-hình (Etat métaphysique). Dưới trạng thái này trẻ-con không còn lầm-tưởng các vật vô-trí là những động-vật nữa, nhưng chưa thể hiểu-biết sự-vật một cách xác-đáng và sáng-suốt đúng theo nguyên-tắc khoa-học được.

Trạng-thái thực-nghiệm (Etat positif). Dưới trạng-thái này trẻ con đã khôn-lớn, biết nhận-dịnh thế nào là tạo-vật.

Căn-cứ vào ba trạng-thái trên, giáo-chức cần biết rõ trẻ-con ở trạng-thái nào hoặc ở vào thời-kỳ nào để dạy-dỗ chúng cho hợp với trình-độ chúng.

3. Quan-niệm của ông Piaget. Nhà sư-phạm Piaget đã liệt các phương-pháp hoạt-động vào hai loại như sau :

Những phương-pháp cá-tinh-hóa nền giáo-đục : Phần này gồm các phương-pháp rèn-luyện cá-tinh của tuổi trẻ. Nếu theo các phương-pháp này người ta có khi bàn đến sự xếp-dặt các học-sinh tùng nhóm. Đó là một hình-thức để chú-trọng đến tư-cách của mỗi cá-nhan thôi. Có khi người ta dùng sự sống tập-doàn của các trẻ con làm lợi-khi để giúp đỡ tu-tè của mỗi học-sinh.

Những phương-pháp xã-hội hóa nền giáo-đục : Phần này gồm các phương-tiện mà giáo-chức cần áp-dụng để dạy trẻ con chung sống với người khác cũng như để

sửa-soạn chúng vào trường dời. Vì thế mới có sự phân-chia các học-sinh ra tùng nhóm bởi lý-do sau đây : trong mỗi nhóm sẽ có sự hợp-tác giữa nhiều cá-nhan và sự hợp-tác này rất cần-thiết cho sự rèn-luyện bẩm-năng quần-cư khiến trẻ con dần dần trở nên những công-dân sáng-suốt những phần-tử xứng-đáng của xã-hội nhơn-quần.

Nói tóm lại các phương-pháp c-tinh hóa nền giáo-đục thiên về cá-tinh của mỗi trẻ con, chú-trọng về sự tu-thân của chúng. Trái lại, các phương-pháp xã-hội hóa nền giáo-đục chú-trọng về tinh đoàn-kết giữa các thành-phần của xã-hội.

D. NHỮNG BIỂN-THỂ CỦA PHƯƠNG PHÁP HOẠT-ĐỘNG

LOẠI THỨ NHẤT. NHỮNG PHƯƠNG PHÁP HOẠT-ĐỘNG CĂN-CỨ VÀO NHỮNG CẤU-TẠO (Mécanismes) CÁ-NHÂN CỦA TỰ-TƯỞNG.

Đệ nhất pháp. Phương-pháp Montessori.

1. Tiêu-sử. Bà Montessori là một nữ Bác-sĩ người Ý sinh năm 1870. Bà cũng là nhà tâm-lý-học và sư-phạm-gia trứ-danh.

Bà được chính-phủ Ý giao-phó cho sự điều-khiển Thần-kinh viện ở Rome. Nhờ cơ-hội này mà bà nhận thấy : *vấn-đề trẻ-con bất-túc (les insuffisants) là một vấn-đề có tinh-cách sư-phạm hơn là có tinh-cách y-khoa.*

2. Lý-do

Cái khởi-diểm của các thí-nghiệm sư-phạm của nữ Bác-sĩ Montessori là sự nhận-thức rằng : « *Sự cần đến sự hoạt-động ngẫu-phát dù đối với trẻ con bất-túc đi nữa đã đưa đến kết-quả không có quan-hệ gì với những kết-quả đã thu thập được với những phương-pháp truyền-ngôn* »

thông-thường (Le recours à l'activité spontanée donnait, même chez les débiles mentaux, des résultats qui n'avaient aucun rapport avec ceux des méthodes ordinaires). Vì thế mà bà có ý áp-dụng cho trẻ con lành-mạnh những phương-sách đã thành-công mỹ-mãnh với những trẻ con đặc-biệt (khác thường) — Do đó mới có những « nhà trẻ thơ » được khai-truong từ năm 1907 (Case de Bambini) tại thành La-Mã.

3. Các nguyên-tắc. Phương-pháp Montessori dựa trên những nguyên-tắc sau đây :

a. **Sự tôn-trọng tự-do của trẻ con.** Tự-do nói đây là loại tự-do có ý-nghĩa sinh-vật (sens biologique). Thí-dụ : tự-do lớn, tự-do chơi, ăn-uống, nghỉ-ngơi, hoạt-dộng, v. v...

b. **Sự hoạt-dộng của trẻ con vừa theo ý-nghĩa hoạt-dộng cơ-năng** (activité fonctionnelle) mà nền-tảng là lợi-ích ngẫu-nhiên và vừa là việc huấn-luyện cảm-giác thần-kinh (exercice sensori-moteur).

4. Đặc-sắc. Các đặc-sắc của phương-pháp này là sự áp-dụng một số chât-chẽ những bài luyện-tập tùy theo tuổi với một dụng-cụ bắt-di bắt-dịch để làm khi-cụ cho các bài luyện-tập ấy.

5. Văn-đề kỹ-luật. Hệ-thống Montessori không loại trừ bất-cứ một loại kỹ-luật nào, nhưng có điều là loại kỹ-luật ấy được giản-dị hóa do sự khởi công thực-hiện những lợi-ích của trẻ em, như sự ưa thích tìm tòi và sự cõ-gắng liên-tục của chúng. Một trong các kỹ-luật hiếm có và bị bắt buộc là : « bài học yên lặng » (Leçon de silence) mà trong đó trẻ con học cách kiềm-soát và cấm-doán các cử-dộng của chúng bằng cách ngồi lặng thinh hai mắt nhắm cho đến khi có lệnh mở ra mới thôi.

6. Văn-đề dụng-cụ. Còn về văn-đề dụng-cụ Montessori nó chỉ là cơ-hội kéo dài những sự dắt-dẫn thích-ứng đối với trẻ con mà sự quan-sát tâm-lý của chúng đã tìm ra. Thí-dụ : những bài tập lắp vào các lỗ trống (exercices d'encastrement) bài tập lồng hai vật vào nhau, lắp mộng (exercices d'emboitement) theo chiều sâu và theo chiều bình-diện để trẻ con có một ý-niệm về không-gian, v. v...

Toàn-thể dụng-cụ ấy được dùng để đạt những mục-dich sự-phạm và khoa-học. Dụng-cụ ấy dùng để huấn-luyện ngũ-giác-quan. Sự tạo ra dụng-cụ ấy đã được dựa vào những định-luật tâm-lý vật-lý-học (Loi de Weber).

Ông thầy bà thầy chỉ can-thiệp để tò-chức sự làm việc của trẻ mà thôi chứ không phải tự mình dạy trẻ. Dụng-cụ là ông thầy, bà thầy chinh-thức vậy.

7. Cách giáo-dục Montessori (Phản thực-hành). Rốt cuộc phương-pháp Montessori không phải chỉ dựa vào các bài huấn-luyện cảm-giác thần-kinh như đã nói trên mà thôi đâu, mà nó còn dựa vào các công-việc làm có tính cách giáo-dục như thể-thao và các trò chơi, thủ-công, sự huấn-luyện các cử-dộng của đời sống thực-tế và hưu-hình, sự làm vườn.

Sau cùng sự chuyển hướng từ bình-diện cảm-giác thần-kinh sang bình-diện tinh-thần được đảm-bảo nhờ các nguyên-tắc căn-bản nói trên.

« Một loại mới các bài huấn-luyện giúp kiện-toàn sự tri-giác trực-tiếp bằng những tiêu-biểu trừu-tượng hơn. Ấy là những bài huấn-luyện về sự sờ-mó các quả cân, các kich-thuróc, các khuôn-khổ của hai mắt của cơ-thể bị bịt lại và được thay thế bằng mắt của tâm-hồn ».

Lại nữa, thêm vào đó có sự thu-thập ngũ-vụng (tứ-vụng) và tiếng nói thích-ứng với dụng-cụ. Nhất là sự áp-

dụng các cảm-giác được tập-luyện cho sự quan-sát hoàn-cảnh chung-quanh, những tranh-ảnh, những đồ làm bằng giấy cứng, sự phân-tách theo phương-pháp hình học, các hình vẽ.

Sau cùng đến sự thu-thập các tri-thức thông-thường là : tập đọc, tập viết, môn tinh-học với một loại dụng-cụ riêng.

8. Ảnh-hưởng của Phương-pháp Montessori. Phương-pháp Montessori đã đi khắp hoàn-cầu. Ta cứ xem sự khác-bié特 dồi-dào của loại dụng-cụ thích-íung cho hạng tuổi thứ nhì (từ 3 đến 7 tuổi) được áp-dụng trong các trường mẫu-giáo Pháp thì dù biết ảnh-hưởng ấy lớn-lao đến bực nào.

9. Các di-luận. Tuy-nhiên phương-pháp Montessori không phải là không bị chỉ-trích.

a) Người ta trách phương-pháp Montessori đã dựa vào một khoa tâm-lý ngày nay đã lỗi-thời, vào một khoa tâm-lý chỉ chú-trọng về sự nghiên-cứu các cảm-giác (sensations) hơn là sự nghiên-cứu lý-trí cảm-giác thần-kinh (intelligence sensori-motrice) toàn-diện.

b) Sự giao-phó cho trẻ-con dụng-cụ bất-di bất-dịch được ấn-dịnh trước, thật-sự đã biết sự hoạt-động của trẻ con thành một sự báu ngẫu-phát (demi-spontanéité). Trò chơi tự-do còn được coi là một hoạt-động trẻ con và dụng-cụ đã cấm-doán sự hoạt-động thích-íung trong các sự kiến-tạo ngẫu-phát và sự-sáng-chế thật-sự.

Trong nhiều trường học người ta cho rằng sự chế-tạo ra dụng-cụ do trẻ con và loại dụng-cụ ấy luôn luôn được thay-đổi, chính nó mới thật là phương-tiện đào-luyện sự hoạt-động của trẻ con.

ĐỆ NHỊ PHÁP. PHƯƠNG PHÁP DÉCROLY.

1. Tiêu-sử. Ovide Décroly là một Bác-sĩ người Bỉ sinh năm 1871 tại Renaix (Bỉ) và chết năm 1932. Ông vừa là một bác-sĩ vừa là nhà tâm-lý học và nhà sư-phạm trứ-danh. Ông được nổi tiếng là nhờ phương-pháp giáo-đục của ông. Chẳng những ông đã nghiên-cứu tận-tường khoa tâm-lý nhi đồng ở trong phòng thí-nghiệm mà ông lại còn tự mình thực-hành công-việc dạy trẻ ngay ở học-đường của ông tại Bruxelles.

2. Phương-pháp Décroly. Phương-pháp Montessori một phần lớn còn trung-thành với nguyên-tắc « *Sự phức-tap tuần-tự nhị tiến* » (Principe de complexité croissante) mà các nhà tâm-lý theo lối xưa rất thích.

a. Các nguyên-tắc. Trước lại, phương-pháp Décroly được đặt trên nguyên-tắc đổi-choi-lại. Nguyên-tắc ấy ông đã tìm ra trong khi ông quan-sát các trẻ con đặc-bié特 (bất-thường) — Nguyên-tắc ấy là như sau :

« *Sự phát-triển tinh-thần trẻ con khởi sự từ cái tổng-quát, cái không phân-bié特 (du global, de l'indifférencié) trên tất-cả các địa-hạt để rồi từ sự hỗn-hợp nguyên-thủy ấy mà đi đến sự phân-tách và sự tổng-hợp (sự kết-hợp, sự điều-hòa) mà cả hai sự này sẽ cũng phối-hợp lại* ».

Sự áp-dụng danh-tiếng nhất của phương-pháp Décroly là sự « *tập đọc tổng-quát* » (lecture globale). Thay vì dạy trẻ con học các tự-mẫu (chữ cái) để rồi đi đến sự hợp các tự-mẫu thành các văn rồi các văn thành « *tự* » (chữ) (mot) dựa vào sự phân-tách tri-giác ở trẻ con và những kết-quả của phương-pháp qui-nap trên địa-hạt tâm-lý thực-nghiệm, bác-sĩ Décroly bắt đầu cho trẻ con đọc ngay chữ (tự : mot) và hơn thế nữa, các câu ngắn ; rồi đi từ những câu ngắn ấy đến sự nhìn ra các « *tự* » (chữ, mot) rồi từ các « *tự* » (chữ) phân-tách các văn và rồi từ các văn đến các tự-mẫu (lettres).

Thí-nghiệm cho thấy rằng : nhờ vậy mà trẻ con đọc rất mau và với sự thích-thú mỗi lúc một tăng.

Theo ông Décroly thì phương-pháp này có thể được áp-dụng cho tất-cả các môn học.

Do đấy mà người ta nhận ra *tình-trạng không phán-biệt* (tình-trạng tổng-quát hóa, hỗn-hợp hóa theo ông Claparède) trên *bình-diện ý-niệm* và *tư-tưởng* cũng như trên *bình-diện tri-giác*. *Chính điểm này là tru-cốt của thuyết chủ-điểm, phần trung-tâm của phương-pháp Décroly*.

Lối giáo-dục cõi truyền chằng những có cái sai-lầm là làm riêng-rẽ sự giáo-dục các lợi-ich ngẫu-phát của trẻ con mà lại còn có cái sai-lầm nữa là phán-rẽ tất-cả các môn học. Người ta dạy cho trẻ những bài riêng-biệt về văn-phẩm, về địa-lý, về toán-học, v.v... mà không có một mối liên-lạc nào giữa các môn ấy, không có một liên-lạc nào với đời sống nhi đồng !!!

« *Sự cố-gắng của bác-sĩ Décroly là, ngay trong sự giáo-huấn, kiểm-thé tạo ra một sự chuyển-tiếp liên-tục từ tổng-quát đến phán-tích và từ phán-tích đến hỗn-hợp*. Nói một cách khác, từ cử-dộng có ý-nghĩa của chủ-điểm đến sự thu-thập chặt-chẽ các tri-thức thuộc về chủ-điểm ấy.

b. Cách giáo-dục theo phương-pháp Décroly.

Văn-đề chủ-điểm. — Các chủ-điểm ấy được liệt vào bốn loại quan-trọng là : sự ăn uống (l'alimentation) ; nhu cầu được che-chở đối với thời-tiết (đục gió, đục mưa) ; nhu cầu được bảo-vệ đối với các nguy-hiểm chung ; nhu cầu làm việc.

Cô giáo Hamaide có nói rằng : « Mỗi năm chúng tôi nghiên-cứu một loại chủ-điểm cho tất-cả các lớp. Việc này tạo nên trong toàn trường một tinh-thần đoàn-kết, một tinh-thần đặc-biệt mà người ta không tìm thấy ở đâu

cả, ngoại-trừ ở nhà trường Décroly ; bởi vì lợi-ich của nhân-viên, của ban Giám-Đốc và của trẻ con đều là một và tất cả mọi người đều làm việc để thực-hiện cái triền-vọng, cái lý-tưởng đó. »

Tất-cả các ngành làm việc đều được qui-tụ lại chung-quanh chủ-điểm và tất-cả cố-gắng đều căn-cứ vào ba loại dien-tiến lớn của tư-tưởng là : *quan-sát* (*observer*) ; *liên-tưởng*, *liên-hợp* (*associer*) ; *biểu-thi*, *phô-diễn* (*exprimer*).

Sự quan-sát của trẻ con trước hết được thực-thi đối với vật thực-tại hiền-hiện và sống động. Thí dụ : Nếu chủ-điểm là sự xây-cất nhà cửa thì ba loại dien-tiến của tư-tưởng nói trên là những hoạt-dộng chính-thức thich-ứng về công-việc này như : vẽ những bông-đồ (kế-hoạch) ; qui-tụ các vật-liệu, xây lên các gian nhà. Nhân dịp này trẻ con làm thí-nghiệm, sờ-mò, miêu-tả (*décrire*) và tự trẻ qui-tụ sự khảo-chứng (*documentation*) của mình lại tại xưởng, tại nhà máy, tại nông-trại trong sự cộng-tác với ông thầy, bà thầy. Vì này nói rất ít mà làm rất nhiều (*Peu de mots, beaucoup de faits*). Lớp học trở thành phòng thí-nghiệm, xưởng-thợ.

Những kết-quả của cuộc quan-sát thu-lượm được, được nối-tiếp với nhau và phô-diễn ra bằng những bài làm thực-tế và khác-bié特 (nắn, vẽ, chế-tạo đồ-vật).

Còn như các nhà kỹ-thuật như văn-phẩm, tinh-dồ thì được học với hình-thức các cuộc chơi và các bài tập có tinh-cách giáo-dục và theo nguyên-tắc tổng-quát, dựa vào những tượng hình người, thú và thảo-mộc và các vật cụ-thể. Những môn học cao-siêu nhất cũng có thể qui-tụ lại trong sự liên-quan với loại hoạt-dộng này. Thí dụ : địa-lý nhân-văn và môn văn-hóa sử-cương (*histoire de la civilisation*) địa-lý hình-thể và những khuôn-khổ của lịch-sử tổng-quát cũng có thể qui-tụ lại chung một chủ-điểm.

Vai-tuồng-của-ông-thầy, bà-thầy. — Nghệ-thuật của ông-thầy, bà-thầy không phải là duy-trì lợi-ích của chủ-diêm là vì nó tự duy-trì lấy nó-rồi, mà là làm cho trẻ con nhận thấy sự cần-thiết của các tri-thức trung-gian, nhận thấy sự cần-thiết phải tập-trung lại một cách thiết-thực tất-cả chương-trình chung-quanh chủ-diêm hiện đương điều-khiển sự-nghiên-cứu.

3. Lời-phê-bình

a. *Cách dạy tông-quát.* Người ta quan-niệm rất dễ-dàng rằng một phương-pháp như thế chẳng những làm cho dễ-dàng sự thu-thập các tri-thức bằng cách sắp-đặt các tri-thức ấy chung-quanh những khí-lực sâu-xa của tâm-lý trẻ con mà lại còn tượng-trưng một thắng-lợi rất quý-báu cho sự học-tập về cách sống ở đời vì lẽ trẻ con sớm đã học được tính-ưa-thích tự-mình tìm-tòi mọi việc và nhận thấy sự cần-thiết tìm ra những phương-tiện của sự khảo-chứng trong đó có cả sách-vở rất cần-ich cho mọi sự làm việc.

Vấn-đề sách giáo-khoa. — Một tính-chất khác của phương-pháp Décray là loại hẳn sách giáo-khoa ra. Các sách giáo-khoa này được thay thế bằng tập-thể (fichier) cá-nhan, một quyển sách của đời sống thực-tế.

Kế-hoạch của tập-thể này được đem ra bàn-cãi và ấn định giữa các học-sinh và ông-thầy trong sự cộng-tác liên-tục mà mỗi học-sinh phải tiếp-tục tạo lên trong thời-gian học-khoa.

Như vậy quyển sách đời sống thực-tế nói trên là kết-quả những cố-gắng ngẫu-phát cá-nhan, là diễn-đe mục-lục (répertoire) các tri-thức mà mọi người cố giữ-gìn và áp-dụng bởi vì họ có cảm-tưởng là tự họ đã-lập nên.

4. Kết-luận

Như thế thì phương-pháp Décray rất phù-hợp chẳng những cho việc làm, việc học cá-nhan mà lại còn phù-hợp cho việc làm, việc học từng nhóm nữa.

Tuy-nhiên, trong khi giữ trẻ con luôn luôn liên-lạc mật-thiết với hoàn-cảnh xã-hội mà trong đó trẻ sống, phương-pháp này đặc-biệt phù-hợp với sự giúp trẻ con tự tồ-chức, tự sắp-đặt lấy trong công-việc làm cá-nhan, riêng-bié特 (personnel).

Phương-pháp này chính là phương-pháp giáo-dục có tiêu-chuẩn, có trình-hạn (enseignement sur mesure) là vì toàn-thể phương-pháp này căn-cứ vào cá-nhan-tính của trẻ con (individualité de l'enfant).

Sự thành-công của phương-pháp Décray là sự kiềm-soát chặt-chẽ giá-trị của phương-pháp hoạt-dộng vậy.

ĐỆ TAM PHÁP : PHƯƠNG-PHÁP AUDEMARS LA-FENDEL

1. *Xuất-xứ.* Phương-pháp này đã được thực-hành tại Nhà trẻ con » (Maison des Petits) ở tại thành Genève vào năm 1912 dưới sự bảo-trợ của Viện Jean Jacques Rousseau.

2. *Nguyên-tắc giáo-dục.* Ngoài tư-cách một thí-n hiệm sự-phạm ra, phương-pháp Audemars-Lafendel dựa vào hai nguyên-tắc căn-bản sau đây :

Trước hết là sự cần-thiết của cuộc chơi (le jeu) chính-thức chứ không phải là bài tập-luyện có tính-cách vui-thich. Thứ đến là sự cần-thiết lè-thuộc sự giáo-dục giác-quan vào sự hoạt-dộng tự-do nghĩa là vào lý-trí cảm-giác thần-kinh (intelligence sensori-motrice) chính-thức.

Một dụng-cụ thích-ứng cho Nhà trẻ con nói trên giúp sự thực-hiện hai nguyên-tắc vừa nói.

Về vai-tưởng của cuộc chơi trong sự tiến-triển của trẻ con về ba mặt : sinh - vật học, tâm - lý học và xã-hội học, chúng ta không nói lại nữa. Những nhà sự-phạm Genève đều hiểu rằng : trò chơi chính nó tự có một giá-trị giáo-dục và những trò chơi được gọi là trò chơi giáo-dục (theo chế - độ Froébel và Montessori) đều có cái chi giả - tạo, không thích - hợp với tính - chất tự - nhiên của sự hoạt - động trong cuộc chơi. Dụng-cụ Audemars - Lafendel đã được quan - niệm thế nào mà các trò chơi tự - nhiên của trẻ con sẽ dần - dần biến thành các công - việc làm. Sự biến - đổi ấy căn - cứ vào quan - niệm định - luật thực - nghiệm chi - phối những mối liên - lạc giữa cử - động và tư - tưởng. Các nhà quan - sát nhận thấy rằng : nếu trẻ con khởi - sự bằng những trò chơi hoàn - toàn tượng trưng, thử trò chơi cảm - giác thần - kinh tự - do và các trò chơi kiến - tạo, xây - dựng, nối liền sự tượng - trưng với sự hoạt - động cảm - giác thần - kinh thì các trò chơi ấy dần - dần trở nên phirc - tạp, sẽ dần - dần đi sát với sự tiêu - biếu của thực - tại. Nói một cách khác sự tiến - triền của cuộc chơi hướng về công - việc làm được thị - hiện trong ba thời - kỳ.

Trước hết trò chơi không có mục - đích gì, là một thử cử - động được thực thi với tư - cách cử - động vào cho sự đồng - hóa cảm - giác thần - kinh của dụng - cụ. Kế đó giữa cuộc chơi mục - đích xuất - hiện ra và có sự tượng - trưng (symbolisme) cùng đồng sinh với cử - động. Sau cùng mục - đích được nêu lên trước cuộc chơi và thường kế - hoạch cuộc chơi được kỹ - lưỡng lập thành.

Như vậy, tuần - tự cử - động đi trước tư - tưởng. Kế đó cử - động và tư - tưởng cùng xuất - hiện song - song nhau. Sau cùng thì tư - tưởng hiện ra trước cử - động. Trong giai - đoạn

chót này có một số trung - gian hiện ra giữa ý - niệm mục - đích cần đạt được và sự thực - hiện mục - đích ấy.

Đến lúc ấy thì trò chơi đi gặp công - việc làm thiết - thực vì lẽ công - việc làm được ấn - định bằng cách sắp - đặt phối - tri (coordonnation) những phương - tiện nhắm vào một mục - đích luôn luân xa - xăm.

Nhưng mà, cũng trong lúc ấy lý - tri thị - hiện dần - dần inh - chất thực của nó bằng cách bảo - vệ sự thích - ứng với hực - tại do một sự thăng - bằng tuần - tự nhi - tiến của sự đồng - hóa và sự thích - hợp. Sự hoạt - động của cuộc chơi tự - nhiên bị thu - hút trong một sự nảy - nở của tâm - hồn. Khi mà tư - tưởng đi trước hành - động thì tư - tưởng cũng có thể tính toán và suy - luận theo lối suy - diễn được, suy - luận và hoạt - động hợp - lý.

Cần nhớ rằng sự diễn - tiến để hợp - lý - hóa lại phù - hợp với việc tuần - tự xã - hội hóa. Trong lúc mà các ấu - nhi ưa làm việc riêng - rẽ hoặc trong những khóm nhỏ tí - hon và trong các khóm ấy mỗi ấu - nhi theo đuổi đường - lối kiến - tạo của mình thì các trẻ lớn chuộng sự cộng - tác trong hành - động và sự hội - thảo công - cộng cho việc suy - nghĩ, suy - luận.

3. Kết - luận

Như thế người ta có thể nói rằng : nhà trẻ con qui - tụ, tông - hợp và sửa - chữa cái này bằng cái kia phần chính - yếu của phương - pháp Montessori và của phương - pháp Décray bằng cách áp - dụng một loại dụng - cụ thích - ứng hơn đối với trẻ con và có sự tự - do rộng - rãi dành cho những hoạt - động ngẫu - nhiên của chúng.

ĐỆ TỨ PHÁP : PHƯƠNG - PHÁP FREINET

I. Tiêu - sứ. Freinet là một nhà giáo Pháp. Ông được nổi tiếng là nhờ phương - pháp giáo - dục do ông đề - xướng

lên. Phương-pháp ấy cẩn-cứ vào sự đem nghệ-thuật ấn-loát (nhà in) vào nhà trường và biến sự ấn-loát ấy thành chủ-diểm của sự giáo-dục trẻ con.

2. Nguyên-tắc

Phương-pháp Freinet, theo ý-khiến ông H. Bouchet, đi sâu dần-dần vào nền giáo-dục Sơ-Tiểu nhờ sự cỗ-động bền-bỉ, hăng-hái và sáng-suốt của ông. Phương-pháp này đòi hỏi những vận-dụng bằng tay chính-yếu của một nhà in.

Đặt trẻ con từ 5 đến 6 tuổi vừa biết được 15 hoặc 20 chữ cái, trước một bàn sắp chữ ; để vào tay chúng một dụng-cụ sắp chữ và bảo trẻ sắp thành một bài mà mọi người đều biết và sẽ được in sau đó. Đó là một kỹ-thuật chẳng những mới-mẻ, mà lại còn hấp-dẫn lạ thường từ xưa đến nay chưa từng thấy ?

Chẳng những phương-pháp ấy làm trẻ phát-triển sự khéo-léo chân tay của trẻ là : thị-giác kỵ-írc mà nó lại còn làm dễ-dàng sự học-tập các môn như : tập đọc, tập viết và chính-tả. Các môn khác như : tính-đỗ, địa-lý, sử-ký, tự-nhiên cũng được lợi trong sự áp-dụng phương-pháp này.

Sau cùng vì trẻ con tập được thói quen là phô-diễn tự-tưởng một cách tự-do khi còn thơ-ấu, trong cách sắp chữ thành những bài ngắn, ông thầy, bà thầy mới nhận đó mà biết rõ mỗi trẻ trong cá-tính trực-giác của chúng mà không cần bắt-buộc mỗi trẻ phải đè-nén xuống mỗi tình-cảm của chúng. Mỗi cỗ-gắng giáo-dục có thể được hoàn-toàn thích-ứng cho mỗi cảm-xúc tính cá-nhân.

3. Kết-luận.

Nói tóm lại phương-pháp Freinet có thể có những sự áp-dụng trường-kỳ. Nó có thể được bô-túc một cách hữu-ich với những trẻ lớn tuổi, bằng nghệ-thuật tranh vẽ và hình chạm trên gỗ hoặc trên thứ bối linoléum. — « Tờ báo

nha trường » (le Journal de l'école) qui-tựu một cách hữu-ich tất-cả các phương-sách ấy.

V. NHỮNG PHƯƠNG-PHÁP CỦA NGƯỜI MỸ

(Rút trong Giáo-Dục Mới, trang 129 của Ông Lâm-Toại).

Ở Mỹ-Quốc, tại các học-đường về hai bậc : Sơ-học và Trung-học, người ta áp-dụng nguyên-tắc « hoạt-động » và « Phương-pháp giáo-dục tiệm-tiến ». Người ta không khép trẻ con vào khuôn-khổ nghiêm-khắc của một học-đường tô-chức theo ý muốn của người lớn.

Ở Mỹ, học-đường là nơi trẻ đến sống, hoạt-động tự-nhiên, quan-sát, nhận-xét, suy-nghiệm, thử-thách để dần-dần tự đào-luyện, tự giác-ngộ, để hoàn-thành cá-tính thiên-nhiên của chúng về thể-chất, tâm-tinh và trí-tuệ một cách điều-hòa.

Giáo-chức không dàn-áp, không thúc-giục mà chỉ khuyến-kích, hướng-dẫn trẻ làm sao cho thiên-tư của chúng phát-triển dần-dần và phù-hợp với hoàn-cảnh xã-hội bên ngoài. Thiên-tư ấy có thể đem lại hạnh-phúc cho chúng và lợi-ích cho xã-hội : « Sự dung-hòa hạnh-phúc cá-nhan và hạnh-phúc chung là mục-đích chủ-yếu của nền dân-chủ Mỹ ».

Ở đây người ta không chăm chú rèn-luyện trí nhớ của trẻ con bằng lối học thuộc lòng « hỏi và trả lời » theo những câu trong sách. Giáo-chức chỉ giúp trẻ con có đủ vật-liệu, tài-liệu, để trẻ quan-sát thí-nghiệm và thực-hành rồi tự-nhiên trẻ sẽ hiểu-biết.

Người ta không chỉ chăm-chú về phần tri-óc mà người ta còn lo giúp trẻ con khéo-léo về tay chân nữa. Ở các lớp dưới, họ không diễn-giảng mà chỉ bày-vẽ cho trẻ, mỗi khi trẻ cần hỏi đến. Người ta cho trẻ sống tập-thể cho chúng tự giúp đỡ lẫn nhau.

Ở hai bậc giáo-dục cơ-bản nói trên người ta không phân hạng giữa các trẻ giỏi và các trẻ kém, không thi hạch để trẻ được yên tâm mà học-tập, giữ tình đoàn-kết giữa chúng bạn, không ganh-ty lẫn nhau.

Đời sống tập-thể ở học-dường giúp trẻ con nhận-dịnh trách-nhiệm của mỗi người trong một đoàn-thể, và nhờ vậy, trẻ cư-xử thích-nghi với xã-hội.

Ở Mỹ, phương-pháp sư-phạm hiện nay được áp-dụng là một phần dựa theo « công-tác tự-do của bác-sĩ Déroly » và phần lớn dựa theo phương-pháp sư-phạm « chủ động » của nhà tâm-lý-học Stanley Hall và học-trò ông là nhà triết-học John Dewey,

A. PHƯƠNG-PHÁP GIÁO-DỤC MỚI CỦA JOHN DEWEY

I. Những chủ-trương của hai ông Hall và Dewey

Hai ông Hall và Dewey chủ-trương rằng : « *Sự tiến-triển của tâm-lý con người phát-sinh từ trong mà ra* ». Như vậy, sự tiến-triển ấy không phải nhờ sự thúc-đẩy bên ngoài mà có và khoa sư-phạm phải lấy đứa trẻ làm khởi-điểm, phải căn-cứ trên tâm-lý trẻ chứ không phải trên tâm-lý người lớn, phải dựa vào năng-lực và nhu-cầu của tuổi trẻ và của mỗi trẻ riêng, phải lấy kỹ-luật tự-giác làm phương-liện. *Dứa trẻ phải là trung-tâm-điểm của học-dường*.

Tâm-lý của trẻ con không phải là một « *tình-thể* » (système statique) cứ đứng yên mãi một chỗ, giữ một mục, mà là một « *động-lực* » diễn-tiễn không ngừng. Mỗi tuổi có những nhu-cầu riêng và một trình-dộ hiểu-biết riêng.

Theo ông Dewey thì « *bản-ngã có nghĩa là hoạt-động* » (le moi c'est de l'activité). Đó là nguồn sinh-lực tiềm-tàng luôn luôn hoạt-động để thực-hiện cái chơn-tinh của nó.

Sự nỗ-lực diễn-tiễn không ngừng ấy phát-biểu ra ngoài dưới ba hình-thức :

— *Ý-chi* (volonté) phần cốt-yếu của bản-ngã.

Cảm-xúc hay tình-cảm, sự phản-ứng của bản-ngã đối với ngoại-giới.

— *Tri-giác hay tri-tuệ* (intelligence), lợi-khi giúp bản-ngã thực-hiện chơn-tinh của mình.

Tánh-tinh hay chi-khi (caractère) là trạng-thái chuyên-nhất (nhất-quyết) theo ý-chi là phần mà bản-ngã đã thực-hiện được rồi. Đó là kết-quả chính của công-trình giáo-dục.

Theo thuyết-gia Dewey « *Khoa giáo-dục là khoa đào-luyện tinh-tinh* ». Câu ấy có nghĩa là : trước hết giáo-dục giúp cái động-lực có sẵn trong tâm-trí của mỗi người là bản-ngã có dịp thuận-tiện để vận-chuyển hầu thực-hiện cái chơn-tánh của mình mà tạo-hóa đã phú cho. Như vậy *giáo-dục tức là phát-động*, kêu gọi đến cái động-lực thiên-sinh của con người, để rồi hướng-dẫn nó cho thích-hợp theo tình-thể xã-hội.

Theo thuyết-gia Dewey, giáo-dục không phải chỉ là một công-việc dạy chữ, dạy tiếng mà trước hết là để cho trẻ sống, hoạt-động theo đà tiến-phát của chúng, theo tiếng dập của tim chúng trong một bầu không-khi thuận-tiện, để cho cả cơ-thể, tâm-tinh và tri-tuệ của chúng di-dưỡng và nẩy-nở điều-hòa. *Giáo-dục có nghĩa là « học » nhưng học nhờ sự sống và trong sự sống* (Apprendre par la vie et dans la vie).

2. Phương-pháp Sư-phạm Dewey

Phương pháp này có thể được tóm-tắt theo ba nguyên-tắc chính sau đây :

Nguyên-tắc thứ nhất : « Giáo-dục đồng phát-sinh vớ

trẻ» (Pédagogie génétique). Câu ấy có nghĩa là : việc giáo dục trẻ con không phải là một việc từ bên ngoài đưa vào (như rót nước vào thùng, nhồi bông vào nệm, v. v...) mà là một việc phát-khởi từ trong thâm-tâm, tâm-trí của trẻ con. Như vậy *khoa-học giúp trẻ tự đào-luyện lấy chứ không phải trẻ bị « nhồi sọ »*. Việc tiến-phát của trẻ là việc trẻ tự-động làm lấy.

Trước khi ta quan-niệm rằng tâm-lý trẻ con gồm có những năng-lực riêng-biệt như là : *ý-chi, tình-cảm, tri-tuệ, ký-ức, tri-tưởng-tượng, óc quan-sát, v.v...* mà không nhận rằng : tâm-lý trẻ con là một nguồn sinh-lực duy-nhất, đồng-nhất, biến-thiên và liên-tục.

Như vậy, đứng trước những sự ham-thích của tuổi trẻ, nhà giáo phải có thái-độ nào ? Phải theo ý muốn của chúng hay phải hướng-dẫn chúng ? Phải để chúng hoạt động tự-nhiên hay là uốn-nắn chúng theo hình-ảnh mình ? Đó là vấn-đề then-chốt trong công-cuộc giáo-dục.

Nếu nhà giáo chủ-trương kiềm-chế, tức là không hiểu sự tiến-phát tự-nhiên và sự tự-động trong công-cuộc sinh-trưởng của tuổi trẻ. Trái lại, nếu chủ-trương để trẻ hoàn-toàn tự-do hành-động thì không khéo lại nuôi cho lòn cái tính thay-đổi bá-l-thường (caprice) của tuổi trẻ chứ không phải giúp chúng tiến-phát một cách hữu-ich.

Về điểm này, ông Dewey có cho ý-kiến sau đây : Theo ý ông, không phải là vấn-đề « chiểu » hẵn trẻ con theo sự ham-thích của chúng vì những ham-thích nhứt thời ấy sẽ thay-đổi luôn. Nếu ta nuông-chiều trẻ thì những ham-thích nhứt-thời ấy sẽ cố định lại và sẽ trở thành những tập-quán rất tai-hại. Như vậy, vô-tình ta đã cản-trở cuộc tiến-hóa không ngừng của tuổi trẻ và sẽ làm trái-nghịch với quan-niệm phát-sinh liên-tục đã nói trên. Nhà giáo-dục cần nhận-định rõ-ràng những sự ham-thích ấy là dấu-hiệu của những nhu-cầu bi-ăn trong thâm-tâm trẻ.

của chán-tịnh tiềm-tàng đương lộ ra ngoài của những cơ-năng (fonction) đương muôn phát-sinh mà nhà giáo có phận sự giúp đỡ bằng cách đặt đứa trẻ trong những điều-kiện thuận tiện cho nó nẩy-nở được dễ-dàng. Muốn rõ nhu-cầu bi-ăn của trẻ, nhà giáo cần biết nhận-đoán những dấu hiệu đã phát lộ ra ngoài, nghĩa là căn-cứ vào những sự ham-thích hiện-thời của trẻ mà xét-đoán cái tiềm-lực đương tìm đường phát-sinh.

Quan-niệm những sự ham-thích của trẻ được coi là những triệu chứng phát sinh giúp ta đặt nền tảng của công-cuộc giáo-dục trên những xu-hướng tự-nhiên của trẻ bằng cách dò theo cá-tính thiên-nhiên của trẻ để hướng-dẫn trẻ theo một chiều thuận-lợi cho trẻ mà vẫn không chiều theo tánh thay-đổi bất-thường của trẻ.

Nguyên-tắc thứ nhì: Sư-phạm cơ-năng (Pédagogie fonctionnelle) quan-niệm « Sư-phạm cơ-năng » nhằm mục đích xúc-tiến cái tiềm-lực tiến-triển của tâm-lý, vì nhu-cầu của sự sống còn, vì công-dụng của nó đối với các hành-vi, cử-chỉ hiện tại và tương-lai nghĩa là xem sự hoạt-động và tiến-triển của tâm-lý trẻ như những lợi kui, những cơ-năng cần-thiết cho sự sinh-tồn (cũng như cơ-năng hô-hấp, cơ-năng tuần-hoàn của huyết, v. v...), chứ không phải là những hoạt-động riêng-biệt vì một lý-do riêng-biệt ở ngoài con người, không liên quan gì đến sự sống của con người. Sự hoạt-động là điều-kiện cần-thiết để cho trẻ nẩy-nở,

Cái khuyết-điểm của khoa sư-phạm cổ-truyền là phán-tan các năng-lực của tâm-trí ra (như sự chia tâm-trí trẻ-con ra nhiều phần như trí ký-ức, óc quan-sát, trí suy-luận, v.v...) làm cho nó rời-rạc và mất hiếu-lực trong khi mà tất-cả các năng-lực ấy cần phải kết-hợp chặt-chẽ với nhau-để thành một động-lực hữu-ich cho sự sinh-trưởng, chẳng khác nào người ta làm hoa héo khi rút nó ra khỏi cành, làm cho cành khô khi rút nó ra khỏi cội.

Quan-niệm « Sư-phạm co-năng » căn-cứ trên nguyên-tắc đứa trẻ là một sinh-vật nó cần hoạt-dộng để sống còn, để sinh trưởng. Vậy muốn cho trẻ con học tập, ta phải dùng phương-pháp tự nhiên « phương-pháp tự-động » bằng cách giúp trẻ nhận thấy công việc ta muốn trẻ làm, cù-chỉ ta muốn trẻ có là cần thiết cho sự sống còn của nó, đúng với nhu-cầu của nó. Đời sống đứa trẻ là một động-lực liên-tục. Sở dĩ trẻ con ưa hoạt-dộng là vì đó là một nhu-cầu của sự sống. Vậy hoạt động và nhu-cầu là một. Vậy ta không phải vì một lý-do gì mà bắt buộc trẻ con phải hành động khi hành động ấy không phù-hợp với nhu cầu tâm-lý của trẻ.

Tâm-lý trẻ con tự nó có giá-trị của nó. Đó là một động-thể thuần nhất mà tất cả các cử-động để hướng về một mục-dịch chung là sống.

Tâm-hồn trẻ con là một chuỗi nhu-cầu, dục-vọng, sở-thích.

Vậy cần sắp đặt các môn học thế nào cho có một trật-tự hợp-lý nghĩa là ăn khớp với các nhu-cầu, dục-vọng và sở thích ấy. Có như thế thì các môn học mới « linh-dộng », mới có « hồn » và trẻ con sẽ nhận thấy các sự-vật được đem dạy có ý-nghĩa, có giá trị đối với chúng. Chúng nhận thấy rằng: *không phải học để trở nên thông-thái hay cái gì khác mà để hành.*

Nguyên-tắc thứ ba : Ý-thức xã-hội. Ý-thức xã-hội là kết-quả tự-nhiên của khoa sư-phạm co-năng ».

Con người là một cơ-quan trong tổ-chức xã-hội. Vì vậy cần phải đặt trẻ vào đời sống tập-thể để cho thiên-tinh về xã-hội của nó có điều kiện phát-triển dễ-dàng.

Thủ-công chính là môn học thuận-tiện nhất cho ý-

thức « cộng-dồng hoạt-dộng » được thực hiện dễ-dàng. Vì vậy ông Dewey dùng môn thủ-công làm trung-tâm-diểm cho các hoạt-dụngng của học-sinh rồi ghép các môn học khác vào chung quanh.

Nhà sư-phạm thực-nghiệm Đức là ông Kerschensteiner cũng đã chủ-trương biến « *học-đường sách-vở* » ra « *học-đường cần-lao* » (École de travail).

Ông Dewey đã nhận thấy rằng: sự cộng-tác giữa học-sinh là phương-tiện có hiệu quả nhất để giúp trẻ học làm người. Vì thế mà ngày hôm nay, ở học-đường mới người ta không còn cấm-doán trẻ con đùm ngó nhau, hỏi-han nhau, bày-vẽ cho nhau trong khi làm bài. Học-đường tàn-tiết không còn là một tổ-chức riêng-bié特 với những điều kiện thông thường của xã-hội thực-tế bên ngoài nữa. Học-đường ngày nay là: « trường đời của trẻ con »,

3. Kết-luận

Nói tóm lại phương-pháp giáo-dục Dewey là « phương-pháp giáo-dục tự-nhiên và vị nhân-sinh » căn-cứ trên nguyên-tắc « tự động » và « Đồng nhất » của tâm-trí đứa trẻ. Theo phương-pháp này người ta tìm hiểu xu-hướng tự-nhiên của mỗi trẻ để rồi hướng-dẫn chúng một cách hữu-ich và giúp chúng tự đào-luyện tánh tình chúng phù-hợp với tinh-thể xã-hội.

B. ĐỒ-ÁN DALTON (Le plan Dalton)

I. Nguồn-gốc

Đồ-án Dalton là sự thực hiện đầu-tiên về loại thí-nghiệm này. Đặc-sắc của nó là hoàn-toàn phù-hợp với sự ấn-định những chương-trình chặt-chia và sự dạy-dỗ bằng sách (giáo-huấn đồ-thư), — Đồ-án này được Cô giáo Hélène

Parkhurst đề-xtróng trong khoảng 1911 đến 1913 tại thành Dalton (Mỹ). — Trong khoảng thời-gian này cô làm thí-nghiệm cuộc cải-cách mới này và đã áp-dụng nó sau đó cho trường Children's University School of New-York vào năm 1923.

2. Nguyên-tắc giáo-dục

Đồ-án Dalton căn-cứ vào hai nguyên-tắc chính-yếu là :

- a) Dành cho trẻ con sự tự-do toàn-diện của chúng ;
- b) Làm phát-triển ở mỗi trẻ những quan-năng (facultés) ngẫu-phát riêng của chúng. Đồ-án ấy khởi-diểm từ ý-niệm này : ở nhà trường cũng như ở trường-dài các cá-nhân không làm việc một cách đồng nhau và cũng không có những khả-năng in nhau nếu một chương-trình được ép-buộc cho tất-cả thi ít ra nó phải được áp-dụng một cách khác-bié特 đối với mỗi cá-nhân. Như vậy, trong các lớp học, người ta sẽ tìm ra để tránh những sự chênh-lệch về lực học khiến nên trẻ dở làm mất thi-giờ trẻ giỏi làm trẻ kém có tự-ti măc-cảm cẩm-doán sự hoạt-động của loại trẻ này.

Đồ-án Dalton làm tiêu-tan tính thống-nhất giả-tạo của lớp học để phân-phát cho mỗi trẻ một chương-trình thích-hợp với trẻ ấy và tìm lại ý-nghĩa sự cộng đồng trong những nhóm riêng-bié特 về công-việc làm thuộc các ngành.

Đồ-án Dalton tìm cách hoán-lại cho mỗi trẻ bằng cách lập lén sự làm theo đà cá-nhân và theo những khả-năng của mỗi trẻ và theo sự tự-do về kỹ-luat bên trong (Piaget).

Sự tò-chức nhà trường đáp-lại nguyên-tắc ấy. Dù cho nhà trường hấp-dẫn vui-vẻ đến đâu cũng mặc, nơi đây trẻ con được tự-do di-lại từ phòng này đến phòng khác và có quyền nói chuyện khẽ với nhau : « Không phải những phòng có bàn ngồi sắp theo hàng lối ngay-ngắn và có

nhiều bức tường dữ-lộn, khó thương (rébarbatif) mà là những phòng thí-nghiệm cho mỗi môn học được trang-bị một cách vui-tươi, hấp-dẫn với những sách, tranh-ảnh, những học-cụ được qui-tụ lại tùy theo loại bài học nhất-dịnh.

« Không có thầy-học cho một lớp : mỗi Ông thầy phụ-trách một môn dạy. Mỗi buổi sáng, Ông thầy qui-tụ nhóm của Ông lại để ban những chỉ-thị và lời khuyên-bảo và mỗi buổi chiều, để kiểm-diểm lại việc làm của mỗi trẻ và so-sánh những kết-quả đã thu-thập được và trao-đổi những ý-kiến. Lại nữa, những trẻ con được qui-tụ không phải tùy theo những hạng tuổi, mà theo từng nhóm tùy theo trình-dộ khả-năng của chúng trong các ngành.

Nguyên-tắc việc làm cá-nhân ám-chỉ nguyên-tắc các lớp lưu-dộng (thay-đổi thành-phần mà mỗi nhóm tùy khả-năng của cá-nhân đổi với mỗi môn).

« Chương-trình thì chung tất-cả mỗi trẻ nghĩa là cuối niên-khoa tất-cả các học-sinh đồng thu-thập một thứ tri-thức.

Chương-trình ấy được phát ra từng đoạn một cho mỗi trẻ trong một năm, nhiều tháng hay nhiều tuần học (các hạng tuổi đều được đề ý) và như vậy từ ngành này tới ngành khác.

Như vậy, mỗi trẻ làm với Ông thầy hoặc bà thầy một khé-ước làm việc do đó trẻ con cam-kết thu-hoạch được một kết-quả gì đó trong một thời-gian nào đó. Khé-ước ấy được học-sinh tự-ý chấp-nhận sau khi đã có sự thảo-luận : « Như vậy khé-ước ấy đem vào đó trách-nhiệm của học-sinh ».

Ông thầy hoặc bà thầy cho điểm một cách đều-dẫn công-việc đã làm xong. Những kết-quả đều được ghi vào

những bản thống-kê có gạch nhiều ô để cho học-sinh hoặc là ông thầy, bà thầy có thể nhận-thức được bắt-cứ vào lúc nào sự thi-hành chương-trình đã đến điểm nào rồi.

Dồ-án Dalton có cái lợi là tìm cách dung-hòa những cần-thiết của chế-dộ học-đường cỗ-truyền (với những chương-trình và sách học) với những ý-kiến chính-yếu của lối giáo-dục mới.

Trẻ con tự thấy được tự-do, được có trách-nhiệm, được nắm trọn môn học mà trẻ phải tiêu-hóa : do đó mà có sự tự-tín vĩnh-cửu.

Những sách giáo-khoa đều được soạn kỹ-lưỡng lắm để có thể chia chương-trình ra làm nhiều đoạn với những bài áp-dụng, những câu hỏi viết ra, những bài ôn lại, v. v...

Về các tri-thức cần thu-thập thì các tri-thức này được liệt vào hai loại : loại thứ nhứt gồm những tri-thức cần-thiết mà con người văn-minh, một công-dân và một nhà sản-xuất cần phải có ; loại thứ hai gồm những tri-thức có thể trang-trí mỹ-lệ đời sống cá-nhanh tùy theo những xu-hướng và những thiên-tánh của mỗi người. — Chương-trình lập ra là cốt được áp-dụng cho loại tri-thức thứ nhất. — Đối với loại tri-thức thứ nhì thì cần khích-động những phản-ứng ngẫu-nhiên : trong một thời-gian người ta đã mở ra cho trẻ con những chân trời khác-bié特 ; sinh-ngữ, từ-ngữ, văn-chương, hội-hoa, nặn, kiến-tạo, âm-nhạc, cơ-giới, thủ-công.

Khi một khuynh-hướng (dù cho đó là tạm-thời) đã thị-hiện, người ta hướng trẻ con về phía ấy hoặc là với tư-cách hoạt-dộng ích-lợi (hướng-nghiệp) hoặc là với tư-cách mỹ-thuật hoặc chuyên tâm bất-vụ-lợi.

Để luôn luôn giữ cho còn lợi-ich, các bài tập vui-thich được đề-nghị. Thi-dụ : Giải-quyết một bài toán về sự sửa

chữa nhà trường hay một đô-thị, viết một bài thơ về một vấn-dề đã gặp được trong khi đọc sách, v. v...

3. Các dị-luận

Nhiều dị-luận quan-trọng đã được nêu lên đối với đồ-án Dalton. Nhà sư-phạm Ferrière cho rằng sự thực-hành đồ-án Dalton là một mối nguy cho xã-hội bởi vì đồ-án này còn dùng sách giáo-khoa và còn giữ lại chương-trình học khóa.

Người ta còn trách đồ-án Dalton là không làm phát-triển ở trẻ con ý-nghĩa xã-hội một cách đầy-đủ. — Nhưng cô giáo Parkhurst luôn luôn đã nhấn mạnh vào sự-kiện sau đây là : nhà trường phải là một xã-hội thực-tại và diễn lại đời sống dưới mọi hình-thức, xã-hội cũng như cá-nhanh. Giải-đáp của cô là như sau : một đẳng là học-sinh cùng chung làm việc về một ngành nào nghiêm-nhiên đã tạo thành một nhóm ngẫu-phát có thể làm phát-triển sự hợp-tác : một đẳng khác các nhóm đều được sắp-xếp có trật-tự giữa nhau để có sự kiềm-soát các khế-ước làm việc ».

Nếu không có sự làm việc cộng-đồng chung-chạ theo ý-nghĩa chính-thức của nó, it ra cũng có sự tương-trợ triền-miên giữa các nhóm. Sau cùng những mối liên-lạc với ông thầy, bà thầy thì lại khác hẳn trong công-việc làm cá-nhanh. Các mối liên-lạc ấy có thể thực-hiện được sự thảo-luận, sự cộng-tác và sự giúp-dỗ cá-nhanh mà trong nền giáo-huấn mệnh-danh là cộng-đồng, ông thầy, bà thầy chỉ nói chung đại-chung vô-danh của toàn lớp mà thôi. — Dù sao, theo nhà sư-phạm Piaget hành-dộng kiến-tạo của mỗi học-sinh biến mất gần hết và sự cố-gắng cá-nhanh chỉ dành riêng cho sự thu-thập tri-thức và cho cảm-thụ-tính (réceptivité).

Lại nữa đời sống cộng-đồng luôn luôn bị đe-dọa bởi những chương-trình cá-nhanh để đến nỗi không sao đóng

một vai tuồng mà nó phải có một cách hợp-lý trong sự đào-tạo tâm-hồn trẻ con.

C. ĐỒ-ÁN GARY

1. Nguồn-gốc

Đồ-án Gary mang cái tên của nhà kỹ-nghệ thành Chicago đã đề-xướng lên nó. Đồ-án này ông Gary đã đem áp-dụng cho những xưởng chế-thép của ông.

2. Nguyên-tắc giáo-dục

Theo đồ-án này thì một địa-vị rất lớn được dành cho việc làm bằng tay, không phải (ở hạc Sơ-Tiều) là sự chuẩn-bị nghề-nghiệp, mà là sự đào-tạo tổng-quát. Trong ý-nghĩa ấy người ta thêm việc làm bằng tay vào đời sống của gia-dinh và của nhà trường như; làm vườn, làm công-việc nhà, chế-tạo các vật thường dùng, làm bếp, giữ-gìn các phòng, sửa-chữa bàn ghế nhà trường, đặt dây điện.

Trẻ con có cảm-tưởng rằng chúng đang làm những công-việc hữu-ích : chúng đem hết tâm-hồn vào đấy một cách hăng-hái. Trong sự giảng-dạy các môn về lý-trí chính-thức thì người ta đã đi từ chỗ cụ-thề và một khi đã đi mẩn vòng rồi, người ta đưa tâm-hồn trẻ về các công việc áp-dụng, nhất là những công-việc có giá-tri xã-hội.

Như vậy người ta áp-dụng môn địa-lý cho những sự-kiện, những nhu-cầu loài người của một chau-thành, của một vùng, của một xứ. Người ta nối môn lịch-sử quốc-gia vào môn lịch-sử địa-phương, người ta áp-dụng môn tinh-đố vào việc kẽ-toán của nhà trường (mà trẻ con từ 13 đến 15 tuổi đảm-nhiệm một vài phần); người ta bắt trẻ con

phân-phát các giấy bút hoặc các đồ-vị, các món ăn cần-thiết cho sự chuẩn-bị một tiệc trà, một bữa ăn trưa hầu làm phát-triển ở trẻ sự biết phân-biệt đồ-vật và trật-tự : người ta lại cùng với trẻ tạo lên một thư-viện nhà trường.

D. PHƯƠNG-PHÁP WINNETKA

1. Nguồn-gốc

Phương-pháp này có ý sửa-chữa những điều bất-tin-en của đồ-ăn Dolton. Phương-pháp được ông Carleton Washburn đề-xướng lên tại ngoại-ô thành Chicago.

2. Nguyên-tắc giáo-dục

Phương-pháp này cố-gắng trước nhất thích-ứng việc làm của trẻ con vừa là với trình-độ tiến-triển và tinh-thần của chúng vừa là cho khả-năng cá-nhan chúng.

a) Mục-đích.— Mục-đích của phương-pháp này là giúp trẻ con lớn và sống điều-hòa với tư-cách một con người về phương-diện cơ-thể và tinh-thần.

b) Phần thực-hành.— Ở ấu-tri-viên trẻ nhỏ học nặn đồ bằng đất, học, vẽ, làm thủ-công không có dụng-cụ chính-thức, ngoại-trừ dụng-cụ cần-thiết cho hoạt-động tự-do. Kế đó, ngay ở lớp đầu bậc đệ-nhất cấp người ta dạy trẻ con tập đọc và toán học. Đến cấp-bực thứ tư người ta dạy chúng khoa học (sử-ký, địa-lý, văn-hóa sử-cương hay là văn-minh sủ, v.v...). Chương-trình chung ấy chỉ là phần tối-thiểu. Người ta đã kiểm-thé để ấn-định ra đâu là những tri-thức và những kỹ-thuật cần-thiết mà đời sống xã-hội đương đòi-hỏi. Người ta chia các tri-thức ấy ra thành từng ngành với một sự thí-nghiệm đúng nguyên-tắc ; người ta ấn-định tuổi tốt nhất cho sự thu-thập các tri-thức và kỹ-thuật cho tổng-số trẻ con bậc trung-bình,

Ngoài chương-trình tối-thiểu nói trên phuong-pháp Winnetka tự đề-nghị nghiên-cứu và làm phát-triển nhân-vị trẻ con bằng cách tìm ra các khả-năng riêng-biệt, các sở-thích và các sở-đoản của trẻ (dùng trắc-nghiệm).

Washburne rất am-hiểu ý-kiến này là : học-đường cần làm nỗi bật và giúp sự tiến-triển của những hoạt-dộng đặc-biệt và giúp cá-nhân tự phân-biệt với đa-số người khác bằng cách cho làm tập-thể những bài về văn-chương, những bài về khoa học xã-hội, những công-việc mỹ-thuật như : soạn bài, trang-tri và ấn-loát tờ báo của nhà trường, thể-thao, tổ-chức xã-hội tự-do (*société libre*), công-việc làm ở xưởng và ở phòng thi-nghiệm, v.v... Những hoạt-dộng ấy một mặt phải làm trẻ con có học-thức, có tinh-thần bình-tĩnh, tự-chủ, vững-vàng, đối với những kỹ-thuật mà chúng sẽ cần đến để làm tròn nhiệm-vụ trong xã-hội hiện-thời và giúp trẻ tự-tín ở mình, ở nhân-phẩm mình. Một đặc-diểm khác của phuong-pháp Winnetka là gồm những bài huấn-luyện tự-kỷ giáo-dục và những trắc-nghiệm kiềm-soát mệnh-danh là : kỹ-thuật Winnetka.

Các trắc-nghiệm được dùng riêng cho sự hướng-dẫn về môn tập được nghĩ ra như thế nào để trẻ con tự-nhận thấy chúng đã thành-công hay không trong những việc mà người ta đòi-hỏi chúng tự sửa các chỗ sai. Như vậy không có một bài nào có tinh-cách thụ-huấn mà là một việc làm cá-nhân liên-tục, không dễ chối cho những sự quở-mắng, sai-khiến kẽ-tiếp của ông thầy, bà thầy, Thầy chỉ ở đó khuyên-bảo và giúp-dỗ trẻ mà thôi.

3. Phê-bình

Cũng như đồ-án Dalton, phuong-pháp Winnetka công-nhận nguyên-tắc điều-hòa việc làm cá-nhân.

Cái mới-mẻ được thêm vào trong phuong-pháp này là quyền tự-lập ra thời-khoa-biều và tự ấn-dịnh chương-

trình học-khoa cho những học-sinh giỏi, căn-cứ vào kết-quả tốt mà chúng đã thu-lượm được. Các học-sinh này tự viết đơn xin ứng-cử vào số : *self reliant children* (số trẻ được sự tín-nhiệm của toàn lớp).

Sự ứng-cử của các học-sinh ấy được đem ra thảo-luận giữa các ông thầy hoặc bà thầy và, đặc-biệt hơn nữa, là giữa các *self reliant children*.

D. PHƯƠNG-PHÁP KẾ-HOẠCH

Đồ-án Dalton, đồ-án Gary và phuong-pháp Winnetka không dựa vào lý-thuyết chủ-điểm mà Washburne cho là quá-ur giả-tạo.

I. Nguyên-tắc giáo-dục

Phuong-pháp kế-hoạch thì lại khác hẳn. Nguyên-tắc của phuong-pháp này là qui về trung-tâm-điểm những tri-thức cần thu-thập được chung-quanh những ý-tưởng chính có tinh-cách chương-trình.

Nhờ sự áp-dụng phuong-pháp này sự dạy học trở nên cụ-thể và khêu-gợi sâu rộng sự hoạt-dộng kiến-tạo của trẻ con.

Phuong-pháp kế-hoạch nhằm hai mục-đich chính-yếu là :

a. *Cung-cấp cho sự giáo-dục một nội-dung (contenu) cụ-thể và sống động đối với lại nội-dung đồ-thú (contenu livresque).*

b. *Theo-dõi sự diễn-tiễn tự-nhiên (processus naturel) của sự thu-thập tri-thức đối với lại phuong-pháp giáo-huấn hay giáo-thụ.*

Thực ra, sự diễn-tiễn được căn-cứ vào sự phát-triển những hoạt-dộng ngẫu-phát của trẻ con. Như thế là khiến

trẻ con lè-thuộc tất-cả các cỗ-gắng của chúng vào sự thực-hành một mục-tiêu trong một thời-gian xa hay gần. Các nguyên-tắc này đã được áp-dụng trong học-đường thực-nghiệm phụ-thuộc vào Bộ Sư-phạm của Dewey mà ở nơi đây những kế-hoạch được đề-nghị đều thuộc về việc làm về kim-khí, gia-chánh, xưởng chế-tạo sợi.

Sự lựa-chọn rất là lạ-lùng khi mới xem qua : nhưng người ta nhận thấy rằng nhiều việc làm bằng tay của học-sinh, những buổi đi viếng các xưởng trại của các người lớn, những tái-tạo lịch-sử, v. v... có thể bao-quát dần-dần tất-cả chương-trình học. Lại nữa, rõ-ràng rằng : tất-cả những chuyên-hướng giữa các kế-hoạch sẽ dẫn-dẫn trẻ lần đến sự tự giáo-dục lấy mình và những kế-hoạch cộng-dồng đưa đến việc làm từng nhóm ở các giai-đoạn xã-hội-hóa tam-hồn trẻ con.

2. Kết-luận

Như vậy, những phương-pháp mà chúng ta đã miêu-tả ra trên đây, cho đến ngày hôm nay, đều có tính-cách chung là : dựa vào khoa tâm-lý thực-nghiệm, vào khoa tâm-lý khởi-nguyên (psychologie génétique), và vào khoa tâm-lý vi-phân (psychologie différentielle) mà qua lại giữa tự-kỷ giáo-dục căn-cứ vào một dụng-cụ và các bài huấn-luyện được tiêu-chuẩn-hóa (standardisés) và sự tự-do phô-trương các hoạt động dựa vào căn-bản ích-lợi tinh-thần và, sau cùng, là cá-nhân-hóa nền giáo-huấn, nghĩa là, theo lời ông Claparède, sự kiến-tạo một nhà trường theo kiều-mẫu, ni-tắc đã định. Trường này tìm thế thích-ứng với mỗi cá-tính học-sinh đã được coi như là một thực-tại chính-đáng.

Nhiều nước bên Âu-châu đều đã khởi sự canh-tân hệ-thống giáo-dục của mình dựa theo những phương-pháp mới như Ba-Lan và nước Áo. Nước Pháp thì tựa hồ như

bước chân vào con đường mới một cách rụt-rè, thận-trọng với các cuộc tổ-chức thử các lớp học mà niên-hạn (học-trình) được kéo dài cho những trẻ từ 13 đến 14 tuổi và những sự toan làm để chỉnh-đốn những hoạt-động có chỉ-huy.

Trái lại, ở những nước mà nơi ấy truyền-thống giáo-dục rất là nghiêm-khắc, chặt-chẽ, thì những thí-nghiệm giáo-dục mới được tăng lên vô số như nước Mỹ chẳng hạn.

LOẠI THỨ HAI. Những phương-pháp căn-cứ vào những cách cấu-tạo để thích-ứng với đời sống xã-hội.

Các phương-pháp loại thứ nhì này chẳng những áp-dụng các cách cấu-tạo tư-tưởng cá-nhân mà lại còn áp-dụng khả-năng tự-nhiên của trẻ con về sự thích-ứng với đời sống xã-hội.

Loại phương-pháp này khác với loại phương-pháp trước ở chỗ loại sau này làm nổi bật sự tổ-chức việc làm từng nhóm hoặc từng đội. Như vậy loại phương-pháp này đã tìm cách thực-hiện sự thăng-bằng tuần-tự giữa sự cá-nhân-hóa cách học-hỏi về tinh-thần và sự xã-hội-hóa của sự học-hỏi ấy.

Lại nữa, không có sự phân-biệt triệt-đè giữa hai loại phương-pháp ấy.

Không phải phương-pháp Décroly, phương-pháp Winnetka, phương-pháp kế-hoạch, hoặc phương-pháp học đường ăn-loát đã bỏ rơi lợi-ich của việc làm cộng-dồng. Tuy vậy, người ta có thể nói rằng : đối với các phương-pháp thuộc loại thứ nhất ấy sự cá-nhân-hóa lối dạy vẫn luôn luôn là mục-dịch mà sự xã-hội-hóa chỉ là một trong những phương-tiện. Trong khi ấy, những phương-pháp thuộc loại hai thì lại quả-quyết nhắm vào sự xã-hội-hóa lối dạy.

Cần đề ý thêm rằng việc làm từng nhóm không thể

tô-chức đồng đều ở các giai-đoạn tiến-triển tinh-thần trẻ con. Thực vậy, những lợi-ich xã-hội của trẻ con cần phải có một ồn-kiện vững-vàng (consistance) cần-thiết để cho giá-trị sản-xuất của đoàn-thể thị-hiện cho được, không phải là trước thời-kỳ 10 hay 11 tuổi mà phương-pháp mới có kết-quả.

Trong giai-đoạn thứ nhì của tuổi ấu-nhi và cho đến 7 tuổi trẻ con ở trong thời-kỳ trung-tâm tự-kỷ (égo-centrique) thì làm sao có thể hợp-tác thực-sự với nhau được.

Từ 8 đến 10 tuổi, trẻ con có thể hợp-tác với nhau một cách rời-rạc. Chỉ khi nào chúng đã qua hưng tuồi ấy thì các hợp-tác trong cuộc chơi lại đèo thêm sự hợp-tác trong công-việc làm, việc học.

Thực ra, ở đây cần lợi-dụng theo chiều-hướng các cùu-cánh văn-hóa sự xu-hướng ngẫu-phát của trẻ về sự thành-lập những bọn nhỏ mà trong ấy các trẻ đều hoạt động chung.

A. PHƯƠNG-PHÁP GIÁO-HUẤN HỖ-TƯƠNG

Ở đây, ngược lại trào-lưu, cần dành một chỗ cho những phương-pháp giáo-huấn hỗ-tương được trình-bày do nhà sư-phạm Pestalozzi (Thụy-sĩ) và được áp-dụng ở Anh vào năm 1789 do hai nhà sư-phạm Bell và Lancaster và đã được áp-dụng triệt-dễ ở thành Fribourg (Đức) do tu-sĩ Grégoire Girad và ở Pháp trong thời-kỳ trung-hưng quân-quyền (Restauration) ; phương-pháp này đã nỗi danh một thời.

Phương-pháp giáo-huấn hỗ-tương được áp-dụng là do sự thiếu thay đổi học giỏi và do sự thay thế các ông thầy này bằng những học-sinh lớn tuồi hơn và giỏi hơn các bạn đồng-song của chúng.

Bằng cách tô-chức nhiều toán nhỏ mỗi toán đặt dưới

sự hướng-dẫn của mỗi giảng-tập-viên (moniteur) người ta đã áp-dụng được sự chăm-nom săn-sóc của kẻ cả đối với đàn em út.

Ông Bell cho rằng : với phương-pháp này một ngôi trường toàn-diện có thể học-hỏi với sự chăm-nom của một thầy dù cho trường ấy có mấy trăm học-sinh cũng mặc.

I. Những vị chủ-xướng việc làm từng toán, từng nhóm

Việc làm, việc học từng nhóm, từng phiên mà lối giáo-dục mới quan-niệm không có gì giống với chế-dộ hỗ-tương giáo-huấn.

Theo lối giáo-dục mới này thì việc làm, việc học từng nhóm ám-chỉ một sự công-tác tự-do của các học-sinh. Trái ngược lại, với những bài mà chúng làm chung với nhau mỗi trẻ đều phải lo riêng việc của mình dưới sự chỉ-huy của ông thầy, bà thầy.

Phương-pháp này đã được áp-dụng bên Anh do nhà Sư-phạm Sanderson, bên Thụy-sĩ do nhà Sư-phạm Roger-Cousinet và bên Đức do nhà Sư-phạm Peter-Petersen.

Ông Cousinet định-nghĩa hệ-thống giáo-dục của ông như sau : « Trẻ con hiệp với nhau lại thành những nhóm từ 5 đến 6 đứa và mỗi nhóm tự lựa-chọn một việc mà chúng muốn làm ».

« Công-việc làm ấy được thi-hành tập-thể : mỗi nhân-viên của nhóm đều đóng góp vào nhóm những tập-quán, « những điều hiểu-biết của mình. Cái men của sự công-tác « của chúng là sự vui-thich được trở nên một người thợ tốt « nghĩa là dã dề lại trong kết-quả chung dấu-vết, ẩn-tượng « riêng của mình. Tuyệt-nhiên, trong nhóm không có tinh-ich-kỷ tự-cao, mỗi nhân-viên đều làm hết sức mình và

« việc của mỗi cá-nhan đều có hưởng nhờ cái uy-tin chung của công-trình đoàn-thề ».

« Cũng nhờ vậy mà những thợ chạm kim-thuộc (ciseleurs) và những thợ làm đồ thủy-tinh (verriers) trong thời trung-cổ đã làm xong hoàn-toàn một thánh-đường « về các chi-tiết ».

« Người lãnh-đạo một nhom, một phiên, chỉ được các thợ công-nhận là khi nào người ấy tôn-trọng sự cố-gắng của họ ».

« Lại nữa, mỗi người thợ chọn một cách không sai « chạy việc làm phù-hợp khả-năng mình ».

Như vậy, ông Cousinet đề các nhom tự thành-lập nghĩa là với tinh-thần độc-lập hoàn-toàn, tự chọn người lãnh-đạo và tự ấn-dịnh chương-trình làm việc của mình.

Ở đây, sự tự-trị rất lớn và nhắm vào sự dung-hòa giữa tổ-chức của tập-doàn và sự phát-triển nhân-phầm.

Trước hết là phải làm cho trẻ tự cảm thấy rằng : trong đoàn-thề trẻ có thể trở nên giàu có biết bao trong công-việc làm chung nhờ sự thụ-hưởng tất-cả nguồn-lợi của đoàn-thề.

Trái lại, những ý-kiến chính về vấn-dề này của Petersen thì khác hẳn. Ông Petersen nghĩ ra một kế-hoạch, một đồ-án (plan) làm việc có hệ-thống chặt-chẽ. Theo kế-hoạch của ông thì những bài dạy, sự hoạt-động tập-thề có chỉ-huy và sự hoạt-động tự-do của các nhom đều được hồn-hợp lại (combinés). Sự dạy-dỗ được trình-bày dưới một hình-thức tổng-hợp (synthèse) chứ không dưới hình-thức các ngành riêng-bié特, tương-tự như thuyết chủ-điểm vậy.

Sự thành-lập các nhom lại cũng biến-dồi luôn. Nhóm có thể được thành-lập một lần trong đầu niên-khoa hoặc

phút đầu của mỗi bài học hoặc là riêng cho sự nghiên-cứu một số vấn-dề gì. Ông thầy có thể bắt học-sinh phải nhận sự chia chúng ra từng nhom hoặc khuyen-bảo chúng làm việc ấy.

Trong một ít trường-hợp, nhom cam-kết làm xong một công-việc gì bằng một thứ khế-uróc việc làm tương-tự như đồ-án Dalton.

Chế-dộ này được áp-dụng cho tất-cả các môn học nhất là cho các môn : khoa-học thiên-nhiên, sử-ky, địa-ly, mà cũng có thể cho các môn tác-văn và tinh-đố.

Sau cùng có thể tổ-chức sự cộng-tác giữa các nhom các phiên đã thực-hiện sự điều-hòa trong cách làm việc tổng-quát của nhà trường.

Đó là nguyên-tắc áp-dụng phương-pháp nói trên của nhà sư-phạm Petersen.

2. Giá-trị giáo-dục của sự làm việc tập-thề (từng nhom)

Ông Piaget đã phân-tách các lý-do ấn-dịnh giá-trị giáo-dục của sự làm việc tập-thề.

Những sư-phạm-gia tán-thành phương-pháp này đồng-ý tuyên-bố rằng : sự hồn-hợp (la combinaison) cố-gắng cộng-dồng với cố-gắng lè-loi của cá-nhan rất cần-thiết ; không nên nói rằng : lúc nào trẻ con cũng cảm thấy luôn luôn bị tập-thề(nhom) thu-hút mất và trong bất-cứ trường hợp nào chỉ tin-tưởng ở tập-thề.

Phương-diện hay nhất là nhóm (tập-thề) ; cần nên so-sánh và đê so lại những kết-quả riêng-bié特 của mỗi nhán-viên của nhom đã thu-thập được.

Sự công-tác ám-chỉ nhán-phẩm : sự công-tác tạo thành nhán-phẩm bằng cách làm tiêu-tan trung-lâm ich-ký và bằng cách sắp-dặt những cá-phàn cho có trật-tự.

Chỉ có sự ép-buộc vì đã đem các cá-nhân lại một cấp-bậc làm-trở-ngai cho sự này-nở các nhán-phẩm và chung qui, tăng-cường cho trung-tâm ich-ký nguyên-thi.

Tập-doàn và nhán-phẩm đi song-song nhau cũng như trung-tâm ich-ký và sự úc-chẽ (ép-buộc).

Tập-doàn có thắng-lợi và thay-thế vào quyền-uy của tập-thề mà trong đó trẻ có tham-dụ dẽ dura trẻ đến chỗ phục-tùng kỷ-luat tinh-thần của lẽ phải.

Uy-quyền của người lớn không đủ để giáo-dưỡng một cách thiết-thực tư-tưởng về các điểm quan-trọng ấy (là sự hợp-lý các liên-hệ và sự hợp-ý các giai-cấp) bởi vì sự phục-tùng theo đường-lối không phải là lẽ phải và sự thảo-luận và sự công-tác thật-sự không thể có được nếu không có một sự bình-dâng tối-thiểu và sự hỗ-tương giũa nhau.

Có lẽ người ta chỉ-trich rằng sự làm việc tập-thề có cái nguy và dề trong tâm-hồn trẻ một số lầm-lẫn trong số các chân-lý mà lời nói mù-mờ của thầy cũng không hơn gì. Rốt cuộc cái thắng-lợi tinh-thần do ở chỗ không phải trong số các tri-thức đã thu-thập được mà là những tập-quán lành-mạnh về tinh-thần trong khi làm việc như: tinh khái-quan trong công-việc phát-minh và sự hợp-lý trong suy-nghĩ. Vả lại, sự công-tác vì lẽ nó là nguồn-gốc của sự kiêm-soát hỗ-tương và sự tương-quan tương-dối sẽ tiếp sức cho ý-nghĩa khách-quan, cho sự thỏa-thuận với thí-nghiệm (kinh-nghiệm) và kiện-toàn ý-nghĩa hợp-lý nếu thật ra sự hợp-lý là luận-lý, đạo đức của tư-tưởng chung,

Chỉ-trich thứ hai nhằm vào trường-hợp các trẻ biếng.

nhác hoặc những trẻ chậm-chạp. Những trẻ này theo ý người ta tưởng, có thể ở dâng sau và bị bỏ rơi.

Kinh-nghiệm hinh như chứng-minh ngược lại rằng : các trẻ ấy chịu sự lôi kéo chung một cách dễ-dàng hơn là chịu ảnh-hưởng của lời khuyên-cáo.

B. PHƯƠNG-PHÁP HOẠT-ĐỘNG Ở CÁC CẤP-BẬC CAO HƠN CỦA NỀN GIÁO-DỤC

Một sự nhầm-lẫn thường được lan-tràn ra là cho rằng phương-pháp hoạt-động có lẽ chỉ được áp-dụng chính-thức và toàn-diện ở cấp-bậc Sơ-tiểu. Nhưng, trái lại, bậc Trung-học và Đại-học, vì có những cùu-cánh khác-biép không sao dung-hòa với các phương-sách giáo-huấn ấy. Người ta công-nhận rằng : lối giáo-huấn hoạt-động phù-hop với tinh-chất thiên-nhiên của trẻ con ; nhưng người ta cho rằng tuổi dậy-thì thay-dổi hẳn tinh-chất thiên-nhiên ấy và các kỹ-thuật khác nhắm vào sự tri-thức-hóa rất cần-ich trong lúc đó.

Thường người ta tuân theo hậu-ý rằng nền giáo-huấn Sơ-Tiểu vì lẽ dành cho các trẻ dẽ ngày sau chuyển sang các nghề lao-dộng, không thể có một tinh-chất thực-tiễn quá sớm. Trong một thời-gian khá lâu, tư-tưởng ấy đã ngự-trị trên khắp nước Pháp cho đến đổi các lớp Sơ-Tiểu các trường Trung-học, tuy rằng đã được hướng về văn-hóa tự-do, không thể thu-nhận một loại chương trình hoặc chấp-nhận một loại phương-pháp như ở các lớp trung-dương của Bình-dân giáo-dục. Thật không gì phi-lý bằng, vì không thể có hai tinh-chất thiên-nhiên khác biệt của trẻ con tùy theo giai-cấp xã-hội mà nó lệ-thuộc và lại không có gì tai-hại hơn là thuyết theo đó trẻ con sinh ra phải tùy theo nhà trường không tùy theo trẻ con.

Vậy chúng ta kết-luận rằng nếu phương-pháp ho-

động tự nó có một giá-trị thì nó phải được áp-dụng cho tất-cả trẻ con, mà đến đây tại sao phương-pháp ấy mất hết giá-trị đối với hạng thanh-niên (Adolescence) ? Tuổi này là tuổi rất thuận-tiện cho sự xã-hội-hóa và là tuổi đầy nhựa sống, là tuổi mà phương-pháp hoạt-động nhất là phương-pháp làm việc từng nhóm lẽ phải coi là một địa-hạt áp-dụng tốt nhất ?

Các nhà chủ-xướng lên lối giáo-dục mới đều hiểu như vậy và từ-khước không chịu lập lên ranh-giới, cắt xén trong sự tiến-triển của hoạt-động giáo-dục. — Nhưng it ra, người ta cũng xin lưu-y rằng : tuổi xã-hội-hóa ấy lại cũng là tuổi cá-nhân-hóa và tuổi này gồm có những mối e-ngại, thẹn-thùng, những phút êm-lặng, những sự thu hình không thể làm phát-triển sự sử-dụng chung tất-cả các sáng-kiến tự-do.

Những nhà tâm-lý đồng trả lời trước rằng : lời chỉ-trich ấy tuy rằng chứng-minh sự cá-nhân-hóa và sự xã-hội-hóa đi song-song nhau, rằng : cái này tiến-triển nhờ cái kia và, hơn nữa, việc làm từng nhóm được ý-thức chu-dáo không bôι-bỏ hẳn bằng bắt-cứ cách nào mà trái lại ám-chỉ sự cố-gắng của mỗi người.

Sự nhầm-lẫn thứ nhì cần được giải-nghi là nghĩ rằng : sự hoạt-động trong sự tận-tụy ở nhà trường cần giữ nguyên các tính-chất xuyên qua sự phát-triển của cá-nhân hay, nói một cách khác, sự làm thủ-công phải được đặt ở nơi trung-tâm của sự cố-gắng, dù rằng đó là sự cố-gắng tinh-thần cũng như trong những giai-doạn đầu của tuổi trẻ.

Nên thú-niệm rằng : nhiều nhà giáo-dục canh-tân lại dễ sa vào chỗ thái-quá ấy. Sự thực có khác. Một nền sư-phạm hoạt-động hàm-ý rằng : bắt-cứ một nền giáo-huấn nào đều khởi-sự bằng cách đánh thức và phô-trương hành-

động những lợi-ích ngẫu-phát của con người vào thời-ky tiến-triền thích-ứng. Để đáp lại những lợi-ích chủ-yếu của tuổi thanh-niên là những lợi-ích tri-thức trùu-tượng sự hoạt-động cần được tri-thức-hoa. Sự tiến-triền của trẻ con giữa hai tuổi : tuổi thơ-ấu và tuổi thanh-niên qui vào việc sau đây : lý-trí phục-vụ hành-dộng trong thời-ky thứ nhất, hành-dộng phục-vụ lý-trí trong giai-doạn thứ nhì.

Phương-pháp hoạt-động như thế là cần-thiết cho tất-cả cấp-bậc giáo-dục.

Các cíu-cánh của văn-hóa càng trùu-tượng và phúc-tap chừng nào thì nó lại càng đòi-hỏi một số lớn những phương-tiện trung-gian, những khúc quanh-co và nó cũng lại đòi-hỏi những tập-doàn có tồ-chức. Người ta thấy việc ấy trong những công-việc thực-tập ở các phòng thí-nghiệm khoa-học.

Tuy-nhiên, ở chỗ mà các công-việc thực-tập chỉ là một phần phụ-thuộc, một thứ phương-tiện kiềm-soát hiệu-lực các công-thức do ông thầy đã giảng-dạy ; thực ra nó phải là phần chính-yếu trong một nền giáo-dục được quan-niệm như một sự khai-mào, một sự diễm-dạo về lý-trí cũng như sự tìm-tòi khoa-học và các phương-sách của nó.

Sự thực là trong tất-cả các môn phương-pháp hoạt-động có một chỗ rõ-rệt ; môn văn-chưong, mà nơi đây có sự giải-thích của các bài văn có thể học chung một sự tìm-kiếm khảo-chứng giải-thích cần có lợi là được phân-phối cho nhiều người, mà các tuồng hát cần được trình-diễn. Về môn sử-ky và địa-ly mà sự tìm kiếm riêng và chung là căn-bản cho sự rõ thông các biến-cố. Trong sự học các sinh-ngữ mà cuộc đàm-thoại là phương-tiện chính-yếu của sự tiến-bộ ; trong môn toán mà người có thể cho thêm nhiều bài áp-dụng, v.v... Chúng ta không nói đến môn

triết-lý, dành riêng cho các trường Trung-học Pháp vì sự làm việc công-cộng về môn này chỉ có sự trình-bày công-cộng những suy-nghĩ cá-nhan.

Như vậy, chúng ta lập lại rằng: sự áp-dụng phương-pháp hoạt-động và việc làm từng nhóm không vì một lý-do gì mà bôi xóa sự cố-gắng tư-tưởng vừa cá-nhan và vừa lẻ-loi. Cần nhất là tất-cả đều hưởng nhờ việc làm của mỗi người chứ không phải là mỗi người trông-cậy vào đoàn-thể để vượt qua các nỗi khó-khăn mà mình vấp phải. Ấy là một sự điều-hòa cần tạo nên, một sự thăng-bằng cần thực-hiện mà trong đó sự khéo-léo của ông thầy cần được đem ra thi-thố.

Sự canh-tân các phương-pháp không thể có được nếu nhà trường, ngoài ra, còn giữ một cách chặt-chẽ những chương-trình đã được ấn-định một cách tỉ-mỉ, những bài áp-dụng đã được soạn trước, hệ-thống các bài làm, bài hỏi, bài tác-văn, các cuộc thi định-kỳ và, trên hết, lại có các sách giáo-khoa tăng-lên không ngừng để có lợi cho soạn-giả và nhà in và hình như đã được ấn-định để miễn cho ông thầy, bà thầy mọi cố-gắng sự-phạm. Ấy là làm một công-việc thí-nghiệm khá-ő nếu các phương-pháp mới chỉ được gắng vào một hệ-thống không thích-ứng với nó. Bị làm sai bản chất (*dénaturés*) ngay trong nguyên-tắc căn-bản các phương-pháp ấy bây-giờ chỉ có thêm các mối tệ vào các mối tệ của hệ-thống đã có vì nó bị đem áp-dụng một cách vô-ý-thức.

Về bậc Đại-học, chúng ta không còn nói gì riêng hơn là nếu chỉ vì theo định-nghĩa Đại-học là lễ mở lòng (*l'initiation*) là sự khai-tâm cho sự tìm-tòi nghiên-cứu chính-thức thì Đại-học đã tự mâu-thuẫn với mình ngay từ lúc đầu nếu nó chỉ gồm có các bài giảng có vẻ nghiêm-trang, đạo-mạo. Những phương-sách như thế có thể ích-lợi

về phương-diện chuyên-nghiệp và để đào-tạo những nhà chuyên-môn. — Nhưng nó chỉ có một giá-trị rất kém về mặt văn-hóa chân-thực. — Người ta thấy những cuộc thi lớn dựa vào cách áp-dụng đúng với các phương-sách ấy.

Như vậy không lấy chi làm lạ nếu các phương-sách ấy chỉ là những khí-cụ quá tầm-thường để tuyển-lựa nhân-tài.

NHỮNG LỜI BÌNH-LUẬN VỀ CÁC PHƯƠNG-PHÁP HOẠT-ĐỘNG

Thực ra sự phô-biến các phương-pháp hoạt-động không phải là không làm khởi-dậy những khó-khăn trầm-trọng, thuộc về phương-diện xã-hội hơn là sự-phạm.

Nơi nào mà những phương-pháp ấy được áp-dụng có nhiều kết-quả nhất-thì các phương-pháp ấy đòi-hỏi một ngạch nhân-viên chọn-lọc rất đông người, một ngạch giáo-su với con số và tinh-hanh đặc-biệt với những điều-kiện sinh-sống riêng-biệt. Trái lại, nền giáo-dục công-cộng được dành cho tất-cả trẻ con không có sự phân-biệt nào. Những giáo-chức các trường công-lập không cần phải có một khuynh-hướng hoặc những khả-năng phi-phàm. Những trẻ con theo học các trường này không cần ở trong những tình-trạng chỉ chịu riêng ảnh-hưởng của lối giáo-dục công cộng mà thôi.

Phương-pháp giáo-huấn hay giáo-dục có một sự quan-trọng trực-thuộc sī-sō trong một lớp dưới sự chăm-nom của một ông giáo có giá-trị bậc thường-thoi.

Một ông giáo điều-khiển một lớp học có bốn chục hoặc năm chục học-sinh tất phải bắt-buộc trình-bày những chọn-lý có tính-cách chung cho mọi người.

Các học-đường áp-dụng phương-pháp hoạt-động chỉ

là những thí-nghiệm thực-hiện trong một hoàn-cảnh nhất-định. Các trường ấy không nhận những trẻ con đặc-biệt (hay bất-thường, chậm-tiến, hoặc thần-đồng) hoặc trẻ con vô-thường, bất-dịnh, mà trái lại chỉ nhận trẻ con các gia-dinh thông-minh, biết nhận-thức tầm quan-trọng của cuộc thí-nghiệm này.

Đành rằng người ta có thể làm giản-dị phần nào những nỗi khó-khăn nói trên bằng cách tổ-chức những lớp học cho các trẻ đặc-biệt hoặc các trẻ thần-đồng hoặc bằng hệ-thống các lớp di-chuyển theo đồ-án Dalton.

Sự khó-khăn lớn nhất là trẻ con học theo lối Giáo-đục mới này phải chịu tất-cả mọi ánh-hưởng : ánh-hưởng xã-hội, (ánh-hưởng gia-dinh, ánh-hưởng ngoài đường) làm tiêu-tan ánh-hưởng của nhà trường, bởi trẻ con không bị kiềm-chế về một phương-diện nào.

Người ta có nghĩ đến vấn-dề nội-trú phô-capse cho tất-cả loại trường nói trên và như vậy vấn-dề giáo-đục sẽ vượt ra ngoài rất xa phạm-vi của nhà trường và sẽ trở thành một vấn-dề vừa xã-hội vừa sự-phạm.

UỐN-NẮN VÀ GIÁO-ĐỤC

Công-dụng của phương-pháp uốn-nắn

(Trích trong Sư-phạm Khoa Giản-Yếu Phẩm-Xuân-Độ)

I. UỐN-NẮN VÀ GIÁO-ĐỤC

Uốn-nắn là phương-pháp gây thành tập-quán khiến người ta dựa vào các ảnh-tượng thuộc về giác-quan và động-lực để sai-khiến một sinh-vật một cách máy-móc. Muốn áp-dụng cách này, người ta phải gọi ra những cảm-xúc mạnh-mẽ. Thí-dụ : dạy chó nhặt một dụng-cụ từ xa mang lại ; nếu nó cưỡng thi đánh đập ; nếu nó vâng theo thi ban cho nó thực-phẩm. Loài vật ấy không biết

suy-xét mà chỉ thấy rằng : không nghe thì bị đánh đau, thi-hành là được ăn ngon. Đối với trẻ nhỏ cũng vậy ; ta không thể giải-thích hay lý-luận khi sai khiến chúng một việc gì ; chúng hư thì phạt, chúng ngoan thì khen. Vậy uốn-nắn có những đặc-tính sau đây :

1. Tinh-cách máy móc của cử-chỉ.
 2. Dương-sự.bị cưỡng-bách, không có chút tự-do hay sáng-kiến.
 3. Sự uốn-nắn ngăn cản những thái-độ hay hành-động tự-nhiên.
- Trái lại, giáo-đục muốn cho trẻ :
1. Hiểu-biết lý-do của việc làm, như : tại sao phải siêng-nắng, phải giữ vệ-sinh, hay, cao hơn nữa, thế nào là hợp-lý, là tự-trọng ?
 2. Được suy-xét và tự-chủ, nhất là từ khi các phương-pháp hoạt-dộng hành-trưởng trong các học-đường.
 3. Tự hướng-dẫn hay tự chế-ngự ý-tưởng, tinh-tinh hoặc hành-vi.

Lẽ tự-nhiên là giáo-đục mới thực là cách huấn-luyện rất xứng-đáng, rất quan-trọng, khiến trí-tuệ trẻ con thêm sáng-suốt và nhân-cách phát-triển một cách đầy-dủ, dồi-dào. Nó có tinh-cách mềm-dẻo và chỉ kiềm-hãm những nghị-lực hạ-cấp để giúp-dở sự nảy-nở của các nghị-lực thanh-cao. Thí-dụ kiềm-tróc tri-lực để áp-dụng nó vào những công việc hữu- ích cho gia-dinh, xã-hội. Trái lại, uốn-nắn chỉ có một lợi-diểm, là gây thành những tập-quán tốt.

II. CÔNG-DỤNG CỦA PHƯƠNG-PHÁP UỐN-NẮN

Tuy không có nhiều giá-trị trong đạo tu-tề, sự uốn-nắn cũng thường là một phương-pháp cần-thiết.

- 1) Thật vậy, khi trẻ chưa có đủ trí-khôn để suy-luận ta không thể giáo-huấn chúng như đối với các thanh thiếu-niên. Trong thời-kỳ đó, ta cần áp-dụng những phương-tiện cưỡng-bách. Vì đó, nhà sự-phạm Hợp-Chung-Quốc Channing đã nói : « Sự vắng lời là nền luân-lý của trẻ nhỏ ».
- 2) Hơn nữa, hầu hết các môn học có những chi-tiết mà trẻ phải áp-dụng một cách máy-móc cho khỏi mất công-sức và thi-giờ vô-ich. Trong khi viết và đọc, trừ những ấu-sinh vỡ lòng không kè, còn các trò khác cũng như người lớn, chỉ nhìn ra là đã biên chép hay nhận hiểu được ngay. Khoa-học hay số-học, có những công-thức hay hệ-thống cần thuộc lòng. Đến như văn-chương, ta còn thấy những luật-lệ về chính-tả hay ngữ-pháp mà học-sinh phải ghi nhớ, không sao lý-luận được.
- 3) Sau hết, khi trẻ tuân theo lề-giáo hay phong-tục, khi chúng thực-hiện những phương-pháp cõi-diễn trong việc học-hỏi, những phương-pháp mà mọi người đều công-nhận, thời ít khi chúng băn-khoăn, suy-xét. Khi đó, chúng đã chịu đựng cách uốn-nắn mà chúng không biết.

NHỮNG PHƯƠNG-PHÁP ĐỨC-DỤC

Về phương-diện đức-dục, người ta áp-dụng một trong ba phương-pháp sau đây : phương-pháp giáo-huấn hay giáo-thụ (méthode didactique), phương-pháp trực-giác (méthode intuitive) và phương-pháp hoạt-động, hoặc cả ba phương-pháp dưới hình-thức tổng-hop, mỗi phương-pháp được áp-dụng tùy lúc, tùy chỗ, nhiều hoặc ít.

SỰ HỖ-TƯƠNG GIỮA CÁC PHƯƠNG-PHÁP VỀ TRÍ-DỤC VÀ ĐỨC-DỤC

Mặc dù có lầm kẽ chống-đối chủ-tri-thuyết (intellectualisme), người ta đều nhìn nhận có một sự liên-hệ chặt-chẽ, một sự hỗ-tương thâm-nhập bất-diệt giữa hai khoa trí-dục và đức-dục. Tuy-nhiên phải dành cho chủ-tri-thuyết một ý-nghĩa đúng mức của nó là : Chủ-tri-thuyết (intellectualisme) không phải là sự chừa-chất, sự chồng-dồng những tri-thức (connaissances) mà là sự cấu-tạo tư-tưởng có suy-nghĩ. Chắc-chắn là sự suy-nghĩ không phải là hoàn-toàn về đạo-đức (moralité) cũng như về nghị-lực của ý-chí. Nhưng có điều chắc-chắn là không có đạo-đức nếu không có sự suy-nghĩ và nghị-lực của ý-chí.

Điều ấy chứng tỏ rằng sự hỗ-tương thâm-nhập kia là do những cùu-cánh chung của Tri-dục và Đức-dục. Với trí-dục cần phải có sự hoạt-động của tư-tưởng và sự tự-chủ của phán-đoán ; trái lại, với đức-dục thì lại phải có sự mẫn-tiệp của phẩm-hạnh và tự-chủ của quyết-định.

Ở đây, trên bình-diện đạo-đức, ta tìm thấy ba loại phương-pháp giáo-dục đã được nêu lên trên bình-diện tri-dục là : phương-pháp giáo-huấn hoặc giáo-thụ ; phương-pháp trực-giác ; phương-pháp hoạt-động.

PHƯƠNG-PHÁP GIÁO-HUẤN HAY GIÁO-THỤ

Phương-pháp này căn-cứ vào ý-kien sau đây :

Cần-thiết và có thể được di từ quyền-lực ở bên ngoài đưa vào cho cá-nhân (hétéronomie) đến sự tự-trị ý-chí.

Phương-pháp giáo-huấn hay giáo-thụ khởi-điểm ở chỗ sự hiện-tồn của đạo-đức được coi như một thực-tại (hệ-thống các sự-kiện) đạo-đức hoặc hệ-thống các giá-trị

đạo-đức) ở ngoài lương-tâm con người phải thích-trost với những phẩm-hạnh mà nó bị bắt-buộc phải có.

Như vậy : mục-đích của phương-pháp giáo-huấn về phương-diện đức-đạo là tạo nên ở con người một « tự-nhiên-tinh » (nature) thứ nhì, tự-nhiên-tinh về mặt tinh-thần theo những nhà thần-học (théologiens), tự-nhiên-tinh về mặt xã-hội theo những nhà xã-hội-học, không giống với tự-nhiên-tinh bản-sơ. Tự-nhiên-tinh bản-sơ cần phải được đè-nén, hoặc ít nữa kiềm-chế trong những dục-vọng của nó.

Phương-pháp giáo-huấn về phương-diện đức-đạo khởi đầu ở hạng tuổi còn nhỏ nhất bằng sự uốn-nắn — uốn-nắn trong gia-dình, uốn-nắn ở nhà trường và tiếp-tục bằng một quyền-lực bên ngoài được thừa-nhận cẩn-cứ vào quyền-lực của ông thầy tượng-trưng cho quyền-lực của xã-hội (và xưa kia quyền-lực thiêng-liêng). Tình-trạng này chấm dứt khi mà cá-nhan đã đến tuổi hiểu lẽ phải của những cử-dộng mà những bài đức-đạo lý-thuyết và thực-hành bắt-buộc chúng phải làm để đi từ phẩm-hạnh do quyền-lực bên ngoài tạo cho đến phẩm-hạnh mà cá-nhan tự rèn tập theo một hệ-thống gồm những điều lành. Điều phải, những bôn-phận mà trí thông-minh của cá-nhan có thể giúp cá-nhan hiểu được. Nhưng quan-niệm trên đây không được các học-thuyết tôn-giáo nhìn-nhận — và có nhiều bất-dồng ý-kiến về điểm này.

Các nhà xã-hội-học lại cho rằng trong tâm-lý của thiên-nhiên-tinh con người (nhứt là về sinh-vật giác-quan) có những xu-hướng thúc-giục con người tiếp-dón và ước-vọng đời sống xã-hội. Tình-ura mến xã-hội phô-diển ra ngoài xu-hướng ngẫu-nhiên về xã-hội-tinh. Trẻ con không những tìm kiếm xã-hội trẻ con đồng-lứa tuổi mà lại còn tìm xã-hội của anh chị (kẻ cả) và của em út nữa. Ý-thức bôn-phận của cá-nhan đáp lại với sự nhìn-nhận sức

yếu hèn của mình và sự cần được che-chở, dẫn-dắt, nâng-dỗ.

Như vậy gác bỏ ra ngoài phương-pháp giáo-huấn bằng quyền-lực bên ngoài là điều không thể được.

Quyền-lực của người trưởng-thành rất cần-thiết trong buổi đầu đời sống đạo-đức của mỗi cá-nhan vì lẽ mỗi xã-hội có một lối sống riêng và luật-lệ phong-tục riêng cần phải truyền-thụ lại cho đoàn hậu-tán. Chính quyền-lực ấy rất cần đẽ giúp cho đoàn hậu-tán tim ra ý-niệm một tâm-hồn cao-thượng có thể làm gương-mẫu tạm-thời cho chúng.

Dù đến tuổi thanh-niên (adolescence) mỗi cá-nhan nhận thấy cần pha trộn với đời mình những gương-mẫu vượt hẳn mình. Vì thế mà quyền-lực của bậc trưởng-thành có ảnh-hưởng với đời sống cá-nhan thanh-niên là vậy.

Ông Fritz Jude nói rằng : « Cái chi đào-tạo thanh-niên không phải là cái mà chúng ta nói cho chúng mà chính là cái mà chúng ta hiện thân bây-giờ ».

NHỮNG KHUYẾT-ĐIỂM CỦA PHƯƠNG-PHÁP GIÁO-HUẤN VỀ PHƯƠNG-DIỆN ĐẠO-ĐỨC

a. Phương-pháp giáo-huấn tự mình không đủ sức để tạo nên thật-sự một lương-tâm đạo-đức. Nó chỉ có thể tạo nên một nền luân-lý cẩn-cứ vào quyền-lực bên ngoài và sự tuân-theo những luật-lệ bên ngoài mà cá-nhan không hiểu chi cả.

Các luật-lệ tập-quán ấy đều mượn ở xã-hội hiện-tại. Như vậy nó không thể đưa lương-tâm cá-nhan lên cao hơn thuyết « Hợp-thời chủ-nghĩa » (le conformisme) quá gắt-gao để vượt ra khỏi vòng tập-quán phong-tục phiền-phức.

b. Đặc-biệt hơn nữa là phương-pháp giáo-huấn không sao dung-hòa hai loại luân-lý : luân-lý cẩn-cứ vào quyền-lực bên ngoài (quyền-lực của thầy) và luân-lý cẩn-cứ vào tinh-thần tự-trị của các nhóm trẻ con đã được ngẫu-nhiên lập nên. Bởi thế, ông thầy ngó các nhóm ấy với con mắt không tra-thích và thường nghi-ngòi luôn vì cho rằng các nhóm ấy được lập nên để đánh bại quyền-lực của mình. Như vậy, theo tinh-tinh phong-tục bây giờ phương-pháp giáo-huấn nói trên chỉ đào-tạo sự làm loạn, sự phản-kháng hơn là sự áp-phục tuân-thành (sujétion conformiste).

Cái khuyết-diêm lớn của phương-pháp giáo-huấn là sự lạm-dụng các cách trừng-phạt như là : mắng trước mặt công-chứng và nhứt là sự đánh đập khieni cho trẻ con lúc nào cũng có tự-ti mặc-cảm. Trong hoàn-cảnh tui-nhục ấy ý-thức nhân-phẩm không thể nào xuất-hiện được. Trái lại ý-chí tranh-dấu, phản-kháng đã ngầm-ngầm nảy-nở trong tâm-hồn trẻ với những phương-tiện thông-thường của nó là : sự giả-nhân giả-nghĩa (hypocrisie), sự nói dối, sự hung-tợn ngầm-ngầm, và sau nữa là sự bất-chấp mọi quyền-lực nói chung.

Nói tóm-lại, phương-pháp giáo-huấn gắt-gao, độc-doán chỉ tạo những tâm-hồn nô-lệ hoặc những tâm-hồn bất-tri, vô-trật-tự (anarchiques) mà thôi.

c. Phương-pháp giáo-huấn đạo-dức chỉ còn giữ được một địa-vị trong sự huấn-luyện đạo-dức thanh-niên, là khi phương-pháp ấy được hướng về sự biến-dỗi quyền-lực bên ngoài thành quyền-lực tự-trị nghĩa là đưa dần thanh-niên đến chỗ tự-định, tự-chủ. Mục-đích của phương-pháp này là không nên kéo dài thời-gian uốn-nắn mà, trái lại, giúp-dỗ thanh-niên tự tạo nên qui-luat để tự thích-ứng với đời sống xã-hội tương-lai. Thay vì đánh đòn những

xu-hướng tự-tri, tự-lập, phương-pháp ấy phải cố-gắng giúp sự nảy-nở tinh-thần ấy bằng cách làm nảy-nở ở bên trong mỗi cá-nhan tinh-thần trách-nhiệm.

d. Trên thực-tế, các sư-phạm luân-lý-gia đã ý-thức được sự cần-thiết vừa nói để bồi-túc kỹ-luật quyền-uy (discipline autoritaire) bằng cách soạn ra những « bài luân-lý », hoặc những « bài công-dân giáo-dục » để kêu gọi sự suy-nghĩ cá-nhan, sự cố-gắng biến quy-luat do bên ngoài đưa vào thành quy-luat có tinh-cách tự-tri nghĩa là có sự giải-thich hợp-lý và có sự ưng-thuận của mỗi cá-nhan.

Ngoài các khuyết-diêm trên phương-pháp giáo-huấn đạo-dức còn có khuyết-diêm này nữa là bắt trẻ con suy-nghĩ về những bồn-phận, những trách-nhiệm không ăn-nhập gì với đời sống thực-tại của chúng, với hạng tuổi của chúng. Làm như thế, người ta đã cho rằng : tinh-thiên-nhiên của trẻ con in hệt như của người lớn. Nói với trẻ con nào là : « nhiệm-vụ đạo-dức », nào là « tiếng nói của lương-tâm » là nói với chúng một thứ tiếng mà chúng không thể hiểu được !

e. Tuy nhiên, nói như thế không có nghĩa là : sự suy-nghĩ không có một phần nào trong môn đức-dục dù cho đối với trẻ con còn nhỏ tuổi nhất. Sự suy-nghĩ mà người ta muốn nói ở đây là lối suy-nghĩ phù-hợp với hạng tuổi, đời sống hàng ngày, những nhu-cầu của đời sống tập-thể của chúng.

f. Sở-dĩ phương-pháp giáo-huấn đạo-dức một mình đã đảm-nhiệm được môn -đức-dục trải qua các thời-dai là vì nó biết lợi-dụng sự công-hiệu của gương-mẫu, sự truyền-nhiệm tinh-thần của các gương ấy.

Trong gia-dình thì có sự tổ-chức chặt-chẽ. Trong ấy

mọi người đều phải tuân theo gia-pháp rất nghiêm-minh. Tinh-thần gia-dinh cũng do đó mà phát ra.

Ngày mà các thanh-niên không còn nỗi nghiệp của cha-ông và tự-do kết-hôn thì ngày ấy phương-pháp giáo-huấn đạo-đức cáo-chung vậy.

Tinh-thể đã thay-đổi đòi hỏi những phương-pháp mới.



PHƯƠNG-PHÁP TRỰC-GIÁC

Về phương-diện đức-đục, phương-pháp trực-giác di ngược lại phương-pháp giáo-huấn.

Phương-pháp trực-giác chủ-trương sự lin-nhiệm tuyệt-đối ở thiên-nhiên-tinh của trẻ con, để thiên-nhiên-tinh ấy phát-triển tự-nhiên với sự tin chắc rằng, nếu không có một ảnh-hưởng nào của người lớn làm trở-ngại hoặc hướng di đường khác thì thiên-nhiên-tinh sẽ di đến chỗ làm này-nó đầy-dủ đạo-đức (moralité).

Phương-pháp này cho rằng : trẻ con chỉ mở mắt xem thực-tại là hiểu thấu ngay ý-nghĩa của nó. Nhưng thực-tại về đạo-đức ở đây không phải thuộc về ngoại-giới mà thuộc về nội-giới, chủ-quan, thực-tại của lương-tâm tự hiểu lấy mình. Bởi thế, phương-pháp đức-đục trực-giác chủ-trương dành cho trẻ con một sự độc-lập tinh-thần lớn-lao đã nghiêm-nhiên trở nên tiêu-cực đặc-biệt (méthode négative).

Phương-pháp đức-đục trực-giác đã được áp-dụng năm 1859 ở Nga trong một ngôi trường do ông Tolstoi dựng-lên. Nó được áp-dụng ở nhiều nước như ở Pháp, ở Đức, ở Thụy-Điển, ở Anh. Sự thực-hành phương-pháp

này đã được đề-xướng lần đầu-tiên do ông J. J. Rousseau. Sau ông thì có các bạn vừa là môn-đệ của ông đem ra thực-hành như ông Pestalozzi (Thụy-Sĩ).

Khoa sư-phạm thuộc loại này được gọi là khoa sú-phạm tự-do, phỏng-tùng (Pédagogie libertaire) đưa trẻ con đến chỗ vò-trật-tự, dựa theo lời nói sau đây của ông J. J. Rousseau : « Để thiên-nhiên-tinh tự hoạt-động một cách yên-tịnh và chậm-chậm, canh chừng những điều-kiện bao-quanh, nâng-đő việc làm của thiên-nhiên-tinh ». Cần tránh mọi ép-uồng, cầu-thúc, mọi áp-lực.

Những điều dị-luận về phương-pháp này. Những khuyết-diểm

Có hai loại dị-luận (objections).

a. Dị-luận thứ nhứt thuộc về sự không thích-ứng của phương-pháp đối với hệ-thống xã-hội, nhứt là đối với những điều-kiện về đời sống xã-hội.

Đời sống xã-hội ám-chỉ một sự tuân-lịnh tối-thiểu và không sao dung-hòa với một lối giáo-đục không đưa đến hoặc không thực-hiện được sự tuân-lịnh tối-thiểu ấy. Về khoản này, người ta trách khoa sú-phạm tự-do nói trên đã mở cửa rộng cho tất cả những lạm-dụng của cá-nhan chủ-nghĩa.

Những sư-phạm-gia về thuyết này tính chắc rằng : tinh-thần công-cộng sẽ xuất-hiện một cách ngẫu-nhiên với ý-niệm nhiệm-vụ đạo-đức. Nhưng kinh-nghiệm cho thấy rằng ý-thức xã-hội và đạo-đức không vượt qua phạm-vi những trò chơi công-cộng. Như thế giữa nhà trường và xã-hội sẽ có sự xung-đột không thể tránh được.

b. Dị-luận thứ hai là sự tưởng lầm rằng : thiên-nhiên-tinh của trẻ con là đơn-giản và toàn-thiện, là nói cho đúng không có sự phân-biệt giữa những bản-năng (instincts)

những nhu-cầu của trẻ con đi đôi với cơ-cấu sinh-vật và tâm-lý của trẻ và những yêu-sách có thể có ở trẻ dưới hình-thúc tiềm-tàng và chỉ phô-diển ra khi nào nó được dung-dưỡng một cách lành-mạnh, tự-nhiên.

Lại còn có sự sai-lầm này nữa là không muốn hướng sự tiến-hóa đạo-đức của trẻ con về một círu-cánh thiết-thực nào và sự hoạt-động giáo-dục đối với chúng về một círu-cánh nào.

Muốn trẻ tự nó có một giá-trị đạo-đức tuyệt-dối, tự deo đuôi theo một círu-cánh của nó, là cõi-lập-hóa hạng tuổi ấy đối với phần còn lại của đời sống loài người. Ấy là chia-xé tuổi trẻ ra làm nhiều giai-doạn cách-bié特 nhau và vô-tinh làm tiêu-tan tinh-cách thuần-nhất của sự tiến-triền con người.

Mỗi hạng tuổi có giá-trị đạo-đức của nó. Nhưng giá-trị đạo-đức ấy rất tương-đối và tùy thuộc ở hạng tuổi, hay nói đúng hơn, tùy thuộc ở giá-trị đạo-đức cuộc đời của toàn thể xã-hội.

Vấn-dề chính là ngăn cản những động-lực có tinh-cách tạm-thời kéo dài thời-gian của nó quá mức ổn-định cho nó, căn-cứ vào định-luat tiến-triền của mỗi cá-nhan. Các phương-pháp uy-quyền (méthodes autoritaires) trc-chế (refouler) các động-lực ấy và dã vô-tinh làm nó sống luon-luon trong tiềm-thúc cá-nhan. Nhờ vậy nó sẽ kéo dài ra mãi chứng phát-đục bất-toàn (infantilisme) nghĩa là lớn tuổi mà còn giữ nhiều tinh-chất trẻ con. Tinh này được phụ-họa thêm bằng tự-kỷ trung-tâm-tinh (égoctrisme).

Phuong-pháp tự-do, vô-trật-tự vì sự cầm-doán không cho nảy-nở sự tiến-hóa của mỗi hạng tuổi về những nghị-lực tự-nhiên của tuổi ấy sẽ đưa cá-nhan đến một kết-quả như sau là chứng phát-đục bất-toàn sẽ hiển-nhiên (patent) chờ không tiềm-tàng (latent) như trong trường-hợp trước,

c. Ông Schmid, một sư-phạm-gia Đức cho rằng: « Trẻ con không thể chịu được là lúc nào cũng bị coi là trung-tâm của tất cả, không thể chịu được khi thấy bài học, thời-khoa-biều, cho đến ông thầy quay-quân chung-quanh những ích-lợi và những nhu-cầu tạm-thời của chúng. Tự-kỷ trung-tâm-tinh, chủ-quan-tinh của các học-sinh rất to lớn mà các nhà giáo-dục không dè ». Ông lại còn khuyên-bảo rằng: « Những ông thầy đã chọn cách tự mình đổi-xứ hoàn-toàn như người bạn của học-sinh chứng tỏ rằng chính trong bản-thân các ông ấy còn những dấu vết của chứng phát-đục bất-toàn » dù rằng các ông ấy đã quá tuổi trưởng-thành (40 tuổi hoặc hơn).

d. Sự thực, trẻ con chưa hề ngẫu-nhiên ý-thúc được rằng sự làm việc của tri-tưởng-tượng có thể bồi-dưỡng sự cố-gắng tạo một vật gì hoặc có ý-thúc xã-hội.

Sự thực là tất cả các xu-hướng ấy chỉ phát-triền toàn-diện là khi nào trẻ con và nhóm trẻ con cùng một lúc đều có những gương-mẫu trong xã-hội của người lớn. Xã-hội này hoạt-động với những qui-luat nhất-định, với những phen-sự thường-xuyên và với những mục-tiêu khách-quan. Nhờ thế mà trẻ con khởi-sự kiém cách bắt chước.

e. Nhiều luân-lý-gia còn thấy những trẻ con hoặc nhóm trẻ con nhìn nhận một cách dễ-dàng và còn đòi hỏi một kỷ-luat được xác-định gồm cả những hình-phạt.

Ông Schmid có nói rằng: « Trẻ con chờ thầy của chúng tự làm quan-trạng-sự cho cái « tôi » tốt-dep của chúng, giúp chúng trong sự chống-lại những xu-hướng tai-hại, nhứt là giúp chúng sống thuận-hòa với lương-lâm chúng ».

Một ý-thúc về tội-lỗi mà sự hình-phạt chưa tiêu-diệt

được có thể làm nảy sinh sự xô-lùi lại, sự đè nén (refoulement) rất tai-hại cho sự phát-triển khác.

Người ta nhận thấy rằng : khi trẻ con được giao-phó cho sự án-định một hình-phat cho một tội-lỗi thì hình-phat ấy thường nặng hơn hình-phat do người lớn án-định. Hơn nữa, có nhiều trẻ, khi nhận thấy thầy dạy không áp-dụng kỷ-luat trùng-phat thì tự chúng tìm cách để sám-hối tội-lỗi mình bằng sự tự làm đau-dớn để giúp chúng thoát-ly sự cản-rút của lương-tâm chúng.

KẾT-LUẬN

Nói tóm lại, thiên-nhiên-tinh của trẻ con tự nó không thiện, không át (không tốt, không xấu). Nó là nó với tất-cả bản-năng và xu-hướng của nó. Nhất là tinh nó hay vô thường, bất-dịnh (instable). Không vững-chắc, cứng-rắn, nó dễ cảm-xúc đổi với những án-tượng thuộc về cảnh-dời, dễ chịu tất cả mọi ảnh-hưởng và dễ uốn-nắn theo bất cứ chiều nào.

Nếu có cái tốt đẹp ở thiên-nhiên-tinh của cá-nhan ấy là những yêu-sách thuộc về yếu-tố căn-bản của cá-nhan tinh-thần đã chỉ-huy sự tiến-triển của nó. Những yêu-sách ấy chỉ đến được sự vien-thực (maturité) thông-thường là khi nào thoát khỏi cặn-bã sinh-vật tâm-ly của nó và được dần-dần dưa lên hàng quan-niệm rõ-rệt để biến thành những định-luat cho tư-tưởng và phép-tắc cho phầm-hạnh.

Khoa sư-phạm tự-do đặt tin-nhiệm ở sự may-rủi để dưa trẻ con đến sự vien-thực. Trái lại, tất-cả vấn-dề giáo-dục là sự biến những mục-dịch tương-lai của chương-trình học-khoa thành những ich-lợi hiện-tại của trẻ con.



NHỮNG PHƯƠNG-PHÁP HOẠT-DỘNG VỀ ĐỨC-DỤC

Có sự khác-biệt giữa phương-pháp đức-dục trực-giác vừa nói và phương-pháp hoạt-dộng đức-dục ở chỗ phương-pháp trước để trẻ con bị giam-hãm trong thiên-nhiên-tinh của chúng thì, trái lại, phương-pháp sau này lại nhằm mục-đich tạo cho trẻ sự tự-do thực sự.

Phương-pháp hoạt-dộng còn khác với phương-pháp giáo-huấn trước đây ở chỗ sự cố-gắng của trẻ phù-hợp với những ich-lợi về tâm-ly của nó. Trẻ không vượt qua những ich-lợi ấy ; trẻ không dựa vào những điểm tựa ở ngoài trẻ và trẻ lúc nào cũng đi trong đường lối có ý-nghĩa khát-vọng sâu-xa của trẻ. Trẻ chỉ cần sự can-thiệp của người lớn để được khuyễn-nhủ, hướng-dẫn và nhận ở người lớn gương-mẫu tốt.

Khi mà dần-dần trẻ còn có đủ khả-năng hiểu-biết, tự ý-thức được cùu-cánh của đời người mà lại cũng là của nó thì ảnh-hưởng của người lớn nhẹ dần và sẽ mất đi.

Ông Kerschensteiner, người Đức, có nói : « Về vấn-dề giáo-dục, nguyên-tắc tự-do cần được áp-dụng theo chánh tỷ-lệ (Proportion directe) và nguyên-tắc uy-quyền, theo phản tỷ-lệ (Proportion inverse) song-song với sự vien-thực đạo-đức của học-sinh ».

Thực ra, ảnh-hưởng nói trên của người lớn chỉ có tính-cách một uy-quyền do bên ngoài dưa vào là khi nào uy-quyền ấy dùng để chống lại và ngăn-chận những dục-vọng vô-lý và những tự-ý bất-thường (caprices) của trẻ con, nghĩa là sau khi trẻ con đã ý-thức được nhân-cách (personnalité) và sự chởm-nở ý-chí của nó.

Trong thời-kỳ trẻ con còn bé ảnh-hưởng ấy không được trẻ hiểu-biết với đầy-dủ ý-nghĩa của nó. Trẻ cho đó là một phần quyền-lực bên ngoài của tạo-vật mà trẻ

con nhận-thức được sự chống-đối nếu người lớn không dùng những phương-tiện ép-bức, độc-tài và hao-tốn. Chính với sự phát-triển của tự-kỷ trung-tâm-tính mà sự xung-đột bắt đầu xuất-hiện. Sự xung-đột ấy sẽ không có chi nếu người lớn không đòi hỏi điều chi ở trẻ con quá sức chúng về phương-diện vật-chất cũng như tinh-thần và không phù-hợp với một trong các xu-hướng của trẻ.

Nguyên-tắc ấy tự-nhiên đưa trẻ con dần-dần đến sự áp-dụng sự tự-trị, tự-chủ (self-government) một khi mà những ích-lợi về xã-hội của trẻ con trở nên vững-chắc, ổn-định.

Ông Piaget có nói rằng : « Cái hay nhất của sự tự-trị, tự-chủ, tự kiềm-chế lấy mình, đối với sự ép-buộc của người lớn và với các bài học thuộc lòng các loại là hướng-dẫn trẻ con đến chỗ tự thành-lập một lối-luân-lý, đến chỗ tự sống lấy trong những nỗi khó-khăn của đời sống chung và tự vượt qua những cuộc xung-đột nhờ một kỷ-luật mà tự nó sẽ tuân-hành triệt-de vì nó đã tham-dự vào sự soạn-thảo. Về phương-diện giáo-huấn đó là một thắng-lợi của hoạt-động (cử-động) đối với lời nói suông trong đời sống thực-tế đối với mọi lý-thuyết. »

Ở đây người ta không hề nghĩ đến cách làm cho trẻ con tự tìm ra những quan-niệm (notions) ẩn-tàng trong cơ cấu lương-tâm cá-nhan trẻ như người ta đã nghĩ với khoa tâm-lý ngày xưa.

Chính là do đời sống xã-hội mà được lập lên những quy-luật đạo-đức. Chính ở trong đời sống xã-hội mà các quy-luật ấy đã bắt nguồn và thành hình. Mà đời sống xã-hội ấy, theo từng giai-đoạn một, đã đáp lại đúng với những khả-năng của trẻ.

Ông Piaget có nói thêm rằng : « Sự tự giáo-hoa của một nhóm giúp trẻ con tìm ra những thực-tại đạo-đức mới của sự hợp-lực : nhờ sự tự-trị (self-government)

« học-sinh làm phát-triển ngay ở trong lớp một sự đoàn-« kết mới, một tinh-thần bình-đẳng và công-bình, và nhất « là một quan-niệm trùng-phạt cẩn-cứ vào sự hỗ-tương « chờ chẵng phải chỉ có sự trùng-phạt đền tội của một « ông thầy nào hoặc do những bài dạy có thể tạo nên ». »

Ở đây-phương-pháp hoạt-động về đạo-đức gặp nhau với phương-pháp hoạt-động về lý-trí trong sự tổ-chức từng nhóm để bồi-túc phương-pháp thứ nhì này.

Trong sự làm việc tập-thể (từng nhóm) trẻ con nhận thấy một cách trực-tiếp sự công-hiệu của sự làm việc cộng-đồng. Nhờ sự tự-trị (self-government) trẻ con nhận-thức được quyền-lực của cộng-đồng đối với trẻ và trong nội-giới trẻ vì trẻ tự-do gia-nhập vào cộng-đồng.

Cần phải nhấn mạnh về những biến-đổi mà thực-hành tự-trị làm cho tinh-thần trách-nhiệm cá-nhan phải chịu, nhứt là tinh-thần công-lý (ý-niệm công-lý).

Đối với trẻ con đặt dưới chế-độ uy-quyền đạo-đức, tinh-thần trách-nhiệm trở thành một sự đè-bẹp tàn-nhẫn ; bị vu là tội của trẻ những cử-động vượt qua sự hiểu-biết của chúng và tiếp theo đó là những hậu-quả vượt qua những kết-quả tự-nhiên. Trái lại, sự tự-trị (self-government) chỉ kích-thích ở trẻ hai hình-thức của trách-nhiệm tương-liên với nhau là : trách-nhiệm cá-nhan đối với nhóm về những cử-động do đó trẻ đã phạm qui-luật, phần thứ hai là sự chung chịu trách-nhiệm của nhóm. Dù bằng cách nào đi nữa, không có cái chi trong những tinh-cảm (sentiments) của trẻ mà không ở trong phạm-vi những ích-lợi tinh-thần và lý-trí của trẻ. Như thế quan-niệm trách-nhiệm tiến-hoa dần một cách tự-nhiên đến ý-nghĩa của sự khuyến-giới tự-trị (moralisation autonome).

Quan-niệm công-lý cũng tiến theo chiều ấy. Phải chăng chế-độ tự-trị về phương-diện đạo-đức là một biều-

hiệu (expression) của chế-độ dân-chủ ? Lời ấy có hơi thái quá. Một nhóm (groupe) phải quay-quần chặt-chẽ theo người hướng-dạo, người lãnh-tụ. Nó là một đơn-vị tồng-quát mà giá-trị cao hay thấp là do sự đồng-tâm nhứt-trí được cụ-thể hóa bằng ý-chi của người lãnh-dạo, với sự tín-nhiệm của toàn khối.

Sự thắng-lợi lớn của lối giáo-dục đạo-đức dưới hình-thức một nhóm tự-trị làm nổi bật lên những trang lãnh-dạo tự-nhiên (les chefs nés).

Nếu trong nhóm có nhiều cá-nhân ước-vọng được có quyền lãnh-dạo thì tự-nhiên trong nhóm xuất hiện tinh-thần dân-chủ. Lại nữa, tinh-thần dân-chủ và những gương-mẫu mà xã-hội, về mặt chính-trị, đã cung-cấp cho nhóm làm cho các trẻ trong nhóm bắt chước theo.

Nơi nào mà ý-niệm về xã-hội còn yếu-ớt, chưa vững, thì tối-thượng-quyền (hégémonie) của người lãnh-dạo (thường là người cao lớn, mạnh-mẽ hơn mọi người, khéo-léo, lãnh-lợi hơn mọi người) được đặt một cách dễ-dàng và lâu hay mau-là tùy những ý-niệm xã-hội bảo-vệ nó. Trong những nhóm trẻ con lứa tuồi, mà các nhân-cách đều khác-bié特 nhau thì tinh-thần tranh-luận mỗi ngày mỗi tăng. Chế-độ dần dần lấy hình-thái dân-chủ.

SƠ-TRƯỞNG CỦA PHƯƠNG-PHÁP HOẠT-ĐỘNG ĐẠO-ĐỨC

Nói tóm lại, chế-độ tự-trị, tự-chủ (self-government) có bồn-phận đào-tạo những công-dàn của một nước dân-chủ tự-do hơn làm nổi bật những trang hướng-dạo để lãnh-dạo quần-chúng sau này.

Chế-độ này được trình-bày dưới ba hình-thức khác-nhau tùy theo hoàn cảnh và theo mục-phiêu nào của sơ-trưởng.người thủ-xướng.

BÀI ĐỌC THÊM

NHỮNG NGUYỄN-TẮC GIÁO-HUẤN SUY RA TỪ NHỮNG NGUYỄN-TẮC HỌC-TẬP

(do ông Nguyễn-tử-Quý soạn)

Những nhà tâm-ly nghiên-cứu về sự học đã gắng-công rất nhiều để hiểu sự học xảy ra như thế nào ngõ-hầu giúp con người học-tập một cách hữu-hiệu hơn và giúp nhà giáo những phương-pháp thích-hợp để công-việc giáo-dục đạt được kết-quả mong muôn. Cho đến nay các tâm-ly-gia đã biết được nhiều yếu-tố ảnh-hưởng sự học và tìm ra được mười một nguyên-tắc học-tập. Những nguyên-tắc ấy là : sự sẵn-sàng, sự khác-bié特 giữa các cá-nhân, khích-động, luật-quá, kết-quả đa-tập, an-ninh, hoạt-động và kinh-nghiệm, ý-nghĩa và sự hiểu-biết, dùng nhiều giác-quan trong việc học, cái học toàn-thể, và sự biến-dụng của sự học. Dưới đây, chúng ta lần-lượt xét qua những nguyên-tắc ấy đồng-thời rút ra những nguyên-tắc giáo-huấn.

1. Sự sẵn sàng

Học-viên phải đủ lớn và phải có đủ kinh-nghiệm cần-thiết để sẵn-sàng học những kinh-nghiệm mới. Một đứa trẻ đủ lớn là nó có đủ sức-khỏe, sức chịu-đựng, bắp thịt cứng-cắt, v. v... để có thể làm một cử-động hay làm một việc nào đó, kinh-nghiệm gồm cả kinh-nghiệm bắn-

thân và kiến-thức thu-thập qua sách, báo, giao-thiệp... về mọi phương-diện.

Học-sinh phải sẵn sàng về phương-diện thể-chất để học những cử-dộng mới, những trò chơi mới. Đứa trẻ phải có bắp thịt rắn chắc và bộ xương cứng-cát để chơi cồng nhau. Nếu xương chúng chưa đủ cứng trò chơi này có thể làm cong xương của đứa trẻ.

Về phương-diện tri-thức nguyên-tắc này cũng giống như quan-niệm đi từ chỗ biết đến chỗ chưa biết vậy. Để học phép tính nhân, học-sinh cần thông-thạo phép tính cộng. Học-sinh phải hiểu và thực-hành được số học trước khi bước sang đại-số học. Những học-sinh không có căn-bản ở lớp dưới thường thất-bại ở những lớp trên vì không đủ kinh-nghiệm để hiểu những điều mới khó hơn và phức-tạp hơn.

Sư giáo-huấn sẽ thêm hiệu-nghiệm khi nhà giáo biết được sự sẵn sàng của học-sinh về thể-chất cùng tinh-thần và dạy những bài hợp với sức của nó.

Giáo-chür cần biết về sự phát-triển của trẻ em để dạy những bài thể-dục và những trò chơi hợp với sức của chúng.

Trình-dộ hiểu-biết của học-sinh phải được nhà giáo biết rõ để soạn bài, giảng bài, và cho bài làm thích-hop. Trình-dộ của học-sinh gồm ba phần chính là trí thông-minh, kiến-thức, và khả-năng ngôn-ngữ (khả-năng nói, đọc, viết, nghe). Khi căn-cứ vào điểm trung-bình của học-sinh để cho chúng lên lớp tức là chúng ta muốn chúng có một trình-dộ tối-thiệu để có thể học lớp trên. Khi chúng ta kiểm bài học-sinh là chúng ta muốn chúng học những điều đã dạy để có thể hiểu những bài mới. Nếu hai công-việc trên được thi-hành một cách chu đáo, sự hữu-hiệu của việc học của học-sinh có thể được bảo-dام,

2. Sự khác biệt giữa các cá-nhân

Những cá-nhân khác nhau học theo những tốc-độ khác nhau trong cùng một việc học. Tốc-độ học này tùy-thuộc vào mục-tiêu, mục-độ của trí thông-minh, và kinh-nghiệm của mỗi cá-nhân.

Ngoài những nét tổng-quát, chúng ta thấy ở mọi người, còn có nhiều nét khác-biéet giữa các cá-nhân về các phương-diện thể-chất, tình-cảm, xã-hội, tri-thức, đạo-đức. Nhận-xét kỹ hai đứa trẻ sinh đôi, ta thấy chúng cũng có nhiều nét khác nhau. Trong một lớp học 50 học-sinh, ta không thấy một em nào giống hẳn một em nào. Các vẻ mặt, ánh mắt, nụ cười đều khác nhau. Chúng cao, thấp, lớn, nhỏ... khác nhau. Trước một tin vui chung cho cả lớp chúng đều hoan-hỷ nhưng chúng diễn-tả niềm hân-hoan đó dưới nhiều hình-thức. Chúng có những lối cư-xử khác nhau với thầy hay với bạn. Khi học cùng một bài chúng có thể cùng hiểu, nhưng trình-dộ hiểu sâu, rộng, cao, thấp, mau chậm khác nhau. Trước biến-cố một học-sinh trong lớp ẩn-cấp vật-dụng của bạn, chúng có những phản-ứng khác nhau đối với học-sinh đó.

Tốc-độ học tùy-thuộc vào mục-tiêu của mỗi trẻ em. Mục-tiêu của sự học nhiều khi do cha mẹ học-sinh, do xã-hội hay do chính học-sinh. Những học-sinh thuộc giai-cấp trung-lưu thường coi trọng sự học hơn là học-sinh thuộc giới hạ-lưu. Em X ham học hơn em Y. Một khi thấy việc học có lợi-ich và thích-thú, học-sinh thường học một cách chăm chỉ và có kết-quả tốt.

Tốc-độ học tùy-thuộc vào mục-độ của trí thông-minh của mỗi học-sinh. Trong một lớp học, ta thường thấy có một số em rất thông-minh, một số em thông-minh vừa và một số em khác kém thông-minh. Những em có thông-minh cao học bài và làm bài rất mau và đúng.

Tốc-độ học tùy-thuộc vào kinh-nghiệm của mỗi học-

sinh. Trẻ em nào có kiến-thức rộng và nhiều kinh-nghiệm, khi nghe một bài giảng, hiểu bài ấy một cách dễ-dàng và thấu-dáo hơn những em có ít kinh-nghiệm.

Ba yếu-tố trên thường đi liền với nhau và ta thường thấy trong một lớp, có một số em thật xuất-sắc về mọi môn, cũng như có một số đồng-trung-bình và một số ít lại kém hơn.

Việc dạy học sẽ hữu-hiệu hơn lên khi nhà giáo cố gắng đáp lại những sự khác-bié特 giữa các học-viên và đồng-thời các học-viên phát-triển cá-tính của mỗi người.

Như chúng ta đã thấy, các học-sinh trong một lớp có những trình-độ khác nhau ; từ rất khai đến kém và học theo những tốc-độ khác nhau : từ rất mau đến chậm. Nếu các học-sinh trong một lớp có trình-độ tương-đối ngang nhau thì khi nhà giáo dạy hơn với trình-độ đó, chúng đã thu-thập được kết-quả tốt-dep. Nhưng nếu chúng có những trình-độ quá chênh-lệch với một số ít rất khai, một số ít rất kém và một số đồng-trung-bình, thì phương-pháp hay nhất của nhà giáo là giảng bài và ra bài vào bậc trung-bình nhưng vẫn gấp phải trả-ngại là những học-sinh kém có thể không thu-thập được và những học-sinh giỏi không học được điều gì mới. Nhóm học-sinh kém thấy bài khó quá sinh ra chán-nản mà nhóm giỏi thấy bài dễ quá cũng không thích học-hỏi nữa. Vậy nhà giáo phải đổi-phó thế nào với tình-trạng này ?

Liệu chúng ta có thể cung-cấp cho 5 học-sinh một thầy giáo được không ? Ngay những nước thịnh-vượng như Hoa-kỳ, Anh, Đức... cũng không đủ sức làm như thế.

Tuy-nhiên, họ đã tìm ra được một giải-pháp tương-đối hữu-hiệu. Đó là chia một lớp thành nhiều nhóm với trình-độ của các học-sinh trong mỗi nhóm tương-đối

ngang nhau và dạy từng nhóm một. Họ thường chia lớp học ra làm ba nhóm, một nhóm giỏi, một nhóm trung-bình và một nhóm kém, nhà giáo căn-cứ trên thương số Thông-minh (IQ) của mỗi trẻ, học-bạ những năm trẻ đã học qua, lời phè của thầy giáo cũ, lời đề-nghị của Hiệu-trưởng và đôi khi kết-quả các bài trắc-nghiệm học-sinh mới làm. Sự phân-chia này luôn luôn giữ tinh-cách linh-động là học-sinh trong nhóm này có đổi sang nhóm kia khi nhà giáo thấy cần-thiết. Thí-dụ một học-sinh trong nhóm trung-bình tỏ ra xuất-sắc hẳn lên sau một thời-gian học-tập, học-sinh đó sẽ được cho lên học với nhóm giỏi.

Nhà giáo cũng không dạy mọi môn học riêng từng nhóm. Có nhiều môn, tất cả các học-sinh trong lớp có thể học chung. Thí-dụ môn Vẽ, Nhạc, Thủ-công... Họ thường dạy riêng từng nhóm những môn sau đây : toán-học, học đọc sách (1). Và trong khi nhóm này đang làm việc với thầy tại một khu trong phòng học thì các nhóm khác làm bài đọc sách, làm thủ-công, v.v... tại các khu khác hay tại chỗ của mình một cách êm nhẹ.

Cũng nên biết rằng, họ chỉ bắt đầu chia thành các nhóm khi học-sinh năm thứ tư hay năm thứ năm ở trường Tiểu-học ; còn ở những lớp dưới, các học-sinh trong lớp học chung. Lý-do là khi các em còn quá ít tuổi, trình-độ học-vấn của chúng chưa khác nhau bao-nhiêu và nếu có sự khác-bié特 chẳng nữa thì chúng ta cũng chưa có thể biết một cách chắc-chắn được.

Khi nhà giáo dạy riêng từng nhóm như vậy, bài dạy có thể luôn luôn đi sát với trình-độ học-sinh. Học-sinh kém không còn cảm thấy chán-nản và lo-láng như trước

(1) Tại Hoa-Kỳ, các học-sinh học đọc sách chở không học tập đọc. Mỗi tuần, các học-sinh học đọc tại lớp trung-bình 6 giờ.

nữa mà thấy bài dễ hiểu và thích-thú, bài làm có lợi-ich và mất dần tự-ti mặc-cảm để giờ tay phát-biểu ý-khiến hay hỏi những điều chưa thấu-dáo. Những học-sinh giỏi không còn phải nghe lại những điều đã biết, làm những bài quá dễ và cảm thấy lớp học buồn nản ; trái lại, chúng hăng-hái hơn với những điều mới lạ, những bài khó và thú-vị hơn với những thử-thách để chúng cố-gắng vượt qua (1). Nhóm học-sinh trung-bình thoát khỏi cái bóng « de-dọa » của những bạn giỏi để có thể hăng-hái phát-biểu ý-khiến và nêu cao câu hỏi.

Cái lợi của sự chia nhóm trong lớp để giảng-dạy không phải hoàn-toàn mà đi đôi với cái hại. Nhưng cái lợi lớn hơn cái hại nên người ta dùng nó trong khi chờ đợi một giải-pháp hay hơn.

Tưởng cũng nên nói thêm rằng : giải-pháp trên có thể dùng với kết-quả tốt-dẹp tại những nước tiền-tiến là vì tại đây số-lớp học thường là 25 hay 30 ; thời-gian học hàng ngày trong trường là 5 giờ rưỡi hay 6 giờ ; phòng học của họ khá rộng với nhiều sách báo và dụng-cụ giáo-khoa, và bàn ghế của trẻ con là loại bàn ghế cá-nhan, có thể xé-dịch dễ-dàng.

Nhìn vào hiện-trạng giáo-dục nước nhà, chúng ta phải nhận rằng chúng ta không có đủ điều-kiện để áp-dụng giải-pháp trên một cách hữu-hiệu. Một số đông trường Tiểu-học tại Đà-thành Sài-gòn và nhiều nơi khác đã biến-hóa giải-pháp trên để áp-dụng vào tình-trạng giáo-dục nước ta. Những trường đó không chia lớp thành nhiều nhóm mà chia các học-sinh cùng một cấp (thí-dụ tất-cả các học-

(1) Hơn nữa, chúng có thêm cơ-hội để phát-triển những tiềm-năng, có thêm kích-thích để cạnh-tranh để trở thành những học-sinh thật xuất-sắc. Sự cạnh-tranh trong trường-hợp này có lợi thì là sự cạnh-tranh giữa những người tương đối đồng-sắc.

sinh lớp nhì trong trường) thành nhiều lớp nhì với trình độ tương-đối ngang nhau : lớp giỏi, lớp trung-bình, và lớp kém.

Điểm thứ hai trong nguyên-tắc này là giúp các học-sinh phát-triền cá-tính. Mỗi cá-nhan có những nét riêng. Những nét đặc-biệt đó cấu-thành cá-tính của mỗi người. Trong nền giáo-dục nhân-bản và khai-phóng chủ-trương con người là cùu-cánh ; sự phát-triền cá-tính của mỗi học-sinh không thể không được tôn-trọng. Nhà giáo phải có một thái-độ phóng-khoảng, rộng-rãi để chấp-nhận những ý-tưởng độc-dáo, những hành-động khác thường của học-sinh, miễn là những ý-tưởng, những hành động đó không đi ngược lại với những giá-trị của xã-hội.

3. Khích-động

Sự học càng hữu-hiệu khi học-viên thấy rằng sự học ấy có giá-trị, thích-thú. Một sinh-viên nọ làm việc hăng-say trong thư-viện vì anh đã đặt cho công-việc tìm-tòi một giá-trị cao. Kết-quả anh thu-lượm chắc-chắn vượt hẳn công-việc của một sinh-viên khác nghiên-cứu sách báo chỉ để có đủ bài nộp cho giáo-sư. Một đứa trẻ gặt-giữa suốt trưa quên cả bữa cơm, để thực-hiện cho công-việc chế-tạo một chiếc xe-hơi đồ chơi vì nó ham-thích công-việc đó. Khi con người thấy một việc làm nào có giá-trị, có mục-dịch dẹp-dẽ hay đáp-lại sở-thích, con người ấy làm việc với tất cả khả-năng. Công việc đó có một hiệu-năng rất cao, về lượng cũng như về phẩm, và đồng-thời đem lại cho người thi-hành nhiều kinh-nghiệm sâu-xa và sắc-bén, nhiều bài học quý giá.

Một học-sinh được khích-động càng mạnh để nghiên-cứu một đề-tài, học-sinh đó càng có nhiều nghị-lực để vượt qua những trở- ngại, càng suy-nghĩ nhiều để tìm những cách hay nhất để thực-hiện công việc càng chủ-

ý và kiên-nhẫn để đi đến kết-quả. Giá-trị của sự khích-dộng rất lớn và ngày nay các nhà giáo đều đồng-ý rằng phải khích-dộng học-sinh trước khi bước vào bài mới.

Việc dạy học sẽ hữu-hiệu hơn khi nhà giáo giúp học-sinh nhìn rõ những mục-đích của việc học và làm cho học-sinh thấy việc học thích-thú. Làm cho học-sinh ham-thich học, vạch ra cho chúng hay giúp chúng nhận ra những mục-đích của những bài học là khích-dộng chúng, làm cho chúng chú ý vào bài và học với sự nhiệt-tâm. Sở-thích của học-sinh rất nhiều và rất rộng. Chúng tò-mò về rất nhiều điều. Làm cho chúng tò-mò về điều mình sắp dạy là gây hứng-thú cho chúng trong việc học-tập, cũng hứng-thú tìm ra cái mới, biết cái lạ, biết những điều tân-kỳ.

Nhu-cầu hoạt-dộng của trẻ em rất mạnh và nhu-cầu đó rất cần được thỏa-mãn. Những bài học, những công-việc học hứa-hẹn sự thỏa-mãn nhu-cầu này sẽ gây nên trong người chúng một sự ham-thich.

Nhu-cầu tri-thức của con người cũng rất mạnh. Từ 2, 3 tuổi, đứa trẻ đã bắt đầu hỏi tên của một số đồ vật. Lớn lên con người thắc-mắc trước những điều, những vật chưa hiểu. Một trong những giá-trị cao-cả nhất của con người là học để biết, nghiên-cứu để biết, mạo-hiểm để biết. Học-sinh Tiêu-học rất ham-thich biết. Chúng muốn biết về mọi điều nhất là khi nhà giáo lại đề-cao giá-trị của tri-thức. Khích-dộng học-sinh là đưa chúng lại gần biên-giới của kiến-thức để nhu-cầu biết của chúng tăng mạnh. Khi đó việc học bài mới chẳng khác gì ăn một bữa cơm ngon lành.

Chương-trình giáo-dục Tiêu-học của chúng ta hiện nay được sửa-đồi thêm. Nhưng trong-đó, nó không quá

xa với tâm-ly thiếu-nhi và nó phản-ảnh những giá-trị mà xã-hội Việt-Nam muốn các các học-sinh tiêu-học đạt được.

Nhiệm-vụ của nhà giáo là vạch ra cho học-sinh thấy rõ và làm chúng muôn đạt những giá-trị ấy. Một khi chúng đã thấy khi học hay là làm một bài có lợi-ich, có giá-trị thời chúng sẽ hăng-hái làm việc.

Sau hết, muốn khích-dộng học-sinh mạnh, nhà giáo phải luôn luôn chứng tỏ rằng sự học nói chung và từng bài học nói riêng đưa lại cho học-sinh nhiều lợi-ich và nhiều giá-trị.

4. Luật quả (hậu quả) (The law of effect)

Trước một kích-thích mà học-viên phản-ứng và được thỏa-mãn thì khi nào kích-thích ấy tái-hiện, học-viên có khuynh-hướng phản-ứng như cũ. Thi-dụ thầy giáo kích-thích các học-sinh trong lớp bằng một bài toán-đố. Các học-sinh phản-ứng bằng cách làm bài toán ấy. Những học-sinh nào làm bài đúng, gọn và trình-bày sáng-sủa thường được điểm cao và được khen. Lần sau, khi thầy cho làm tinh đố, những học-sinh được điểm cao thường phản-ứng như cũ, nghĩa là cố-gắng làm bài cho đúng và trình-bày gọn-gàng, sáng-sủa.

Con người có khuynh-hướng nhắc lại những phản-ứng nào đã thành-công, nhất là khi phản-ứng đó được người khác đề-cao hoặc chú-ý đặc-biệt. Một học-sinh chăm đọc sách để hiểu thèm và đã góp nhiều ý-tưởng tè-nhị trong lớp. Thầy giáo khen hoặc thưởng cho em và đề-cao tập-quán đọc sách. Em này không những sẽ tiếp-tục đọc sách mà có thể đọc sách hay hơn.

Người ta dùng nguyên-tắc này để dạy-dỗ trẻ em có những tập-quán tốt, những cử-chỉ nên có, và những lời nói thông-dụng.

Đó là phần tích-cực của luật hậu-quả. Phần tiêu-cực là con người thường không nhắc lại những phản-ứng nào thất-bại mà không được người khác chấp-nhận. Trong một gia-dinh nề-nếp, những lời nói thô-bỉ thường không được chấp-nhận và nhiều khi đưa lại sự trùng-phạt, chê-bai. Một đứa trẻ trong gia-dinh mới học được vài tiếng không hay ở ngoài đường và nói ra ở trong nhà. Lập tức nó bị cấm-doán. Nếu tiếp-tục, nó có thể bị phạt. Đứa trẻ đó sẽ không nói những tiếng không hay nữa. Người ta dùng sự chê-bai, trùng-phạt để ngăn-cản con người làm những việc hay nếu những lời mà người ta không chấp-nhận. Thầy giáo dùng sự chê-bai và trùng-phạt làm học-sinh lánh xa những hành-dộng xấu, những việc làm kém-hữu-hiệu.

Lối giáo-dục này không có giá-trị cao lâm nhưng rất hữu-hiệu và cần-thiết đối với trẻ em, một số thanh-niên hay người lớn tuổi.

Khen, thưởng, chê, phạt, phải được dùng ngay khi hành-dộng đáng thưởng hay đáng phạt xảy ra, và dùng một cách thích-hợp cho từng cá-nhan. Sự khen thưởng thường có hậu-quả tương-đối tốt nhất. sự chê phạt có hậu-quả kém hơn, và sự làm lơ có hậu-quả kém nhất.

Thưởng hay phạt, phải đi liền với hành-dộng đáng thưởng hay đáng phạt để làm cho mối tương-giao giữa hành-dộng và hậu-quả chặt-chẽ. Mỗi tương-giao ấy càng chặt-chẽ bao-nhiêu thì công việc giáo-dục càng hữu hiệu bấy nhiêu vì khi một người thấy một hành-dộng tương-tự thì nhớ ngay đến hậu-quả của hành-dộng cũ hay nhớ lại hậu-quả cũ thì liên-tưởng ngay đến hành-dộng có liên-quan. Phải thưởng hay phạt ngay những người có hành-dộng biết một cách rõ-ràng lý-do của sự thưởng hay phạt và để nhà giáo vạch ra một cách minh-bạch với đầy-dủ chi-tiết lối-làm hay ưu-diểm của hành-dộng. Thưởng

hay phạt ngay không phải là thường hay phạt một cách vội-vàng, hắp-tấp và nóng-nảy mà là một cách khôn-ngoan để kẻ hành-dộng biết ngay là nên tiếp-tục hay nên chấm-dứt hành-dộng đang diễn ra.

Thưởng hay phạt làm sao cho thích-hợp với từng cá-nhan là tùy theo từng học-sinh mà thường hay phạt với mức độ nặng hay nhẹ. Có đứa trẻ rất nhạy cảm, thầy chỉ dùng ánh mắt cũng đủ làm cho nó sợ. Có đứa phải dùng đe-dọa nó mới làm việc, có đứa thầy chỉ cần nói một lời cũng đủ làm cho nó vâng theo mãi mãi.

Con người rất thích được khen thưởng. Sự khen thưởng diễn-tả diêm tốt, chứng tỏ người trong cuộc có khả-năng và đã thành-công. Người được khen hay được thưởng thấy lòng khoan-khoái, thêm tự-tin và sẵn-sang làm những việc mới. Nhưng không phải vì cái lợi to-tát của sự khen thưởng mà chúng ta lạm-dụng nó. Ta không nên quá khen hoặc chê một cách bừa-bãi vì làm như vậy sẽ giảm dần ảnh-hưởng tốt của sự khen thưởng.

Sự chê và phạt có hiệu-quả kém hơn sự khen thưởng, nhưng không phải là không có. Khi một học-sinh có những lời khó nghe, những cử-chỉ không đẹp mắt, ta không thể khen được mà phải chê hoặc phạt để bảo cho nó biết rằng không nên hoặc không được phép làm thế. Nhưng sự chê và phạt chỉ có giá-trị tiêu-cực vì nó chỉ bảo người ta cái gì không nên làm chứ không phải bảo những gì nên làm.

Sự làm lơ hay lanh-dạm có hậu-quả kém nhất. Làm lơ có thể là một hình-thức trùng-phạt, nhưng nếu làm lơ là hoàn-toàn không để ý tới thì ảnh-hưởng đối với đứa trẻ rất kém và nhiều khi còn gây hoang-mang cho nó. Đứa trẻ sẽ hành-dộng theo ý muốn và không biết nên làm thế nào vì nó không được khen hay được chê hoặc được

chấp-nhận để biết hành-động nào là đúng, hành-động nào là sai.

Các cuộc nghiên-cứu về vấn-dề này cũng còn cho biết thêm rằng những trẻ con nhút-nhát hay học kém cần được khen nhiều hơn và những trẻ em xuất-sắc cần được phê-bình khách-quan để tiến-bộ trong việc học.

Khi thường hay phạt, nhà giáo-dục cần cho học-sinh biết lý-do. Nhất là khi phạt chúng, nhà giáo cần nêu rõ những lỗi-lầm nó đã gây ra và làm cho nó nhận những lỗi đó. Có như vậy sự phạt đối với nó mới công-bình và khi chính nó đã thú-nhận tội-lỗi nó sẽ hối-cải. Ông thầy đối với nó là người đáng kính-trọng.

Khi chê hay phạt học-sinh, nhà giáo luôn phải nhớ rằng mục-dich của công việc ông làm là giúp học-sinh tiến-bộ; cho nên mọi khuyết-diêm trong hành-động của một số giáo-chức khi chê-bai hay phạt học-sinh là sự vội-vàng, và dễ tinh-cảm chi-phối quá mạnh. Như vậy là phạm vào tự-trọng của học-sinh.

Nhà giáo thường khi chê hay phạt học-sinh. Khi một học-sinh phạm lỗi nhất là đối với chính nhà giáo, ông thường phản-ứng tức-khắc không kịp suy-nghĩ gì cả. Ông dùng quyền-lực, lời nói, cù-chỉ, và dối khi roi vọt để đe dọa dứa trẻ trong khoảnh-khắc. Ông quên rằng dứa trẻ đang cần ông dạy-dỗ, rằng mọi việc ông làm kể cả việc phạt chỉ là để giúp học-sinh tiến-tới. Ông quên rằng khi thấy ông phản-ứng như vậy, dứa trẻ chỉ sợ ông, chứ không vừa sợ vừa kính như trước nữa.

Nhà giáo thường dễ tinh-cảm chi-phối quá nhiều khi chê hay phạt học-sinh. Ông thường nóng-tinh, nhiều khi giận dữ và không kiềm-hãm được mình. Lúc ấy, ông không phạt hay chê học-sinh mà chỉ là để thỏa-mãn tinh-nóng và

cơn-giận của ông, và, trong lúc đó, ông không còn đủ bình-tĩnh để cân-nhắc lời nào đáng nói, cù-chỉ nào đáng làm. Sau khi cơn-giận đã nguội thì công-việc đã xong và những lỗi-lầm cùng tai-hại ông đã gây ra rất khó sửa-chữa lại.

Đây cũng là một lý-luận biện-hộ cho việc không dùng roi vọt trong lớp. Trong lúc nóng-tinh hay trong cơn-giận, với cái roi hay cái thước, nhà giáo có thể gây thương-tích nặng nơi học-sinh, một việc mà pháp-luat không tha-thír. Chẳng cần nói, chúng ta ai cũng đồng-ý rằng cơn-giận mà không được kiềm-hãm có thể gây ra nhiều hậu-quả không hay. Nói như thế không phải là phủ-nhận vai-trò của cái roi trong việc giáo-dục nhưng chỉ nhắc-nhở các nhà giáo rằng phải rất thận-trọng và bình-tĩnh khi dùng roi và chỉ dùng roi sau khi mọi biện-pháp khác đã tỏ ra bất-lực.

Cái khuyết-diêm thứ ba mà một số nhà giáo thường mắc phải khi chê hay phạt học-sinh là kết-quả của hai khuyết-diêm trên. Khi nhà giáo phạt một cách vội-vàng và dễ tinh-cảm chi-phối quá mạnh, ông thường phạm vào lồng tự-trọng của học-sinh. Với lời nói, chữ dùng, nét mặt, hành-động, một nhà giáo không thận-trọng, không bình-tĩnh và không làm chủ được tinh-cảm của mình thường hạ giá-trị của học-sinh có lỗi. Khi hạ giá-trị của một học-sinh trước mặt các học-sinh trong lớp, hành-động này đã đi ngược lại với nguyên-tắc căn-bản của giáo-dục, là coi con người là cùu-cánh và giáo-dục để học-sinh trở thành những con người tự-do. Đồng-thời không những việc ấy không sửa lỗi mà còn làm cho chúng thêm ngang-tàng và khó dạy-bảo. Con người tự-do không thể được đào-tạo trong một không-khí áp-bức. Con người sẽ không sửa lỗi khi nó không nhận là nó có lỗi, và nó không muốn sửa lỗi dù nó có lỗi. Con người có tự-ái và tự-trọng. Nó muốn bảo-vệ giá-trị của nó bằng mọi giá.

Khi nó không còn cách nào để xác định rằng nó vẫn có giá-trị, nó sẽ chống đối đến cùng.

Dạy học là một nghệ-thuật. Nghệ-thuật đó sẽ cao khi nhà giáo yêu nó, có ý-chi mạnh để vượt mọi trở-lực và luôn-luôn cỗ-gắng loại bỏ các khuyết-diểm.

5. Kết-quả đa-tập

Đồng-thời với những điểm chính thu-thập được trong một bài học, học-sinh còn học được nhiều điều khác nữa, những cá-nhan khác nhau học được nhiều điều khác nhau trong cùng một hoàn-cảnh.

Đi xem một cuốn phim có thể nói rằng là học một bài. Ngoài đề-tài cuốn phim với các chi-tiết mà khán-giả thu-thập được, họ còn học được nhiều điều khác như cách giao-thiệp, lời ăn, tiếng nói, cách phục-sức,... của các nhân-vật trong phim. Lý-do là khi học họ vận-dộng toàn-thể con người của họ: thể-xác, tình-cảm, tâm-trạng, sở-thích, khuynh-hướng xã-hội, lý-tưởng...

Các học-sinh trong lớp cùng học bài sử về Vua Quang-Trung. Ngoài những điểm chính mà nhà giáo muốn chúng thâu-nhận, nhiều học-sinh còn học được nhiều điều khác nhau. Có em chú ý đến dáng-diệu, giọng nói của Vua, có em lại để ý đến cách dùng người, em khác lại để ý đến chiến-lược hay võ-khi Vua dùng... Mỗi cá-nhan có nhiều nét đặc-biệt về thể-chất cũng như về tinh-thần, có những quá-khứ khác nhau, và đang sống trong những hoàn-cảnh khác nhau. Có những trình-dộ tri-thức khác nhau, những cái nhìn khác nhau. Vì thế trước cùng một hoàn-cảnh, có người chối cái này là quan-trọng, kẻ khác lại cho cái kia đáng chú ý.

Muốn cho các học-sinh học nhiều điều trong một bài, nhà giáo phải hoạch-định trước,

Muốn cho các học-sinh thu-thập được nhiều điều trong một bài, giáo-chức phải soạn bài dày-dủ, kỹ-càng và chuẩn-bị các học-cụ cũng như các hoạt-động.

6. An-ninh

Sự học có hiệu-quả nhất trong một không-khi an-ninh, an-ninh ngoại-giới và an-ninh nội-tâm.

Trong một không-khi ồn-ao, học-sinh không thể chú-ý vào việc học. Nhất là học-sinh tiêu-học với đời sống hướng-ngoại còn rất mạnh, những cảnh xảy ra gần chúng và những tiếng động xung-quanh làm chúng lảng tri một cách dễ-dàng. Không có sự chú-ý vào bài học việc học không thể xảy ra.

Ảnh-hưởng của hoàn-cảnh xung-quanh đối với sự học của đứa trẻ quan-trọng như thế, tình-trạng nội-tâm còn có ảnh-hưởng mạnh hơn. Sự lo-lắng, sự sợ-hãi, sự chán-nản không những làm cho học-sinh không chú-ý vào bài học mà còn khiến chúng nghĩ đến những điều khác, đến những lối-thoát khỏi tình-trạng lo-lắng sợ-hãi và chán-nản. Trong lớp học đôi khi chúng ta thấy có một vài em, thân-thể ở đó, mà tâm-trí thì dè ở đâu đâu, vẻ mặt ngơ-ngác và lo-lắng. Đôi khi chúng ta thấy một vài em, khi thầy gọi lên bảng vì sợ-hãi, không còn nhớ điều gì để trả lời. Vì sợ-hãi nhiều đứa trẻ không dám đến trường và nếu bị gia-dinh đe-dọa, chúng thường tìm cách trốn học. Số học-sinh chán-nản khá đông. Chúng là những em « đội sô », « đội sổ » từ đầu niên-học vì không thu-thập những bài dạy một cách dày-dủ, lại tiếp-tục « đội sổ » cho tới cuối năm học. Việc học không có ích-lợi, không thành-công thì làm sao chúng có thể theo đuổi. Càng ngày bài càng khó và chúng càng không hiểu, thầy giáo càng khó chịu và chúng càng chán-nản. Với đôi chút lo-lắng, sợ-hãi, chán-nản, người lớn tuổi có

thì giải-quyet dễ tiến tới; nhưng trẻ em, những sinh-vật non-nót đang cần sự dìu-dắt, chúng chỉ có thể là nạn-nhân. Lo làm bồn-phận, kinh-thầy và hăng-hái hoạt-động là những thái-độ học-sinh cần có chứ không phải lo-lắng, sợ-hãi và chán-nản.

Việc dạy học sẽ hữu-hiệu hơn khi nhà giáo chia-sẻ với trẻ những khó-khăn, những sự lo-lắng, sự sợ-hãi, sự chán-nản, khi nhà giáo sẵn-sàng giúp-đỡ và gây một không-khí thông-minh trong lớp học.

Những sự lo-lắng sợ hãi và chán-nản nơi đứa trẻ có thể có nguyên-do nơi gia-dình (cha mẹ bất hòa), do trẻ em ngoài đường (các trẻ em khác đe-dọa hoặc bắt-nạt trên đường đứa trẻ đi học hay trở về) hoặc do nhà giáo (quá nghiêm-khắc). Một khi biết được những khó-khăn mà đứa trẻ có thể gặp phải, nhà giáo có thể giúp đứa trẻ rất nhiều và như vậy có thể giúp chúng có sự an-ninh để học-tập.

Muốn gây một không khí an-ninh và thông-minh nơi lớp học, nhà giáo phải pha vào không-khí đó những yếu-tố sau đây: tự-do, thái-độ cởi-mở của nhà giáo đối với học-sinh, tôn-trọng và khai-thác những sở-thích của học-sinh, cho học-sinh gặp nhiều người giàu kinh-nghiệm hoặc dùng nhiều sách báo, và cho học-sinh biết mục-đich của việc chúng làm.

7. Hoạt-động và kinh-nghiệm

Sự học được hoàn-thành khi học-viên đặt mục-đich cho công-việc, thi-hành công-việc và chịu hậu-quả của công-việc đó.

Còn người học bằng kinh-nghiệm, kinh-nghiệm bản-thân hay kinh-nghiệm thu-nhận (vicarious experience), kinh-nghiệm do người khác truyền lại.

Theo John Dewey, một người thực-sự thu-thập kinh-

nghiệm, khi người đó đặt mục-đich cho công-việc của mình, thi-hành công-việc và chịu hậu-quả của công-việc đó. Thí-dụ một đứa trẻ làm một máy bay đồ chơi. Sau khi nó thấy những đứa trẻ khác thả máy bay một cách thích-thú, nó muốn có một chiếc để chơi. Cha mẹ nó nghèo, nó có ý định tự làm lấy một chiếc. Nó quan-sát kỹ-lưỡng chiếc máy bay của những đứa trẻ khác và thấy rằng nó có thể dùng một số những vật-liệu trong nhà để chế-tạo. Sau khi đã có mục-đich, nó bắt đầu công-việc. Nó kiếm thanh tre làm thân, khúc gỗ nhỏ làm cánh quạt, dây cao-su làm động-cơ... Nó làm việc một cách hăng-say. Sản-phẩm đầu-tiên hoàn-thành và nó mang ra thử. Chiếc máy-bay của nó chưa cất cánh được. Nó dò xét, nó thấy rằng cái cánh quạt chưa quạt được nhiều gió và dây cao-su còn yếu. Nó sửa-chữa. Sau cùng, máy bay của nó cất cánh được và bay được một quãng dài. Nó thấy sung-sướng, nó cảm thấy hạnh-diện với khả-năng của nó. Chịu hậu-quả việc nó làm, nó dồn hết sức-lực vào việc chế-tạo chiếc máy bay trò chơi và sau cùng khi thử và thấy chưa thành-công, nó ra công sửa-chữa. Sau khi thành-công, kinh-nghiệm chế-tạo chiếc máy bay đã in sâu vào trí-đóc nó một cách tì-mù và rõ-rệt. Với kinh-nghiệm ấy nó đã học được nhiều điều bô-ich.

Không chịu hậu-quả của hành-động, học-viên không biết mình đã thành-công hay thất-bại. Biết là thành-công hay thất-bại đều giúp cho học-viên học được mối liên-quan giữa phương-tiện và mục-đich, như vậy trong công-việc sắp tới học-viên kia chắc-chắn sẽ chọn phương-tiện hữu-hiệu và loại bỏ phương-tiện vô hiệu-lực.

Những người giàu kinh-nghiệm chính là những người đã hành-động nhiều và đã chịu nhiều đắng-cay hay đã hưởng nhiều thành-công. Nhờ thế, họ thường hành-động một cách khôn-ngoan.

John Dewey cho kinh nghiệm bản-thân một giá-trị rất cao, nên ông đề-nghị một chương-trình giáo-dục thiên về hoạt-động. Tuy vậy, ông vẫn tôn-trọng kinh-nghiệm của người xưa, của những người phương xa sống đồng-thời.

Sự dạy học sẽ hữu-hiệu hơn khi học-sinh được nhà giáo giúp nó thấy rõ mục-đích của kết-quả việc học của nó và khi học-sinh có nhiều cơ-hội để hoạt-động.

Học-sinh cần biết những lợi-ich và những giá-trị của việc học-tập, như thế chúng mới học-tập hăng-hái và mới tìm hết cách để học.

Thầy giáo cần cho chúng biết kết-quả việc học của chúng để chúng biết đã thành-công hay thất-bại, nói cách khác, chúng chịu hậu-quả của việc chúng làm.

Khi trả bài, nhà giáo cần vạch rõ cho học-sinh biết tại sao bài của chúng nhiều điểm hay ít điểm để chúng biết rõ về việc làm chúng.

Nhà giáo nên cung-cấp nhiều hoạt-động trong lớp cũng như ngoài lớp để học-sinh thu-thập nhiều kinh-nghiệm bản-thân.

8. Ý-nghĩa và sự hiểu-biết

Sự học-tập hữu-hiệu chưa đựng ý-nghĩa và sự hiểu-biết.

Ý-nghĩa của bài học, bài làm... phải được học-viên hiểu vì như vậy học-viên mới được thỏa-mản, thích-thú và có ý-chí để theo đuổi. Ý-nghĩa và sự hiểu-biết về một bài noi học-sinh càng rộng khi kiến-thức và kinh-nghiệm của học-sinh càng nhiều. Cùng một bài học, một học-sinh biết nhiều bao-giờ cũng hiểu về bài đó một cách rộng-rãi và sâu-xa hơn một học-sinh ít kinh-nghiệm. Như vậy, các học-sinh cần có dịp quan-sát và du-lịch để thu-thập nhiều

kinh-nghiệm bản-thân và đọc sách báo nhiều, nghe rádio nhiều... để mở-mang kiến-thức.

Việc giáo-huấn sẽ hữu-hiệu hơn khi nhà giáo cung-cấp cho học-sinh kinh-nghiệm hay cơ-hội thu-thập kinh-nghiệm để chúng hiểu một cách đầy-đủ những gì nhà giáo dạy chúng.

Hai người chỉ có thể bàn-luận với nhau về một vấn-dề khi cả hai người cùng có kinh-nghiêm hay kiến-thức về vấn-dề đó. Và cuộc thảo-luận càng sâu và càng rộng khi hai người càng biết nhiều về vấn-dề trên.

Học-sinh và thầy giáo cũng có thể ví như hai người trên, chỉ khác một điều là học-sinh ít kinh-nghiêm hơn thầy. Muốn cho học-sinh hiểu điều thầy nói thì ít nhất chúng phải có một số kinh-nghiêm căn-bản về điều ấy. Nếu chúng chưa có, thầy giáo phải cung-cấp cho chúng trước. Muốn cho học-sinh hiểu bài một cách sâu và rộng thì thầy giáo phải giúp học-sinh thu-thập nhiều kinh-nghiệm. Báo chí, sách, ciné, diễn-thuyết, radio, du-lịch... là những phương-tiện phong-phù.

Để kiểm-soát sự hiểu-biết của học-sinh, việc trả bài thuộc lòng không phải là một phương-pháp hữu-hiệu. Nhà giáo nên hỏi để học-sinh trả lời bằng lời văn của nó và bắt nó áp-dụng những điều đã học với ý-tưởng riêng.

Tuy lời « học vẹt » ngày nay đã lỗi-thời, nó vẫn chưa được thanh-toán hoàn-toàn.

9. Dùng nhiều giác-quan trong việc học

Những kinh-nghiệm học-văn phải được bồi-túc bằng cách dùng nhiều giác-quan một cách khôn-ngoan.

Lời nói dù hùng-biện đến đâu, văn-tự dù linh-dộng

đến mấy cũng không thể tả nhiệt độ, mùi vị, màu sắc, sự chuyen-dộng... đúng như khi ta cảm giác. Lời nói và văn-tự có giới-hạn. Cảm-quan có tầm quan-trọng của nó. Cho đến nay, người ta chưa dùng được là bao vai-trò của giác-quan trong việc học.

Có nhiều tri-thức mà với giác-quan, con người không thể đạt được. Con người phải dùng những khả-năng khác để mở rộng chân trời tri-thức. Tuy-nhiên, từ xưa đến nay, người ta chưa biết dùng giác-quan một cách đúng-dắn, nhất là trong phạm-vi học-tập của trẻ, đời sống cảm-giác rất mạnh.

Đời sống của trẻ nhỏ rất nặng về phần cảm-giác, nhu cầu hoạt động của chúng rất mạnh, cung-cấp cơ-hội và vật-liệu để chúng thu-thập kinh-nghiệm bằng giác-quan là một phương-pháp giáo-dục thích-hợp vậy.

Sự giáo-huấn sẽ hữu-hiệu hơn khi nhà giáo dùng nhiều học-cụ hay dụng-cụ giáo-khoa trong việc giảng-dạy.

Ngày nay rất nhiều nhà giáo đã nhận-định được vai-trò quan-trọng của giác-quan trong việc học-tập. Họ đã và đang dùng nhiều dụng-cụ giáo-khoa. Họ tổ-chức học-cụ-khổ. Họ trao-đổi học-cụ để có nhiều vật cho học-sinh quan-sát. Họ đang cố-gắng biến phòng học thành một phòng thí-nghiệm theo chủ-trương của Décroly. Phòng-trào dùng học-cụ để giảng-dạy đang hành-trường mạnh.

Tuy việc dùng giác-quan trong việc học có nhiều ưu-diểm, chúng ta không nên lạm-dụng nó hay dùng nó quá nhiều. Phải dùng học-cụ một cách khôn-ngoan để bài học không biến-thành một tổng-cộng những chi-tiết tuy rõ nhưng vụn-vặt, rời-rạc và dễ công-việc phát triển trí thông-minh không bị công-việc khai-thác giác-quan che lấp.

10. Cái học toàn-thể

Sự học sẽ hữu-hiệu hơn khi học-viên nhận-thức được những mối liên-quan giữa những phần của một toàn-thể và giữa những phần với toàn-thể trong một bài học.

Một bài học cũng vi như một cái máy, có nhiều bộ-phận khác nhau nhưng liên-quan với nhau và những bộ-phận ấy phối-hợp với nhau theo một nguyên-tắc tổng-quát để tạo thành một cái máy. Chỉ có nguyên-tắc hay chỉ có những bộ-phận rời-rạc không thời ta chưa có cái máy. Nhưng sau khi các bộ-phận đã được ráp lại theo nguyên-tắc để chúng phối-hợp với nhau để tạo ra một công-dụng chiếc máy mới thực-sự thành hình. Học-sinh trong một lớp học nọ học một bài, thi-dụ bài về cái máy trên. Nếu chúng mới chỉ biết nguyên-tắc hay chỉ biết những bộ-phận rời-rạc của cái máy, chúng chưa biết thực-sự về cái máy đó. Nhưng sau khi chúng đã hiểu được những mối liên-quan giữa những bộ-phận và sự phối-hợp của những bộ-phận đó theo nguyên-tắc của cái máy, kiến-thức của chúng về cái máy trở nên chắc-chắn và đầy-dủ. Chỉ biết nguyên-tắc kiến-thức của học-sinh về cái máy còn quá tổng-quát sơ-sài. Chỉ biết những bộ-phận rời-rạc, kiến-thức đó là kiến-thức vụn-vặt, và ít ý-nghĩa.

Chỉ biết những điều tổng-quát, cái học chỉ có bề rộng mà thiếu bề sâu. Chỉ biết những điều nhỏ-nhất, chi-tiết, kiến-thức có vẻ nhiều mà không tạo được chiều cao vì thiếu những ý-tưởng tổng-quát là xi-măng gắn chúng lại. Kiến-thức rời-rạc dễ quên mất vì ít khi được đem dùng để giải-quyết vấn-dề rộng lớn. Kiến-thức muốn được rộng và sâu phải có hai mặt tổng-quát và chi-tiết và hai mặt đó phải liên-kết chặt-chẽ với nhau.

Sự dạy học sẽ hữu-hiệu hơn khi nhà giáo trình-bày cho học-sinh thấy những mối liên-quan giữa các phần của

một toàn-thể và giữa các phần đó với toàn-thể khác và khi nhà giáo hướng-dẫn để học-sinh tự tìm ra những mối liên-quan ấy.

Khi dạy một bài, nhà giáo thường nói cho học-sinh hiểu đại-ý bài, phân-tích bài ra những phần nhỏ, giảng-giải những phần ấy, rồi tóm-tắt toàn bài. Như vậy tức là nhà giáo muốn cho học-sinh thấy những mối liên-quan giữa đại-ý với các phần của bài và giữa những phần với nhau. Nhà giáo đã áp-dụng nguyên-tắc trên vậy.

Điểm quan-trọng ở đây là chúng ta nên áp-dụng thực-sự nguyên-tắc này. Muốn biết rõ, nhà giáo có thể kiểm-soát bằng cách hỏi sau khi giảng xem học-sinh có hiểu những mối tương-quan trên không ?

Cũng vì để đào-tạo những con người có cái nhìn tổng-hợp, cái nhìn toàn-thể có liên-quan với thành-phần của chúng ta dạy những bài học theo kiểu tổng-hợp, phân-tích tổng-hợp như đã trình bày ở trên, chúng ta đã cho học-sinh làm toán-dố, cho học-sinh tìm đại-ý của bài đọc và những phần trong bài ấy. Nhưng muốn đạt được mục-dịch trên một cách chắc-chắn hơn, học-sinh phải có nhiều cơ-hội hơn nữa để chúng tự tìm ra những mối liên-quan toàn-thể, thành-phần toàn-thể.

11. Sự biến-dụng của sự học (the transfer of learning)

Sự học có thể được dùng trong những hoàn-cảnh mới một cách hữu-hiệu hơn khi những mục-dịch của sự học được vạch rõ, khi những hoạt-dộng học-tập tương-tự những hoạt-dộng ngoài đời, và khi học-viên cố-gắng tổng-quát-hoa để tìm ra nhiều trường-hợp để áp-dụng.

Theo nguyên-tắc trên, sự học có thể được đem áp-dụng

vào đời sống một cách có hiệu-quả hơn với ba điều-kiện. Chúng ta sẽ lần-lượt xét từng điều-kiện.

Điều-kiện thứ nhất là mục-dịch của sự học được vạch rõ. Chương-trình học-tập là phương-tiện để đạt những mục-dịch giáo-dục. Những mục-dịch này do những nhà có thẩm-quyền và trách-nhiệm đặt ra để chuẩn-bị cho học-sinh sống thích-hợp với đời sống thực-tế. Và để sống thích-hợp với đời sống thực-tế những mục-dịch giáo-dục mà học-sinh phải đạt sau nhiều năm học-tập phải hợp với nhu-cầu và đổi với hoàn-cảnh hiện-tại trong đó học-sinh sống. Như vậy, khi những mục-dịch của sự học được vạch rõ, học-sinh sẽ cố-gắng đạt tới; và sau khi đã đạt được những mục-dịch đó, chúng đã sẵn-sàng sống thích-hợp với đời sống thực-tế. Thi-dụ những mục-dịch của môn Sử-ký là biết đời sống của tiền-nhân, thường ngắm những công-trình xây-dựng non-sông của tổ-tiên, học kinh-nghiệm quá-khứ, nhận biết sự tiến-triển của đời sống con người, học suy-luận,... đã được vạch rõ, học-sinh phải đạt tới. Đạt được những mục-tiêu trên, học-sinh đã trang-bị cho mình số dụng-cụ lấy từ môn Sử-ký để sẵn-sàng tranh đấu với đời.

Điều-kiện thứ hai là những hoạt-dộng học-tập tương-tự những hoạt-dộng ngoài đời. Khi đời sống và công-việc của học-sinh nơi nhà trường có nhiều điểm tương-dồng với lối sống thực-tế và công-việc ngoài đời và nói thì khi ra khỏi học-dường, học-sinh sẽ thấy quen thuộc và sẵn-sàng hòa-mình vào. Thi-dụ : Trong trường học-sinh có nhiều cơ-hội thực-hành cách giao-thiệp và cách nói chuyện với nhiều loại người thì khi bước vào đời sống thực-tế chúng sẽ có đủ khả-năng làm những công-việc ấy với kết-quả tốt. Nhưng nếu ở học-dường học-sinh học về những lối sống hay lối làm-việc khác-bié特 với ngoài đời thì khi bước chân vào đời sống thực-sự, chúng sẽ bỡ-ngõ, ngo-ngác trong một thời-

gian khá lâu trước khi thích-ứng được với đời. Thi-dụ : trong trường Kỹ-thuật, học-sinh chỉ tập sử-dụng những máy-móc tối-tàn nhất thì khi ra trường và nhận nhiệm-vụ tại những công-xưởng dùng máy-móc cũ, các tân chuyên-viên chắc-chắn sẽ bối-rối.

Điều-kiện thứ ba là học-viên cố-gắng tổng-quát-hóa (những điều đã học) để tìm ra nhiều trường-hợp có thể áp-dụng. Những bài học trong chương-trình đã được chọn làm những trường hợp điển-hình cho rất nhiều trường-hợp trong đời sống. Khi học-sinh học bài và cố-gắng tổng-quát-hóa những điều trong bài đó, chúng sẽ có một cái nhìn rộng và sẽ có thể áp-dụng những điều đã học trong nhiều trường-hợp khác ngoài đời. Hơn nữa, khi suy-luận kỹ-càng về những điều đã học, học-sinh có thể nối những điều đó với những điều khác để dùng trong những hoàn-cảnh mới.

Sự dạy học sẽ hữu-hiệu hơn khi nhà giáo vạch rõ những mục-đích của các bài học cho học-sinh và giúp chúng đạt được, khi nhà giáo lựa-chọn những kinh-nghiệm học-tập tương-tự với hoàn-cảnh ngoài đời và khi hướng-dẫn học-sinh áp-dụng những điều đã học vào những hoàn-cảnh mới.

Nhà giáo có nhiệm-vụ vạch rõ những mục-đích của việc học, và làm cho học-sinh ham-thích những mục-đích đó, đồng-thời giúp chúng đạt được những mục-đích trên. Nếu mục-đích không rõ-ràng thì chính nhà giáo cũng không biết ông làm gì trong lớp, và học-sinh không biết một cách minh-bạch học để làm gì ?

* Nếu nhà giáo muốn giúp học-sinh thành-công trong đời ông phải giúp học-sinh có những kinh-nghiệm ngoài đời hay tương-tự với đời. Bài học sẽ không xa thực-tế mà còn làm sáng tỏ thực-tế nữa. Những mẫu chuyện, những biến-cố ngoài đời có liên-quan đến bài học phải được nhà

giáo mõ-xé trong lớp. Học-sinh phải được khuyến-kích để mang những điều xảy ra trong trường-đời có liên-quan với bài học vào lớp để cùng nhau làm sáng tỏ lớp học giúp học-sinh hiểu rõ đời sống trong trường-hợp đó và nhiều trường-hợp khác nữa.

Để giúp học-sinh dùng những điều đã học một cách khôn-ngoan vào đời sống, nhà giáo phải cung-cấp nhiều cơ-hội để học-sinh áp-dụng những điều đó và hướng-dẫn chúng suy-luận để áp-dụng vào nhiều hoàn-cảnh mới. Nhà giáo nên dùng những câu hỏi khám-phá hay hướng-dẫn. Những ý-kiến độc-dáo của học-sinh phải được tôn-trọng. Không-khi tự-do và thái-dộ cởi-mở trong lớp học là những yếu-tố cần-thiết cho những đề-nghị áp-dụng của học-sinh.



CHƯƠNG V

CÁC CÁCH-THÚC DẠY HỌC HAY LÀ CÁC THÈ-THÚC GIÁO-HUẤN

CÁC CÁCH-THỨC DẠY HỌC HAY LÀ CÁC THÈ-THỨC GIÁO-HUẤN

I. ĐỊNH-NHĨA

Cách-thức dạy học là cách-thức điều-khiển tông-quát học-đường tùy số học-sinh cùng theo học chung một môn.

II. CÁC CÁCH-THỨC

Có bốn cách-thức dạy học như sau :

- Cách-thức cá-nhân hay là cách-thức đơn-độc (Mode individuel).
- Cách-thức nhất-tè giáo-dục (Mode simultané).
- Cách-thức hỗ-tương giáo-dục (Mode mutuel).
- Cách-thức hỗn-hợp giáo-dục (Mode mixte).

1. Cách-thức cá-nhân hay là đơn-độc giáo-dục.

Cách-thức này được áp-dụng cho một, hay hai ba học-sinh là cùng. Học-sinh này thường là con nhà giàu-có, quý-phái, con vua cháu chúa ngày xưa. Để cho con cái của mình khỏi học-tập chung-chạ với trẻ con hạng bình-dân và tiêm-nhiễm những tính-nết không hay, cha mẹ mới chọn thầy và rước thầy về ăn ở tại nhà để dạy trẻ. Hiện giờ có nhiều nhà giàu cho xe đến rước thầy tận nhà mỗi ngày mấy tiếng đồng-hồ để đến dạy con cháu nhà. Có khi

cha mẹ thương-lượng riêng với thầy để thầy dành riêng cho con cháu mình một vài giờ dạy học tại nhà thầy.

Trong trường-hợp ấy :

a. *Phần lợi.* Vì số học-sinh quá ít, thầy luôn luôn hỏi bài, sửa bài cẩn-thận và biết học-sinh một cách rành-rẽ về học-lực cũng như về tính-tình.

Tùy trình-dộ của học-sinh, thầy có thể đi mau, hoặc dừng dừng lại để giảng một lần nữa một bài mà trẻ chưa hiểu kịp.

Nếu là học-sinh hiếu-học chúng sẽ tiến-bộ rất mau vì chúng được làm bài, trả bài luôn một cách kĩ-lưỡng và chúng được tự-do hỏi thầy những điểm mà chúng chưa hiểu.

Dưới hình-thức này, học-sinh chịu ảnh-hưởng của thầy một cách sâu xa về tri-dụng cũng như về đức-dụng và tỏ lòng kính-mến thầy một cách nồng-nàn, chân-thật.

b. *Phần bất-lợi.* Quanh năm chỉ biết có thầy mà thầy là bậc cao hơn chúng, cho nên chúng tự thấy lè-loi, vì không bao-bạn. Chúng sẽ dễ chán-nản và sẽ thiếu kinh-nghiệm về đời sống tập-thề, đời sống xã-hội. Trẻ không có tinh-ganh đua trong sự học-tập.

Được giáo-dục trong trường-hợp đặc-biệt như thế, trẻ con sẽ thấy rõ uy-quyền của cha mẹ chúng căn-cứ vào tiền-tài và địa-vị trong xã-hội, nhất là đối với ông thầy. Như thế trẻ con, nếu là hạng thất-giáo, sẽ khinh-rẻ thầy, và sẽ trở nên kiêu-căng đối với những hạng người bậc dưới. Con vua, cháu chúa, các hàng vương-tôn, công-tử được huấn-luyện theo lối ấy ngày xưa đã có óc phong-kiến, quan-liệu, tự-cao, tự-dại, xa dàn-chúng là vì có đó.

Sau khi ra ở đời, chúng sẽ thất-vọng lớn nếu quyền-tước, giàu-sang của cha ông không còn nữa và chúng sẽ

bị người đời đem chúng lại sự-thực. Chúng sẽ rất bõng-bờ ngay từ lúc đầu.

2. Cách-thức nhất-tề giáo-dục. Theo cách-thức này lớp học gồm có một số đông học-sinh ít nhất là ba chục em cùng học chung một bài do một ông thầy dạy.

a. *Phần lợi.* Thầy chỉ giảng bài một lần chung cho toàn lớp và không thể lập di lập lại nhiều lần cho mỗi học-sinh vì không đủ thi-giờ. Như vậy, trong một thời-gian ngắn thầy đã truyền-thụ cái biết của thầy cho trên mươi chục học-sinh. Công-hiệu của cách-thức này hơn cách-thức trên thập-bội. Ấy là cách-thức dạy học được coi là hợp-lý và được áp-dụng trong hầu hết các học-đường hiện nay.

Nhờ học-hỏi tập-thề, trẻ con biết so-sánh mình với chúng bạn và biết ganh đua để tiến-bộ.

Nhờ bắt-chước chúng bạn, và sẽ tự an-ủi lẫn nhau, trẻ con sẽ không khi nào chán-nản và sẽ có kinh-nghiệm về đời sống tập-thề.

Một vấn-dề được lập lại nhiều lần dưới nhiều hình-thức khác nhau và do nhiều trẻ sẽ làm cho bài học được trinh-bày rõ-rệt dưới nhiều khía-cạnh và dễ nhớ.

Những trẻ nhút-nhát, hay sợ-sệt, e-lệ, nhờ ở trong đám đông sẽ dần-dần học theo chúng bạn và trở nên dạn-dĩ.

b. *Phần bất-lợi.* Những trẻ con vắng mặt trong một vài buổi học hoặc trong nhiều ngày không thể yêu-cầu thầy giảng lại những bài đã dạy và phải dành chịu mất các bài ấy.

Vì sĩ-sở cao nên giáo-chức không sao chăm nom kỹ-lưỡng từng trẻ con được và như vậy không sao hiểu-biết chúng một cách tường-tận được, nhất là về tánh-tình và hoàn-cảnh riêng của chúng.

Nếu sỹ-số đông đến 60 hoặc 70 thì trật-tự trong lớp sẽ không sao hoàn-toàn được và sẽ không tránh khỏi những điều sơ-sót về việc chấm bài và việc điều-khiển lớp học về phương-diện tinh-thần. Vì sự sơ-sót của giáo-chức, trẻ con sẽ tự bắt-chước nhau những tinh-xấu.

3. Cách-thức hổ-tương. Tức là cách-thức theo đó giáo-chức giảng bài cho một thiểu-số học-sinh giỏi nhất lớp, các giảng-tập-viên, để rồi chúng sẽ giảng lại cho toàn lớp được chia ra làm nhiều toan, mỗi toan đặt dưới sự hướng-dẫn của mỗi giảng-tập-viên. Cách-thức này được áp-dụng vào thời buổi mà trong nước thiếu giáo-chức, thiếu trường. Một lớp học tổ-chức theo lối này xưa kia, có đến 120, 150 học-sinh.

a. *Phần lợi.* Cách-thức hổ-tương đã giúp chính-phủ thời xưa tạm giải-quyet vấn-dề khan-trường, khan-thầy và đồng-thời tiết-kiệm công-quỹ.

Cách-thức này cũng là cách-thức tổ-chức các trường dạy chữ Hán ở nước ta ngày xưa.

b. *Phần bất-lợi.* Trẻ con chỉ có trực-tiếp học-hỏi với giảng-tập-viên chứ không phải với thầy. Đó là điều mà trẻ con không thích, mà các bậc phụ-huynh học-sinh phản-dối nhứt vì lẽ : giảng-tập-viên tựu-trung chỉ là bạn cùng lớp với trẻ và như thế sẽ không hơn chúng là bao về phương-diện học-lực, kinh-nghiệm và đức-hạnh.

Giảng-tập-viên không đủ uy-tín để điều-khiển toàn của mình cho có hiệu-lực được.

Cách-thức hổ-tương là cách-thức giáo-dục tạm-bợ và đã không được áp-dụng từ lâu vì nó có tinh-cách phản-sur-phạm. Tuy-nhiên, người ta vẫn nhắc đến nó với tinh-cách tài-liệu lịch-sử.

4. Cách-thức hồn-hợp. Cách-thức này dung-hòa cả ba cách-thức trên như sau :

1. Trong một lớp học với một sỹ-số là 30 học-sinh, khi giáo-chức giảng bài chung cho toàn lớp là giáo-chức áp-dụng cách-thức nhất-tèle giáo-dục.

2. Khi giáo-chức cần vắng mặt ở lớp này để sang giảng bài ở lớp bên cạnh và giao cho một vài học-sinh giỏi nhất lớp lập lại bài đã giảng cho toàn lớp và thay giáo-chức để trông-nom lớp học là giáo-chức đã áp-dụng cách-thức hổ-tương giáo-dục rồi vậy.

3. Khi giáo-chức gọi một học-sinh lên trả bài là giáo-chức đã áp-dụng cách-thức đơn-dộc.

Cũng như cách-thức nhất-tèle giáo-dục, cách-thức hồn-hợp ngày hôm nay được coi là hợp-lý và vẫn được áp-dụng.

a. *Phần lợi.* Gồm các điều lợi của ba cách-thức trên.

b. *Phần bất-lợi.* Không có gì đáng kể.

5. Kết-luận Nói tóm lại, trải qua các thời-đại, trong ngành giáo-dục, các cách-thức dạy học đều lần-lượt được phát-minh và được đem ra áp-dụng. Có những cách-thức có tinh-cách tạm-thời ; mà trái lại, cũng có cách-thức có tinh-cách vĩnh-viễn. Các cách-thức sau này là những cách-thức hợp-lý phù-hợp với các nguyên-tắc sur-phạm.



CHƯƠNG VI

CÁC PHƯƠNG-SÁCH GIÁO-HUẤN

Bài số I. NHỮNG PHƯƠNG-SÁCH NÀO HAY VÀ NHỮNG PHƯƠNG-SÁCH NÀO DỎ TRONG NỀN GIÁO-DỤC

I. ĐỊNH-NGHĨA

Những phương-sách được công-niệm là hay trong sự dạy-dỗ trẻ con là những phương-sách áp-dụng đúng theo những nguyên-tắc sư-p2am và khoa-tâm-lý nhi-dòng. Điều trái lại là những phương-sách dở, sai-lầm.

II. NHỮNG PHƯƠNG-SÁCH HAY CẦN NÊN THEO

Một ít thí-dụ được kê như sau:

1. Giúp trẻ con có quan-niệm về các con số bằng cách dạy chúng học đếm với các hòn bi(billes), các chiếc dùa cùng một cỗ, v. v...
2. Cụ-thè-hoa bài học bằng nhiều tài-liệu như: tranh-ảnh, thảo-mộc, thú-cầm, v. v... và kích-thích óc quan-sát, trí suy-nghĩ của trẻ con.
3. Bắt trẻ con làm nhiều bài tính dỗ dẽ áp-dụng một công-thức.

III. CÁC PHƯƠNG-SÁCH GIÁO-HUẤN CHÍNH-YẾU

Người ta kê:

1. **Thuyết-trình.** Tức là ông thầy, bà thầy hoặc học-sinh (từ lớp ba trở-lên) trình-bày một mình một dề-tai từ đầu chí cuối buổi học.

2. Phô-diễn (démonstration) : Tức là cách cự-thể-hóa bài dạy để cho học-sinh dễ hiểu, dễ nhớ.

3. Vấn-dáp : Tức là sự biến bài dạy thành một cuộc đàm-thoại ; thầy hỏi học-sinh trả lời từ đầu chí cuối bài.

4. Thực-hành : Tức là sự áp-dụng những điều đã học-hỏi cho đời sống thực-tế. **Thí-dụ** : Lẽ-phép đổi với người già-cả.

5. Thực-nghiệm (expérimentation) : Tức là chứng minh một nguyên-tắc, một định-luật khoa-học là đúng bằng một hay nhiều thí-nghiệm.

6. Nghiên-cứu : Tức là sự tìm ra sự thật trong một trường-hợp nào bằng cách tìm những sự-kiện chính-xác có ghi trong các sách-vở.

7. Dự-án : Ấy là lối làm việc từng nhóm theo kiểu Đồ-ản Dalton, Đồ-ản Cary, v.v... bên Mỹ.

IV. NHỮNG PHƯƠNG SÁCH SAI-LÂM CÂN NÊN TRÁNH

Một ít thí-dụ như sau :

1. Đến giờ hội-họa bắt trẻ con gạch trang giấy ra thành nhiều ô và vẽ trên bảng đen cũng bằng lối gạch ô.

2. Đến giờ địa-ly bắt trẻ con lấy giấy bóng (trong suốt) ra để dò một bức họa-dù trong quyền địa-ly và sau đó, dò, lại trong trang vở.

3. Bắt trẻ con, học thuộc lòng bài mà giáo-chức không giải-nghĩa trước.

4. Bắt trẻ con viết những chữ mà chúng chưa biết.

V. KẾT-LUẬN

Nói tóm lại ; đi từ **chỗ** biết đến **chỗ** chưa biết, từ

cụ-thể đến trừu-tượng và lúc nào cũng tìm thế kích-thích các năng-khiếu trẻ con để chúng tập quan-sát, suy-nghĩ và ghi nhớ những nguyên-tắc căn-bản, là một phương-sách hay, phải theo dùng. Trái lại, là phản sú-phạm vậy.

Bài số 2. PHƯƠNG-SÁCH CHẤT-VĂN HAY LÀ VĂN-DÁP

I. ĐỊNH-NGHĨA

Phương-sách (procédé) là cách hành-động phải theo để thực-hiện một phương-pháp (méthode). Phương-tiện (moyen d'action) là tùy theo phương-hướng và nhân việc tiện-lợi cho mình và cho người mà làm.

Phương-sách chất-văn hay là phương-sách văn-dáp là lối trình-bày một bài dạy dưới hình-thức : thầy hỏi rồi học-sinh trả lời.

II. ÍCH-LỢI CỦA PHƯƠNG-SÁCH CHẤT-VĂN

Phương-sách chất-văn được áp-dụng cho sự giáo-dục trẻ con khi người ta giảng bài theo một trong hai phương-pháp : qui-nap hay là suy-diễn.

1. Phương-sách chất-văn làm cho lớp học trở nên linh-dộng : học-sinh có dịp suy-nghĩ và quan-sát, sờ-mò sự-vật để làm thỏa-mãn tinh tò-mò của chúng.

2. Tri-ký-ức của chúng sẽ trở nên mạnh-mẽ hơn nhờ sự lặp đi lặp lại một vấn-dề, một ý-kiến.

3. Học-sinh được tự-do phát-biểu ý-kiến và nhân đó tập phô-diễn-tu-tưởng, tập nói cho rõ-ràng, rành-mạch.

4. Nhờ phương-sách chất-văn, thầy nhận-thức được súc hiếu-biết của trẻ con và nhân đó biết được kết-quả cách dạy của mình hay hoặc kém để tự bồi-túc.

5. Giúp thầy nghỉ-ngơi đôi chút khi hỏi trẻ con và chờ chúng trả lời.

6. Nhờ được luôn luôn thầy gọi đến và được luôn luôn hoạt-dộng, trẻ-con khỏi phải đóng vai thụ-động và chán-nản.

III. HAI LOẠI CHẤT-VĂN

Có hai loại chất-văn như sau :

A. CHẤT-VĂN ĐỂ GIÚP SỰ TÌM-TÒI MỘT Ý-KIẾN, SỰ PHÁT-MINH MỘT ĐIỀU GÌ

Mục-dịch của lối chất-văn này là : giúp học-sinh tự tìm ra những điều mà thầy muốn dạy chúng.

Cách thực-hành: Giáo-chức khi giảng-giải một điều gì, một bài gì, phải đặt những câu hỏi khéo-léo để giúp học-sinh tìm ra những điều mà giáo-chức muốn dạy chúng.

Vậy, bài dạy phải được sula-soạn kỹ-lưỡng, dàn-bài phải rõ-rệt, các câu hỏi phải được cẩn-nhắc và sắp-xếp trước theo một trật-tự nhất-dịnh. Chỉ nên lên những câu hỏi cần-thiết mà thôi. Câu hỏi cuối-cùng phải đưa đến kết-quả hiển-nhiên của bài dạy.

Trong khi giáo-chức nên lên những câu hỏi, cần khuyên học-sinh ngồi yên-lặng và chăm-chú nghe cho hết nghĩa câu hỏi vừa được nêu lên. Ấy là gián-tiếp tập trẻ con giữ phép lịch-sự khi cần hồn chuyện với một người nào.

B. CHẤT-VĂN ĐỂ KIỂM-SOÁT

Loại chất-văn này được áp-dụng để kiểm-điem lại bài học tuần rồi coi trẻ con có học và đã thật hiểu chưa ? Bài vừa mới giảng-giải xong trẻ con có hiểu được phần nào không ?

Nếu nhận thấy rằng chúng chưa hiểu rõ thì giáo-chức không ngăn-ngai chỉ mà không giảng lại bài ấy.

Vậy trước khi giảng một bài mới, giáo-chức phải chất-văn trẻ con về bài đã học rồi.

Sau khi đã giảng bài mới, giáo-chức sẽ chất-văn trẻ con để xem chúng có hiểu không ?

C. KỸ-THUẬT CHẤT-VĂN

Chất-văn không phải là việc dễ. Mọi người ai ai cũng chất-văn. Nhưng ít có người chất-văn đúng phép. Sự chất-văn đòi-hỏi nhiều khéo-léo, nhiều thiệp-thể. Chất-văn là một nghệ-thuật mà sự thực-hành đòi hỏi những điều-kiện cần-thiết như sau :

1. Các câu hỏi phải rõ-ràng và chính-xác.
2. Các câu hỏi phải theo một trật-tự hợp-lý để tránh sự làm hoang-mang trí-óc trẻ con.
3. Sự chất-văn không nên quá mau hoặc quá chậm ; mau quá nó sẽ làm trẻ con bối-rối ; chậm quá nó làm cả lớp chán-nản.
4. Các câu hỏi phải dành chung cho toàn lớp chứ không riêng cho một trẻ con nào.

Thầy nên lên câu hỏi chung cho cả lớp và để cho trẻ con vài phút suy-nghĩ. Kế đó, không theo một trật-tự nào cả bất thỉnh-linh thầy chỉ một trẻ con đứng lên trả lời. Nếu trẻ ấy trả lời không được, thầy sẽ kêu nhiều đứa khác cho đến khi chúng trả lời được mới thôi.

Nhiều học-sinh giỏi có thể trả lời được nhưng chúng e-lè, nhút-nhát. Thầy cần đặc-biệt để ý khuyến-kích chúng để chúng trở nên dạn-dĩ.

Thầy không nên chế-diều, những trẻ nào trả lời không đúng những câu hỏi của thầy là vì làm như thế thầy

bắt chúng ngậm miệng luôn suốt niên-khoa. Cứ-chỉ ấy tỏ ra thầy thiếu thiệp-thể, thiếu lòng nhân.

IV. NHỮNG ĐIỀU DỊ-LUẬN VỀ PHƯƠNG-SÁCH CHẤT-VĂN VÀ NHỮNG CÂU TRẢ LỜI

Sự áp-dụng phương-sách chất-văn trong sự dạy-dỗ trẻ con đã làm sôi-nồi dư-luận trong giáo-giới một thời và nhiều điều dị-luận (objections) đã được nêu lên như sau :

1. Phương-sách chất-văn làm mất quá nhiều thi-giờ của trẻ con. Như mọi người đều biết ở trường sơ-tiểu, trẻ con phải tranh-thủ thời-gian và phải học-tập mau lẹn vì mỗi năm mỗi trẻ phải lén một lớp. Vấn-de tuồi không cho phép chúng ngồi hai, ba năm liền ở một lớp.

Trả lời : Đúng vậy. Phương-sách chất-văn có làm mất thi-giờ của trẻ con thật. Nhưng xét ra nếu sự mất thi-giờ ấy là cần-thiết cho sự học-tập của trẻ thì còn ai phiền-trách gì ! Lại nữa, trong khi dạy học, nếu giáo-chức di-mau quá thì trẻ con chỉ hấp-thụ một thứ học-thức nồng-cạn, có hại hơn là có lợi. Để tránh sự đi quá chậm, trong khi dạy giáo-chức sẽ xen lẫn hai hình-thức : thuyết-minh và vấn-dáp.

2. Theo phương-sách chất-văn các ý-kiến của trẻ con đã được khêu-gợi ra không thể nào được sắp-xếp theo một thứ-tự nhất-dịnh vào trong đầu-óc chúng những tri-thức thu-thập được sẽ không theo một trật-tự nào và sẽ làm chúng trở nên hoang-mang.

Trả lời : Lời chỉ-trich ấy đúng vậy. Nhưng để tránh sự trở-ngại, sau khi giảng bài xong, giáo-chức phải tóm-tắt những ý-kiến đã được nêu lên bằng một bài toát-yếu nói bằng miệng hoặc viết thành bài trên bảng đen.

3. Nếu, một dảng, phương-pháp dạy học dưới hình-thức thuyết-minh tuyệt-dối làm cho trẻ con trở nên thụ-

động thì, dảng khác, phương-sách chất-văn sẽ tập trẻ con ý-lại nơi thầy ; mọi việc đều phải nhờ được kích-thích, thúc-giục thì trẻ con mới có ý-kiến. Nếu ngày kia chúng rời ghế nhà trường, động-cơ kích-thích, thúc-giục chúng suy-nghĩ và tìm-tòi các ý-kiến sẽ không còn nữa thì trí-óc chúng sẽ ra thế nào ?

Trả lời : Lời chỉ-trich ấy rất đúng vậy. Để trẻ con khỏi ý-lại nơi thầy, khỏi đóng vai người máy và lẩn-lẩn có một tinh-thần tự-lập, tự-chủ thì phương-sách chất-văn chỉ được áp-dụng thường ở các lớp nhỏ bực sơ-tiểu (từ lớp Năm đến lớp Ba) mà thôi. Trái lại, ở các lớp lớn (lớp Nhì, lớp Nhứt) phương-sách ấy sẽ dần-dần nhường bước lại cho sự học bài, sự làm bài một mình.



Bài số 3. PHƯƠNG-SÁCH LA MARTINIÈRE

I. ĐỊNH-NGHĨA

Phương-sách La Martinière là một hình-thức của phương-sách chất-văn. Trong khi chất-văn theo lối thông-thường, giáo-chức nêu lên một câu hỏi chung cho toàn lớp. Nếu phải lần-lượt tất-cả học-sinh đứng lên trả lời thì đó là một sự mất thi-giờ quá nhiều và việc ấy theo thực-tế không thể được. Phương-sách La Martinière giúp giáo-chức giải-quyet nỗi thắc-mắc ấy.

II. NGUỒN-GỐC PHƯƠNG-SÁCH LA MARTINIÈRE

Phương-sách này do giáo-sư Tabareau, người Pháp đã phát minh ra và áp-dụng tại học-dường La Martinière tại thành Lyon (Pháp). Phương-sách ấy được thực-hiện như sau :

— Giáo-chức nêu lên một câu hỏi cho toàn lớp. Sau

vài phút suy-nghĩ, tất-cả học-sinh viết những câu trả lời của chúng vào những tấm bảng con. Giáo-chức ra hiệu-lệnh. Tất-cả học-sinh đồng-giờ bảng con của chúng lên.

III. PHẦN LỢI

Cùng một lúc mà giáo-chức xem được tất-cả những câu trả lời của toàn lớp ; dễ lời khen các câu trả lời đúng ; sửa-chữa các câu sai.

Phương-sách này làm cho lớp học trở nên linh-dộng.

Tất-cả học-sinh đều chăm-chú làm việc, không một trê nào lo ra.

Tinh-ganh-đua được kích-thích đến cao-độ.

IV. PHẦN BẤT-LỢI

Trẻ con có suy-nghĩ, có trả lời, có làm việc, nhưng không được phát-biểu ý-kiến bằng lời nói.

Cách dạy học như thế rất máy-móc quá và nếu giáo-chức áp-dụng phương-sách ấy cho tất-cả các môn thi vò-tinh giáo-chức sẽ biến tất-cả học-sinh thành những « con người máy ». Như vậy, chúng sẽ không khi nào được học nói để phát-biểu ý-kiến và trở nên dạn-dĩ.

Phương-sách La Martinière chỉ được áp-dụng cho một ít môn cần những câu trả lời ngắn như : những con số, những chữ một trong bài Tính-học, Ngữ-vựng, Chính-tả, v.v...

V. ĐIỀU CẦN CHÚ-Ý

Phương-sách La Martinière chỉ được áp-dụng cho các lớp nhỏ như lớp Năm, lớp Tư, lớp Ba bậc sơ-tiểu mà thôi.

VI. KẾT-LUẬN

Nói tóm lại, phương-sách chất-văn là một phương-

sách giáo-dục vừa là cần-thiết vừa thông-thường. Nó thông-thường cho đến đây từ xưa đến nay người ta cho nó là một phương-tiện trao-dồi tư-tưởng tự-nhiên giữa hai người hoặc nhiều người. Ngay ở thời tối-cổ các bậc giáo-chủ như Đức Thích-Ca, Lão-Tử, Đức Khổng-Tử, Đức Giê-Giu, v.v... đều dùng lối chất-văn để phô-bày tư-tưởng mình và đồng-thời giáng-đại người đời.

BÀI SỐ 4. LỜI NÓI CỦA GIÁO-CHỨC, BÀI DẠY BẰNG MIỆNG (La Leçon orale)

I. ĐỊNH-NGHĨA

Bài dạy bằng miệng là lối học mà chính giáo-chức đứng-ra giảng-giải các khoản bằng lời nói. Lê tất-nhiên, phương-sách áp-dụng là phương-sách thuyết-minh lẫn vấn-đáp.

II. SỰ CẦN-THIẾT CỦA BÀI DẠY BẰNG MIỆNG

Trước kia, có một thời, ở các học-dường người ta chỉ dạy bằng sách. Theo lối này, giáo-chức cứ việc chỉ cho học-sinh học bài nào, trang mấy, trong một quyển sách mà không có một lời giải-thích nào. Khi về nhà, trẻ con cứ việc học trong sách, hiểu hay không cũng mặc. Lại nữa, sách học thời ấy không được trình-bày đúng theo nguyên-tắc sự-phạm và khoa-học. Bởi thế, nên lối dạy như thế thật là tai-hại và sớm đã bị đả-kích kịch-liệt. Để phản-ứng lại, người ta đã nêu câu : « Lời nói của ông Thầy là quyển-sách hay nhứt ». Câu ấy muốn nói rằng : cuốn sách dù hay đến đâu cũng không hơn lời của ông Thầy. Tại sao thế ? Là tại lời của ông Thầy có một sinh-lực hấp-dẫn là thường mà câu văn dù hay đến đâu không sao có được.

Sức hấp-dẫn ấy được cụ-thề-hóa bằng âm-điệu trầm-bồng, khi hùng-hồn, khi ai-oán như than, như khóc, và nhất là bằng nét mặt vui-tri, khi buồn-bã, khi tức-giận, khiến nên tâm-hồn trẻ con bị kích-thích cực-độ.

Chỉ khi nào có đủ các điều-kiện ấy thì : « lời nói của Ông Thầy mới thật là quyền-sách hay nhất ».

III. NHỮNG ĐIỀU-KIỆN CẦN-THIẾT CHO BÀI DẠY BẰNG MIỆNG

1. Bài dạy phải linh-động. Câu ấy có nghĩa là : bài dạy phải làm cho trẻ vui-thích, hấp-dẫn chúng, khiến toàn lớp trở nên linh-động, không buồn-tẻ.

2. Bài dạy phải vừa sức học-sinh. Khó quá bài dạy sẽ làm chúng chán-nản. Để quá nó không giúp ích gì cho học-sinh.

3. Giáo-chức không nên nói một mình. Giáo-chức phải áp-dụng hình-thức thuyết-minh lẫn chất-vấn.

4. Bài dạy phải đơn-giản. Bài dạy cần gồm những đoạn cắt-yếu. Giáo-chức không cần nói tất-cả chi-tiết. Các chi-tiết ấy học-sinh sẽ tìm lại trong sách.

5. Bài dạy phải rõ-ràng. Bài dạy phải được trình-bày rõ-ràng và dùng sự-thật, không có vẻ mù-mờ, bấp-bênh. Dàn bài và mỗi chữ khó cần được nêu lên bảng đen. Nếu cần, giáo-chức sẽ cụ-thète-hóa bài dạy bằng những hình-ảnh, học-liệu các thứ.

6. Bài dạy phải được giảng bằng tiếng nói của trẻ con. Bài dạy phải được trình-bày bằng những tiếng thông-thường, dễ hiểu cho trẻ con, hoặc bằng những tiếng mà chúng quen dùng. Tuy-nhiên, giáo-chức không nên vì lẽ đó mà có giọng thô bỉ quê-mùa.

7. Bài dạy phải ngắn. Tùy theo tuổi và sức chú-ý

của trẻ con, thời-hạn dành cho một bài dạy bằng miệng là như sau :

- 15 phút ở lớp Mẫu-giáo và Dự-bị.
- 25 phút ở lớp Ba.
- 35 phút ở lớp Nhì.
- 45 phút ở lớp Nhứt,
- 60 phút ở lớp Tiếp-liên.

8. Trước khi giảng bài mới, giáo-chức phải hỏi học-sinh lại bài cũ, bài đã được giảng tuần trước rồi.

9. Sau khi đã giảng bài mới rồi, cần viết toát-yếu tóm-tắt những ý-nghĩa đại-cương của bài lên bảng đen. Nếu bài toát-yếu của sách được soạn đúng thì nên dùng bài ấy.

IV. SỰ LIÊN-HỆ MẶT-THIẾT GIỮA BÀI DẠY BẰNG MIỆNG VÀ SÁCH

Một giáo-chức dù có khoa ngôn-ngữ đến đâu cũng có khi « dâng-trí » nghĩa là quên mất một chi-tiết gì của bài. Trong tình-trạng ấy, nếu không có sách giáo-khoa bên cạnh thì giáo-chức sẽ tự-nhận thấy lúng-túng vô cùng. Vậy sách giáo-khoa rất cần cho giáo-chức để bồi-túc những chỗ sơ-sót, để giúp thêm tài-liệu cho giáo-chức, nhất là trong khi soạn bài.

V. KẾT-LUẬN

Nói tóm-lại, lời nói của một giáo-chức lành nghề có giá-trị sự-phạm hơn một trang sách. Tuy-nhiên để tránh chỗ bất-cập, lời nói của giáo-chức phải được bồi-túc bằng sách học.

Bài số 5. SÁCH HỌC. PHƯƠNG-SÁCH DẠY HỌC BẰNG SÁCH CÓ KÈM THEO LỜI ĐĂN- GIẢI CỦA GIÁO-CHỨC

I. ĐỊNH-NGHĨA

Sách học là loại sách soạn đúng theo chương-trình học-khoa của Chánh-phủ. Sách học rất cần cho giáo-chức để soạn bài vừa cho học-sinh để học bài.

II. SỰ ÍCH-LỢI CỦA SÁCH HỌC

A. ĐỐI VỚI HỌC-SINH, SÁCH HỌC CÓ NHỮNG ÍCH-LỢI NHƯ SAU

1. Sách học giúp được rõ-rệt, hữu-hiệu, những bài dạy bằng miệng. Chiều lại, về nhà trẻ con sẽ tìm trong sách những điều mà thầy đã giảng ở tại lớp.

2. Sách học bồ-túc những khuyết-diểm của bài dạy bằng miệng. Trong khi giảng bài, giáo-chức quên vài chi tiết, không theo một trật-tự nào khiến nên sự trình-bày không được rõ-ràng và bài giảng tối nghĩa. Trong trường-hợp ấy, sách học bồ-túc những chỗ thiếu sót.

3. Sách học giúp học-sinh ôn lại bài cũ dễ-dàng. Bài dạy bằng miệng nhiều khi được chép vào-vở dưới hình-thức một toát-yếu. Trong một vài tuần, những chi tiết của bài đã được nêu lên bằng miệng sẽ không còn mảy-may nào trong trí-óc trẻ con. Nếu ba tháng hoặc sáu tháng sau, giáo-chức bắt chúng học ôn lại các bài ấy, thì chúng sẽ không sao làm được nếu không có sách học bên cạnh chúng. Sách học giúp sự ôn lại dễ-dàng là vậy.

4. Sách học bắt-buộc học-sinh phải cố-gắng thêm-lên để hiểu những bài ghi trong đó. Chiều lại, về nhà học-sinh chỉ có sách học bên cạnh chứ không có

thầy ngồi bên đê hỏi những điều khó. Lại nữa, nhiều chi tiết ở tại lớp thầy không có nói đến nhưng có ở trong sách. Vậy học-sinh phải cố-gắng suy-nghĩ để hiểu rõ các chi tiết ấy.

B. ĐỐI VỚI GIÁO-CHỨC

1. Giáo-chức nhiều khi phải dạy đến 30 giờ mỗi tuần và phải coi nhiều lớp. Sách học giúp thầy giữ-gìn sức khỏe và luân-chuyển dạy từ lớp này sang lớp khác.

2. Nếu giáo-chức không có khoa ngôn-ngữ và ăn-nói lưu-loát, sách học sẽ bỗ-túc khuyết-diểm ấy.

3. Sách học giúp giáo-chức có nhiều tài-liệu để soạn bài khỏi mất thì-giờ tìm kiếm xa-xôi.

III. CÁCH DÙNG SÁCH HỌC

Cách dùng sách học có hiệu-quả bắt-buộc giáo-chức phải đê ý mấy điểm sau đây :

1. Giáo-chức phải giảng bài bằng miệng đúng theo dàn bài của sách học để trẻ con khỏi hoang-mang.

2. Trong khi giảng bài mới, giáo-chức có thể bảo học-sinh lấy sách học ra đọc lên một vài đoạn khó của bài để giáo-chức giải-nghĩa.

IV. KẾT-LUẬN

Kinh-nghiệm cho thấy rằng : sự dạy học bằng sách có xen lấn những lời giảng-giải của giáo-chức, tuy là có tinh-cách giản-dị, đã đưa đến kết-quả chắc-chắn, nhiều khi quá sức tưởng-tượng. Tuy-nhiên, sự dạy học bằng sách không phải là một duyên-cớ đê giáo-chức bỏ-bè phận-sự. Giáo-chức cần hiểu rõ thế nào là cách dạy bằng sách cho đúng ý-nghĩa của nó.

Bài số 6. NHỮNG BÀI LÀM HAY LÀ BÀI VIẾT

I. ĐỊNH NGHĨA

Bài làm hay là bài viết là những bài viết làm hoặc tại lớp học hoặc tại nhà để bắt-buộc trẻ con áp-dụng những điều chúng đã học.

II. NHỮNG ÍCH-LỢI CỦA BÀI VIẾT

Bài viết có những ích-lợi như sau :

1. Giúp giáo-chức biết rõ học-sinh đã hiểu bài dạy không và đồng-thời nhận-thức được học-lực khả-năng hiểu-biết của chúng.

2. Bài viết giúp học-sinh áp-dụng những điều chúng đã đọc.

3. Bài viết bắt-buộc chúng tự nỗ-lực, tự lấy sức chúng ra để chứng-minh sự hiểu-biết của chúng. Trong trường-hợp này giáo-chức sẽ không ở bên cạnh học-sinh để nhắc-nhở chúng.

4. Bài viết giúp giáo-chức nghỉ-ngơi đôi chút khỏi phải nói mãi. Sau khi ra đề bài, toàn-thể học-sinh đều làm dưới sự chăm-nom của giáo-chức. Giáo-chức không phải dạy bằng miệng nữa.

III. SỰ LỰA-CHỌN ĐỀ-TÀI BÀI VIẾT

Trong các sách giáo-khoa, các tập-san có những đề-tài đã được lựa sẵn nhưng thường không vừa sức học-sinh. Vậy giáo-chức phải lựa lại các đề-tài ấy đúng với các nguyên-tắc sau đây :

1. Bài viết phải vừa sức học-sinh.
2. Bài viết phải liên-hệ đến bài giảng kỵ rồi.

3. Bài viết phải có tinh-cách thực-tiễn, có thể áp-dụng cho những nhu-cầu tương-lai của đời sống học-sinh.

4. Bài viết phải ngắn để tránh cho học sinh sự chán-nản và mệt trí.

IV. SỰ CHỮA BÀI VIẾT

Trong khi chữa bài viết, giáo-chức cần nhớ mấy điểm này :

1. Chữa một bài viết chẳng những đọc bài ấy và chữa mày chõ sai mà lại còn phải chỉ cho học-sinh biết để tránh các lỗi ấy ngày tới. Sự chữa bài kỹ-lưỡng đúng phép phải đánh giá sự tiến-bộ của học-sinh dù đó là một tiến-bộ nhỏ nhen.

2. Sự chữa bài viết phải chung cho toàn lớp. Giáo-chức chỉ cách chữa lỗi trên bảng đen rồi mỗi học-sinh tự chữa lấy bài của mình (về môn Ám-tả hoặc Chính-tả).

Về môn Tác-văn cách chữa bài phải như sau :

Giáo-chức đem tất-cả bài về nhà, đọc mỗi bài và nêu lên ngoài lề những chõ sai. Đồng-thời giáo-chức cũng nêu lên những chõ hay, đúng. Sau cùng, giáo-chức để trên đầu mỗi bài lời phê bình tổng-quát về bài ấy và cho điểm.

Trong lớp, giáo-chức nêu lên những lỗi-lầm chung và chỉ cách chữa trên bảng đen. Giáo-chức gọi nhiều học-sinh đứng lên chữa các lỗi ấy rồi giáo-chức sẽ cho ý-kien sau cùng.

V. NHỮNG BÀI LÀM TRONG LỚP

Theo nguyên-tắc, tất-cả các bài viết đều phải được làm tại lớp sau khi bài mới đã được giảng xong để xem coi học-sinh có hiểu bài không ? Lại nữa, dưới sự trông-nom của giáo-chức học-sinh sẽ tự cõ-gắng làm lấy bài và không

nhờ sự giúp đỡ của người nhà hoặc của bạn-bạn. Loại bài làm trong trường-hợp ấy biểu-lộ một phần nào chân giá-trị của mỗi học-sinh.

Về phần giáo-chức khi toàn lớp làm bài, giáo-chức có thể rảnh tay mà trông-nom lớp khác.

Tuy-nhiên, loại bài viết không được lạm-dụng là vì nếu đến giờ bắt-cứ một môn nào giáo-chức cũng cho bài làm thì lớp học sẽ trở nên buồn-tẻ. Giáo-chức không sao dạy hết chương-trình và cũng không sao chấm hết tất cả các bài.

Vì làm bài quá nhiều trẻ con sẽ chán-nản.

VI. NHỮNG BÀI LÀM Ở NHÀ

Tức là những bài mà mỗi học-sinh phải làm tại nhà, sau giờ học.

Phần lợi. Bài làm rất cần-thiết để giáo-chức nhận-thức học-lực và khả-năng hiểu-biết của trẻ con. Nhưng tiếc vì ở lớp thì-giờ rất ít không luôn luôn dùng vào việc làm bài được. Vì vậy mà khuyết-điểm ấy cần được bù-túc bằng sự cho bài làm tại nhà. Bài làm ở nhà cầm châm trẻ con trong gia-dinh không cho chúng chạy rong ngoài đường. Ấy là ước-nguyện thiết-tha của các bậc phụ-huynh.

Phần hại. Nếu số bài làm tại nhà quá nhiều thì đây là một tai-hại cho học-sinh vì các lẽ sau đây :

1. Trẻ con vì số bài làm quá nhiều sẽ dễ chán-nản, hoặc làm một cách cầu-thả.

2. Bắt trẻ con làm bài quá nhiều như thế là phản-vệ-sinh vì lẽ trẻ con cần có giờ học-tập mà cũng có thời giờ để chạy, giốn, đi đây đi đó để lấy lại sức-khỏe.

3. Trẻ con cần có giờ để giúp cha mẹ chúng trong nhiều công-việc như giữ em, chăn bò, trâu, đi mua đồ trên

phố, đem thơ từ cho các người quyến thuộc của gia đình, đi thăm bà-con, v.v...

4. Ở trong gia-dinh học-sinh thường không có đủ tiện nghi để học-tập, thi-dụ : thiếu đèn điện, thiếu thơ phòng riêng-bié特 ; trẻ con trong nhà hoặc quanh xóm làm ồn-ao suốt ngày ; khách đến nhà và trò chuyện đến khuya ngay trong phòng học thường là phòng khách của chủ gia-dinh. Bởi thế, bài làm tại nhà không sao toàn-hảo được.

5. Bài làm tại nhà thường được cha mẹ, anh em, giúp sức, điều mà nhà trường rất kiêng-ky.

Nói tóm lại, bài làm ở nhà phải rất ít. Nếu phải cho bài làm tại nhà thì ngay tại lớp giáo-chức phải giúp học-sinh làm trước đến hai phần ba của bài. Sau khi về đến nhà, trẻ con chỉ để ra một thời-giờ rất ngắn làm nốt phần bài còn lại.

VII. BÀI THI TAM HOẶC LỤC CÁ-NGUYỆT

1. Mục-đich. Bài thi tam hoặc lục cá-nguyệt có mục-đich bắt-buộc học-sinh phải học ôn các bài cũ một cách kỹ-lưỡng và giúp giáo-chức sắp học-sinh theo thứ hạng đúng với học-lực của chúng.

2. Phần lợi

a. Thỉnh-thoảng các học-sinh lại cùng nhau học ôn các bài cũ một cách chin-chắn và sự hiểu-biết của chúng sẽ trở nên rõ-rệt, rành-rọt hơn.

b. Bài thi tam hoặc lục cá-nguyệt giúp giáo-chức có những tài-liệu chính-xác để phê-bình học-sinh một cách đúng mức.

c. Bài thi tam hoặc lục cá-nguyệt tập học-sinh tự trọng-cậy lấy mình để làm bài. Ấy là cách tập chúng làm bài thi và cũng là cách tập chúng có tinh-thần tự-lập.

d. Các cuộc thi tam hoặc lục cá-nghẹt tạo nên trong lớp một không-khi ganh-dua thúc-đẩy trẻ-con cõ-gắng học-tập.

3. Phản-hại

a. Nếu các bài thi có thường quá nô sê bắt buộc học-sinh, nhất là nữ-sinh, cõ-gắng quá nhiều có hại cho sức khoẻ chúng.

b. Sự ganh-dua trong các cuộc thi dễ biến thành lòng ganh-tị, thù-hiem và chia lớp ra thành nhiều bè-phái nghịch nhau.

c. Tập học-sinh sớm đi vào con đường hư-danh ; học-tập dễ được tiếng khen ; và sau này, dễ được mảnh-bảng chờ không phải học để biết, để trau-sứa thân-tâm, để tiến-bộ.

d. Các khuyễn-diêm dù rằng có sự thận-trọng của giáo-chức không thể nào đánh giá đúng mức học-lực của mỗi học-sinh. Sau này khi ra đời, sự sắp-xếp theo hạng thứ của nhà-trường sẽ bị lật ngược lại.

e. Sự sắp-xếp học-sinh theo hạng thứ căn-cứ vào số điểm sẽ làm cho hạng học-sinh kém đậm ra chán-nản, thù-hận vì những học-sinh giỏi tự-dắc, kiêu-căng, khinh-người. Hai trường-hợp ấy đều có hại cho niềm hòa-kì của các lớp học. Giáo-chức phải dàn-xếp thế nào cho tình-trạng ấy không thể xảy ra.

f. Khuyễn-diêm không sao đánh giá sự cõ-gắng của mỗi học-sinh được. Có học-sinh làm bài trùng, hay, một cách dễ-dàng nghĩa là không có một sự cõ-gắng quá lớn. Đó là nhở thiền-tư của chúng. Trái lại, có những học-sinh làm bài kém nhưng cõ-gắng rất nhiều. Giáo-chức làm sao đánh giá đúng sự cõ-gắng ? Dù sao, đối với những học-sinh kém nhưng cõ-gắng nhiều, giáo-chức cần cho một điểm an-ủi, và dễ lời ban khen chúng.

4. Sự sắp-hạng thứ được đề-nghị

Để tránh sự chạm-lòng tự-ái của mỗi học-sinh nhiều nhà-sư-phạm có đề-nghị thay thế khuyễn-diêm bằng những con số, bằng cách để lời phê-bình cho biết sự hơn-kém mà thôi. Thí-dụ : ưu, bình, bình-thứ, thứ, liệt, v.v...

Nhiều học-sinh cùng được một lời phê-bình như nhau đều được coi như là đồng-hạng và có nhiều-hạng trong lớp cho mỗi-môn thi.

Nếu phải cho diêm thì cần làm thế nào : diêm của bài hay nhứt không cách-bié特 quá xa diêm của bài kém nhứt. Giữa hai diêm ấy, có nhiều diêm chỉ cách-bié特 nhau từ nửa diêm hoặc một phần tư diêm.

Cho khuyễn-diêm bằng con số có phần tiện-lợi là : cách phê-bình học-sinh được cụ-thể-hoa một cách chính-xác ; sự cộng-diêm cuối-niên-khoa sẽ được dễ-dàng ; phúc-trình gởi lên thượng-cấp trong các kỳ thi sẽ được chính-xác, rõ-rệt. Nhưng cái hại cũng không nhỏ và đã được trình-bày ở các mục trên.

Cho khuyễn-diêm bằng những lời phê-bình : khả, bình, bình-thứ, v.v... sẽ tránh được sự chạm-lòng tự-ái của học-sinh nhưng sẽ là một trở-nghại lớn cho sự lập-sô-sách, biên-bản, phúc-trình chung-niên.

VIII. KẾT-LUẬN

Nói tóm-lại, trong sự giáo-dục trẻ con thi bài-làm, bài viết rất cần-thiết cho sự học-tập và tiến-bộ của chúng. Tuy-nhiên, một giáo-chức lành-nghề sẽ luôn-luôn tránh những sự thái-quá.



Bài số 7. CÁC SÁCH GIÁO KHOA PHÁT CHO HỌC-SINH. CÁC QUYỀN VỎ MÀ CHÚNG PHẢI LÀM BÀI TRONG ẤY

I. CÁC SÁCH GIÁO KHOA PHÁT CHO HỌC-SINH

1. Công-dụng của sách giáo-khoa. Một khi bài đã được giảng tại các lớp học, chiều lại, về nhà, trẻ con sẽ tìm lại bài ấy trong sách giáo-khoa với những chi-tiết mà hoặc giáo-chức quên không nêu lên hoặc chúng không nhận-thức kịp. Vì các lẽ ấy mà sách giáo-khoa là một dụng-cụ tối-cần vừa cho học-sinh vừa cho cả giáo-chức.

2. Những điều-kiện tất-yeu của một sách giáo-khoa đúng-dắn

a. Sách giáo-khoa phải vừa trình-dộ học-lực của một lớp.

b. Các bài vỏ trong sách giáo-khoa phải được sắp-xếp một cách rõ-ràng, giản-dị ; không nên có quá nhiều chi-tiết, nhiều ý-từ phụ khiến trẻ con không nhận ra các ý-từ chính, nhưng không vì thế mà quyền sách trở nên khô-khan.

Mỗi bài ở sách phải làm cho học-sinh vui-thich và có kèm theo một toát-yeu ngắn, một ít đề-tài bài làm bằng miệng, hoặc bài viết, một ít câu hỏi, hoặc nếu có, một vài bài đọc bồ-túc.

c. Hình-thức, nhứt là cách hành-văn, phải đơn-giản, rõ-ràng, vừa súc học-sinh. Câu văn không nên cầu-kỳ, tối-nghĩa.

d. Mỗi bài học phải được trang-trí bằng những hình-ảnh thích-nghi vừa làm đẹp mắt, vừa cụ-thể-hoa bài khiến cho bài học dễ biếu, dễ nhớ và hấp-dẫn, giấy của mỗi trang sách phải màu vàng (màu rơm) và chữ in

phải cho rõ-ràng (không nên quá nhỏ hoặc quá to) để tránh sự làm hư mắt trẻ con.

3. Sách tập đọc — Sách giảng-văn. Một quyền sách tập đọc (quyền sách giảng-văn từ lớp Ba trở lên) cũng như bất-cứ quyền sách giáo-khoa nào cũng phải có đủ bốn điều-kiện nói trên.

Sách tập đọc phải được lựa-chọn một cách cẩn-thận vì ảnh-hưởng của loại sách này đối với học-sinh rất là sâu-xa. Ấy là quyền sách được học-sinh yêu-quí nhứt, được học-sinh nhắc-nhở luôn sau khi rời ghế nhà trường.

Sách tập đọc có thể khêu-gợi ở học-sinh nguồn cảm-hứng cần-thiết cho sự hành-văn hoặc một tác-động mai-hậu.

Ngoài những điều-kiện cần-thiết nói trên, quyền tập đọc phải có tính-cách như sau đây :

a. Sách tập đọc phải có hứng-vị (*être intéressant*) nghĩa là hấp-dẫn và làm cho độc-giả hứng-thú.

b. Sách tập đọc phải vừa là bồ não, bồ tri vừa khêu-gợi ở trẻ con tinh hiếu-kỳ chân-chính, vừa giúp trẻ con thư-thái nhiều cảm-tình hay, hơn là giúp chúng thư-thái nhiều tri-thức.

c. Mục-dịch chính của sách tập đọc là làm cho trẻ con thích đọc sách để ngày kia có thể tự học một mình.

4. Các điều-nên chú-ý. Sách giáo-khoa, bất-cứ thuộc về môn nào, cần phải được lựa-chọn một cách kỹ-lưỡng vì giáo-chức không có quyền năm nay lựa loại sách này, năm tới chọn loại sách khác. Văn-de ngàn-sách của chinh-phủ không cho phép giáo-chức làm như thế.

Giáo-chức chỉ được chọn một trong các mẫu sách giáo-khoa thuộc một môn do nhà Thanh-trá học-vụ gửi xuống.

Đúng lý ra, khi trẻ con rời ghế nhà-trường, chúng phải mang theo các sách giáo-khoa mà chúng đã sử-dụng trong niên-khóa. Nhưng vì công-quỹ không cho phép việc ấy nên các sách ấy chúng phải dành hoàn-lại cho nhà-trường để rồi sang niên-khóa tới lại được phát cho thế-hệ học-sinh khác. Thật là một việc phản-vệ-sinh và rất đáng tiếc.

II. CÁC TẬP-VỞ CỦA HỌC-SINH

Sau khi giáo-chức giảng một bài học, học-sinh phải làm bài để áp-dụng những điều chúng đã học. Các bài ấy sẽ được làm trong các quyền vở như sau :

— Quyền vở bài làm hàng ngày, quyền vở bài làm hàng tháng, quyền vở luân-phiên và các quyền đặc-biệt.

1. Quyền vở bài làm hàng ngày

Tức là quyền vở duy-nhất được áp-dụng lúc sau này. Trong quyền vở này học-sinh sẽ ghi những bài viết thuộc các môn học.

Trước kia học-sinh phải sắm mỗi tập vở cho mỗi môn và ít nhất là hai mươi tập vở cho hai mươi môn học. Trong số các tập ấy, có tập được dùng thường và được thay-thế bằng tập mới. Trái lại, có tập ít được dùng và lâu ngày sẽ trở nên bào-nhào, do-bẩn. Lại nữa, vì số tập-vở quá nhiều, mỗi ngày học-sinh phải mất thi-giờ để sắp-xếp hoặc tìm kiếm khi cần đến.

Trước kia, ngoài hai mươi tập nói trên lại có tập bǎn-nháp, tập bǎn-thảo. Trước khi chép bài vào tập bài làm hàng ngày, học-sinh phải làm bài ấy trong tập bǎn-nháp để tự-do bôi sửa những chỗ sai.

Phòn lợi. Bài làm được chාra di chාra lại cho hoàn-toàn, cho thật sạch-sẽ rồi mới được chép vào tập-vở bài

làm hàng ngày. Nhờ thế mà quyền vở này luôn-luôn được sạch-sẽ.

Phòn hại. Cách làm bài như thế tập trẻ con quen-tinh: làm việc chi phải hai lần mới xong; lần đầu rất cầu-thả, lần sau mới thực-tâm chú-ý. Đó là một tập-quản tai-hại làm mất nhiều thi-giờ của trẻ con và tập chúng tinh cầu-thả. Hiện nay, tập bǎn-nháp không được dùng nữa. Học-sinh phải viết ngay bài làm vào tập. Tuy-nhiên, một câu văn, một bài toán được làm trước trong một mảnh giấy con, để được chාra di chාra lại cho đúng rồi mới ghi vào tập vở nói trên.

Lại nữa, một tập vở bài làm hàng ngày như thế không chứng-minh được lực-học của học-sinh và cách làm việc tự-nhiên của chúng, vì lẽ khi chාra di chාra lại bài làm trong bǎn-nháp học-sinh sẽ được giáo-chức giúp-dỗ. Dưới con mắt của nhà cầm-quyền, quyền vở như thế không có gì thành-thật cả.

Nói tóm lại, quyền vở bài làm hàng ngày, nếu các bài đều được làm ngay trong ấy, sẽ giúp giáo-chức và nhà cầm-quyền những điều sau đây :

a. Giúp giáo-chức, hoặc vị thanh-tra nhận-thức được học-lực, những nỗi khó-khăn cùng những sự dễ-dàng của mỗi trẻ con.

b. Giúp vị thanh-tra biết được cách dạy, cách khuyễn-diễn, cách chấm bài của giáo-chức. Đồng-thời, nó cho biết giáo-chức dạy có đúng chương-trình hay không.

2. Quyền vở bài làm hàng tháng

Quyền vở này thuộc quyền riêng của mỗi học-sinh. Mỗi tháng các bài thi đều được làm trong ấy, với những lời phê-bình và khuyễn-diễn của giáo-chức.

Phần lợi

- a. Quyền vở bài làm hàng tháng giúp mỗi học-sinh nhận-thức sự tiến-bộ của mình trong tháng bằng cách tự minh so-sánh với mình. Ấy là phương-tiện hay nhất để kích-thích sự ganh-đua cá-nhân.
- b. Nhờ các bài thi thuộc một môn đều được ghi vào đó, học-sinh sẽ nhận-thức được chẳng những sự tiến-bộ tổng-quát của chúng mà còn nhận-thức được sự tiến-bộ từng môn của chúng.
- c. Xem qua các quyền vở ấy trong thời-gian học khóa của mỗi học-sinh người ta có ý-niệm về tiêu-sử học-tập của học-sinh trong thời-gian ấy.

3. Quyền vở luân-phiên

Tức là quyền vở các bài làm trong một ngày của mỗi học-sinh trong lớp. Thi-dụ : hôm nay là phiên học-sinh A làm tất-cả bài của em trong ấy. Ngày mai sẽ là phiên của em B, và v.v...

Phần lợi

- a. Quyền vở luân-phiên giúp các học-sinh ganh-đua để làm bài hay hơn, đẹp hơn bài của các bạn cùng lớp.
- b. Quyền ấy giúp vị thanh-trá có một ý-niệm rõ rệt về lớp học và cách dạy của giáo-chức lớp ấy.

Phần hại

Vì quyền vở luân-phiên không thuộc quyền riêng của mỗi học-sinh cho nên cứ lâu lâu mỗi học-sinh lại phải mất một số bài, khiến trong tập-vở bài làm hàng ngày của chúng có nhiều gián-doạn phương-hại cho ý-niệm tiến-bộ liên-tục của chúng.

4. Các quyền vở đặc-biệt

Tức là những quyền vở dành riêng cho các môn như : Hội-họa, Tập-đồ, Thủ-công, Hát, Sử-ký, Địa-lý, Âm-đọc, Luân-lý, Công-dân, Nông-phố, Quan-sát, v.v...

Phần lợi

- a. Vì các môn kề trên có tính-cách chuyên-môn đặc-biệt, các bài dạy về các môn ấy không thể cùng chép chung trong một tập bài làm hàng ngày được nên cần có những tập vở đặc-biệt dành cho các môn ấy.

- b. Các bài thuộc một môn được chép trong một tập sẽ giúp học-sinh có một ý-niệm về sự liên-tục các bài ấy.

III. KẾT-LUẬN

Nói tóm lại, lời nói của giáo-chức rất cần mà sách, học cũng cần-thiết không kém. Điều cốt-yếu là các sách học ấy cần được chọn-lựa kỹ-lưỡng về phầm cũng như về lượng.

Ngoài sách học ra, trẻ con cần rất nhiều tập vở để làm nhiều loại bài hoặc chép những bài dạy bằng miệng.

Các tập vở ấy có công-dụng riêng của nó và cần được áp-dụng cho đúng chõ.

CHƯƠNG VII

LÀM THẾ NÀO TẠO NÊN MỘT HOÀN-CẢNH, MỘT KHÔNG-KÍ THUẬN-TIỆN CHO SỰ HỌC-TẬP CỦA TRẺ CON ?

LÀM THẾ NÀO TẠO NÊN MỘT HOÀN-CẢNH, MỘT KHÔNG-KHÍ THUẬN-TIỆN CHO SỰ HỌC-TẬP CỦA TRẺ CON ?

I. ĐỊNH-NGHĨA

« Tạo nêñ một hoàn-cảnh, một không-khí thuận-tiện cho sự học-tập của trẻ con » có nghĩa là : tạo cho trẻ con một khung-cảnh học-tập trong ấy về phuong-diện thể-chất, trẻ con tự thấy mát-mẻ, khoẻ-mạnh và về phuong-diện tinh-thần chúng thấy có sự thích-thú ; giúp chúng tìm lại không-khí gia-dinh ở trong sự thương-yêu săn-sóc chudao của giáo-chức và sự hòa-ái giúp-đỡ lẫn nhau giữa các bạn đồng song. Muốn được vậy, nhà trường cần được tổ-chức như sau, về hai phuong-diện.

II. PHƯƠNG-DIỆN HỮU-HÌNH

1. **Vị trí của nhà-trường :** « Nhà trường cần được đặt trên một khung-cảnh thiên-nhiên đẹp-dẽ, khoáng-dâng » để trẻ con hàng ngày có thể mục-kích những hiện-tượng của tạo-hóa, hòa-nhịp với cảnh thiên-nhiên để có những tư-tưởng trong-sạch, cao-thượng. Nếu không được vậy thì ít ra nhà trường cũng phải được đặt trên một khoảng đất rộng, xa chợ-búa, xa rạp hát, xa nhà vệ-sinh công-cộng, xa giếng nước. Nhà trường phải có cái

sân lớn có trồng cây để có bóng mát và có một khu vườn để trẻ con thực-hành vấn-dề nông-phố.

2. Lớp học. Lớp học phải rộng-rãi, có nhiều cửa sổ. Trung-bình mỗi học-sinh trong lớp phải có 5 thước khối khi trời để thở. Lớp học phải sáng-sủa. Ánh-sáng mặt trời phải giội vào phía tay trái của học-sinh hoặc cả hai bên chúng, chờ không phải phía trước mặt. Các bàn ghế, bảng đen, các tủ-kệ đều được giữ sạch-sẽ, và được sắp-xếp có ngăn-nắp, mỹ-thuật. Lớp học cần được sơn màu xám hoặc xanh-lam, hoặc là màu vàng rơm làm khỏe con mắt. Học-cụ-khổ và các bức dứ-đồ đều được cất trong phòng riêng, khi cần mới đem ra. Cần tránh không nên treo trong lớp những học-cụ, những bức dứ-đồ, những bức tranh cũ, rách nát, đầy bụi-bặm. Ở các lớp nhỏ như lớp Mẫu-giáo, lớp Năm, lớp Tư cần có những kệ để đồ chơi của trẻ con; những ngăn tủ riêng cho mỗi trẻ để chúng để học-cụ của chúng. Lớp học phải được giữ sạch-sẽ luôn và được trang-trí một cách mỹ-thuật. Về khoản này, giáo-chức hướng-dẫn trẻ con trong cách treo hình-ảnh, (tranah phong-cảnh đẹp, hình-ảnh một vài bức cực đẹp, các tác-phẩm về hội-họa của trẻ con). Mỗi buổi sáng, một ít đóa hoa tươi do học-sinh từ nhà mang đến cắm vào lọ làm cho lớp học trở nên vui-tươi và cho trẻ con có cảm-tưởng là chúng ở trong gia-dinh chúng.

3. Bàn rửa mặt hoặc giá-chậu rửa mặt. Mỗi buổi sáng, trẻ con đi đến trường, áo, quần, mặt, mũi, tai, mắt, sạch-sẽ. Nhưng sau vài tiếng đồng-hồ học-tập và đùa-bõn thì tay chân chúng cần được rửa-ráy trước khi vào học hoặc về nhà. Bởi thế, nhà-trường phải có nhiều bàn rửa mặt hoặc giá-chậu rửa mặt; nếu không thì ít ra cũng có một bệ nước trong hoặc nhiều vòi nước.

4. Thùng hoặc khạp nước trà. Xứ ta là xứ nóng-

nực. Bởi thế, sau khi học-tập và chạy giỗ, trẻ con thường khát nước. Nếu không có khạp nước trà nóng nấu sẵn, thì chúng sẽ ra uống nước trong bệ hoặc ở các vòi nước và sẽ bị bệnh sốt-rét, cùng nhiều chứng bệnh khác. Thật là một tai-hại. Vậy nhà-trường phải có nhiều khạp hoặc nhiều thùng nước trà nấu sẵn mỗi buổi sáng và chiều để chúng tự-nhiên giải-khát với những ly, cốc riêng của chúng.

5. Quán cơm trưa. Nhiều trẻ con ở xa nhà-trường, mỗi ngày bốn-bận chúng phải đi mất đến 20 cây số ngàn. Nhiều khi chúng bị mưa gió giữa đường, ngày hôm sau là phải ốm đau, phải nghỉ học nhiều ngày. Thật là tai-hại. Để tránh cho trẻ con những tai-hại ấy, nhà-trường cần có quán cơm trưa. Trẻ con thuộc gia-dinh nghèo thì được ăn không mất tiền. Kinh-nghiệm đã cho thấy rằng: những nhà-trường có quán cơm trưa, trẻ con được ăn uống đầy-đủ có khi nhiều hơn ở nhà chúng và chúng có sức-khỏe dồi-dào, khỏi đau vặt.

6. Nhà vệ-sinh công-cộng. Ấy là điều mà chính-quyền phải lo trước nhất sau khi dựng xong một ngôi học-đường.

Nhà vệ-sinh cần phải to rộng tùy theo sĩ-số của nhà-trường và luôn-luôn được giữ sạch-sẽ. Thiếu sự sạch-sẽ nhà vệ-sinh là nơi sinh-sản rất nhiều ruồi-nhặng, sâu-bọ và phóng ra những uế-khí rất có hại cho sức-khỏe của toàn-thể học-sinh.

7. Tủ thuốc của nhà-trường. Để phòng-ngừa những tai-nạn bất- ngờ có thể xảy ra cho toàn-thể học-sinh như sự té ngã có thương-tích, các chứng bệnh bất- ngờ, v.v... nhà-trường phải có một phòng riêng trong ấy có một tủ thuốc có những món thuốc thông-thường cần-thiết, những vật liệu để băng-bó và vài chiếc giường để bệnh-nhân tạm nghỉ trong khi chờ-đợi bác-sĩ. Chính trong phòng này, mỗi tháng một kỳ, bác-sĩ địa-phương đến khám sức-khỏe trẻ

con và luôn dịp quan-sát luôn quán cơm trưa và thực-don áp-dụng mỗi ngày coi có đúng phép vệ-sinh không ?

III. PHƯƠNG-DIỆN TINH-THẦN

Về phương-diện này, nhà-trường phải được tề-chức cách nào để có một không-kì đầm-ấm, vui-tươi, quyến-rũ khiến cho trẻ con coi lớp học là ngôi nhà, là gia-dinh thứ hai của chúng và khi vắng mặt không đến trường thì chúng lại nhớ-nhung luyến-tiếc. Muốn được vậy các điều kiện sau đây cần được áp-dụng,

1. Về phần giáo-chức. Giáo-chức phải thực lòng yêu-mến trẻ con mới có thể hy-sinh vì chúng, sẵn-sàng giúp đỡ chúng, an-ủi, khuyên-nhủ chúng với một giọng từ-ái, với một lòng khoan-dung, rộng-rãi. Giáo-chức lúc nào cũng có nét mặt vui-tươi, tinh-tinh ôn-hòa, trầm-tĩnh không nén khi thì quá-ư dễ-dãi, khi thì quá-ư nghiêm-khắc, gắt-gao. Có như thế thì trẻ con mới tin-nhiệm thầy, sẽ thõ-lộ chân-tình với thầy và không nhận thấy bơ-vơ, cô-độc nữa. Nhiều khi giáo-chức phải đi sát với trẻ con, tỏ vẻ thân-mặt với chúng để hiểu rõ chúng hầu hướng-dẫn chúng đúng mức.

2. Về phần học-sinh. Giữa học-sinh với nhau cần có sự chán-thành giúp đỡ, sự yêu-mến, sự quên mình vì bạn, sự chia vui, sót nhọc, kề mạnh giúp kẻ yếu, sự chia sót thức ăn, thức uống và các đồ chơi, v.v... Các cử-chỉ ấy làm cho trẻ con hết sức cảm-động và yêu-mến chúng bạn hơn là anh chị em ruột trong nhà. Tinh-thần dời sống tập-thể nhờ đó mà nẩy-nở ra, Không-kì vừa nói thực ra đều do giáo-chức là chủ-động cả.

3. Về phần các bậc phụ-huynh học-sinh. Để cho công-việc nói trên của nhà-trường có công-hiệu, các bậc phụ-huynh phải tiếp tay với nhà-trường bằng cách liên-lạc chặt-chẽ, với giáo-chức. Nhờ sự giao-tiếp chặt-chẽ ấy mà

các phụ-huynh mới rõ đường-lối giáo-dục của nhà-trường và, thay vì đi nghịch lại với đường-lối ấy, sẽ giúp giáo-chức hiểu thêm trẻ con và trọng-nom trẻ trong gia-dinh để chúng làm theo huấn-thị của nhà-trường.

4. Về vấn-đề chương-trình. Chương-trình áp-dụng trong lớp phải thích-hợp với trình-độ học-hỏi của học-sinh. Rườm-rà và cao quá, chương-trình ấy sẽ làm chúng quâ-ư mệt-nhọc về tinh-thần để rồi đậm ra chán-nản và bỏ học. Dễ và thấp quá, chương-trình sẽ làm mất thời-giờ chúng vì chúng cũng không học thêm được gì. Rốt-cục, chúng lại cũng chán.

IV. KẾT-LUẬN

Trong một lớp học mà giáo-chức biết tạo nên một hoàn-cảnh thuận-tiện thì sự giáo-dục trẻ con sẽ đem lại một kết-quả chắc-chắn. Hoàn-cảnh thuận-tiện là một khoảnhk đất tốt, được sửa-soạn kỹ-lưỡng, hễ hột giống tốt đặt xuống là lên ngay.



BÀI ĐỌC THÊM

KHUNG-CẢNH CỦA NHÀ-TRƯỜNG THEO LỐI GIÁO-DỤC MỚI

Trước nhứt khung-cảnh của nhà-trường, nhờ cách xếp-đặt, cách bố-trí, cách trang-trí, phải thích-ứng với những ích-lợi ngẫu-nhiên của trẻ con.

Một ngôi trường theo phương-pháp hoạt-động cần gần giống như một gia-cư vậy, nghĩa là nó cần phải có một hay nhiều phòng với một khu vườn để cho nơi ấy trẻ được tự-do chơi-giờn và tham-dự vào công-việc làm vườn. Đọc theo các bức tường của lớp học phải có những tủ kệ dài mà thấp để cho trẻ con có thể đặt lên đấy những lọ hoa, những loại trang-trí, những hình-tượng con-con. Phòng học phải được trang-trí bằng những bức tranh mẫu bằng gỗ có một giá-trị mỹ-thuật chắc-chắn và miêu-tả những cảnh thuộc về đời sống trẻ con, hoặc đời sống gia-dinh, những thắng-cảnh, những hoa, những trái mà các đẽ-tài đều mượn ở lịch-sử nước nhà, và, nếu cần ở lịch-sử thàn-tiên. Những cây cảnh (Plantes ornemantales) và những hoa đẹp đều có chỗ dẽ nhất-dịnh trong phòng.

Lại nữa, một trường kiều-mẫu theo loại này cần có **bên cạnh một sân thể-thao, một sân chơi rộng trên cỏ**

lớp mái để tránh mưa gió, một vườn thảo-mộc, một vườn cây ăn trái, những phòng thí-nghiệm con-con về vật-lý, hóa-học và vạn-vật, phòng triển-lâm qui-tụ tất-cả tài-liệu các môn học, một thư-viện, một phòng nhóm họp, một phòng trò chơi, một phòng hội-họa, một phòng âm-nhạc.

a. *Bàn ghế.* Bàn ghế phải vừa súc trẻ con nghĩa là nhỏ và thấp phù-hợp với hình-vóc trẻ và được nghiên-cứu như thế nào để khỏi phải làm cho trẻ mệt-nhọc hoặc mang tật vì ngồi trên những bàn ghế ấy.

b. *Sách-vở.* Sách-vở giúp trẻ con tùy nghi suy-nghĩ về cách dạy của nhà-trường. Nhưng sự thật số-sách quá nhiều, thêm vào đấy sự phết-tạp các môn dạy đã thay thế vào uy-tin bài dạy của thầy, uy-tin của những bài đã in sẵn, và còn hại hơn nữa là thay-thế vào sự thực hiền-nhiên sống-động một thứ tiếng nói bất-di bất-dịch không linh-động, phi nhân-cách, nghĩa là chết. Quyền sách là yếu-tố chịu trách-nhiệm lớn-lao của tinh-cách tru-thể của sự giáo-hoa tinh-thần bằng những phương-sách kỵ-úc và tác-dụng.

c. *Tài-liệu tham-khoa.* Tài-liệu này cần được dồi-dào do chính trẻ con thu-nhặt như các tranh-ảnh về sử-ký, về địa-lý, về mỹ-thuật, các kim-loại, đá-sạn, các thảo-mộc, thú-cầm những khi-cụ về nghề bǎng tay, những học-cụ, những dĩa hát, v.v... Trẻ con phải là những tay sáng-tạo và bảo-vệ cái kho bảo-tàng tí-hon của chúng.

Kho bảo-tàng này được luôn-luôn bồ-sung, luôn-luôn đổi mới. Nó là hình-ảnh sự hoạt-dộng của toàn lớp.

d. *Sự-xa-ảnh (la projection).* *Chiếu bóng hoạt-dộng* (Cinéma), *đĩa hát, vó-tuyến-điện.* Những phát-minh khoa-học tối-tân này phải được dùng với một sự phân-biệt hết-sức cẩn-thận.

Ở đây chỉ là vấn-dề quan-sát, phát-minh, sáng-kiến, thí-nghiệm của ông thầy. Không nên có sự thủ-cựu trong sự áp-dụng những lối cũ mà cũng không nên có sự hấp-tấp (emballlement) trong khi áp-dụng các lối mới. Cần nên coi lời nói sau đây của ông Descartes như một châm-ngôn : « Về vấn-dề sự-phạm cũng như về mọi vấn-dề khác, cần tránh mọi thành-kiến và mọi sự vội-vàng gấp-rút trong sự phán-doán.



CHƯƠNG VIII

DỤNG-CỤ GIÁO-KHOA

DỤNG-CỤ GIÁO-KHOA

I. ĐỊNH-NGHĨA

Dụng-cụ giáo-khoa là những dụng-cụ đặc-biệt có mục-dich làm tăng thêm kết-quả của một bài dạy. Nói một cách khác, dụng-cụ giáo-khoa giúp giáo-chức cù-thê-hoa bài dạy khiến trẻ con dễ hiểu, dễ nhớ và kết-quả sự học-tập của chúng rất là tốt-dep. « Dụng-cụ giáo-khoa » cũng được gọi là « học-cụ » hoặc « dụng-cụ về thính-thị ». Nó là hình-thức cù-thê của phương-sách giáo-huấn.

II. CÁCH SỬ-DỤNG DỤNG-CỤ GIÁO-KHOA

Muốn có kết-quả tốt-dep trong sự sử-dụng các dụng-cụ thì sự trình-bày phải được sắp-dặt trước một cách chu đáo ; các dụng-cụ ấy phải cho đầy-dủ, không thừa, không thiếu. Sự sử-dụng các dụng-cụ trước khi có sự trình-bày giữa lớp học phải được xác định cẩn-thận. Nói một cách khác, nếu một dụng-cụ cần được sửa-soạn trong nửa ngày mới đem ra dùng mà giáo-chức chỉ dề vào có một tiếng đồng-hồ thì sự sử-dụng dụng-cụ ấy làm sao đem lại kết-quả tốt-dep được. Như thế dụng-cụ sẽ mất hết giá-trị của nó.

Dụng-cụ nào cần-thiết mới đem ra sử-dụng. Khi chưa dùng đến nó giáo-chức phải cất nó ở một chỗ kín-dáo, để trẻ con hằng ngày không trông thấy nó và nó sẽ giữ được nguyên-vẹn giá-trị của nó khi nó được đem ra dùng.

Không nên dùng các dụng-cụ giáo-khoa để traug-trí lớp học, vì như thế nó sẽ không kích-thích trí tò-mò trẻ con nữa khi giáo-chức cần đến.

Có nhiều loại dụng-cụ giáo-khoa : có những thứ dùng chung vừa cho các lớp bậc sơ-tiểu, vừa cho các lớp bậc trung-học. Trái lại, cũng có nhiều loại chỉ dùng riêng cho các lớp hoặc sơ-tiểu hoặc trung-học mà thôi.

III. CÁC DỤNG-CỤ GIÁO-KHOA THÍCH-HỢP VỪA CHO CÁC LỚP BẬC SƠ-TIỂU VỪA CHO CÁC LỚP BẬC TRUNG-HỌC

1. Bảng đen. Có 2 thứ : bảng đen nhỏ và bảng đen lớn.

Bảng đen nhỏ dùng tiện hơn bảng đen lớn ở chỗ người ta có thể mang nó đi được từ chỗ này sang chỗ khác trong lớp học. Trái lại, bảng đen to thì chỉ được đóng ở tường và chỉ ở một chỗ thôi.

Ở trong một lớp học, bảng đen phải được trình-bày trước mặt tất-cả học-sinh. Nếu có hai bảng nhỏ thì giáo-chức sẽ cho để hai bảng ấy trong hai góc lớp học trước mặt học-sinh, bên tả và bên hữu bàn viết của giáo-chức. Hai bảng ấy cần được để trên hai « chân bảng » hay là hai cái « giá bảng ». Mặt bảng phải nghiêng-nghiêng chờ không đứng thẳng như bảng gắn vào tường.

Bảng phải được sơn màu xanh-lam có vẻ vui-tươi làm khỏe con mắt.

a. Những ích-lợi của bảng đen. Bảng đen giúp giáo-chức cự-thể-hoa những lời dẫn-giải bằng những chữ viết bảng phấn trắng.

Bảng đen qui sự chú-y của toàn lớp vào một điểm. Bảng đen là dụng-cụ cần-thiết cho sự dạy-dỗ của giáo-chức

cũng như trong sự học-tập của trẻ con nhứt là sự học-tập công-cộng.

Bảng đen rất cần cho sự giảng-giải các môn trong chương-trình nhất là môn Tính, môn Hình-học, môn Tập-đồ, môn Vẽ, môn Ngữ-vựng, môn Quan-sát, môn Tác-văn, v.v...

Người ta thường nói rằng : « Lớp học làm việc nhiều nhất chính là lớp học tiêu-thụ phấn trắng nhiều nhất trên bảng đen ».

Bảng đen rất cần-thiết cho sự làm bài của mỗi trẻ con trước mặt giáo-chức và các bạn học của chúng. Lúc đầu chúng ngại-ngùng sợ-sệt, nhưng sau rồi chúng sẽ quen và trở nên dạn-dĩ.

b. Cách sử-dụng bảng đen. Nếu lớp học chỉ có một bảng đen to thì nó được chia ra làm ba khoảng :

— *Khoảng giữa* dùng để viết bài hàng ngày : các chữ khó, các hình-ảnh sơ-lược, các bài toán, nghĩa là những tài-liệu dùng nhứt-thời và sau bài học thì được xóa đi.

— *Khoảng bên mặt* của *khoảng giữa* dùng để ghi ngày tháng, những lời báo cáo cần-thiết cho toàn lớp và cần được để lâu ngày để mọi trẻ con cùng xem, cùng biết.

— *Khoảng bên trái* của *khoảng giữa* dùng để nêu lên những bài tập, những lược-đồ về môn Quan-sát, những công-thức của Toán-học và Hình-học, những phương-ngôn ngắn-ngữ, những chữ mới cần để lâu ngày trên ấy, v.v...

Nếu lớp học chỉ có hai bảng nhỏ thì phải phân-phối làm sao hai bảng ấy được sử-dụng cho ba công-việc nói trên.

Hiện nay hầu hết ở các lớp học, số bảng đen không đủ dùng. Có lớp chỉ có một bảng đen nhưng to quá và gắn vào tường. Có lớp có hai bảng đen nhưng nhỏ quá.

Người ta thấy ở trong một ít lớp học tổ-chức theo lối xưa, bốn vách tường đều có bốn bảng đen to-tướng. Như thế là thái-quá và lớp học có vẻ ám-u, đèn-tối, buồn-thảm.

2. Bảng dán cáo-thị (tableau d'information). Tức là loại bảng gỗ không sơn màu, trên ấy người ta dán những giấy-tờ, hình-ảnh cần cho học-sinh biết và cần được để lâu ngày. Loại bảng này cũng được dùng cho công-việc như sau :

Công-việc thứ nhất : Trình-bày một ý-kien dưới hình-thức một cáo-thị hoặc một họa-dồ.

Công-việc thứ hai : Trình-bày một ý-kien dưới hình-ảnh cắt trong báo, các nguyệt-san, hoặc những bích-báo của nhà-trường.

Công-việc thứ ba : Trưng-bày những bài viết của trẻ con (Toán, Tác-văn), những bài Vẽ của chúng trong các kỳ thi lục cá-nguyệt.

Về điểm này cần nêu chú-ý : Ở nhiều nước tân-tiến như bên Mỹ, tất-cả bài làm của học-sinh đều lần-luot được trưng-bày, bài hay cũng như bài dở. Các bài ấy được sỉa-chữa cẩn-thận nhưng không cho điểm và để lời phê-bình, để tránh sự chạm lòng tự-ai của trẻ con. Một số bài (mười bài chẳng hạn) được trưng-bày trong một tuần nhứt; tuần sau thì lại tới phiên một số bài khác và như vậy cho đến hết tổng-số bài mới thôi.

Các bài viết thì được xếp thành xấp, mỗi xấp năm bài rồi niêm-yết lên bảng bối-cáo. Trái lại, các bài vẽ thì lại được niêm-yết từng bài một, trải hẳn ra và mỗi lần là 5 hoặc 10 bài thôi.

Cách niêm-yết bài như thế có tính-cách « tu-chỉnh » hơn là kích-thích sự ganh-tị của trẻ con và cả tính-cách phô-trong giá-trị của mỗi bài. Chúng sẽ xem bài của mình

mà tự-nhận thấy mấy chỗ sai. Chúng sẽ đọc bài của các bạn mà tự-ngầm biết chỗ hơn kém đối với bài của chúng.

3. Bảng nỉ. Tức là một thứ bảng gỗ trên mặt có phủ một lớp nỉ. Trên bảng nỉ này, người ta gắn những tranh-ảnh vẽ trên giấy cứng. Những chữ cái dán trên giấy cứng đều được nêu lên. Muốn cho các hình-ảnh, các chữ cái, các con số dính trên bảng nỉ thì bề trái giấy cứng của các tranh-ảnh, các chữ cái, các con số ấy phải có dán một lớp giấy nhám.

a. Những công-dụng của bảng nỉ. Bảng nỉ được dùng trong các việc sau đây : trình-bày các mẫu chuyện bằng những tranh-ảnh; trình-bày những khái-niệm về toán-học; dạy tập-đọc các chữ cái của một sinh-ngữ; các ngữ-vựng của sinh-ngữ ấy có kèm theo hình-ảnh; trưng-bày các tranh-ảnh mỹ-thuật, các lược-dồ, các hình-ảnh thuộc môn Quan-sát, Hình-học, Địa- lý, Sử-ký, Ngữ-vựng, v. v., hình-ảnh trong các cuộc chơi (đồ hình).

Nói tóm lại, bảng nỉ được dùng để đơn-giản-hoa một vấn-dề, một mẫu chuyện, một bài học. Nó làm cho lớp học trở nên linh-động. Trẻ con sẽ đặc-biệt chú-ý đến các tranh-ảnh nêu lên trên ấy.

b. Những thí-dụ cụ-thể. *Về Toán-học* : Khi dạy đến những con số, để trẻ con có những ý-niệm về các con số, giáo-chức bảo chúng dán lên bảng nỉ những hình vẽ hoa-quả, hình vuông, hình tròn tượng-trưng các con số ấy. Giáo-chức sẽ dạy chúng dùng những hình-ảnh ấy mà làm những bài tính : cộng, trừ, nhân, chia và làm ngay các bài tính trên bảng nỉ. Các phân-số cũng được dạy bằng hình-ảnh.

Về sự kê-chuyện : Giáo-chức eụ thể-hóa câu chuyện bằng những hình-ảnh thú-vật, hoặc người đóng vai tuồng trong mẫu chuyện và di-động các hình-ảnh ấy để mẫu chuyện trở nên linh-động và thích-thú.

Về môn quan-sát (Khoa-học thường-thức) : Các con thú nhỏ, các thứ cỏ, các lá cây, các hoa được ép, phơi khô và trình-bày lên bảng nỉ để chỉ rõ các thành-phần của một cái hoa, một cái lá, v.v...

Một hình con vật bằng giấy cứng được cắt ra nhiều mảnh để trẻ con tự ráp lại trên bảng nỉ.

Về môn ngôn-ngữ : Trẻ con sẽ ghép mấy chữ cái lại thành những văn, và nhiều văn thành những tiếng của sinh-nhữn ấy, hay là những chữ một có kèm theo hình-ảnh mà mấy chữ ấy là « tên ».

Tù lớp Ba trở lên, bảng nỉ không cần-thiết lắm. Nhưng khi cần, giáo-chức ở các lớp ấy cũng nên tạo sẵn một bảng nỉ cất ở trong phòng riêng.

4. Đồ-thị, bản-kê, họa-đồ, đồ-hình. Các học-cụ này đều làm bằng giấy cứng và phải cho lớn rộng để cho đứng xa cũng có thể trông rõ các chi-tiết ghi trên ấy. Sự sửa-soạn các học-cụ này rất bô-ich cho học-sinh. Nếu được, giáo-chức có thể cho chúng tham-gia vào các công-việc chế-tạo ấy. So-sánh với những học-cụ thính-thị khác, các học-cụ này trình-bày những ý-kiến, những kết-quả một cách trừu-trưng. Vậy giáo-chức cần phải giải-nghĩa chư-dáo cách sử-dụng các học-cụ này.

a. *Họa-đồ.* Tức là bức vẽ (carte) tượng-trưng một vùng, một làng, một tổng, một tỉnh, một xứ về phương-diện địa-lý ; một đơn-vị (unité) về toán-học. *Thí-dụ :* So-sánh hình-ảnh các đơn-vị với hình-ảnh tổng-kê các đơn-vị về phép cộng.

Ở các bậc Sơ-Tiểu, các họa-đồ phải được trình-bày một cách đơn-giản. Họa-đồ có thể là bức-đồ vẽ sơ-lược một vật gì.

b. *Đồ-thị.* Tức là bản vẽ để cho người ta xem mà hiểu ngay kết-quả của một công-việc gì hoặc cách điều-

khiên một cơ-quan gì. *Thí-dụ :* Đồ-thị cách tổ-chức một học-đường, một công-sở nào.

c. *Bản-kê hay là bản thống-kê,* thống-kê-biều (statistiques) : Tức là loại bảng vẽ trình-bày thế nào mà khi xem đến người ta biết được sự tiến-thoái, thạnh-suy của một hãng, một xưởng, một cơ-quan thương-mại hay một xi-nghiệp từng năm một. Thống-kê-biều giúp ta so-sánh kết-quả thu-thập trong năm này với những kết-quả thu-thập về các năm trước. Những kết-quả từng năm một ấy được tượng-trưng bằng những cột, hình chữ-nhật, cao hay thấp tùy kết-quả mỗi năm.

d. *Đồ-hình :* Tức là loại thống-kê-biều lấy hình-ảnh của người, hoặc vật-dụng làm tượng-trưng. Hình-ảnh ấy lớn cao hay nhỏ bè là tùy số sinh-sản, sản-xuất cao hay thấp.

Thí-dụ : Về dân-số các nước lớn trên hoàn-cầu, người ta vẽ một hình người bè cao, bè lớn bao-nhiêu tượng-trưng cho một đơn-vị dân-số là mấy triệu người.

Xem các hình ấy người ta có quan-niệm đại-khai dân-số các cường-quốc.

Về vấn-de quân-sĩ cũng thế, cứ xem người quân-sĩ tượng-trưng quân-đội một nước thì người ta có ý-niệm ngay quân-số của nước ấy, nhiều hay ít.

Về Hải-quân, Không-quân cũng thế. Người ta tượng-trưng lực-lượng Hải-quân, Không-quân bằng những chiếc chiến-hạm và những chiếc phi-cơ oanh-tạc lớn hay nhỏ tùy quân-số hay số chiến-hạm của nước ấy nhiều hay ít.

e. *Đồ-biều.* Tức bảng vẽ có những đường ngang lên hay xuống để chứng-minh sự tăng hay giảm nhiệt-dộ của một bình-nhân hoặc nhiệt-dộ của một vùng, một xứ nào sau một thời-gian 24 tiếng đồng-hồ hay nhiều hơn.

f. *Mô-hình* (maquettes). *Địa-đồ đắp nổi* (carte en relief). Các mẫu thêu nhỏ (modèles réduits). Các dụng-cụ này giúp trẻ con nhận-xét thực-tế những núi-non, địa-thể hay những sự-vật thu nhỏ lại bằng những mẫu nhỏ giống y thực-tế.

5. **Máy in phụ-bản, máy in stencil.** Tức là một thứ máy in bằng tay để in ra nhiều bản những bài học để phát cho học-sinh trong nhiều lớp, hoặc in những thông-cáo chung cho nhà-trường, hoặc những học-liệu khác.

Thường giáo-chức, giáo-sư có in các loại bài nói trên cho các học-sinh lớn trong lớp dưới sự kiêm-soát của giáo-chức.

6. **Kệ để họa-dồ, dư-dồ.** Tức là thứ kệ riêng trong ấy người ta treo hoặc xếp cất các họa-dồ vào một nơi để tránh sự hư-nát, đỡ-bần vì bụi-băm. Thay vì có một thứ kệ như trên, giáo-chức có thể đóng mộc vào tường hoặc vào bìa biên phía trên của bảng đen để treo các họa-dồ lên. Nhưng đó chỉ là việc bất-đắc-dĩ mà thôi. Cần không cho học-sinh thấy luôn-luôn trước mắt các họa-dồ ấy và nhứt-thiết không nên dùng các dụng-cụ ấy để trang-trí lớp học.

7. **Bài học viết trên tấm giấy bla.** Những chữ cái của một sinh-ngữ, những con số đều được viết trên những ô con bằng giấy bia cứng, hình chữ nhựt. Tổng-số các ô con ấy hợp thành một bộ bài dễ cầm trong tay và rất tiện trong sự sử-dụng. Các ô con này cần để trong một cái hộp giấy để được dùng lâu.

8. **Các dụng-cụ khoa-học.** Các dụng-cụ này phải phù-hợp với chương-trình khoa-học của lớp học. Nếu là dụng-cụ đơn-giản, rẻ tiền thì học-sinh có thể mang từ nhà đến. Nếu là dụng-cụ đắt tiền thì nhà-trường phải tự xuất tiền để mua lấy. Nếu là dụng-cụ rẻ tiền nhưng học-sinh không thể tự-tạo ở nhà thì nhà-trường phải tự xuất tiền mua

lấy và cho thật nhiều để mỗi trẻ đều có thể sử-dụng được khi đến giờ thí-nghiệm.

9. **Bản-đồ và quả Địa-cầu bằng giấy.** Ngay ở lớp Năm bậc sơ-tiểu, trẻ con đã thật-sự học bản-đồ. Nhưng thực ra, môn này mới chính-thức được dạy ở lớp Nhi.

Khi giáo-chức cho vẽ kiểu mẫu trường-học hay một đường phố lân-cận, như vậy giáo-chức đã cho học-sinh bắt đầu học bản-đồ. Trong phạm-vi nhỏ hẹp này giáo-chức bắt đầu nói đến tỷ-lệ. Trẻ con sẽ nhận thấy rằng: một vật nhỏ vẽ trên giấy có thể tượng-trưng cho một vật lớn gấp trăm, ngàn lần trên thực-tế được. Đó là căn-bản của sự hiều-biết bản-đồ. Từ khả-năng đọc, hiểu và dùng được bản-đồ, trẻ con sẽ tiến tới sự tăng-cường tri-óc nhận-xét để phân-biệt các bản-đồ và sự-vật trên thực-tế.

Sự sử-dụng bản-đồ trong sự dạy-dỗ trẻ con có nhiều mục-đich như sau :

a. Giúp trẻ con nhận-thức những hiện-tượng trong mối liên-quan giữa cá-nhân chúng với xã-hội.

b. Bản-đồ giúp sự thu hẹp theo tỷ-lệ những diện-tích các vùng, các xứ trên địa-cầu, và nhứt là những khoảng-cách (intervalles). Như vậy, những nơi « bất-khả-lượng » (không thể đo-dạt được) cũng thực-hiện được. Bản-đồ đã giúp sự cụ-thể-hoa những quan-niệm trứ-tượng về những diện-tích to rộng, những vùng xa-xăm, những phương-hướng.

Bản-đồ đặc-biệt tượng-trưng những vị-trí, những thành-thị, những diện tích, những khoảng-rộng, khoảng-cách, những sự liên-quan của tạo-hóa và nhân-loại, những độ cao, độ dốc của mặt đất.

Trước khi hiều-biết những điều nói trên, trẻ con phải biết xem bản-đồ. Công-việc nghiên-cứu về điểm này cho thấy rằng: khi được dạy cẩn-thận về cách đọc bản-đồ,

trẻ con sẽ hiểu cách đọc và cách sử-dụng bản đồ một cách dễ-dàng và có ý-nghĩa.

10. Học-cụ-khổ (Musée scolaire). Tức là một cái tủ lớn hoặc là một cái kệ to ngoài có bao-phủ một lớp bô dầy che bụi-bặm, trong ấy giáo-chức sẽ để các loại tài liệu như tranh-ảnh, hình nặn bằng đất sét, các thứ hoa quả ép và phơi khô, các loài côn-trùng hoặc các loài thú nhỏ ngâm rượu trong các lọ con, các nông-cụ, các khí-cụ thuộc các nghề-nghiệp thu lại làm những kiều-mẫu nhỏ, v. v...

Học-cụ-khổ phải được để trong một gian phòng riêng-bié特 không cho trẻ con trông thấy. Chúng không được vào trong ấy bất-cứ lúc nào.

Về những khí-cụ cần-thiết cho phép đo-lường thì có một học-cụ-khổ riêng, thường là một cái tủ con, để trong góc hoặc gắn lên tường lớp học (compendium métrique).

11. Máy rọi hình không trống-suốt — hay máy chiếu phim đứng (Episcope). (Đoạn này rút trong Phương-tiện thính-thị của Ông HỒ-VĂN-HUYỀN). « Tức là máy dùng để rọi lớn lên trên màn-ảnh, với tất-cả chi-tiết và màu-sắc, những hình vẽ, hình in, hình chụp, chữ in, chữ viết trên giấy hay trên một vật-liệu gì ngăn ánh-sáng không thấu-quang ».

Máy này được áp-dụng cho sự giảng bài mới để trình-bày những hình-ảnh thuộc về bài học nhưng không có trong sách và rất nhỏ, không thể trao tay cho tất-cả học-sinh xem được. Hình-ảnh ấy là loại thường, bón ở các tiệm hình, tiệm sách hoặc cắt ở báo-chí hoặc tập-san ra.

12. Máy chiếu phim, phim đứng (Films fixes) — cũng gọi là **máy chiếu phim trống-suốt** (diascope).— (Trích trong Phương-tiện thính-thị của Ông HỒ-VĂN-HUYỀN). Một giáo-chức nên biết chụp hình « nhiếp-ảnh có thể dùng máy ảnh chụp những tài-liệu, gì thấy cần cho việc

giảng-dạy của mình trên phim cở 35m/m để rồi rửa phim trái (film négatif) ra phim mặt (film positif) và dùng máy chiếu phim đứng, chiếu cho học-sinh xem ».

Nhờ những phương-tiện này mà giáo-chức với máy nhiếp-ảnh của mình có thể tự-tạo ra những tài-liệu cần-thiết cho nhiều môn học trong chương-trình như: Vạn-vật-học, Địa-lý, Sử-ký, Ngữ-vựng, Tác-văn, v. v... Với phương-tiện này, giáo-chức tùy ý nêu lên màn bạc lâu hay mau để giảng-giải tường-tận một bài học và chỉ thay thế hình-ảnh ấy sau khi đã giảng xong.

13. Máy chiếu phim câm (Appareils de projection de films muets). Ấy là lối chiếu bóng xưa kia. Khán-giả thấy các hình-ảnh múa men cử-motion trên màn bạc nhưng không có một lời nói, một tiếng động nào. Sự thích-thú chỉ mới được phân-nửa mà thôi. Dù sao phương-tiện này đã giúp-ich rất nhiều trong sự giảng-dạy các môn như Vạn-vật, (các loại thú-cầm, các loại thảo-mộc trên hoàn-cầu), Địa-lý (các vùng xa-xăm đầy băng-tuyết, các sắc dân, v.v...)

14. Máy chiếu phim nói (Cinéma parlant). Ngày hôm nay, máy chiếu phim câm đã bị coi là lỗi-thời và đã nhường bước cho máy chiếu phim nói trên màn-bạc. Với loại máy chiếu phim này khán-giả rất thích-thú vì đã thấy các đào-kép cử-motion và lại được nghe tiếng nói giọng hát du-duong của các nghệ-sỹ ấy. Đem áp-dụng cho sự dạy học, phim nói làm cho trẻ con rất thích-thú.

Sự ích-lợi của phim câm cũng như phim nói thật là vĩ-dai.

Nó giúp trẻ con nghèo không đủ phương-tiện đi ra nước ngoài, ở tại quê nhà mà biết được nhân-vật trong năm châu, không du-lịch mà biết được những thắng-cánh những kỳ-quan cũng như những vùng hẻo-lánh của thế-giới.

Cũng như phim cũm, phim nói có những điều bất-tin-en như sau :

Cuốn phim quay mau quá, giáo-chức không thể nào ngừng nó lại để giải-thích những điểm quan-trọng. Các phim được đem ra chiếu thường không « ăn-khớp » với chương-trình và như thế sẽ làm mất thi-giờ quá nhiều của trẻ con mỗi tuần.

Lại nữa, sự ưa-thích xem phim chiếu bóng lâu ngày đã trở thành một thứ bệnh, bệnh ghiền cinéma — và, nếu nó không đem lại những ích-lợi trực-tiếp thì lối tiêu-khiển ấy sẽ là một xa-xỉ-phầm rất có hại cho tinh-thần và phầm-hạnh.

15. Máy và đĩa hát (Phonographe). Máy hát là loại máy xưa nay dùng để phát-âm lại một bài hát, một bài ca, một câu chuyện, thuật lại một cuộc vấn-đáp hay đàm-thoại, một buổi đọc sách, ngâm thi, một buổi đọc và nói ngoại-ngữ do những đĩa mà trong đó trước kia người ta đã ghi-âm các bài thuộc các loại nói trên.

a. *Phản lợi của máy và đĩa hát.* Nếu giáo-chức không có khả-năng về âm-nhạc thì máy và đĩa hát sẽ thay thế giáo-chức khi đến giờ dạy hát hoặc âm-nhạc, hoặc dạy ngâm thi, nhất là dạy đọc và nói một giọng ngoại-ngữ nào. Trẻ con sẽ tập hát và nói đúng giọng nhờ đó.

a. *Phản bất-tin-en.* Điều bất-tin-en là trẻ con nghe giáo-sư âm-nhạc hát rất hay, đọc và nói ngoại-ngữ rất đúng giọng nhưng chúng không được thấy ông thầy ra thế nào và khi chúng thắc-mắc về vài chi-tiết thì không biết hỏi ai. Ấy là phản nửa thích-thú đã phải kém đi.

16. Máy ghi-âm (Magnétophone) (Phương-tiện thính-thị, tác-giả Ông HỒ-VĂN-HUYỀN). « Tức là một thứ máy có thể ghi âm-thanh vào một cuộn băng từ-khi (film ou bande magnétique) để tìm lại âm-thanh ấy rất đúng, không sai một mảy-may nào ».

Loại máy này dùng để ghi-âm một bài diễn-thuyết ; một bài dạy học, một bài hát, v.v... cần lặp lại nhiều lần ở những địa-diểm khác nhau và trước một số đám đông thính-giả.

17. Loa phóng-thanh (Mégaphone). (Phương-tiện thính-thị của Ông HỒ-VĂN-HUYỀN, trang 23). « Loa phóng-thanh là một thứ loa có gắn một máy truyền-thanh phóng-đại, chạy bằng điện của một hộp bin khô (pile sèche) dùng để phóng-đại tiếng nói, giọng hát, v.v... »

Máy này được áp-dụng khi có người đứng ra diễn-thuyết trước một đám đông thính-giả nhưng giọng nói nhỏ quá.

18. Máy vi-âm (Microphone hay là micro). (Phương-tiện thính-thị của Ông HỒ-VĂN-HUYỀN trang 23). « Máy vi-âm (Microphone) cũng gọi tắt là micro là một thứ máy biến âm-chấn (vibrations sonores) ra điện-dộng (oscillations électriques) để phóng-đại những tiếng nhỏ ».

Loại này có công-dụng giống như loa phóng-thanh. Nó được sử-dụng trong những buổi dạy học, diễn-thuyết ở học đường hoặc ở những nơi hội-họp công-cộng, ở những hi-trường, ở các buổi lễ công-cộng, v.v...

19. Máy thâu-thanh (Récepteur de radio-diffusion). hay là máy radio (Phương-tiện thính-thị của Ông HỒ-VĂN-HUYỀN trang 24). « Máy thâu-thanh (récepteur de radio-diffusion) thường được gọi tắt là máy radio, là một máy thâu-thanh do một dài phát-thanh truyền ra ». Đặc-biệt của loại máy này là không cần dây dẫn-điện như trong các loại máy dã kề trên. Dài phát-thanh có thể cách xa nơi gắn máy thâu-thanh có đến mấy chục ngàn cây-số. Ấy thế mà khi mở ra, máy thâu-thanh nói trên truyền đi khắp hoàn-cầu. Nhờ thế mà ở tại Sài-gòn, ta nghe được tin-tức của năm châu thê-giới, nghe được những điều hát của hầu hết các dân-tộc trên thê-giới. Loại máy

này thật là một phát-minh kỳ-diệu của thế-kỷ hai mươi.

Máy thâu-thanhan hay là máy vô-tuyến-truyền-thanh ngày nay rất được dùng cho các nơi hội-hợp công-cộng như nhà trường, hi-viện và các tư-gia, các công-sở, v.v... .

20. Máy vô-tuyến-truyền-hình (Appareil de télévision). (Phương-tiện thính-thị của Ông HỒ-VĂN-HUYỀN trang 28). Tức là máy truyền-hình cửđộng và truyền-thanh bằng vô-tuyến-diện từ một nơi xa đến những máy thâu-hình và thâu-thanhan (récepteur de télévision) trên một màn-ảnh đặc-bié特.

Thí-dụ : Chiều nay đúng 17 giờ, thủ-lãnh một-nước tân-tiến trong khối tự-do sẽ đọc lời tuyên-bố quan-trọng.

Đúng giờ nói trên khắp các nơi trong nước ấy và ở nhiều nơi ở ngoài nước ấy, người ta sẽ mở những máy thâu-hình và thâu-thanhan, và ở mỗi nơi nói trên đúng giờ đã định, sẽ hiện trên màn-bạc hình của vị thủ-lãnh ấy. Người ta thấy vị thủ-lãnh ấy cửđộng và nghe nói tự-nhiên như vị ấy đứng trước mặt mỗi thính-giả vậy. Thực là một phát-minh cực-kỳ tối-tân.

Máy vô-tuyến-truyền-hình này khác hẳn với *phim nói* (cinéma parlant) ở chỗ nó truyền-hình và truyền-âm của những vĩ-nhán có thực và truyền di khắp hoàn-cầu những tin-tức về thời-sự rất đúng sự thật giữa lúc mà các sự kiện lịch-sử ấy xảy ra chứ không như phim nói truyền di các nơi những tin-tức thời-sự thuộc về dĩ-vãng hoặc những câu chuyện, những tuồng do tri-tưởng-tượng của người tạo ra.

IV. CÁC DỤNG-CỤ GIÁO-KHOA VỚI PHƯƠNG-TIỆN THÍNH-THỊ

a. Định-nghĩa. Phương-tiện thính-thị là phương-tiện chủ-trương áp-dụng thị-giác và thính-giác trong sự dạy-dỗ trẻ con.

b. Lý-do. Phương-tiện thính-thị bắt nguồn ở nguyên-tắc căn-bản sau đây. Ảnh-tượng của một chữ, một lời nói chỉ được in sâu vào tâm-hồn trẻ con dưới hình-thức bốn loại ký-ức sau đây :

- thị-giác ký-ức (souvenir visuel)
- thính-giác ký-ức (souvenir auditif)
- phát-âm ký-ức (souvenir phonétique)
- đồ-tả ký-ức (souvenir graphique)

Trong bốn loại ký-ức ấy chỉ có thị-giác ký-ức và thính-giác ký-ức là được áp-dụng luon. Vì thế mà có từ ngữ « thính-thị ». Thực ra, trong sự học-tập một sinh-ngữ người ta áp-dụng chẳng những thị-giác ký-ức, thính-giác ký-ức mà còn phát âm ký-ức và có đồ-tả ký-ức nữa.

Ở nhà-trường sự học-tập một môn nào trong chương-trình đòi hỏi ít nhứt là 2 loại ký-ức : thị-giác ký-ức và thính-giác ký-ức và có khi cả 4 loại nữa.

c. Sự sắp-đặt dụng-cụ giáo-khoa theo từng loại ký-ức nói trên. (Phương-tiện thính-thị của Ông HỒ-VĂN-HUYỀN)

1. Dụng-cụ giáo-khoa bổ-sung cho thị-giác ký-ức

Người ta kể :

- a. Bảng đen.
- b. Bảng cáo-thị.
- c. Bảng nỉ.
- d. Đồ-thị, bản-ké, họa-dồ, đồ-biểu, đồ-hình.
- e. Kệ để họa-dồ.
- f. Máy in stencil.
- g. Bài học viết trên tấm giấy bia.
- h. Mô-hình, Địa-dồ dấp nồi ; các mẫu thêu nhô.
- i. Các dụng-cụ khoa-học.
- j. Bản-dồ và quả địa-cầu bằng giấy.
- k. Máy rọi-hình trong-suốt.

1. Máy rọi hình không trong suốt. Phim dừng.
2. **Dụng-cụ giáo-khoa bổ-sung cho thính-giác kỵ-ức**
 - a. Máy và dĩa hát (phonographe).
 - b. Máy ghi-âm (magnétophone).
 - c. Loa phóng-thanh (mégaphone).
 - d. Máy vi-âm (microphone).
 - e. Máy thâu-thanh (récepteur de radio-diffusion ou radio).
3. **Dụng-cụ giáo-khoa chính-thức của phương-tiện thính-thị** (thính-giác, thị-giác hồn-hợp).
 - a. Máy chiếu phim nói.
 - b. Máy vô-tuyến truyền-hình.

V. CÁCH HỌC ANH-NGỮ THEO PHƯƠNG-TIỆN THÍNH-THỊ

Mỗi học-viên vào trong một buồng riêng-biệt trong ấy có một máy ghi-âm.

« *Dưới sự hướng-dẫn của giáo-sư chuyên-môn mỗi học-viên Anh-ngữ, trên hai tai có gắn ống nghe, cứ vần máy ghi-âm để nghe qua một lần bài học đã ghi sẵn ; tiếp đến lần thứ hai, vừa nghe vừa cõi-gắng nói theo cho thật đúng tiếng đã nghe ; một lần, rồi hai lần, rồi ba lần, nếu cần. Trong khi ấy, máy đã ghi cách phát-âm của học-viên liền sau cách phát-âm đứng của giáo-sư đã được ghi sẵn trước. Học-viên chỉ còn vặn trở lại để nghe hai cách nói hay đọc của giáo-sư và của mình hầu so-sánh và tự sửa-chữa. Nhờ vậy mà có nhiều học-viên của Trung-tâm thính-thị Anh-ngữ lúc đầu biết sinh-ngữ này rất ít ; học trong vòng 6 tháng, một năm đã nói tiếng Anh được trôi chảy và đúng giọng ».* Phương tiện thính ghị của Ô. HỒ-VĂN-HUYỀN trang 22).

VI. KẾT-LUẬN

Từ xưa đến nay, dụng-cụ giáo-khoa đã được các nhà giáo lành nghề áp-dụng. Nhưng ít người đặc-biệt để ý đến nó vì cho nó là vẫn dễ phụ thuộc.

Ngày hôm nay, phương-pháp giáo-dục mới đã làm nổi-bật tính cách quan-trọng của các học-cụ ấy và cho rằng : sự dạy-dỗ trẻ con có kết-quả tốt-dep hay không là cũng do sự biết sử dụng hay không những học-cụ thiết-yếu ấy.



CHƯƠNG IX

**SỰ TỔ-CHỨC NHÀ TRƯỜNG
THEO NGUYÊN-TẮC SỰ-PHẠM**

SỰ TỔ-CHỨC NHÀ-TRƯỜNG THEO NGUYỄN-TẮC SỰ-PHẠM

Kết-quả tốt-dep của sự dạy-dỗ trẻ con phần lớn đều do sự tổ-chức nhà trường đúng theo nguyên-tắc sự-phạm. Sự tổ-chức ấy gồm các việc như sau :

- Sự sắp-xếp hay sự thâu-nhận học-sinh.
- Sự sửa-soạn và phân-chia chương-trình các mảng học.
- Sự ấn-định thời-khoa-biều.
- Sự chuẩn-bị các buổi học (sự soạn bài dạy).
- Sự tuyển-chọn các sách giáo-khoa.
- Kỷ-luat nhà trường.
- Sự hợp-tác của các gia-dinh vào công việc nhà trường.

I. SỰ SẮP-XẾP HAY SỰ THÂU-NHẬN HỌC-SINH

a. **Ở trường mẫu-giáo:** Ở trường mẫu-giáo, hạn tuổi học-sinh được thâu-nhận từ 2 đến 6 tuổi. Tuy rằng hai hạng cách nhau chỉ có 4 tuổi, nhưng trong khoảng 4 tuổi ấy có sự cách-bié特 khá lớn về trình-độ của trẻ con.

Đứa trẻ 2 tuổi còn là hài-nhi mới rời mình người mẹ và luôn-luôn cần được chăm-nom, cần được có sự âu-yếm của giáo-chüré thay thế người mẹ.

Trái lại, đứa trẻ 6 tuổi là trẻ đã có một ít kinh-nghiệm rồi và đứng vào hạng kỳ-cựu của nhà trường. Chúng được chuyển sang lớp Năm trường sơ-tiểu.

Ở trường mẫu-giáo, trẻ con được liệt vào hai hạng:

Hạng hàn-đồng : từ 2 đến 5 tuổi.

Hạng đồng-Ấu (kỳ-cựu) : từ 5 đến 6 tuổi.

b. Ở trường sơ-tiểu : Ở trường sơ-tiểu sự xếp học-sinh căn-cứ vào tuổi-tác hoặc học-lực của chúng.

1. Sự xếp học-sinh theo hạng tuổi

Lớp Năm : 6 tuổi kể từ đầu niên-học.

Lớp Tư : 7 tuổi kể từ đầu niên-học.

Lớp Ba : 8 tuổi kể từ đầu niên-học.

Lớp Nhì : 9 tuổi kể từ đầu niên-học.

Lớp Nhứt : 10 tuổi kể từ đầu niên-học.

Đó là trường-hợp nhà trường có lớp mẫu-giáo.

Hiện nay, ở Việt-Nam dù nhà trường không có lớp mẫu-giáo đi nữa, những hạng tuổi đã được ấn định như trên được kẽ như bát-di bát-dịch và phải được áp-dụng triết-de.

2. Sự sắp-xếp học-sinh theo học lực của chúng

Trước kia nhà trường có thể thu-nhận học-sinh và sắp-xếp chúng tùy theo học-lực. Nói một cách rõ-rệt hơn, một học-sinh 9 tuổi đáng lẽ phải được ngồi lớp Nhì lại phải ngồi lớp Ba vì trẻ ấy chỉ có học-lực một học-sinh lớp Ba mà thôi.

Trái lại, một học-sinh 8 tuổi đáng lẽ chỉ được ngồi lớp Ba lại được ngồi lớp Nhì vì trẻ có học-lực một học-sinh lớp Nhì.

Nhưng cách-thức sắp-xếp này không được áp-dụng ngày hôm nay một cách tuyệt-đối vì hai lý sau đây :

— Một học-sinh 9 tuổi đáng lẽ phải ngồi lớp Nhì nhưng cũng không được ngồi lớp Ba dù trẻ có học-lực một học-sinh lớp Ba vì rằng trường thiếu chỗ. Nếu nhà trường nhận các học-sinh này thì những học-sinh khác có đủ điều-kiện tuổi và học-lực để ngồi lớp Ba lại bị loại ra. Vì cứ ấy nhà trường viện lẽ trẻ quá tuổi mà không nhận. Nguyên-nhân chính là : sự thiếu trường trong toàn quốc đối với sĩ-số mỗi năm mỗi tăng. Như vậy, một số trẻ em quá tuổi sẽ bị các trường công-lập bỏ rơi !

Nếu không đánh thấy chúng bị nạn thất-học thì cha anh chúng phải cố-gắng đóng học-phí để cho chúng theo học trong một tư-thục vậy.

Nhiều khi vì quá nghèo các bậc phụ-huynh không thể cố gắng được đầy đủ và số trẻ con ấy đánh phải chịu thất-học. Thật là một điều rất đau đớn cho các trẻ và cho các phụ-huynh mà cũng là một tai-hại không nhỏ cho xã-hội mai sau này.

Một học-sinh mới có 9 tuổi, đáng lẽ được ngồi lớp Ba, có thể được phép lên ngồi lớp Nhì vì trẻ thông-minh có học-lực đầy đủ một học-sinh lớp Nhì. Trường-hợp ấy có thể được nhà trường chấp-thuận và phụ-huynh chỉ có làm một lá đơn xin miễn tuổi là xong.

Lời dặn cẩn-thiết

a. Sự sắp-xếp học-sinh một khi đã được nghiên-cứu kỹ-lưỡng và đã được quyết-định xong thì giáo-chức không vì sự yêu-cầu của phụ-huynh học-sinh mà thay đổi ý-kien. Thoảng như có phụ-huynh học-sinh đến yêu cầu giáo-chức cho một đứa trẻ được vào ngồi lớp Nhì mà giáo-chức không biết rõ học-lực của trẻ thì hãy để trẻ ngồi lớp Ba đã. Trong một vài tuần lễ đầu, nếu trẻ ấy tỏ ra có học lực trội hơn các trẻ lớp Ba và đáng lên lớp Nhì thì chúng ấy giáo-chức sẽ đem nó lên ngồi lớp Nhì. Trái lại, giáo-chức «không nên nhận nó ngồi lớp Nhì ngay lúc đầu để

rồi vài ba tháng sau, vì học-lực kém, mà bắt buộc trẻ phải xuống học ở lớp Ba. Làm như thế, giáo-chức sẽ châm lòng tự-ái quá nặng của trẻ và nhứt là của phụ-huynh chúng. Trẻ ấy sẽ chán-nản, xấu-hổ mà bỏ học và cha mẹ trẻ sẽ có dịp khiếu-nại với thượng-cấp ở nhiều nơi.

Nói tóm lại, trong việc sắp-xếp học-sinh, giáo-chức không nên nề các bậc phụ-huynh để có những việc đáng tiếc về sau và nếu có sự sửa chữa cần-thiết là phải sau kỳ thi lục-cá-nguyệt và chung cho toàn lớp.

b. Trong một học-đường, ban Giám-đốc cần cấm ngặt một trẻ con theo học môn này với giáo-chức này và học môn khác với giáo-chức khác cùng dạy hai lớp tương đương.

Thí-dụ : Học Việt-văn với giáo-chức lớp Nhì A, học Toán và Hình-học với giáo-chức lớp Nhì B chẳng hạn.

c. Bài vở ra cho học-sinh cùng một lớp phải nhắm vào học-lực của hạng trung-bình tuy rằng trong băt-cứ lớp học nào ; tuy học-lực, học-sinh thường được chia ra ba nhóm : nhóm khá, nhóm trung-bình và nhóm kém. Nhóm trung-bình là đa số. Bài ra căn-cứ vào học-lực nhóm ấy thì nhóm khá dư sức làm, học ôn lại để chờ chúng bạn cũng không hại gì và nhóm kém cố gắng lên một chút sẽ làm được ngay. Làm như thế giáo-chức chỉ ra một loại bài và chỉ chấm một loại bài mà thôi. Lại nữa, lớp học khỏi phải bị chia ra nhiều nhóm ganh-tị nhau, coi nhau như người xa lạ và tinh-thần cùng hòa-khí lớp học khỏi bị tổn-thương. Từ 9 tuổi trở xuống, học-sinh được chia thành hai nhóm là cùng. Sự chia ra từng nhóm bị cấm ngặt ở lớp Nhì và lớp Nhất.

Trái lại, theo lối giáo-dục mới, nếu cần, trước khi dạy một môn nào, giáo-chức có thể chia học-sinh lớp ấy ra làm ba nhóm tùy học-lực của chúng đối với môn ấy như sau : nhóm khá, nhóm trung-bình, nhóm kém. Học-sinh cùng một nhóm làm việc chung với nhau và có những

dề-tài học-tập riêng (Thí-dụ : Toán-học, Tập-đọc, Âm-tả, Thể-thao v.v...). Lý-do sự chia học-sinh ra từng nhóm là như sau : nếu trong một lớp học rõ-rệt có ba hạng học-sinh và nếu giáo-chức chỉ ra một loại bài căn-cứ vào nhóm trung-bình thì nhóm khá sẽ mất thi giờ vì bài vở dưới học-lực của chúng và nhóm kém sẽ chán-nản vì chúng không làm được gì. Theo lối giáo-dục mới, mỗi nhóm phải có bài học vừa sức của chúng và phải tiến theo trình độ của chúng chờ không phải đứng chung lại đó để chờ bạn hoặc để buồn chán rồi bỏ học. Giáo-chức sẽ luân-phiên ở với nhóm này 15 phút, để giảng bài, trong khi hai nhóm khác làm bài, rồi lại chuyển sang nhóm kế cho đủ ba nhóm thì thôi. Giáo-chức không cần nói to cho toàn lớp nghe mà chỉ nói khẽ cho mỗi nhóm nghe thôi.

Tuy vậy, sự chia học-sinh ra làm ba nhóm tùy theo học lực của chúng đối với môn học không có gì là vĩnh-viễn. Nói một cách khác, em A, đến giờ Toán-học thì ở nhóm giỏi mà đến giờ Tập-đọc thì ở nhóm trung-bình và đến giờ Âm-đọc thì ở nhóm kém, và trái lại. Sự phân chia ấy phải có tính-cách đột-ngột và khéo-léo để tránh sự châm lòng tự-ái của trẻ con và tránh sự hiềm-thù, ganh-ghét một khi chúng biết được chúng bị liệt vào hạng kém trong lớp.

Nếu giáo-chức nhận thấy rằng, đối với một môn học nào (thí dụ : Luân-lý, Công-dân giáo-dục, Vệ-sinh v.v...) sự chia học-sinh không cần thiết thì không cần áp-dụng cách ấy nữa.

Sự chia học-sinh ra từng nhóm khi chúng học một môn nào làm cho giáo-chức phải thêm nhiều công việc : cùng một vấn-dề chọn ba đề-tài riêng biệt ; sửa ba loại bài khác nhau ; giảng-giải bài ba cách khác nhau, giáo-chức phải luân-chuyển khắp ba nhóm để tuần-tự hướng-dẫn chúng. Nếu giáo-chức không đủ uy-tín thì trật-tự

trong lớp sẽ không sao giữ được và lớp học sẽ, hoặc ồn ào hoặc buồn tẻ.

3. SỰ SẮP XẾP HỌC-SINH THEO SỐ GIÁO-VIÊN VÀ SỐ PHÒNG HỌC TRONG MỖI TRƯỜNG

a. Nếu nhà trường có ba phòng học và ba lớp học (lớp Ba, lớp Nhì, và lớp Nhất) mà chỉ có hai giáo-chức đảm-nhiệm thì một giáo-chức đảm-nhiệm lớp Nhì và lớp Nhất trong hai phòng riêng-biép và một giáo-chức nữa đảm-nhiệm lớp Ba có kèm theo một nhóm học-sinh dưới 7 tuổi trong một phòng riêng biệt.

b. Nếu nhà trường có ba phòng học, ba lớp học (cours) lớp Ba, lớp Nhì, lớp Nhất và ba giáo-chức thì mỗi giáo-chức đảm-nhiệm mỗi lớp trong mỗi phòng riêng biệt.

c. Nếu nhà trường có ba lớp học và bốn phòng học thì lớp Ba chiếm một mình hai phòng, lớp Nhì chiếm một phòng, lớp Nhất, chiếm một phòng.

d. Nếu nhà trường có năm phòng và ba lớp học thì lớp Ba chiếm hai phòng, lớp Nhì hai phòng và lớp Nhất chỉ chiếm một phòng mà thôi.

e. Nếu nhà trường có sáu phòng và ba lớp học thì mỗi lớp học chiếm hai phòng, ngoại trừ trường hợp lớp Nhất có một số học-sinh không thể chia ra làm hai nhóm được vì lớp này là lớp sắp thi ra trường.

Nói tóm lại, nếu có sự chia học-sinh ra từng phòng và tùy theo số giáo-chức thì những tiện-nghi đều phải dành cho các lớp nhỏ vì chúng cần được giáo-chức trông nom săn-sóc nhiều hơn.

4. Kết-luận

Ở trường mẫu-giáo và ở trường sơ-tiểu sự sắp xếp học-sinh theo hạng tuổi hoặc theo học-lực là điều-kiện

tối-cần. Nó được thi-hành ngay đầu niên-khoa. Thực hành một cách chu đáo, sự ấy giúp giáo-chức có một lớp học đồng-nhất, hoặc có sự chênh-lệch về học-lực thì nó sẽ không quá lớn. Nó là một trong các điều-kiện căn-bản của sự thành-công ở nhà trường.



CHƯƠNG-TRÌNH HỌC KHÓA

I.— CHƯƠNG-TRÌNH MẪU-GIÁO

Ở trường mẫu-giáo trẻ con được chia làm hai hạng như sau : hạng hai-dồng (từ 2 đến 5 tuổi) hạng đồng-Ấu (từ 5 đến 6 tuổi).

Chương-trình học-khoa gồm có các môn sau đây cho hai hạng :

- Thể-thao : Các sự luyện-tập và hó-hấp ; các cuộc chơi, các cuộc cử động (tập thể-thao) tuần-tụ từ dễ đến khó và theo đó có hát.

- Những sự luyện-tập ngũ-giác-quan, những sự luyện tập thủ-công, những sự tập-vẽ.

- Những sự tập nói, tập học bài thuộc lòng, các bài kè-chuyen và các truyện hoang-dường.

- Những sự luyện-tập quan-sát các đồ-vật, các con vật quen-thân với trẻ con.

- Những sự luyện-tập có mục-tiêu huấn-luyện những thói quen, những tập-quán đầu tiên về đạo-đức luân-lý.

- Đối với trẻ con hạng đồng-Ấu (từ 5 đến 6 tuổi) khởi đầu có những bài học khai-thị các môn học như Tập-dọc, Tập-viết, Toán-dố.

Chương trình này, trừ phần chót, được áp-dụng cho hai hạng trẻ con ở trường mẫu-giáo. Tuy nhiên đối với trẻ con hạng hai-dồng (từ 2 đến 5 tuổi) chương-trình được áp-dụng tùy trình-độ tuổi và sự phát-triển tri-khôn

của các trẻ ấy. Trong chương trình này, những danh-từ, động-từ chỉ một môn giáo huấn nào đều bị loại bỏ. Các trẻ ấy vẫn tiếp-tục học hỏi nhưng tập-luyện các giác-quan của chúng hơn là học trong sách và hơn là chỉ nghe giảng các bài-học.

A. Các điều nên chú-ý :

1. Các chương-trình mẫu-giáo chỉ nhắm ba hình-thức của khoa giáo-dục là : thể-dục, tri-dục và đức-dục. Chương-trình thiên về sự khai-mở các năng-khiếu của trẻ con.

2. Những cuộc chơi, những bài-tập thể-thao được nêu lên trước hết trong bản kê-khai các môn dạy.

3. Tập viết, tập đọc và làm toán chỉ choán 1/6 của chương-trình và phần chót hết. Nó chỉ dành riêng cho trẻ con từ 5 đến 6 tuổi. Ấy là những chỉ dẫn cẩn-thiết mà các nữ giáo-viên trường mẫu-giáo cần biết. Trường mẫu-giáo không chỉ khai-mở, tập-luyện một số năng-khiếu này mà bỏ rơi một số năng-khiếu khác. Trái lại, trường mẫu-giáo chủ-trọng đến sự phát-triển đều đẽ các năng-khiếu của trẻ con. Trước hết, thể-dục là môn căn-bản của nền giáo-dục này. Vì vậy chương-trình phải khởi sự bằng những sự tập-luyện thể-thao. Trẻ con trước nhất, luyện-tập chân tay, tiếng nói và các giác-quan của chúng trong những cuộc chơi, những cuộc vận-động tuân-tự có kèm theo những bài hát. Kế đó, trẻ-con phải dự lớp học-tập bài học thuộc-lòng (ám-độc) nghe những chuyện thuật lại, những chuyện hoang-dường hay thần-thoại.

Sau rồi chúng mới được khai-thị về các tập-quán có tính-cách luân-lý đạo-đức. Khi chơi giốn với chúng-bạn và làm việc tập-thể, trẻ con tập sống trong xã-hội. Lương-lâm trẻ con sẽ phát hiện dần dần và những nguyên-tắc đầu tiên của luân-lý đạo-đức sẽ được chúng tự tìm ra. Như vậy, không cần nghe giảng một bài luân-lý lần nào

mà trẻ con sẽ dần dẫu tự biết rằng : không nên đánh lấy cho mình bất cứ vật gì; không nên bạo-tợ, ích-kỷ, lười biếng; phải thương cha mẹ, thầy học và nghe lời các bậc ấy. Sau đó mới đến môn tri-dục theo một chương-trình rất nhẹ, gồm ít nhiều đại cương thôi và hết sức giản-dị. Ở trường mẫu-giáo mà muốn dạy nhiều là một tai-hại. Cách dạy như thế làm cho trẻ con mệt trí mà không nhớ được gì vì quá súc của chúng và sẽ làm cho chúng chán-nản sự học.

Cần phải nhớ rằng đứa trẻ rất thông minh hồi 5 tuổi sẽ trở nên dần-dộn, u-ám khi nó được 10 tuổi. « Nở sớm thì tàn sớm » là lẽ dĩ nhiên vậy.

B. Mục đích trường mẫu-giáo

Trường mẫu-giáo không phải là một trường theo ý-nghĩa thông thường của nó. Nó là giai đoạn trung-gian giữa gia-đình và nhà trường. Trường mẫu-giáo vừa phải giữ đặc-sắc hiền-hậu, ái-yêu, khoan-thí của gia-đình và hướng trẻ con dần vào sự học tập đều-dặn của nhà trường. Trường mẫu-giáo lập ra cốt để giúp trẻ con có nơi dùm-dậu vui-vẻ, để tránh mối nguy-hiểm ngoài đường và những mối nguy-hiểm của sự sống lê-loi trong một ngôi nhà thiếu vệ-sinh. Nhà trường nên khuyến-kích sự tụ-tập hàng ngày ở nơi này những trẻ con đi chơi rong ngoài đường và nhận lãnh những trẻ con mà người mẹ mắc di-làm trong xưởng, trong häng v.v...

Nhà trường, trong những giờ chơi, sẽ là nơi dùm-dậu của những trẻ con các nhà lân-cận cùng một tuổi với các học-sinh của trường. Vì lẽ ấy mà người ta gọi : « Trường mẫu-giáo là áu-trĩ-viện, là Thiên-đường của trẻ con ».

Những môn dạy ở trường mẫu-giáo, kè cả giờ chơi phải được áp-dụng theo nguyên-tắc tông-quát này : Các môn ấy phải giúp sự phát-triển các năng-khiếu của trẻ con mà không làm chúng mệt, không bắt buộc chúng

phải làm, phải ráng thái quá. Phương-pháp áp-dụng ở trường mẫu-giáo là phương-pháp của các người mẹ khôn-ngoan và tận-tâm dạy dỗ trẻ con. Tức là phương-pháp tự-nhiên, thân-mật, luôn luôn cởi mở dễ đón tiếp những sự tiến-bộ mới, luôn luôn sẵn sàng để tự bồ-túc và tự canh-tân. Trường mẫu-giáo phải là nơi khả-ai, tinh-khiết đối với trẻ con do những cô giáo tận-tâm, luôn luôn rất tốt và vui-vẻ. Nơi ấy trẻ con ưa đến và tự thấy có hạnh-phúc.

II. CHƯƠNG-TRÌNH TRƯỜNG SƠ-TIỀU

A. Sự cấu-tạo : Chương-trình tổng-quát trường sơ-tiểu gồm các môn sau đây : Ngữ-vựng, Tập-đọc, Học-thuộc lòng (ám-đọc), Chính-tả và Văn-phẩm, Tập viết Tác-văn, Đức-dục và Công-dân giáo-dục, Sứ-ký, Địa- lý Thường-thức và Vệ-sinh, Toán, Vẽ, Thủ-công, và Hoạt-dộng thanh-niên.

Về ban hướng-nghiệp thì có thêm mấy môn sau đây :

1. Cho nữ học-sinh : Gia-chánh, Nữ-công, Dưỡng-nhi.
2. Cho nam học-sinh : Thường-thức thực-hành.

Cần chú- ý. — Chương-trình học khóa lập ra là tùy trình-dộ và nhu-cầu của học-sinh chứ không phải học-sinh phải tuỳ chương-trình.

B. Sự thích-ứng và khởi-thảo các chương-trình

Đối với giáo-chức, cần có sự cần thiết thích-ứng chương-trình cho trường mình nghĩa là cần thiết cho sự áp-dụng vừa vặn chương-trình. Vậy giáo-chức phải xem xét chương-trình ấy từng diêm một. Cần chú-trọng những diêm chính và bỏ bớt những chi tiết rườm-rà. Dạy học là chọn lựa cái chi cần nêu dạy cho trẻ con và bỏ bớt cái chi không bô-ich.

Những yếu tố cần được chú ý để thích ứng chương-trình là như sau :

1. Thời-hạn niên-khoa và sự đi học đều đặn của trẻ con.

Không thể nào dạy trong 6, 7 tháng cho hết một chương-trình đã được lập lên cho 10 tháng học.

2. Trình-độ trí-thức của học sinh cần được đặc-biệt chú- ý.

Trẻ con ở thôn-quê có một trình-độ trí-thức kém hẳn trình-độ trẻ con ở đô-thị. Ở thôn-quê, trẻ con không được cha mẹ nhắc nhở, giúp đỡ trong công việc học-hành, không được thấy những phát-minh tối-tân của khoa-học (xe hơi, máy bay v.v...) các điều lạ và các cuộc lễ lớn như trẻ con ở châú-thành.

C. Bản-chất của nhà-trường và những nhu-cầu địa-phương

1. Trường nữ học-sinh phải khác với trường nam học-sinh về cách dạy dỗ (một ít môn riêng biệt cho trường nữ). Ở trường nữ học-sinh cần dành cho môn gia-chánh một địa-vị xứng-đáng.

Chương-trình của trường nữ học-sinh nhằm mục-dịch đào-tạo những nội-trợ tương-lai. Ở trường này, môn Thường-thức (Cách-trí hay là Quan-sát) không cần phải được áp-dụng đầy đủ như ở trường nam học-sinh.

2. Ở các trường thôn-quê cần phải nhấn mạnh về môn Nông-phố. Trái lại, ở trường châú-thành thì phải nhấn mạnh về vău-dề kỹ-nghệ và thương-mại.

3. Ở các trường vùng bình-nguyên, chương-trình phải khác hơn chương-trình các vùng cao-nguyên.

4. Ở các trường miền duyên-hải cần phải nhấn mạnh về nghề làm muối, đánh cá, khô mắm, nghề hàng-hải v.v..

5. Tuy nhiên, ở các loại trường nói trên, các diêm đại-cương của chương-trình đều giống nhau, ngoại trừ một vài diêm có tính cách chuyên-môn cốt làm thỏa-mãn

những nhu cầu địa-phương thôi. Nếu không vậy thì nền giáo-dục ở nước ta sẽ không được nhất-trí và sẽ có hại cho sự đào-lạo thanh-niên nước nhà.

Nói tóm lại, thích-ứng một chương-trình cho một nhà trường có nghĩa là ấn-định kẽ-hoạch học-hồi phù-hợp với loại trường ấy. Nhưng đây chỉ mới đề-cập tới chương-trình tổng-quát của nhà trường mà thôi, chờ chưa bàn đến chương-trình riêng cho mỗi lớp. Về khoản sau này cần chú-trọng đến nguyên-tắc sau đây:

Tất cả các môn trong chương-trình đều được dạy ở mỗi lớp đúng theo nguyên-tắc «do-thiên nháp-thâm» nghĩa là cùng dạy một môn đó, ở các lớp dưới thi chỉ nhấn mạnh về các yếu-tố tòng-quát. Trái lại, ở các lớp trên, ở các lớp lớn, thi lại phải giảng rộng bài ra với nhiều chi-tiết.

Phải xen lắn các môn dạy với nhau để các học-sinh khỏi mệt-tri và khỏi chán. Sự xen lắn ấy phải được sắp xếp thế nào mà giờ đầu buổi sáng ngày thứ hai của tuần nhứt thi dành cho các môn bắt buộc học-sinh suy-nghĩ nhiều như: môn Luân-lý, môn Toán-pháp, Tác-văn v.v... và giờ chót dành cho môn giúp học-sinh nghỉ đôi-chút: như môn Hát, môn vẽ, môn Tập đọc v.v...

III. SỰ PHÂN-CHIA CHƯƠNG-TRÌNH

A. Mục-đích.— Chương-trình chung-niên, một khi đã được ấn-định xong, sẽ được chia ra từng tháng một. Nếu không thể thi giáo-chức hoặc sẽ đi quá chậm và cuối năm sẽ không dạy hết chương-trình, hoặc sẽ đi quá mau và chỉ dạy phớt các bài.

B. Cách phân-chia chương-trình.— Chương-trình học-khoa có thể được chia từng-tam-cá-nguyệt một, từng nhị-cá-nguyệt một, từng tháng một, từng tuần một v.v...

Sự phân-chia chương-trình ra từng tam cá-nguyệt một có tính cách quá ư co-giãn và sợ rằng khoảng chương-trình thuộc tam-cá-nguyệt chót sẽ bị bỏ rơi vì lẽ trong hai tam cá-nguyệt đầu giáo-chức đi quá chậm.

Trái lại, sự chia chương-trình học-khoa ra từng tuần-nhứt một thì lại cầu-thúc, bó-buộc giáo-chức quá vì lẽ có nhiều vấn-de không thể nào giảng xong trong một tuần-nhứt được. Rốt cuộc chỉ có cách chia chương-trình ra từng tháng một mà thôi.

C. Làm thế nào chia chương-trình học-khoa ra từng tháng một.— Muốn được vậy giáo-chức phải tính cho đúng số tháng học-tập thiết-thực của học-sinh trong niên-khoa; sau khi đã đề ra các ngày nghỉ lễ thường và bất thường rồi, chia chương-trình học-khoa cho số tháng ấy. Thị-dụ: Số tháng học-tập thiết-thực trong niên-khoa là 9 thi giáo-chức chia chương-trình ra làm 9 khoản.

Nhiều khi số tháng học-tập ấy thay đổi tùy lớp học và tùy vùng.

Dù sao, một khi đã được chia ra từng tháng rồi chương-trình vẫn được xét lại để có sự sửa-chữa, nhứt là trong việc phân-chia các môn dạy và nhứt là trong tuần chót của mỗi niên-khoa.

Có người cho rằng: «Đầu niên-khoa đã có chương-trình ấn-định sẵn và đã được phân-chia rành-rẽ: hà tất giáo-chức phải làm lại việc ấy? »

Đành rằng đầu niên-khoa Ty giáo-huấn đã có thông-tri một bản trong ấy đã có ấn-định sự phân-chia chương-trình ra từng tháng một cho từng lớp một và tùy cấp-bực. Nhưng thực-tế đã cho thấy rằng: sự phân-chia ấy có tính cách tổng-quát. Nhiều khi nó không phù-hợp với nhu-cầu địa-phuong. Vậy, sự xem xét lại chương-trình để có sự sửa-chữa rất cần.

IV. KẾT-LUẬN

Nói tóm lại, dù ở trường mẫu-giáo hay ở trường sơ-tiêu, vấn-dề chương-trình là vấn-dề căn-bản vì lẽ chương-trình giáo-khoa là kim chỉ-nam trong sự dạy dỗ trẻ con. Thiếu sự phân chia chương-trình hoặc sự áp-dụng một chương-trình lờ-mờ, không rõ-rệt, sẽ đưa đến tai-hại là làm mất thì giờ trẻ con và làm chúng hoang-mang.

*

THỜI - KHÓA - BIỀU

I. SỰ CẦN-THIẾT CỦA THỜI-KHÓA-BIỀU

Thời-khoa-biểu có những tác-dụng sau đây :

1. Thời-khoa-biểu chỉ rõ sự nối tiếp các bài học, và nhờ thế, trong lớp sự học tập có trật-tự.
2. Thời-khoa-biểu cho phép dành cho mỗi môn học một thời-gian và một chỗ thích-ứng trong mỗi ngày hoặc trong mỗi tuần. Nhờ thế không một môn nào bị bỏ rơi.
3. Thời-khoa-biểu bắt buộc giáo-chức phải khép mình vào một trật-tự cần-thiết. Giáo-chức không được phép kéo dài thời-gian để giảng-giải một môn nào và làm hại cho môn học kẽ.
4. Thời-khoa-biểu bảo-dảm sự làm việc nhất-tề của nhiều học-sinh mà học-lực tuổi tác không đồng.
- Ở các lớp học khác do một giáo-chức trông nom, tất cả học sinh đều có bài học, bài làm, không hở khoảng để nói chuyện hoặc nô-đùa.
5. Thời-khoa-biểu đem vào lớp học sự thay đổi các môn học và sự sinh-hoạt, điều-kiện cần thiết để tránh sự uất-triển của các em.

II. NHỮNG QUY-TẮC CẦN PHẢI THEO TRONG SỰ THÀNH-LẬP THỜI-KHÓA-BIỀU

Trong sự thành-lập thời-khoa-biểu cần theo các quy-tắc sau đây :

a. Sắp-xếp các bài làm, bài học thế nào cho tất cả học-sinh đều có việc làm một cách hữu- ích. Ấy là nguyên-tắc chính, Sự áp-dụng nguyên-tắc này sẽ được dễ-dàng nếu mỗi lớp đều có một giáo-chức trông nom. Trái lại, sự áp-dụng này sẽ khó khăn nếu một trường học có nhiều lớp học mà chỉ có một giáo-chức trông coi. Trong trường-hợp này giáo-chức sẽ áp-dụng một trong các phương-sách sau đây :

b. Sắp-xếp các môn trong chương-trình thế nào mà thầy cho bài làm ở lớp này lại có thể qua lớp bên kia để dọn và giảng bài.

c. Trong trường-hợp không thể áp-dụng phương-sách trên cho tất cả các môn trong chương-trình thì giáo-chức sẽ áp-dụng phương-sách hô-tương bằng cách dùng giảng-tập viên thay thế giáo-chức. Phương-tiện này chỉ tạm-thời vì kết-quả của nó không tốt đẹp chi. Nhưng có giảng-tập viên còn hơn không, để tránh sự phí-mất thì giờ của trẻ con.

III. CẦN TỔ-CHỨC NHỮNG LỚP HỌC CÔNG-CỘNG CHO CÁC MÔN NỮU :

Luân-lý, Vệ-sinh, Cách-trí, Công-dân.

Thi-dụ : Đến giờ dạy môn Vệ-sinh, giáo-chức quy-tụ các học-sinh lớp Ba, lớp Nhì, lớp Nhất lại rồi giảng một bài trong ấy, đoạn dễ nhất dành cho lớp Ba, đoạn khó vừa-vừa dành cho lớp Nhì, đoạn chót rất khó dành cho lớp Nhất. Lớp Ba học đoạn đầu, lớp Nhì học đoạn đầu và đoạn kẽ. Lớp Nhất học tất cả ba đoạn.

IV. CẦN DÀNH CHO MỘT MÔN HỌC TRONG MỘT TUẦN, MỘT SỐ GIỜ PHÙ HỢP VỚI TÁNH CÁCH QUAN TRỌNG CỦA MÔN ẤY

Theo quy-tắc này một môn học có thể chiếm 1, 2 hoặc 3 giờ trong tuần tùy theo sự quan-trọng của môn ấy.

V. CẦN ẨN ĐỊNH SỰ NỐI TIẾP CÁC MÔN DẠY CHO HỢP-LÝ VÀ HỢP VỆ-SINH

Nguyên-tắc này có nghĩa là những bài khó cần phải suy-nghĩ nhiều thì cần chiếm giờ đầu của buổi sáng hoặc buổi chiều trong một ngày.

Thí-dụ : Bài luân-lý phải chiếm giờ đầu của buổi sớm mai ngày thứ hai. Bài toán phải chiếm giờ đầu buổi sáng thứ ba v.v.... Những giờ kế của mỗi buổi thì dành cho các môn ít làm mệt trí trẻ con. Những giờ chót của buổi sáng và buổi chiều giúp trẻ con nghỉ ngơi đôi chút như : Vẽ, Tập-viết, Tập-đọc, Thủ-công, Hát v.v...

IV. KẾT LUẬN

Sau vấn-dề chương-trình vẫn-dề thời khóa-biển được coi là cần-thiết. Nếu thời-khoa-biển không được ẩn-định rõ-rệt và công-bố cho toàn lớp được biết thì đó là một cảnh hồn-loạn khôn-tả : hồn loạn đối với giáo-chức ở chỗ giáo-chức trước khi vào lớp không biết sẽ dạy bài gì và không sao sửa-soạn bài trước ; hồn-loạn đối với học-sinh ở chỗ chúng không thể đoán trước giáo-chức sẽ dạy bài gì để mang sách vở cần-thiết vào lớp và học bài đúng ý-định của giáo-chức.



VIỆC SOẠN BÀI

I. ĐỊNH NGHĨA

Soạn bài có nghĩa là sửa soạn bài vở, tìm đủ tài-liệu, như tranh ảnh, hình vẽ, đồ-vật, để giảng-giải bài một

cách rành-rọt chu-đáo ; những chữ khó phải được tra-cứu, bài toát-yếu phải được viết lên bảng đen trước giờ học, các đề-tài các bài tính-đỗ đều được chọn trước. Tất là làm những việc cần-thiết để chuẩn bị lớp học.

II. CÔNG-DỤNG CỦA SỰ SOẠN BÀI HAY LÀ SỰ CHUẨN-BỊ LỚP HỌC

1. Theo chương-trình giáo-khoa hiện nay, số các môn học lên đến 20, nhiều hơn thời xưa. Vì thế giáo-chức phải có một học-lực rộng rãi gồm các môn ấy. Vì không thể dùng sách một cách tuyệt-đối để dạy, giáo-chức trước giờ học, phải soạn bài một cách cẩn-thận, chu-đáo. Nhờ sự chuẩn-bị trước, giáo-chức sẽ giảng-giải bài học một cách rõ-ràng, rành-mạch.

2. Giáo-chức không nên cho rằng học-lực của mình cao hơn trình-độ lớp học quá nhiều nên không cần soạn bài trước là vì, dù giỏi đến đâu, giáo-chức cũng có chỗ quên, chỗ nhớ, chỗ lầm lẫn, sơ sót. Soạn bài giúp giáo-chức tránh các khuyết-điểm ấy và đồng thời chứng-minh lương-tâm nghề-nghiệp của giáo-chức.

3. Bài dạy có sửa soạn trước làm cho học-sinh vui thích và lớp học trở nên linh-động. Số học sinh đến học mỗi ngày một đông. Đó là phần thường xứng đáng của giáo-chức. Uy-tín của giáo-chức mỗi ngày mỗi tăng.

4. Bài được sửa soạn trước tự-nhiên bảo-vệ được trật-tự của lớp học vì lẽ học-sinh chăm-chú vào bài giảng sẽ không lo ra và không đùa bỡn.

III. PHẢI SOẠN BÀI CÁCH NÀO ?

Soạn bài trước giờ học có nghĩa là : trước khi học-sinh vào lớp, giáo-chức phải viết lên bảng đen những đề bài Toán, đề bài Tác-văn, những hình vẽ thuộc về các môn Hình-học, Địa-ly, Sử-ky, Thường-thức v.v... và những bài toát-yếu, các bài dạy bằng miệng.

Trước giờ nói trên tại tư-gia, chiều hôm trước, trong tập soạn bài, giáo-chức ghi vào đó đề tài bài Tác-văn, đề tài các bài Tính-đố rút trong sách Tính-đố, dàn-bài các bài dạy bằng miệng với số trang các sách giáo-khoa cần thiết có kèm theo bài toát-yếu và nhiều câu hỏi thuộc mỗi bài.

Giáo-chức có thể dùng dấu-hiệu riêng hoặc lối viết tắt để ghi chép các toát-yếu trên đây.

Nếu bài dạy cần được chứng-minh bằng tranh ảnh, hình vẽ, địa-đồ và vật-liệu thì các học-cụ ấy cần được trưng bày trước, vẽ lên bảng đen hoặc thí-nghiệm trước giờ học.

Nếu là bài học thuộc lòng, hoặc bài Giảng-văn thì 5 phút trước giờ học, giáo-chức cần đọc các bài ấy trong sách giáo-khoa đã phát cho học-sinh để tránh sự bỡ ngỡ trong khi dạy.

Thường giáo-chức có loại sách giáo-khoa riêng, trong đó có vừa các đề-tài vừa các bài kiêu-mẫu của nhiều loại bài để sự soạn bài được dễ dàng.

Điều nên chú ý là giáo-chức cần giảng-giải các bài một cách giản-dị, minh-bạch không đi quá sâu vào các chi-tiết. Các chi-tiết ấy trẻ con sẽ tìm thấy trong sách học của chúng.

IV. SỰ KHÁC-BIỆT GIỮA TẬP SOẠN BÀI VÀ QUYỀN ĐẦU BÀI DẠY

1. Tập soạn bài. Tức là tập mà trong ấy giáo-chức ghi những ý-kiến, những tài-liệu, những điều cần-thiết thuộc những bài sắp đem ra giảng. Tập soạn bài là tập dành riêng cho giáo-chức. Bởi thế giáo-chức có thể dùng những dấu hiệu riêng, hoặc lối viết tắt. Nếu khi xét lớp, vị thanh-trá học-vụ cần xem tập ấy là để biết giáo-chức có soạn bài hay không và soạn như thế nào ! Viết chữ tốt, vẽ hình đẹp không thành vấn-dề trong trường hợp này.

2. Quyền đầu bài. Tức là tập mà trong ấy giáo-chức ghi các đầu-đề bài dạy mỗi ngày theo một khuôn-khổ nhất-định. Lối ghi ấy rất vẫn-tắt. Nó chỉ cho biết sự liên-tục các bài dạy thuộc mỗi môn trong chương-trình. Nó giúp ông hiệu-trưởng hoặc ông Thanh-trá học-vụ biết rõ giáo-chức có dạy đúng chương-trình không, nhứt là vào tháng nào phải dạy khoản nào của chương-trình. Sự áp-dụng quyền nhật-ký rất máy-móc, nó không chứng-minh một cách đầy đủ về chi-tiết cách soạn-bài của giáo-chức.

V. CÁC HÌNH-THỨC TẬP SOẠN-BÀI

1. Tập soạn-bài dưới hình-thức một tập dành chung cho các môn

a. Phần lợi : Giáo-chức không cần có nhiều tập, mỗi tập dành riêng cho mỗi môn. Một tập như thế sẽ mau hết và sẽ được thay thế bằng những tập mới. Như thế tập soạn-bài sẽ không khi nào đơ-bản và rách-nát.

b. Phần hại : Các bài được ghi vào đó chỉ tùy theo thời-khoa-biều của mỗi ngày và sẽ rất lộn-xộn. Các bài thuộc một môn sẽ bị cách khoảng và sẽ làm trở-ngại sự tìm-kiếm của giáo-chức. Sang năm sau, nếu giáo-chức muốn sửa-chữa đôi chút các bài lại thì sẽ rất bất tiện.

2. Tập soạn-bài dưới hình-thức mỗi tập dành cho mỗi môn

a. Phần lợi : Các bài thuộc một môn được ghi vào một tập riêng. Khi cần giáo-chức chỉ giờ tập ấy ra thì thấy ngay sự liên-tục ấy.

b. Phần hại : Dưới hình-thức này, giáo-chức phải có đến 20 tập. Cuối năm có tập được sử-dụng hết, và có tập chỉ mới được sử-dụng một phần ít mà thôi và sang niên-khoa sau lại bị bỏ. Như thế sự phung-phí giấy sẽ quá

nhiều và sẽ rất tốn-kém. Qua niên-khoa nếu cần sau sửa-đổi đôi chút sẽ không thể được.

Lại nữa, mỗi ngày giáo-chức phải mang theo mình nhiều tập; như thế thật là bất-tiện.

3. Tập soạn bài dưới hình-thức nhiều tờ rời

a. **Phần lợi:** Dưới hình-thức này, tập soạn bài rất tiện ở chỗ sang niên-khoa kế, giáo-chức có thể sửa-đổi bài soạn của mình một đợt chỗ bằng cách rút trang cũ ra và thay trang mới vào. Một điều lợi nữa là: nếu học-sinh chép bài không hết mà đã quá giờ rời thì giáo-chức có thể cho chúng mượn trang ấy trong năm, ba ngày mà không có sự bất-tiện nào trong công-việc soạn bài tới.

b. **Phần hại:** Các tờ rời ấy dễ thất-lạc lầm và như thế rất có hại cho sự soạn bài chẵng những cho niên-khoa hiện tại mà còn cho các niên-khoa sau.

VI. KẾT-LUẬN

Nói tóm lại, sự soạn bài rất cần-thiết trước khi dạy. Nó chứng-minh lương-tâm nghề nghiệp của giáo-chức và đồng-thời giúp sự giảng bài được rành-rọt và có trật-tự khiến lớp học được linh-dộng và có kết-quả chắc-chắn.



CHỦ-DIỀM

I. ĐỊNH-NGHĨA

Chủ-diểm là một vấn-dề được lấy làm nồng-cốt cho các bài học khác trong tuần.

Thí-dụ: Hôm nay là mùa gặt lúa thì trong một học-đường vùng thôn-quê, hầu hết các môn dạy đều đề-cập đến vấn-dề lúa. Bài thường-thức cho biết hình-thể và các chất-bản của hột lúa, bài tính-đố thì sẽ nói về sự mu-

bán lúa, bài vẽ sẽ vẽ một cây lúa trồ bông hoặc một giế lúa v.v...

II. PHẦN-LỢI :

1. Sự áp-dụng thuyết chủ-diểm giúp giáo-chức cho học-sinh nhận-thức được mối liên-quan giữa các bài học và giúp chúng hiểu rõ một vấn-dề dưới nhiều khía-cạnh.

2. Lại nữa, một vấn-dề được trình-bày nhiều lần dưới nhiều hình-thức sẽ được ghi sâu vào tri-óc trẻ con vì chúng sẽ rất quen với một đề-tài mà chúng đã biết dưới nhiều hình-thức khác.

III. PHẦN BẤT-LỢI :

1. Chủ-diểm thường được lựa một cách bất- ngờ, không hợp-lý và bắt-buộc giáo-chức trả lui lại sau hoặc đi trước quá xa về một môn dạy nào để áp-dụng thuyết chủ-diểm cho môn ấy. Chương-trình học vì thế mà bị chia ra manh-mún.

2. Sự áp-dụng không khéo thuyết chủ-diểm sẽ làm học-sinh chán-nản vì chúng bị buộc nghe «cung đàn một điệu» nhiều lần trong tuần.

IV. ĐIỀU CẦN CHÚ-Ý

Sự áp-dụng thuyết chủ-diểm được nêu lên với vài ý kiến đáng chú- ý như sau :

1. Sự tương-hợp giữa nhà trường và trường-đời :

Một vài đề-tài căn-bản có thể được áp-dụng cho nhà trường. **Thí-dụ :** Hiện giờ nước Việt-Nam được độc-lập. Lòng ái-quốc và sự phục-vụ tổ-quốc cần được nhấn-mạnh với tư-cách là chủ-diểm trong khi dạy các môn Luân-lý và Công-dân giáo-đục, Sử-ký, Địa-lý Chính-tả, Tác-văn v.v...

2. Sự tương-tiếp và bỗ-túc lẫn nhau giữa các môn-học. Thi-dụ, Giảng-văn chuẩn-bị bài Âm-dộc. Bài Âm-dộc giúp tài-liệu và gương-tốt cho bài Luân-lý và Công-dân. Bài Giảng-văn và Chính-tả chuẩn-bị bài Tác-văn tả cảnh, tả người, tả vật hay tự-thuật v.v...

V. KẾT - LUẬN

Thuyết chủ-diểm có một công dụng thực-tế. Nhưng nó chỉ được áp-dụng cho các lớp học từ lớp Ba trở xuống của bậc sơ-tiểu mà thôi. Ở các lớp này chương-trình học-khoa của các môn không rộng nên có nhiều điểm dễ gặp nhau.

Trái lại, ở các lớp lớn từ lớp Nhì trở lên, chương-trình học-khoa các môn đã đi sâu vào chi-tiết khiến cho sự áp-dụng thuyết chủ-diểm rất khó khăn. Tuy-nhiên, nếu có dịp thi giáo-chức sẽ áp-dụng thuyết ấy ít nhứt là cho vài ba môn.



KỶ-LUẬT NHÀ TRƯỜNG

Kỷ-luật xưa (*Theo lối giáo-dục Pháp-lan-tây*)

I. ĐỊNH-NGHĨA

Kỷ-luật là toàn thê các luật-lệ, các quy-tắc, nội-lệ, quản-trị một cơ-quan công hoặc tư như quân đội, học đường, giáo-hội v.v...

II. MỤC-DÍCH CỦA KỶ LUẬT

Kỷ-luật nhà trường có mục-dịch bảo-vệ trật-tự và sự học-hành của toàn lớp. Riêng về mỗi trẻ con, kỷ-luật có mục-dịch cải-thiện đời sống tinh-thần của chúng ngày một thêm hay bằng cách dạy chúng tự kềm-chẽ lấy chúng.

III. TÍNH-CÁCH TỒNG-QUÁT CỦA KỶ-LUẬT

1. Kỷ-luật nhà trường thời buổi hiện-tại là một kỷ luật rộng-rãi, khoan-hồng, tìm cách cải-thiện trẻ con hơn là câu-thúc chúng, bắt chúng phải phục-tùng một sức mạnh, một quyền thế. Kỷ-luật ấy cần đi ngay vào phần căn-bản là lương-tâm và đạt được trật-tự ở bên trong nghĩa là sự ưng-thuận theo một nguyên-tắc hơn là sự yên-tĩnh tạm thời bên ngoài. Kỷ-luật dạy trẻ con phải tự kiềm-chẽ lấy mình. Muốn được vậy, kỷ-luật nhận sự tin-nhiệm ở trẻ con một phần nào, khêu gợi thiện-chi của trẻ con hơn là làm cho chúng sợ các hình phạt; kỷ-luật nên khuyên nhủ, báo trước để trẻ con đề-phòng các tội-lỗi, khiên-trách chúng hơn là hình-phạt chúng. Phương-tiện hành-động của kỷ-luật là lòng tốt, không phải thứ lòng tốt mù-quáng và hèn-nhát để trẻ con muốn làm chi thì làm vì không thể ngăn chúng, mà là thứ lòng tốt thấy xa và can-dám, có đủ nghị-lực vừa để hình-phạt cũng như vừa để ngừa trước.

Kỷ-luật khoan-hồng có tính cách vừa là khuyến-phục vừa là ngăn-ngừa, vừa là răn dạy, khác hẳn với kỷ-luật ngày xưa cẩn-cù vào sự trùng-phạt. Kỷ-luật ngày xưa hiện nay đã bị bãi-bỏ.

Kỷ-luật khoan-hồng hiện nay phù-hợp với học-đường một nước dân-chủ. Nó chỉ-huy ý-chí trẻ con nhưng không làm cho ý-chí chúng bạc-nhược. Nó kêu gọi đến lẽ phải và lương tâm học-sinh. Nó đào-tạo những công-dân biết ý thức thê-thống và trách-nhiệm của mình.

Kỷ-luật ngày xưa chú-trọng về sự chế-ngự trẻ con bằng những hình-phạt nhiều khi làm hạ nhơn-phầm hơn là bồi-dưỡng tinh-thần chúng. Kỷ-luật ấy đánh gầy ý-chí trẻ con, làm nhục chúng, làm nảy ra tinh dǎu-diếm, che-dậy các tội-lỗi và chung qui biến chúng trở nên những người có óc nô-lệ, hèn-hạ, rất nguy-hại cho xã-hội.

2. Kỷ-luật nhà trường phải mềm dẻo. Câu ấy có nghĩa là : kỷ-luật nhà trường không thể áp-dụng một cách nhất-thể cho bất cứ hạng trẻ nào. Nó cần được gia-giảm tùy theo tánh-hạnh của chúng và tùy-nghỉ làm phát-triền nhân-cách chúng.

3. Kỷ-luật nhà trường hiện nay rất công-bằng. Câu ấy có nghĩa là : kỷ-luật nhà trường chẳng những tần-thường sự thành-công mà còn ủy-lạo, khen thưởng sự cố-gắng nữa. Nó sắp bên cạnh những đức-tính hay về tri-thức, những đức-tính tốt về luân-lý đạo-đức như sự làm việc đúng giờ, đúng-kỳ-hẹn, sự vâng-lời dạy-bảo, sự-bèn-chí v.v...

4. Kỷ-luật hiện tại rất khoan-dung nhưng không phải là không-cương-quyết, thích-thưởng hơn là phạt. Một khi trẻ con được thưởng, chúng sẽ tự-thấy sung-sướng, học-hành hăng-hái thêm-lên và trở-nên ngoan-ngoãn. Vậy giáo-chức cố-tìm dịp để an-ủi chúng, ban-cho chúng một vài lời khen. Ấy là cách giữ-chúng trong đường ngay-neo-thẳng. Cái chí-mỹ là không-khi nào có dịp để phạt mà chỉ có dịp để thưởng.

Tuy-nhiên, đối-với những-trẻ con lười-biéng, hư-nết, giáo-chức cương-quyết sẽ không chiêu-chúng mà tỏ-ra cứng-rắn để súra-chůa chúng, và đôi-khi, nếu-cần, sẽ dùng đến-hình-phat.

IV. NHỮNG HÌNH-PHẠT

1. Mục-đich : Hình-phat có mục-đich cải-thiện trẻ-con bằng cách đánh-trúng lòng-tự-ái của chúng, bắt-chúng phải suy-nghĩ, tự-xét-xứ-lấy-minh và giàn-tiếp-thúc. Đầy-chúng có những quyết-định tốt đồi với tương-lai của chúng. Một hình-phat phải là một-thang-thuộc-tri-binh và phải có công-hiệu.

2. Những hình-phat cần được áp-dụng : Thường-sự cảnh-cáo hoặc sự-hăm-dọa cũng-khiến trẻ-con súra-dỗi

tinh-tinh. Nếu-một-trong-hai-diều-ấy-vô-hiệu thì-mới-dùng đến-hình-phat. Tất-cả các-hình-phat ở-nhà-trường đều-có-nêu-lên-trong-nội-lệ. Các-hình-phat ấy-như-sau :

a. Ở các-trường Mẫu-giáo. Trong-một-thời-gian ngắn, cầm-trẻ con-học-hành hoặc các-cuộc-choi-công-cộng, rút-giấy-ban-khen-lại.

b. Ở các-trường Sơ-Tiểu. Các-hình-phat : Khuyên-diểm-xấu, sự-khiên-trách (la-mắng). Giáo-chức cố-gắng làm-cho các-hình-phat này có-công-hiệu, nhất-là sự-khiên-trách. Sau-một-sự-khiên-trách, học.sinh phải có-ý-chi-tự-hồi, tự-cải. Khi-khiên-trách, một-cá-nhan hoặc một-lớp-học-giao-chức phải-tùy-cơ-ứng-biến, cẩn-phân-lời-nói-tùy-theo-tinh-tinh-học-sinh. Các-hình-phat phải được-mềm-dẻo và-tùy-trường-hop.

Khi-hình-phat tinh-thần-vô-hiệu thi-mới-dùng đến-hình-phat-hữu-hình.

Luật-nhà-trường hiện-nay cầm-các-hình-phat-hữu-hình-như : sự-chép-bài-phat, đứng-dựa-vách, quỳ-gối, ăn-cơm-lạt v.v... vì-các-hình-phat-ấy-có-tinh-cách-làm-nhục-trẻ-con và-hạ-phầm-giá-con-người-của-chúng. Dù-có-lời-yêu-cầu-của-các-bậc-phụ-huynh, các-hình-phat-ấy-không được-áp-dụng đê-tránh-những-diều-phiền-phức-về-sau.

3. Tinh-chất-các-hình-phat

a. Các-hình-phat-không-nên-thường-lâm đê-tránh-sự-lòn-dẽ, không-kiêng-sợ-của-học-sinh. Nên-phat-rất-it và-phat-cái-dáng-phat-như-sự-không-có-thiện-chi đê-tuân-mệnh-lệnh. Nhưng-không-nên-phat-sự-vô-ý, vô-tinh hoặc-lơ-dễnh.

b. Các-hình-phat-phai đê-tránh-sự-thái-quá-trong-cơn-giận (phat-quá-nặng-một-lỗi-mọn), đê-tránh-sự-học-sinh-cho-rắng : hình-phat-là-kết-quả-mỗi-thù-bản-của-giao-chức. Khi-học-

sinh phạm một lỗi nặng, dù bất-bình đến đâu giáo-chức không nên phạt chúng ngay lúc ấy để tránh sự thái quá và phải để vài ngày suy-nghĩ để sự trùng-phạt được cân xứng với tội-tinh.

c. *Hình-phạt phải phù-hợp với tính-chất của tội-lỗi.*
Thi-dụ: một học-sinh không thuộc bài sẽ bị bắt ở lại trong lớp sau giờ học để học thuộc bài ấy mới đăng về. Như thế hình-phạt mới là cùng một tính-chất của tội lỗi và có tính-cách sửa-chữa tội-lỗi.

d. *Hình-phạt phải vừa với cảm-xúc, với sự biết đau đòn, xấu-hổ của học sinh.* Đối với những học-sinh «nhạy cảm», một lời cảnh-cáo, một cái ngó của giáo-chức cũng đủ răn-he chúng.

Trong trường-hợp ấy giáo-chức không nên áp-dụng những hình-phạt nặng-nề.

Trái lại, đối với học-sinh «li-lộm» «nặng đòn», một lời cảnh-cáo, la-mắng không thăm vào đâu và cần phải một phương-tiện mạnh hơn. Tuy nhiên, luôn luôn giáo-chức phải giữ sự bình-tĩnh và công-bằng đối với chúng.

V. NHỮNG LẠO-TƯỞNG HAY TẶNG-THƯỞNG

1. **Mục-dịch.** Cũng như các hình-phạt, những lạo-tưởng hay tặng-thưởng giúp trẻ con sửa-chữa tính-tinh và cách làm việc mỗi ngày được trở-nên hay. Ảnh-hưởng của lạo-tưởng, ban khen, là sự hả dạ, hài-lòng của trẻ con. Nó giữ trẻ con luôn luôn ở trong đường chính và luôn luôn cố-gắng để xứng dang sự ban-thưởng ấy.

2. **Những tặng-thưởng đại-khai.** Các tặng-thưởng được áp-dụng ở nhà trường không có kè khai trong nội-lệ. Giáo-chức được tự-tiện ấn-dịnh việc ấy tùy trường-hợp.

Các tặng-thưởng thường được áp-dụng là sự tán-thành, sự ngợi khen, lời phê-bình tốt trong học-bạ

khuyên-diễn tốt, giấy ban khen, hình ảnh đẹp, sự sắp-xếp chỗ ngồi theo thứ-tự các bài thi lục-cá-nguyệt, sự yết tên vào bảng danh-dự, các sách thưởng cuối niên-khoa, sự ban cho số tiết-kiệm mà nhà trường đã đóng trước một số tiền để khai-trường quyền số.

Các tặng-thưởng nói trên được liệt vào hai loại như sau :

a. *Tặng-thưởng tinh-thần.* Loại tặng-thưởng này có giá-trị hơn loại tặng-thưởng hữu-hình.

Loại ban-thưởng tinh-thần gồm có: sự tán-thành và lời ngợi-khen.

Loại tặng-thưởng này được áp-dụng cho đương-sư hoặc trong trường-hợp kín-dáo, hoặc trong trường-hợp công-cộng. Nó có điều lợi này: Một giáo-chức có kinh-nghiệm và nhã-nhặn lúc nào cũng biết áp-dụng các tặng-thưởng ấy đúng chỗ, không thái-quá, không bất-cáp. Loại tặng-thưởng này dành cho các lớp lớn.

b. *Tặng-thưởng hữu-hình.* Loại tặng-thưởng này được áp-dụng cho các lớp Mẫu-giáo, các lớp Đồng-ấu, các lớp Dự-bí và lớp Sơ-dâng trưởng Sơ-tiểu. Ở các lớp này trẻ con cần có sự tặng-thưởng cụ-thể để về trình với cha mẹ. Đối với học-sinh lớp Nhì và lớp Nhất sơ-tiểu những giấy màu, giấy khuyên-diễn tốt, những hình ảnh không còn công-hiệu nữa và cần được thay thế bằng những khuyên-diễn, những lời phê-bình thuộc mỗi môn trong chương-trình được ghi ngay trên bài làm hoặc học-bạ. Những học sinh được lãnh giấy ban khen tùy theo thứ-tự khuyên-diễn của các bài làm và cuối niên-khoa được lãnh phần-thưởng bằng sách-vở.

c. *Tính-cách các tặng-thưởng hay lạo-tưởng.* Ban-thưởng, khen-tặng là một việc rất khó. Giáo-chức cần có nhiều đức-tinh như: công-bình, độ-lượng, nhã-nhặn,

suy-nghĩ cẩn-thận, ăn nói mực-thước, dè-dặt. Các tặng-thưởng cần có những tích-cách sau đây:

— *Rất hiếm có.* Các tặng-thưởng hiếm có mới giữ được giá-trị của nó. Thường quá, các tặng-thưởng sẽ bị trẻ con coi rẻ.

— *Phải đánh giá đúng mức kết quả của việc làm.* Một tặng-thưởng là sự đền bù xứng-đáng công-cực-nhọc của một việc làm. Nó cần được ban ra với tất cả sự công-binh của giáo-chức. Sự cố-gắng cũng được ban-thưởng như sự thành-công. Có như vậy trẻ con mới tin-tưởng ở sự ban-thưởng của giáo-chức.

— *Phải thích-ứng với tính-chất của việc làm.* *Thí-dụ:* Một việc làm có tính-cách đạo-đức tinh-thần thì sự tặng-thưởng cũng phải tính-cách như thế. Học-sinh làm bài hay thì được điểm tốt, làm việc phải thi được lời khen.

— *Phải kích-thích ở trẻ ý-chi cố-gắng.* Sau khi nhận-lành một tặng-thưởng trẻ con cần cố-gắng làm hay hơn nữa. Sự ban thưởng làm này-nở ở chúng tinh-thần ganh-dua rất cần-thiết cho sự tiến-bộ của lớp-học.

VI. SỰ GANH-DUA

1. Định-nghĩa : Sự ganh-dua là một tâm-trạng, một tình-cảm thúc-giục trẻ con cố-gắng làm hay hơn lên dè mỗi ngày mỗi tiến, tiến mãi không ngừng.

2. Hình-thức của sự ganh-dua : Sự ganh-dua có hai hình-thức như sau :

a. *Ganh-dua cá-nhan* : Cá-nhan tự so-sánh cái hơn của mình hôm nay với cái kém của mình hôm qua rồi do đó mà cố-gắng mãi cho đến chô tận-thiện, tận-mỹ. Tình ganh-dua này rất cần-thiết cho sự tiến hóa của mỗi cá-nhan. Nó đòi hỏi ở mỗi cá-nhan một tinh-thần cao-siêu.

Ngày xưa, các nhà hiền-triết như ông Trinh-Tử bên Trung-hoa và ông Franklin bên Mỹ-Châu đều áp-dụng phương-pháp này để tự xét mình, tự phê-bình để tiến.

b. *Ganh-dua công-cộng* : Cá-nhan so-sánh bản-thân mình với chúng bạn để nhận thấy cái hơn cái kém rồi do đó mà tự trau-sửa thân-tâm mỗi ngày một hay.

Phần-lợi : Sự ganh-dua công-cộng là động-cơ thúc-giục trẻ con cố-gắng học tập trong một lớp. Lớp học sẽ trở nên linh-động và tiến mau.

Phần-hại : Nhưng đồng-thời tinh ganh-dua có thể biến thành tật ganh-tị, thù-hận, trong trường-hợp mà kẻ giỏi trong lớp trở nên hiêu-hiệu tự-đắc, mục-hạ vô-nhẫn, khinh rẻ chúng bạn. Tình trạng đó thật là đáng tiếc nếu nó xảy ra. Giáo-chức cần đặc-biệt dè ý điểm ấy để nghĩ ngay phương pháp phòng ngừa.

VII. SỰ PHÁT PHẦN-THƯỞNG CUỐI NIÊN-KHÓA

Nhiều học-đường cao cấp, cuối niên-khoa, thường tổ-chức lễ phát phần-thưởng. Ấy là cuộc lễ quan trọng nhất của học-đường trong năm. Tuy nhiên một việc làm trọng-hệ như thế, ngoài ưu điểm ra, không sao tránh khỏi khuyết-diểm.

1. Ưu-diểm. Ngày phát phần-thưởng là ngày vui nhất đối với học-sinh đã suốt năm cần-cù học tập; mà nó cũng lại là ngày buồn nhất cho những học-sinh nào, trong thời gian ấy, lười biếng, học tập lười-thả!

Ngày ấy, học-sinh siêng-năng, ngoan-ngoãn, sẽ hân-hiện mà nghe xướng-danh mình giữa tràng pháo tay và được ra mắt khán-giả trong đó có cha mẹ, anh chị và người quen kề thuộc của mình. Thật là một phút vinh-diệu vừa cho học-sinh vừa cho các bậc phụ-huynh. Sau khi đã được lãnh thưởng, những học-sinh may-mắn ấy sẽ

cố-gắng học-tập hay hơn nữa, hầu kỵ lể phát-thưởng niêm
khóa tới sẽ chiếm giải nhứt trong cuộc lễ vinh-diệu này.
Vì các lể nói trên mà lể phát phần-thưởng cho đến ngày
nay vẫn còn tồn-tại.

2. Khuyết-diểm. Trong bất cứ cuộc lể phát-thưởng
nào, hễ người vui thì, trai-lại, cũng có kẻ buồn. Nếu
kẻ buồn ấy là các học-sinh lười-biếng, tinh-tinh cầu-thả
thì đó là điều rất hay vì chúng đã bị hình-phạt về tinh-
thần một cách xứng-đáng (chúng rất xấu-hổ khi không
nghe gọi đến tên để lãnh một phần-thưởng nào, dù là
nhỏ mọn). Nhưng khốn nỗi, trong hạng học-sinh buồn
ấy lại có những học-sinh khá về đức-lắn tài, nhưng chiếu
theo khuyết-diểm thì được liệt vào hạng trung-bình thôi.
Hạng học-sinh này chiếm đa-số trong lớp. Chúng rất buồn
tủi khi thấy thiêu-số các bạn cùng lớp lãnh những phần-
thưởng ưu-hạng, tỏ ra kiêu-hanh, khinh-bỉ chúng. Tình-
trạng ấy sẽ làm cho lớp học chia năm, chia bảy, thù-hận,
nghịch-lẫn nhau rất tai-hại cho tinh-thần chung của
lớp học.

3. Giải-pháp dung hòa.— Các ưu, khuyết-diểm nói
trên của lể phát phần-thưởng đều được công-nhận là
đúng sự thật. Nhưng muốn để cho kẻ được ban-thưởng
khỏi có tinh-tự-kiêu thì trong khi khuyết-diểm, giáo-chức
cần cho nhiều đồng-diểm. Vả lại, những phần-thưởng
ưu-hạng trong một lớp đều được phân-phát cho nhiều
học-sinh và ở các lớp khác cũng thế. Như vậy, các bậc
phụ-huynh không dựa vào đâu mà hanh-diện thái-quá. Vì
có nhiều bạn khác cũng được hưởng như mình thì kẻ
được hưởng cũng bớt kiêu-khi đi. Dù sao, giáo-chức cần
đặc-biệt chú-ý đến tình-trạng đáng tiếc đã nêu lên trong
hai khoảng trên để đánh tan tinh-thần ganh-tị bè phái
vừa nói.

VIII. NHỮNG HÌNH-PHẠT VÀ NHỮNG TẶNG- THƯỞNG CÔNG-CỘNG

A. HÌNH-PHẠT CÔNG-CỘNG

1. Nguyên-nhân : Hình-phạt công-cộng được nêu lên
là khi có một lỗi lầm lớn lao xảy ra trong lớp mà giáo-
chức không tìm ra thủ-phạm.

1. Các hình-thức : Những hình-phat công-cộng chỉ
là những hình-phat áp-dụng cho cá-nhân nay đem ra áp-
dụng cho toàn lớp. Nó nhấn-mạnh vào sự liên-đới và sự
quan-hệ giữa các học-sinh cùng một lớp trong một việc
làm.

3. Phần-lợi : Bị tội-lây vạ-tràn, mỗi học-sinh trong
lớp sẽ thán-oán, phiền-trách kẻ nào gây tai-hại mà toàn-
lớp phải chịu một cách oan-uỗng. Thủ-phạm, trước tinh-
trạng ấy, sẽ rất ăn-năn hối-hận và sẽ không dám tái-phạm
nữa. Vì bị phạt một cách oan-uỗng, tất cả học-sinh sẽ tự
coi chừng nhau và cản-ngăn những kẻ nào manh-tâm
«ném đá dấu tay».

4. Phần-bất-lợi : Kẻ thủ-phạm, nếu không bị ai tố-
cáo, sẽ làm bộ như người bị hàm-oan và sẽ ăn-năn rất ít
nếu là một kẻ li-lợm, vô lương-tâm. Nhiều học-sinh sẽ
trách giáo-chức không sáng-suốt, không công-bình. Các
bậc phụ-huynh sẽ nhao-nhao lên và khiếu-nại với bờ
trên về hành-động ấy của giáo-chức.

Vì bị phạt rất oan, các học-sinh sẽ tìm biết được thủ-
phạm, sẽ đi tố-cáo với giáo-chức và vô tình chúng sẽ tập
tính tra tố-cáo bất cứ việc gì. Tình- ấy không phải là tình
hay. Nó sẽ có tai-hại cho chúng khi chúng ra ở đời.

5. Kết-luận : Nói tóm lại, hình-phat công-cộng là sự
bất-dắc-dĩ. Nó chỉ được áp-dụng trong vài trường-hop
đặc-biệt mà thôi và không nên thường-lâm.

B. TẶNG-THƯỞNG CÔNG-CỘNG

1. Lý-do : Một lớp học đã làm được một điều phải, giáo-chức tặng-thưởng toàn lớp. Ký trung, việc làm phải ấy chỉ được một hay vài ba học-sinh làm nhưng không chịu đứng ra lãnh-thưởng. Sự tặng-thưởng công-cộng có mục đích nhấn mạnh vào sự liên-dối quan-hệ giữa các học-sinh cùng một lớp trong việc làm phải.

2. Phản-lợi : Tặng-thưởng công-cộng khuyến-kích toàn lớp nên noi gương tốt của một vài bạn đồng-song.

Nó cụ-thể-hóa câu «vong-kỷ vị-tha» (quên mình vì kẻ khác) của học-sinh làm được điều phải và sẵn-sàng qui cái hay, sự ban thưởng về cho toàn lớp. Tính-cách này vẫn được khuyến-kích. Nó là một hình-thức của tinh-thần đồng-đội và sau này sẽ biến thành tinh-thần ái-quốc chân-chinh.

3. Phản-hại : Đối với học-sinh bất tài, nó làm nảy nở ở chúng tinh ý-lại, tinh-trông-cậy ở người khác.

Nếu kẻ thi-an cho toàn lớp không có tinh-thần cao-cả thì chúng sẽ trở nên tự-đắc, lúc nào cũng phô-lên rằng : «mình là ân-nhân của lớp» và coi rẻ chúng bạn.

4. Kết-luận : Sự tặng-thưởng công-cộng, nếu có dịp thuận-tiện, cần được áp-dụng thường. Nhưng ít ra học-sinh đóng vai tuồng chính trong công việc này phải được huấn-luyện kỹ càng và có một tinh-thần cao cả mới được.

IX. TỔNG LUẬN

Ký-luật xưa cẩn-cứ vào nguyên-tắc cẩn-bản bảo-vệ trật-tự ngoài xã-hội là : «Hữu công tắc thưởng, hữu tội tắc trừng». (Có công thì thưởng, có tội thì phạt). Học-dường là một xã-hội thu hẹp. Lẽ tất nhiên trật-tự và sự tiến-bộ của học-dường cần được bảo-vệ bằng những sự

thưởng và phạt, hai thành phần trọng yếu của kỷ-luật. Tuy-nhiên, kỷ-luật của học-dường ngày nay, dù tì-mi đến đâu, cũng không sao đoán trước được những trường-hợp bất-ngoè có thể xảy ra là vì vấn đề trẻ con rất là phức tạp. Chỉ có lương-trí (bon sens) mới giúp giáo-chức giải-quyết được những trường hợp gay-cấn, bất thường mà thôi. Ký-luật nhà trường không phải là phô hình-luật. Nó rất uyên-chuyên, mềm-dẻo và thích-ứng với mọi cảnh-ngờ. Nó dành cho giáo-chức lành nghề, lẹ tri, thiệp thê, quyền «tùy cơ ứng-hiện».

Ký-luật tự-do ngày nay không phải là môn tập rèn, uốn-nắn thú vật để diễn trò. Trái lại nó tìm hiểu để khuyến-kích những khả-năng của người và diu-dắt trẻ con sớm có một tinh-thần tự-chủ, xứng đáng một công-dân nước độc-lập dân-chủ.

*

KỶ-LUẬT MỚI

I. ĐỊNH-NGHĨA

Ký-luật theo lối mới không phải là toàn-thể các luật-lệ, các qui-tắc quản-trị một cơ-quan công hoặc tư mà chính là «sự giáo-dục tinh-tinh, là sự phát-triền các gương mẫu, sự tập luyện cách cư-xử tốt». «Ký-luật không phải là một vấn-de thêm vào công việc giáo-dục của nhà trường mà là một đặc-tính quan-trọng nhứt của cả một chương-trình giáo-dục của nhà trường.» Nó chi-phối ba phận-sự chính ở nhà trường là : sự dạy dỗ và sự học tập, công việc giám-thị và công việc quản-trị. Nói một cách khác, nó phải được áp-dụng cho tất cả giáo-chức, cho tất cả giám-thị, cho tất cả nhân-viên ban quản-trị và nhất là cho tất cả học-sinh trong cách đối-xử chung.

II. LÝ DO

Trong khi trẻ con đang lớn lên, chúng tập dần dần «tinh thành» của chúng nhờ sự hiểu biết một cách chu đáo kết-quả những quyết-định của chúng. Chúng luôn luôn cố-gắng hành-động cho thích-hợp với sự hiểu biết của chúng. Trong giai-đoạn này nhà trường có rất nhiều cơ-hội để trẻ con rèn-luyện tinh-tinh. Theo lối giáo-dục mới kỹ-luật là nền tảng của sự dạy dỗ trẻ con. Nó chính là phần đức-dục vậy.

III. KỸ-LUẬT ĐỐI VỚI GIÁO-CHỨC

Kỹ-luật không những liên-hệ đến sự dạy bảo trẻ con mà nó lại còn là cách giáo-huấn hay nhứt. Một giáo-chức không thể là một ông thầy giỏi mà lại kém về kỹ-luật hoặc giáo-chức không thể được coi là lành nghề nếu giáo-chức ấy không tập-luyện được trẻ con tự kềm-chẽ lấy chúng.

IV. BẢN-CHẤT KỸ-LUẬT MỚI

Bản-chất của kỹ-luật mới là : trẻ con dưới sự hướng-dẫn sáng-suốt của giáo-chức sẽ tập chẽ-ngự lấy chúng. Sự tập chẽ-ngự ấy phải tùy trình-độ và sự nỗ-lực của trẻ con. Mỗi cá-nhanh trẻ con cần được sự giúp đỡ của giáo-chức để nâng-cao sự hiểu biết của chúng hầu chúng thực-hành có hiệu-quả sự chẽ-ngự nói trên. Đối với trẻ con cũng như đối với người lớn, phương-pháp áp-dụng phải tùy cá-nhanh mà thay đổi.

Căn-bản nguyên-thủy duy nhất của kỹ-luật mới, là sự duy-trì chương-trình có những kinh-nghiệm lành-mạnh và bồ-đề để thử tài những cố-gắng cao-độ của mỗi học-sinh. Không khi nào một đứa trẻ khỏe mạnh, vui tươi, sôi-sắng lại phạm kỹ-luật bao giờ ! Chính sự đau-ốm, buồn-phìn là những nguyên-nhân gây ra sự vô-trật-tự và những tinh-hành xấu.

V. CÁCH ÁP-DỤNG KỸ-LUẬT MỚI

a. Vấn-đề hình-phạt. Hình-phạt cá-nhanh hay công-cộng, hưu-hình hay tinh-thần đều không được đề-cập đến trong kỹ-luật mới bởi các lý-do sau đây :

a. Ở nhà trường không có chỗ cho sự trừng-phạt mặc dù là đối với trẻ con. Những trẻ nhỏ không có phạm tội lối chi cả. Mặc dù chúng có phạm tội đi nữa nhà trường không phải là nhà trừng-giới đối với chúng.

Nói một cách khác, việc làm của trẻ con mà người lớn cho là tội chẳng qua là những cử-động vô ý-thức do sự thiếu kinh-nghiệm hoặc ánh-hưởng bên ngoài mà ra. Thực ra trẻ con không có tội-tình gì. Nếu chúng bị trừng-phạt thì thật là oan-uổng ! Trong trường-hợp ấy, giáo-chức cố tìm ra nguyên-nhân ? Do giáo-chức chẳng ? Do nhà trường chẳng ? Do gia-dinh chẳng ? Một khi nguyên-nhân đã tìm ra được rồi, với tất cả sự thiệp-thể, sự nhã-nhận, giáo-chức cố súc sisa-chữa trẻ con và hướng-dẫn chúng theo đường ngay, nẻo thẳng. Giáo-chức cần tránh những sự la-mắng, nhạo-báng, sỉ-nhục chúng, vì những lời lẽ đáng tiếc ấy cản-trở hiệu lực của phương-pháp giáo-dục tốt. Đồng thời nó bộc-lộ một tinh-thần thấp kém với ý-nghĩa thành-thật của một linh-hồn cao cả.

b. Theo kỹ-luật mới, hậu quả tự-nhiên của một điều lối mới thực là sự hình phạt tự-nhiên giúp ích cho sự giáo-dục trẻ con. Thị dụ : trong một cuộc chơi thể-thao, một cuộc đá bóng tròn chẳng hạn, một cầu-thủ tỏ ra thiếu tinh-thần thể-thao. Ngay lúc đó cầu thủ nói trên bị tất cả khán-giả la-ó, phê-binh một cách nghiêm-khắc.

Cầu thủ ấy sẽ mất hết tiếng tăm và địa-vị trong giới thể-thao. Đó là sự trừng-phạt tự-nhiên của tội-lỗi đã phạm.

c. Kẻ nào dùng cường-lực để gây sự tia-phục đối với trẻ con cũng như kẻ nào chỉ biết dùng sức mạnh để chế-ngự-kẻ dưới là những kẻ đó sợ hành-động của các tầng-lớp dưới.

d. Chế-ngự một đứa trẻ bằng sức mạnh là gián-tiếp nhìn nhận sự thất-bại của các phương-pháp khác.

e. Chế-ngự với sự công-nhận và, nếu cần, với sự phủ-nhận của xã-hội, có một tính cách rất quan-trọng ngay khi trẻ con còn ở nhà trường và sau này khi trẻ con ra ở đời.

2. Vấn-đề ban thưởng. Cũng như vấn-đề hình-phạt, vấn-đề ban-thưởng cá-nhân hay công-cộng, hữu-hình hay tinh-thần một cách giả-tạo, đều không được nêu lên trong kỷ-luật mới, bởi những lý-do sau đây :

a. Khi một cá-nhân hoàn-thành một công việc gì có ý-nghĩa riêng cho mình thì chính cá-nhân ấy đã tự thấy mãn-nguyện rồi, hà tất phải cần đến những giải-thưởng nhân-tạo của người ngoại cuộc ? Trong một lớp học kiều-mẫu sự thực hành những mục-dịch cao quý đủ là phần thưởng riêng của mỗi học-sinh rồi.

Lại nữa, một hành-động đầy thiện-chí và suy-xét thì lẽ cỗ-nhiên bao giờ cũng có kèm theo sự tán-thành và khuyễn-kích của thầy và các bạn đồng-song rồi. Có giải-thưởng nhân-tạo nào quý báu bằng ? Giải-thưởng nhân-tạo ở đây ám-chỉ những giải-thưởng hữu-hình.

b. Sự năng dùng các giải-thưởng nhân-tạo chứng tỏ sự nghi-ngò rắng : sự vui thích của kẻ thành-công không đủ mang lại cho cá-nhân ấy những thỏa-mãnh riêng.

3. Vấn-đề tự-do hành-động trong kỷ-luật mới. Kỷ-luật mới căn cứ vào khoa tâm-lý-nhi-dồng và tinh-thần dân-chủ để cao hai chữ «tự-do», tự-do trong hành-động ; tự-do để tránh tinh-ý-lại ; tự-do để tránh sự hành-động

như «người máy», tự-do để có tinh-thần tự-chủ, tự-lập. Nhưng «tự-do» ở đây không có nghĩa là : cầu-thả, vô trật-tự tuyệt-đối, mà là tự-do có suy-nghĩ ; khi tự mình biết kiểm-chế lấy mình bằng lý-trí (lẽ phải) mới tự-do. Ta chỉ sanh-trưởng tự-do khi nào ta có thể thay thế sự kiểm-chế của bên ngoài bằng sự tự-chế-ngự do lý-trí sáng suốt của ta.

«Một giáo-chức bãi bỏ sự kiềm-chế trẻ con mà không cùng thời-gian ấy giúp chúng phát-triển lý-trí bên trong và đặt chúng lần-lần vào tình-trạng phải tự-nhận lấy những trách-nhiệm về cách xử-sự của chúng. giáo-chức ấy không những chẳng dạy gì ích lợi cho trẻ con mà lại còn làm chúng hư-hỏng nữa là khác» (Lời của nữ giáo-sư Lippincott).

Nói cách khác, trong khi trẻ con chưa biết tự kiềm-chế lấy chúng và lý-trí của chúng chưa được phát-triển để phân-biệt phải-quấy, thực-hư, thì giáo-chức phải hướng-dẫn chúng chờ không nên để chúng tự-do muốn làm chi thì làm. Khi nào chúng biết tự-chế-ngự, tự-biết-biện phân-phai-quấy, hay dở, thì giáo-chức mới lần-lần để chúng hoạt-động một mình và chỉ can-thiệp trong công-việc làm của chúng khi nào chúng cần đến.

Nêu lên hai chữ «tự-do», nhiều người hiểu làm quyền-hạn, công-dụng của hai chữ ấy và thường hiểu là : «tự-do tuyệt-đối». Trong xã-hội làm gì có tự-do tuyệt-đối ? Tự-do của người này thì lại bị tự-do của người khác hạn-chế. Ở nhà trường khi nói đến tự-do hoạt-động của trẻ con, người ta ám chỉ «tự-do tương đối». *Thi-dụ* : đến giờ hội-họa giáo-chức giảng-dạy các điểm đại-cương cần-thiết cho sự học tập môn ấy. Xong rồi giáo-chức để trẻ con tự do về vật kiều-mẫu theo sự nhận-xét của chúng. Giáo-chức đứng ngoài trông coi chúng làm việc và chỉ can-thiệp khi có lời yêu cầu của chúng. Bé trẻ con có sự an-ninh

tinh-thần, giáo-chức không nên thúc giục chúng và không nên can thiệp luôn hoặc thay thế chúng mà v.v. Khi có một trẻ con v.v sai thì giáo-chức giúp chúng nhận-thức chỗ sai ấy rồi dè chúng tự sửa chữa lại ; giáo-chức không nên v.v kiêu trên bằng den rồi bắt trẻ con phải coi theo đó mà v.v.

Về vấn-dề tự-do hoạt-dộng nǚ giáo-sư Lippincott có nói thêm rằng : «Gạt bỏ sự kiềm-tỏa của bên ngoài chưa «phải là đủ. Cách ăn ở của con người cần phải có sự kiềm «soát sáng suốt và sự kiềm-chế dù là do bên ngoài hay «là do tự bên trong của mỗi cá-nhan. Hành-dộng tự-do có «nghĩa là hành-dộng với một sự minh-mẫn hoàn-toàn đầy «đủ. Sống và nảy-nở trong tự-do có nghĩa là hành-dộng «với một lý-trí minh-mẫn hơn, với một khả-năng thích-ứng «để hiểu và nhận lấy những hậu-quả mà mình sẽ gặp phải «do những quyết-định của mình đưa ra.

«Sự sanh-trưởng như vậy thật không thể thành-tựu «được, nếu ta không có cơ-hội nào để đưa ra quyết-đoán «trong những trường-hợp mà ta có thể tiên-đoán được «châu-quả, ít nhất một phần nào. Trẻ con phải luôn «luôn thực-hành huấn-luyện để lăn lăn tiến tới mức cao «chơn, đảm nhận nhiều trách-nhiệm hơn trong những sự «quyết-đoán cũng như trong những cù-xử của chúng. Nếu không được như vậy, chúng sẽ luôn luôn sống ỷ lại và non «dại ; như vậy có nghĩa là thiếu tự-do. Mặc dù nếu chúng ta có thể làm, chúng ta cũng không nên gạt bỏ những cơ-hội «của chúng. Có thể là trong những cơ-hội đó, chúng sẽ «nhầm lẫn hay may mắn trong những định-đoạt mà hậu-quả «sẽ giúp chúng cù-xử khôn ngoan hơn để thành-công hơn «trong những trường-hợp tương-tự về sau. Dù sao đi nữa, «còn một vấn-dề quan trọng là ta không nên dè trẻ con phải «chịu sự thử-thách, một thất-vọng nào quá u lớn lao hay sự «thất bại nào ở trong những trường-hợp cốt yếu vì những «lời quyết-đoán còn ngày thơ của chúng.

«Những hậu-quả của sự thất bại đó sẽ có hại hơn là «sự dạy cho chúng hiểu biết và sẽ làm chúng trở nên «sợ-sệt, nhút-nhát, thiếu can đảm và không còn tự tin ở «chúng. Những hậu-quả của những thử-thách sẽ dồn-dập «xô đẩy sự tự-do vào cuộc đời chúng mặc dầu chúng chưa «sẵn sàng tiếp nhận. Gạt bỏ sự chỉ huy bên ngoài quá «nhanh trong khi sự tự kiềm chế bên trong chưa được xây «đắp vững-chắc là hành-dộng không đúng cách. Một giáo «viên khôn ngoan biết rằng khi nào ông ta phải dành «quyền định đoạt và trách-nhiệm nào cho những trẻ con «học-viên của ông, để làm sao chúng có thể phát-triển «tinh-tự-chế-ngự của chúng, và ông còn biết tới khi nào «phải đặt sự kiềm-chế để tránh sự thiếu suy nghĩ và thất «bại ở chúng.

«Mỗi học-viên cần phải học để chấp nhận những «hậu-quả của những quyết-định của mình cùng là của «hành động mình. Đó là nghĩa chính của kỷ-luat và là căn «bản duy nhất đưa đến tự-do. Mỗi khi học-viên không thể «tiên-đoán được hậu-quả hành động của mình, ta không «nên để cho học-viên đó có quyền tự do lựa chọn».

«Phẩm hạnh xấu có nghĩa là năng-lực tốt bị đưa «vào những con đường xấu. Thuốc chữa túc là sự dẫn trở «lại con đường tốt, chờ không phải là sự gạt bỏ, việc sử «dụng cho xứng đáng chờ không phải sự trừng-phạt. Một «đứa nhỏ cầm đầu một đám trẻ tinh nghịch chỉ cần để ý «quan tâm đến những việc gì xứng đáng có giá trị đem ra «để thử thách nó, và nó cũng có thể trở thành người «cầm đầu trong những công việc lành mạnh».

VI. KẾT-LUẬN

Tất cả sự phát-triển về kỷ-luat mới bắt đầu khi trẻ con lần-lần đảm nhiệm lấy trách-nhiệm, mỗi lúc một nhiều hơn, trong việc cù-xử về phẩm-hạnh của chúng. Sự cung cấp những điều-kiện cho sự này nở v.v kỷ-luat mới đòi hỏi

ở giáo-chức sự khôn khéo và sự chu đáo, sự biết cách tránh hai phương-pháp quá khích là phải giáo-dục do sự kiềm-soát quá ư chặt-chẽ hay là do sự hoàn-toàn không có kiềm-soát».

(Nữ giáo-sư Lippincott)

*

SỰ HỢP-TÁC GIỮA NHÀ TRƯỜNG VÀ GIA - ĐÌNH HỌC - SINH

I. TÍNH-CÁCH CẦN-THIẾT của sự hợp-tác giữa gia-đình và học-đường.

A. NHỮNG LÝ-DO CHÍNH

1. Học-sinh chịu ảnh-hưởng của gia-đình nhiều hơn của nhà trường. Mỗi ngày 24 tiếng đồng-hồ, học-sinh chỉ đến trường trong khoảng từ 6 đến 8 tiếng đồng hồ là nhiều. Trong khoảng 18 tiếng đồng hồ còn lại của mỗi ngày, chúng sống trong gia-đình và chịu ảnh-hưởng của gia-đình về mọi mặt. Bởi thế nếu không có sự hợp-tác giữa gia-đình và nhà trường thì giáo-chức chỉ làm việc «dẹ-trảng xe cát» mà thôi. Công phu dạy dỗ của giáo-chức sẽ bị gia-đình phá hủy sạch.

2. Hiểu rõ tính tình, sức khỏe và học lực của trẻ con không ai hơn các bậc phụ-huynh. Các bậc phụ-huynh phải cho giáo-chức biết các chi tiết ấy, nhất là cách làm việc ở nhà của mỗi trẻ con để tìm phương hướng-dẫn chúng một cách hữu-hiệu và giúp ý-kiến cho gia-đình về cách chăm nom sức-khỏe và sự học hành của chúng.

3. Một lớp học có nhiều học-sinh quá (hiện thời có lớp sơ-tiểu có đến 60 học-sinh hoặc nhiều hơn), giáo-chức không sao rõ biết tính tình, những khả-năng của mỗi trẻ được, và cần có sự giúp đỡ của các phụ-huynh.

4. Với tư-cách vừa là đại-diện của chính-phủ vừa là đại-diện của gia-đình, giáo-chức có quyền đòi hỏi sự giúp đỡ của gia-đình. Gia-đình không nên đò hết trách-nhiệm ấy cho giáo-chức mỗi khi đã đưa con em đến nhà trường.

5. Nhà trường phải lãnh-đạo sự dạy-dỗ trẻ con nghĩa là nhà trường phải cho ý-kiến cho gia-đình để tiếp-xúc với mình theo con đường vạch sẵn. Nhà trường không nên tự đặt dưới quyền chỉ-huy của gia-đình hoặc để gia-đình thay thế mình trong sự hướng-dẫn và giáo-hoa trẻ con.

B. NHỮNG NỖI KHÓ-KHĂN CỦA SỰ HỢP-TÁC ẤY

Các nỗi khó-khăn ấy đều do chỗ bất đồng ý-kiến về phương-pháp dạy-dỗ giữa nhà trường và gia-đình mà ra vì lẽ thường-thường gia-đình không có một quan-niệm như nhà trường.

1. Khó-khăn về phương-diện giáo-dục hình-thể. Nhà trường khuyên trẻ con ăn-mặc sạch-sẽ. Gia-đình làm trái lại. Nhà trường nói những mối hại của tú-đò-tường, gia-đình làm ngược lại.

2. Khó-khăn về sự dạy-dỗ trẻ con về phương-diện tri-thức. Về phương-diện này, giữa gia-đình và nhà trường thường có sự bất đồng ý-kiến. Gia-đình vì ít học lại không rõ khoa sự-phạm, thường cho rằng: phải bắt trẻ con làm bài nhiều, học bài nhiều, không phút nào chúng được nghỉ-ngơi. Có như thế mới gọi là học và khỏi phải phi-mất thì giờ. Nhà trường áp-dụng khoa sự-phạm không làm như thế và cho rằng trẻ con cần có lúc học-tập, có lúc chơi-giõn để giải-trí. Sự chơi-giõn rất cần ở các lớp nhỏ. Về phương-diện này, nhà trường không thể chiều gia-đình để bắt trẻ con làm việc quá sức chúng. Theo nguyên-tắc «do thiền nhập thám» nhà trường không cho trẻ con học và làm những bài vở khó, quá sức chúng.

Nếu làm như thế, trẻ sẽ cố-gắng, sẽ thông-minh một thời rồi sau sẽ mệt-mỏi và sẽ trở nên dần-dộn.

Gia-dinh dạy con em hay quở-mắng thậm-tệ, nhiều khi lại đánh-dập chúng. Các hành-động ấy sai với nguyên-tắc sư-phạm vì nếu mỗi ngày cha hoặc mẹ luôn-luôn nói với con: «mày ngu, mày ngu...» thì lâu dần trẻ con ấy sẽ tưởng nó ngu thật.

3. Khó-khăn về phương-diện giáo-dục đạo-đức luân-lý. Về phương-diện này có nhiều gia-dinh bất đồng-ý với nhà trường ở nhiều khoản, thí dụ :

a. Sự trốn xâu lậu thuế không phải là tội ăn cắp đối với chính-phủ.

b. Sự tự quên những lời người khác mắng nhiếc mình là một cử-chỉ đê-tiên, hèn-nhát.

Nhiều khi gia-dinh binh con, nói hành giáo-chúc, tỏ vẻ bức-tức đối với giáo-chúc trước trẻ con khiến giáo-chúc không còn uy-tín đối với chúng.

Gia-dinh lại còn nêu nhiều gương xấu như đánh lộn, chửi lộn, uống rượu say-sưa, cờ-bạc, nói láo trước mặt trẻ con.

II. CÁC CÁCH-THỨC HỢP-TÁC GIỮA HỌC-BƯỜNG VÀ GIA-DỊNH

Các cách-thức hợp-tac nói trên rất nhiều và để giáo-chúc được tùy-nghỉ sử-dụng. Đây là một ít thí-dụ :

1. Những buổi nói chuyện hoặc diễn-thuyết dành cho các gia-dinh. Các buổi nói chuyện này cần được tổ-chức ngay đầu niên-học. Nhân cơ-hội này, nhà trường nhấn-mạnh về đường lối dạy-dỗ trẻ con trong niên-khoa và yêu-cầu sự cộng-tác của các gia-dinh.

Các buổi nói chuyện này sẽ dựa các gia-dinh đến sự thành-lập : Hội phụ-huynh học-sinh, Hội huấn-luyện gia-dinh học-sinh v.v...

2. Các thẻ cá-nhân (Fiche individuelle). Ngày nhập học, nhân sự có mặt của các phụ-huynh học-sinh, giáo-chúc sẽ hỏi những chi-tiết cần-thiết về sức khoẻ và về tinh-tinh của mỗi học-sinh trên một tấm thẻ cá-nhân. Tấm thẻ này sẽ có giá-trị luôn cho đến ngày trẻ con rời ghế nhà trường. Thỉnh-thoảng giáo-chúc sẽ thêm vào tấm thẻ ấy một ít chi-tiết mới hoặc bỏ bớt một vài khoản để cho tấm thẻ ấy lúc nào cũng đúng với sự thực. Ngoài ra lại còn có thẻ sức khỏe của mỗi trẻ con do lương-y của nhà-trường coi giữ. Thẻ sức khỏe, thỉnh-thoảng lại được gửi về cho gia-dinh xem và thi-hành những lời khuyễn-cáo trong ấy ; nhất là về khả-năng học-tập và sự hướng-nghiệp của con trẻ.

3. Những thẻ vấn-dáp. Ngày nhập học, các thẻ cá-nhân khó thè lập được vì giáo-chúc bận lâm việc. Để thay vào đó, giáo-chúc sẽ gửi đến các bậc phụ-huynh học-sinh những tấm thẻ trong có ghi rành những câu hỏi, đại loại như sau :

a. *Sức khỏe* : Trẻ con có mạnh-khoẻ luôn luôn không ? Có bệnh gì không ? Những kết-quả tai-hại của các chứng bệnh ấy ?

b. *Tri năng* : Trẻ con có chăm-chỉ không ? lêu-lòng không ? lâng-tri, thông-minh hay bạc-nhược ? Trẻ con có năng-khiếu nào đặc-biệt hơn các năng-khiếu hiện giờ của chúng không ?

c. *Tinh tinh* : Trẻ con có tin người chặng ? Nhút-nhát chặng ? Ít nói chặng ? Trẻ con có bụng tốt hay ich-kỷ ? Kè những xu-hướng đặc-biệt của trẻ con ? Những ưa thích riêng của chúng ? Trẻ con ưa sạch sẽ, ưa trật-tự, ưa chán-lý, ưa sự công-bằng chặng ? Trẻ con có ý-chí không ?

Trẻ con đã nhiễm một vài tính xấu nào chưa ? Chúng có thể sửa-chữa tính xấu ấy chăng ? Phụ-huynh trẻ con (Ông hay Bà) có những nguyện-vọng chi cần nêu lên về sự giáo-dục đạo-đức ở trẻ con chăng ?

Nên chú-ý : Các mục của thẻ vấn-dáp này có thể sửa đổi tùy ý giáo-chức.

4. Tập học-bạ. Tập này hiện nay rất được áp-dụng Nhờ học-bạ mà nhà trường cho gia-dinh biết tinh-hạnh cuối mỗi hai hay ba tháng hoặc lâu hơn. Trong tập học-bạ ấy có khoản đề cho gia-dinh cho ý-kien, viết lời yêu cầu, ký tên rồi hoàn tập ấy lại nhà trường. Nhờ tập học-bạ này mà phụ-huynh cho nhà trường biết tinh-hạnh của trẻ con và cách làm việc của chúng tại nhà.

Về khoản này, trong mỗi học-bạ mấy câu hỏi sau đây cần được nêu lên :

- a. Con Ông (hay bà) đi học về có đúng giờ không ?
- b. Con Ông có dễ sai khiến, có lê-phép ở nhà không ?
- c. Con Ông có ra đọc sách chăng ?
- d. Con Ông có một vài tật xấu mới nảy sanh ra chăng ?
- e. Ông (hoặc bà) có những nguyện-vọng chi cần nói không ?

5. Sự gởi đến cho gia-dinh những tập bài làm của trẻ con. Trong nhiều trường-hợp, tập vở bài-làm hàng ngày và bài thi hàng tháng được gởi đến cho cha mẹ. Tập vở bài làm hàng ngày và tập vở bài làm hàng tháng, một khi đã dùng hết, thì vào khoảng cuối tháng hoặc cuối tam-cá.nguyệt nhà trường sẽ gởi cho gia-dinh. Các phụ-huynh sẽ xem và ký tên vào đó để biết được sự tiến-bộ của con em mình.

Tuy vậy, chữ ký của phụ-huynh không cũng chưa đủ. Cần có những câu hỏi để cha mẹ trả lời những điều mà thầy muốn biết về mỗi trẻ con. Các câu hỏi ấy được lập lên trên một tờ giấy rời kèm theo các tập-vở ấy.

Phương-pháp gởi các tập-vở này cho các gia-dinh được áp-dụng là vì những thông-tin-bạ không cho biết một cách đầy đủ về cách chấm bài của giáo-chức và sự tiến-triển trong sự học-hành tại lớp của mỗi trẻ.

Nhưng sự gởi các tập vở nói trên cho các gia-dinh gặp phải trở-ngoại sau đây : hầu hết các tập vở ấy đều được giao cho các học-sinh mang về cho gia-dinh chúng. Có thể vì sợ cha mẹ quở phạt, vì các bài làm không được xuất-sắc, học sinh có thể giấu các tập-vở ấy đi mà không trình cho cha mẹ chúng, hoặc tạo ra tập-vở khác trong ấy có những bài làm tuyệt hay với khuyễn-diểm tốt rồi trình tập ấy cho cha mẹ chúng, để rồi giả-mạo chữ ký của cha mẹ vào tập vở chính thức để trình lại với thầy.

6. Sự gởi cho các gia-dinh những chương-trình học khóa và thời-khoa-biểu. Phương-pháp này giúp các bậc phụ-huynh có những tài-liệu cần-thiết về cách dạy trẻ của nhà trường và đồng-thời khuyến-kích các gia-dinh tham-gia vào công việc của nhà trường. Các huấn-thi cần-thiết của chính-phủ cũng cần được gởi cho các gia-dinh để có ý-niệm về chế -độ giáo dục toàn-quốc.

7. Sự đi thăm các gia-dinh. Có nhiều việc không thể nói hết trong thông-tin-bạ hoặc trong các tập-vở nói trên. Giáo-chức cần gấp các bậc phụ-huynh mới được. Vậy, trong nhiều trường-hợp, sự đi thăm các gia-dinh rất cần.

Những cuộc gặp gỡ giữa giáo-chức và các bậc phụ-huynh tại nhà các học-sinh, nhất là trong các khu-phố đồng-dảo, sẽ cho giáo-chức nhận-thấy sự khốn cùng, sự cơ-cần của các gia-dinh cần lao và hiếu rõ tại sao trẻ con thuộc các gia-dinh ấy chán-nản, biếng-học và làm bài một cách cầu-thả, dơ bẩn. Chừng ấy, giáo-chức sẽ hiểu rõ hơn tình-trạng của trẻ con nói trên và rộng lòng tha-thứ cùng thương-hại chúng.

Ngoài những cuộc gặp-gỡ tại nhà, còn có những cuộc gặp-gỡ bất ngờ các bậc phụ-huynh, khi giáo-chúc đi viếng nhà-làng, chợ-hu้า, ấp-xóm. Trong những trường-hợp ấy giáo-chúc phải khéo-léo, nhã-nhận, không nên trình-bày sự-thật tráng-trọn về mỗi trẻ con để tránh sự chạm lòng tự ái của các bậc ấy. Trước hết, giáo-chúc phải tìm cái hay của mỗi trẻ mà khen dã, nhiên-hậu mới nói đến cái dở của chúng. Giáo-chúc cần phải biết dùng chữ «NHUNG» một cách khéo-léo, ngoại-giao, khiến cho các phụ-huynh không phật-ý mà lại giúp giáo-chúc biết nhiều chi-tiết nữa.

Những cuộc gặp-gỡ ấy không nên làm cho các bậc phụ-huynh chán-nản. Trái lại, nó phải sára-soạn nhiều cuộc gặp-gỡ khác. Làm thế nào, khi kiểu từ, các phụ-huynh còn ước mong gặp lại giáo-chúc lần nữa.

8. Sự hiệp-tác giữa gia-dình và nhà trường còn cẩn thiết hơn nữa sau khi học-sinh đã rời ghế nhà trường. Các thanh-niên mới lớn lên, sau khi đã thôi học, cần được hướng-oân một cách sáng-suốt. Từ 13 đến 20 tuổi là khít quanh của đời niênn-thiếu. Trong thời-gian ấy các thanh-niên, nam lẫn nữ, dễ bị lôi cuốn vào con đường truy-lạc để rồi lè một cuộc đời tàn-tật suốt mấy mươi năm sau rất có hại cho xã-hội và gia-dình. Như vậy, nhà trường có bôn-phận theo-dõi các thanh-niên ấy để hướng-dẫn chúng theo đường ngay, nோo thẳng. Nhà trường sẽ mở cho cựu học sinh nam-nữ của nhà trường những buổi nói chuyện, những cuộc diễn-thuyết để chúng học hỏi thêm và rút kinh-nghiệm về cách cư-xử ở đời. Thỉnh thoảng giáo-chúc, nam lẫn nữ, sẽ đến viếng gia-dình các cựu học-sinh của mình để giữ mối giao-hảo xưa và đồng thời để những lời khuyên cẩn-thiết cho các thanh-niên nói trên. Trong nhiều trường-hợp, giáo-chúc được coi là vị cố-vấn cẩn-thiết của gia-dình và các cựu học-sinh. Có như thế công-trình của nhà trường mới được bền-bỉ, lâu dài.

III. KẾT LUẬN

Nói tóm lại, sự cộng-tác thân-mật và chặt-chẽ giữa gia-dình và nhà trường trong khi trẻ con còn đi học cũng như khi chúng đã rời khỏi ghế nhà trường rất cần. Sự cộng-tác ấy không phải là triệu-chứng sự bất-lực của nhà trường. Trái lại, nó chứng tỏ rằng nhà trường rất hiều rõ trách-nhiệm của mình và có cảm-tưởng rằng nhà trường sẽ đạt mục-đích nếu có sự giúp đỡ chân-thành của các gia-dình.

Trong một nước dân-chủ, nhà-trường là nhà chung của nhân-dân trong một làng. Các thế-hệ thanh-niên qui báu, tương-lai của thôn-xã, đều được đào-tạo nơi ấy. Nhà trường là mục-tiêu mà tất cả con mắt trong làng đều hướng về với tất cả sự yêu-đương, kính-mến. Nó tượng trưng sự tin-cậy và sự mong-mỗi của các gia-dình và xã-hội.

Hiểu rõ trách-nhiệm lớn-lao, thiêng-liêng ấy của mình, nhà trường, không ngần-ngại chi mà không lên tiếng kêu gọi sự giúp-dỗ của các nhà hảo-tâm trong làng.

Nhà trường chỉ mong được coi như là một ngôi nhà làm bắng kinh (kiến, thủy-tinh) mà bất cứ ai ở ngoài đều thấy rõ những hành-dộng bên trong, không một điều gì u-uẫn, khuất-lấp cả.

Nhà trường muốn truyền-bá những nguyên-tắc căn-bản của mình. Nhà trường tìm cách để chói-rạng khắp vùng thôn-quê, để làm ấm-áp và giác-ngoè các gia-dình hầu nhận ở các gia-dình một sự giúp-dỗ nồng-nhiệt, dồi-dào.



CHƯƠNG X

HƯỚNG NGHIỆP

HƯỚNG - NGHIỆP

I. MỤC-DÍCH

Hướng-nghiệp có mục-dịch khuyên trẻ con có một hoạt-động vừa phù-hợp với sở-thích và quyền-lợi của chúng, vừa thích-íung với những tri-thức mà chúng đã thu-thập đượct sau khi rời ghẽ nhà trường và nhứt là với những khă-năng về cơ-thể và trí-tuệ của chúng. Lẽ dĩ nhiên sự hướng-nghiệp này phải vừa theo tình-trạng gia-dinh của trẻ con và tình-trạng thương-trường của mọi ngành lao-động.

II. SỰ CẦN-THIẾT CỦA SỰ HƯỚNG-NGHIỆP

1. Trong đời người, sự lựa chọn nghề-nghiệp rất quan-hệ vì lẽ do sự lựa chọn này nếu là hợp-lý, cá-nhan sẽ an vui hạnh-phúc, làm ăn phát-đạt và sẽ vui-thích mà làm việc.

2. Xã-hội sẽ được nhiều điều lợi mà nhận sự phục-vụ của những người lao-động lành nghẽ, khéo-léo, có một khă-năng sản-xuất cao và nhائ thấy có một sự quan-binh giữa các nghề điều-hòa với những nhu-cầu của xã-hội và những tài-nguyên trong xứ cũng như sự phân-phối các loại hoạt-động trong nước và trên hoàn cầu.

Những mối quan-hệ của ngành kỹ-nghệ, cũng như những mối quan-hệ của xã-hội nói chung sẽ được cải-thiện rất nhiều và sẽ được dễ dàng vì lẽ nhân-công thiện nghệ về mọi ngành sẽ đem lại một số lớn những kết-quả mỹ-mẫn.

Vì các lẽ ấy mà nhà đương-cuộc trong bất cứ một quốc-gia nào, cần can-thiệp vào để điều-chỉnh những sáng-kiến hay và nêu lên trên hết quyền-lợi chung, sẽ hướng giới thanh-niên về những nghề-nghiệp rất cần-thiết cho xã-hội về ba mặt : Kinh-tế, Xã-hội và Văn-hóa.

III. NHỮNG BẰNG CỨ (des données) VÀ NHỮNG PHƯƠNG-SÁCH CỦA SỰ HƯỚNG-NGHIỆP

Văn-de hướng-nghiệp gồm hai bằng-cứ tắt.yếu như sau : Cá-nhân và nghề-nghiệp.

1. Sự hiểu biết cá-nhân. Sự hiểu biết cá-nhân gồm nhiều yếu-tố liên-hệ với nhau. Những yếu-tố ấy là :

- a. *Khả năng và vô khả-năng về cơ-thể.*
- b. *Khả-năng và vô khả-năng về tâm-lý và ngũ-giác-quan.*
- c. *Khả-năng và vô khả-năng về trí-tuệ.*
- d. *Những quyền-lợi bất đồng mà cá-nhân đã nêu lên và sự tổng-hợp lại thành khuynh-hướng của cá-nhân.*
- e. *Tinh dẻ dạy của cá-nhân (éducabilité).*
- f. *Sức chịu đựng về phương-diện tinh-thần, thê-chất, lâu hay mau ?*
- g. *Khả-năng thẩm-mỹ của cá-nhân.*
- h. *Thiên-tư về tình-cảm (prédispositions sentimentales) : các tính tốt và xấu.*
- i. *Tính-chất đạo-đirec : Các tính hạnh : kín miệng, ngay thật, tinh-thần kỷ-luat.*
- k. *Những xu-hướng xã-hội : Sự ưa-thích sống tập-thề hay là sống lẻ-loi, riêng-biéte, tình-yêu xã-hội, tài-diều-khiển kẽ khác và quyền rũ kẽ khác trung-thuận.*

Muốn biết rõ một cá nhân, cần-phải nghiên-cứu 10 điểm nói trên một cách tì-mỉ bằng những cuộc thí-nghiệm

khoa-học với những dụng-cụ đặc-biéte và những trắc-nghiệm (tests).

2. Sự hiểu biết nghề-nghiệp. Cũng như sự hiểu biết cá-nhân, sự hiểu biết nghề-nghiệp rất tề-nhị, khó-khăn. Dù sao người ta cũng cố-gắng đi sâu vào vấn-de bằng cách lập thành những đặc-chủng nghiên-cứu (monographies) mô-tả rõ-rệt các nghề nhằm mục đích nêu lên những khả-năng cần-thiết cho sự thi-hành các nghề ấy cùng là những cẩm-ky tình-trạng (contre-indications). Nhờ thế mà người ta có thể tạo-thành một trắc-diện (profil) tâm lý thông-thường cho mỗi nghề-nghiệp. Sự so-sánh trắc-diện ấy với trắc-diện tâm-lý thực sự của mỗi cá-nhân sẽ cho biết cá-nhân có khả-năng cùng không để làm một nghề gì.

Lại nữa tất cả các nghề đều được sắp-xếp theo loại căn-cứ vào những trắc-diện tâm lý thông-thường của các nghề theo một qui-tắc nhất định. Như vậy sự hướng-nghề sẽ được dễ-dàng.

Sự hiểu biết nghề-nghiệp cần được bồ-túc bằng sự hiểu biết hoàn-cảnh nghề-nghiệp (cách sinh-sống, thành phần của nhân-công, tổ-chức kỹ-thuật công việc làm, tập-quán cõi-truyền của nghề-nghiệp, những yếu-tố xã-hội chỉ phối việc làm v.v...) và sau cùng bằng sự hiểu-biết thời-cơ kinh-tế (tình-hình thị-trường lao-dộng, luật cung-cầu, các tiền-công, các biến-chuyển lên xuống của các tiền-công ấy, những dự-doán về tương-lai).

Nói tóm lại những bằng-cứ của việc hướng-nghiệp và những phương-pháp áp-dụng thật là phức-tạp, khó-khăn và sự dung-hòa giữa con người và nghề-nghiệp thật là một việc rất khó-khăn, tề-nhị.

IV. SỰ ĐỊNH-HƯỚNG CỦA NHÀ TRƯỞNG VÀ SỰ HƯỚNG-NGHIỆP

Giai đoạn thứ nhứt của việc hướng-nghiệp là

sự định-hướng của nhà trường. Vấn-dề định-hướng của nhà trường được nêu lên sau khi trẻ con đã học xong chương-trình lớp Nhứt. Hoặc là trẻ con cứ tiếp-tục học theo chương-trình phò-thông của trường sơ-tiểu đến hết lớp Nhứt là lớp ra trường để rồi vào lớp Đệ-Thất các trường trung-học theo những chương-trình tông-quát hoặc theo chương-trình thực-nghiệp, hoặc theo học các lớp Bồ-túc và tự hướng dẫn vào các ngành-học khác để rồi đi dần đến một số nghề-nghiệp chuyên-môn. Số ấy sẽ thu hẹp dần khi mà trình-degree các môn học lên cao.

Cần thêm rằng : những năng-lực được kích-thích và phát-triển ở nhà trường nhờ các môn học tông-quát nếu có một tinh-cách cẩn-bản và tượng-trưng những diêm-cốt-yếu của tinh-tinh và tri-tuệ sẽ không khác biệt với những năng-lực nghề-nghiệp và trẻ con sẽ mang tất cả theo trong những trạng-huống của cuộc đời. Giáo-chức nếu đã biết rõ, đã đánh thức và đã làm phát-triển các năng-lực ấy, hoặc là ngược lại, đã kìm hãm, đã dập tắt các năng-lực ấy, sẽ có một ảnh-hưởng rất lớn đối với cha mẹ học-sinh trong sự quyết-định của các vị này.

V. SỰ TỔ-CHỨC CÔNG VIỆC HƯỚNG-NGHIỆP

Dù cho trẻ con có đủ cấp-bằng sơ-tiểu hay không, cuối năm chúng mới lên 14 tuổi thì chúng phải ra trường sơ-tiểu và như vậy, vấn-dề hướng-nghiệp được nêu lên. Hoặc là trẻ con sẽ vào học trong một trung-tâm huấn-luyện nghề-nghiệp, hoặc là chúng sẽ theo học lớp dạy khoa canh-nông (lớp dạy canh-nông hậu giáo dục, lớp dạy canh-nông gia-chánh hoặc một trường canh-nông thực-hành).

Tất cả những trẻ con, sau khi đã học xong chương-trình sơ-tiểu, đều phải chịu một cuộc khảo-hạch hướng-nghiệp do Trung-tâm hướng-nghiệp tổ-chức.

Những Hiệu-trưởng các trường sơ-tiểu có bồn-phận phải lập xong những thẻ giáo-dục (fiche scolaire) cho tất

cả học-sinh lớp Nhứt. Các thẻ ấy trước ngày nói trên đã được Trung-tâm hướng-nghiệp chuyển sang đề các vị Hiệu-trưởng ghi vào những tài-liệu, tin-tức cần-thiết về mỗi học-sinh nhứt là về năng-lực, trí-tuệ và cách đối-xử của chúng ở nhà trường.

Các bác-sĩ phụ-tá ở Trung-tâm hướng-nghiệp nói trên sẽ khám-nghiệm các học-sinh về cơ-thể để ấn-định những năng-lực về hình-thể và đoán trước những điều cấm-ky tình-trạng, ngăn-cản sự thi-bành một ít nghề-nghiệp này. Các bác-sĩ sẽ lập nên những thẻ (phiếu) y-tế.

Trung-tâm hướng-nghiệp sẽ nhận hai loại thẻ (phiếu) ấy. Để cho sự dò-xét được đầy đủ Trung-tâm hướng-nghiệp có thẻ hỏi các bậc phụ-huynh (phiếu gia-dinh) và hạ-linh mở một cuộc điều-tra về hoàn-cảnh gia-dinh do một nữ cán-bộ phụ-trách (phiếu xã-hội). Sau đó Trung-tâm hướng-nghiệp sẽ khởi sự một cuộc khám-nghiệm về tâm-lý kỹ-thuật của học-sinh bằng cách sử-dụng những trắc-nghiệm và những thi-nghiệm riêng biệt cốt để tìm ra những năng-lực và những điều cấm-ky tình-trạng về nghề-nghiệp ở mỗi học-sinh.

Tổng-số những tài-liệu ấy của nhà trường, của cơ-quan Y-tế, của gia-dinh, của xã-hội và của khoa tâm-lý làm thành hồ-sơ hướng-nghiệp của mỗi học-sinh.

Hồ-sơ ấy giúp sự lập nên tờ chứng-minh hướng-nghiệp. Tờ chứng-minh ấy sẽ được viên Thơ-ký Trung-tâm hướng-nghiệp gửi cho các nhà cầm-quyền hữu-trách về vấn-dề này trước ngày nhập-học trong niên-khoa tới.

Trong tờ chứng-minh ấy, ngoài sự kê-khai các nghề nguy-hiểm cho sức khỏe của đương-sự ra, lại có nêu lên những chi-tiết về những thiên-tư của tri-tuệ hoặc của cơ-thể, những năng-lực để học những nghề có tư-cách, có giá-trị thích-hop với tình-trạng của đương-sự. Trong tờ chứng-minh ấy lại còn nêu lên những nghề-nghiệp có những

chỗ trống dành cho dương-sự. Các bậc phụ-huynh, cẩn-cứ vào tờ chứng-minh ấy, được quyền tự-do chọn-lựa.

Sau cùng, nếu có trẻ con, trong-thời-gian học-khoa, không thu-thập được một kết-quả nào ở trong lớp, hoặc có tinh khό-khǎn, không thuận-thảo với chúng bạn quanh minh thì ông Hiệu-trưởng trường sở-tại có thể gởi trẻ con ấy đến Trung-tâm hướng-nghiệp sẽ có những điều chi-bảo qui-báu về cách chữa-chạy bệnh-tinh của trẻ.

VI. KẾT-LUẬN

Nói tóm lại, sự hướng-nghiệp rất cần và Trung-tâm hướng-nghiệp thật là một cơ-quan tối-ut quan-trọng đối với nhà trường, đối với vō-số thế-bè thanh-thiếu-niên và sau cùng đối với quốc-gia xã hội. Nhưng tiếc thay hiện giờ ở nước ta công-dụng của nó ít được ai chú-ý và, ở nhiều nơi, cơ-quan ấy chưa được tổ-chức.

Trung-tâm hướng-nghiệp càng ra đời trẻ chừng nào thì ở trong gia-dinh và tại học-đường sẽ còn không biết bao nhiêu sự đáng tiếc xảy ra vì các thế-bè thanh-niên không được hướng-nghiệp đúng-lý.



CHƯƠNG XI

CÔNG-CUỘC BỒ-TÚC NHÀ TRƯỜNG

CÔNG-CUỘC BỒ-TÚC NHÀ-TRƯỜNG

I. NHỮNG ÍCH-LỢI

Công-cuộc bồ-túc nhà trường, là những công-cuộc kiện-toàn sự-nghiệp nhà trường, làm cho trường-cửu ánh-hưởng tốt và công-cuộc phuộc-thiện của nhà trường.

Trẻ con khi được 14 tuổi sẽ rời ghế nhà trường và bước chân vào trường-đời. Từ 15 đến 20 tuổi là giai-doạn khó khăn đầy nguy-hiểm của đời người. Bởi vậy, trẻ con trước ngày ấy cần được huấn-luyện một cách già-giặn tại nhà trường. Tuy nhiên sự huấn-luyện ấy luôn luôn được bồ-túc thêm sau khi chúng rời ghế nhà trường. Lẽ dẽ hiểu là dù cho trẻ con đã thôi học chúng còn cần được nhủ-khuyên, hướng-dẫn trong một thời-gian nữa để tự mình rút kinh-nghiệm trong trường-đời. Bởi thế, trong đoàn-thề giáo-giới, ai ai cũng đều cho rằng nếu công-nghiệp của nhà trường chấm-dứt đối với trẻ con ngày mà chúng rời ghế nhà trường thì công-nghiệp ấy chỉ là con số không-vậy ! Những công-cuộc bồ-túc nhà trường được liệt vào ba loại như sau :

— Các công-cuộc giúp-ich trẻ con trong thời-ky học-khoa của chúng.

— Các công-cuộc giúp-ich trẻ con sau khi chúng thôi học.

— Các công-cuộc có tinh-cách xã-hội và giản-liếp giúp ích các cựu học-sinh của nhà trường.

II. NHỮNG CÔNG-CUỘC GIÚP-ÍCH TRẺ-CON KHI CHÚNG CÒN ĐI HỌC

Các công-cuộc ấy là : Tủ thuốc nhà trường, ngọ-phạn-diểm, trại nghỉ hè, hội thể-thao và hoạt-động thanh-niên, thư-viện nhà trường, học-xưởng, học-đường-viên, học-đường hợp-tác-xã, hội phụ-huynh học-sinh, hội bảo-trợ học-sinh.

A. TỦ THUỐC NHÀ TRƯỜNG

Mỗi học-hiệu, với một sỹ-số khá cao, cần có một tủ thuốc có những món thuốc cần-thiết cho những chứng-bệnh thông-thường như nhức đầu, nóng lạnh, đau bụng, cảm gió, cảm-nắng, v.v.,.. và những dụng-cụ cần-thiết cho sự băng-bó các vết-thương, các bệnh ghê-lở xoàng.

Tại tủ thuốc ấy cũng có phòng coi mạch của bác-sĩ nhà trường và một vài chiếc giường bệnh tạm phòng khi có những tình-trạng bất ngờ. Nơi đây, mỗi tháng bác-sĩ, nha-y-sĩ đến khám sức khỏe và răng của trẻ con một lần và ghi những lời khuyên-cáo trong mỗi thẻ sức-khỏe cá-nhan. Các thẻ sức-khỏe ấy sẽ được giao lại cho văn-phòng ban giám-đốc nhà trường để cáo-tri cho các phụ-huynh học-sinh. Đầu niên-học phải có một cuộc khám sức khỏe như thế để theo dõi sự biến-chuyen cơ-thể của trẻ, để xác định rõ-rệt giá-trị sức-khỏe của chúng sau một thời-hạn là một tháng hoặc ba tháng. Nhờ sự khám sức-khỏe này mà nhà trường có bằng chứng để cho trẻ con nghỉ học vì kém sức-khỏe, gửi chúng về gia-dinh chúng hoặc vào dưỡng-đường công-lập, và chia chúng ra làm nhiều hạng : hạng đau tim, hạng đau phổi, hạng đau bao tử, đau lá lách và căn-cứu theo đó mà xác định cách tập luyện riêng biệt cho mỗi loại bệnh. Có như thế nhà trường mới tránh được những tai-nạn bất-ngoờ trong những giờ thể-thao.

B. NGỌ-PHẠN-DIỂM (Quán cơm trưa)

Ở thôn-quê, nhiều khi một nhà trường được lập lên cho một số thôn-xã trong vùng. Vì lẽ ấy mà các trẻ con ở các thôn-xã xa-xôi, mỗi ngày phải đi bộ từ nhà đến trường và mỗi lần phải đi đến bốn, năm cây số ngàn. Như vậy, mỗi ngày chúng phải đi bộ đến 20 cây số ngàn. Thật là một sự cố gắng quá ư mệt-nhọc có hại cho sức-khỏe chúng. Ấy là nói về mùa nắng, đường xá khô-ráo. Trái lại, đến mùa mưa thì sự khổ-cực của chúng không thể tả được. Nhiều khi chúng đến trường sách-vở ướt mềm, quần áo loi-ngoi, lóp-ngóp. Chúng phải đè vội mà học cho tan buồi. Về nhà chúng bị cảm nặng. Ngày sau và vài hôm nữa chúng phải nghỉ, bài vở đành phải chịu bỏ vạy.

Nếu ngọ-phạn-diểm được lập lên ngay tại trường thì trẻ con sẽ đỡ biết bao nỗi khổ-cực !

Nhờ ngọ-phạn-diểm, trẻ con chỉ buổi sáng mới đi bộ đến trường. Trưa lại chúng ăn nghỉ tại trường. Chiều tối chúng mới về nhà. Như thế, mỗi ngày chúng chỉ có mất công đi về và tránh biêt bao nỗi khổ-cực do thời-tiết gây nên. Lại nữa, tan học xong chúng có bát cơm ngon, canh nóng, và được ăn uống ngon lành. Nhiều khi chính ở nhà chúng, chúng không được ăn uống đầy-đủ, ngon lành như vậy. Kinh-nghiệm cho thấy rằng : chế-độ ngọ-phạn-diểm đã giúp trẻ con, nhứt là trẻ con nghèo có một sức-khỏe dồi-dào, sắc mặt tươi-nhuận.

Sự tổ chức ngọ-phạn-diểm là như sau : đầu niên-học nhà trường triệu-tập đại-hội các bậc phụ-huynh học-sinh để nói rõ những điều lợi của một ngọ-phạn-diểm. Đại-hội sẽ bầu một ban trị-sự trông coi việc ấy. Hiệu-trưởng trường sở-tại chỉ giữ chức cố-vấn mà thôi. Quỹ của ngọ-phạn-diểm gồm có ba phần như sau : tiền-trợ-cấp của thôn-xã sở-tại hoặc của quận sở-tại ; tiền-trợ-cấp của các nhân-sĩ, các nhà tài-mắt trong

vùng sau những buổi hát, diễn-kịch, đá bóng tròn v.v... tiền hò-trợ của các bậc phu-huynh học-sinh, tiền đóng sau mỗi bữa ăn trưa của những học-sinh các gia-dình giàu có (số tiền ấy rất hạ).

Các trẻ em quá nghèo thì được ban trị-sự cho phép ăn cơm khói trả tiền.

Thực-đơn của mỗi bữa ăn phải được bác-sĩ nhà trường chấp-thuận sau khi đã có sự sửa-chữa nhiều it.

C. TRẠI NGHỈ HÈ

Ở nhiều đô-thị lớn, trẻ con vì gia-dình chúng nghèo đành phải ở những căn nhà chật-hẹp, thiếu hẳn vệ-sinh. Bởi thế, khi chúng đến trường thi chúng có sắc mặt xanh-xao, hình vóc tiêu-tụy, tinh-thần bạc-nhược. Ít hoặc nhiều, chúng đã bị nhiễm bệnh lao. Vậy các trại nghỉ hè rất cần để giúp chúng bồi-dưỡng lại sức khoẻ. Ở đây sự can-thiệp của bác-sĩ nhà trường rất cần. Bác-sĩ sẽ cho biết: những trẻ yếu-đuối cần được gởi đi nghỉ hè ở các nèn đồng bằng, hoặc ở các bãi bờ; các trẻ nóng-nẩy vì thán-kinh bị quá ứ kích-thích cần được gởi lên các vùng núi-non cao từ 700 thước đến 1.000 thước.

Các trẻ con ấy tụ tập lại thành đoàn ở một địa-diểm đã được lựa chọn dưới sự hướng-dẫn sáng suốt của một nam hay nữ giáo-viên và sống trong một bầu không-khi đại gia-dình. Ở các trại nghỉ hè này, trẻ con tha-hồ hơi lơi, tắm biển, phơi nắng, trèo non, quan-sát các cảnh vật, các thú cầm, các thảo-mộc, các loại sò ốc, cá tôm v.v... để mở rộng tầm hiểu biết của chúng. Có khi chúng lại hợp thành từng nhóm năm ba đứa đến ngũ trong một gia-dình ở địa-diểm đã được chọn lựa. Nhưng lối nghỉ hè này không có kết-quả bằng lối nghỉ hè tập-thể nói trên: người chủ gia-dình vừa kẽ không thè trọng nom kỹ-lưỡng các trẻ được. Lại nữa, xa gia-dình và lại được tự-do hoạt-dòng chúng sẽ vấp phải những việc đáng tiếc! Nhiều khi chúng

lại tự thấy lè-loi buồn tẻ vì mỗi cá-nhân tự tìm lý-thú riêng rẽ của mình.

Các khoản chi-phí của trại nghỉ hè sẽ do gia-dình của mỗi trẻ dài-thọ, nhưng với một giá hết sức hạ. Ấy là hình-thức thông-thường nhất để chứng tỏ rằng: đây không phải là cuộc bõ-thí và, như vậy, phần giá của gia-dình trẻ con khói bị tồn-thương mà quỹ của cơ-quan tổ-chức khói bị kiệt-quệ.

Có khi các khoản chi-phí ấy được quỹ các nhà trường có sự trợ giúp của nhà cầm-quyền dài-thọ.

Kết-quả các trại nghỉ hè dưới hình-thức tập-thể rất là mỹ-mẫu: khi về nhà, trẻ con sẽ được da thịt hồng-hào, mặt mũi no tròn, màu da sạm nắng nhưng khỏe mạnh, ăn uống rất khỏe và đủ sức chịu đựng một năm học.

D. HỘI THỂ-THAO VÀ HOẠT-ĐỘNG THANH-NIÊN

1. Hội thể-thao. Ở mỗi trường, mỗi buổi sáng hoặc mỗi buổi chiều, tùy theo thời-tiết, đều có một buổi tập thể-thao từ 15 đến 20 phút tùy theo lớp nhỏ hay lớn. Ngoài các buổi học-tập bắt-buộc ấy, học-sinh các lớp Nhì, Nhứt và Tiếp-liên có thể tham gia vào các hội thể-thao do nhà trường tổ-chức như: hội bóng tròn, bóng-bàn, bóng rổ v.v... nếu chúng thích các môn ấy. Hội thể-thao có mục-dịch giúp trẻ con lối tập thể-thao của chúng để một ngày kia có thể trở thành một nghệ-sĩ về môn ấy. Đó là các lối tiêu-khiển thanh-cao rất có ích cho sức khỏe của chúng.

2. Hoạt-động thanh-niên

a. Mục-dịch của hoạt-động thanh-niên. Môn hoạt-động thanh-niên là một môn giáo-khoa dạy cho các học-sinh cách sống tập-thể có tổ chức. Lối sống ấy sẽ giúp học-sinh sống đời sống của một thanh-niên sáng-suốt, có sức

dâng-dương những công việc hằng ngày và luôn dịp trau dồi những đức-tính cần-thiết. Đời sống tập thể ấy sẽ giúp trẻ con có óc sáng-khiến, óc tò-chức. Nó phát-huy ở mỗi trẻ tinh-thần trong thân, tương-trợ và nhất là tinh-thần phục-vụ quyền lợi chung của đoàn-thể.

Môn hoạt-động thanh-niên sẽ giúp trẻ con có một cơ thể lành-mạnh, một sức khỏe dồi-dào bằng cách tổ-chức các cuộc du-ngoạn ở các bãi biển, ở các danh lam thắng cảnh.

Về phương diện sư-phạm, nó là một phương-sách giáo-dục hoàn-hảo ở chỗ trong lớp mọi công việc đều do toàn-thể học-sinh phân-ra thành nhiều đội đắm-nhiệm dưới sự hướng-dẫn trong nom của giáo-chức. Phương-sách này giúp sức một cách đặc-lực lối giáo-dục hoạt-động (lối giáo-dục mới).

Vì các lý-do trên mà ngày hôm nay môn hoạt-động thanh-niên được đem vào chương-trình các trường sơ-tiểu.

b. Cách tổ-chức môn hoạt-động thanh-niên

Tổ-chức. Môn hoạt-động thanh-niên cũng gọi là «Công-tác Hiệu-đoàn». Về phương-diện tổ-chức, trước nhứt phải có sự tổ-chức đại-cương ở các lớp học. Công việc đầu tiên của tổ-chức là sự chia-tỷ số của một lớp học ra làm nhiều đội, mỗi đội không quá 10 học sinh có lớn, có nhỏ. Làm đầu mỗi đội là *đội trưởng*, và *đội phó*. Làm đầu toàn lớp có *liên đội trưởng* là giáo viên trong coi lớp ấy và một *liên đội phó* là một học sinh của lớp học ấy. Làm đầu toàn trường thì có *Ban chấp-hành toàn trường* trong ấy có một *hiệu-đoàn-trưởng*, là một giáo viên trẻ tuổi hoặc là *Hiệu-trưởng*, một hiệu-đoàn phó và các ban như: xã-hội, học-tập, tài-chánh, văn-nghệ, du-lịch v.v...

Bầu cử. Sự lựa chọn các nhân-viên phụ-trách các phân-sự nói trên đều căn-cứ vào sự bỏ-thăm kín sau một buổi đại-hội.

Sự kết-nạp đoàn-viên. *Lễ tuyên-thệ.* Sau việc bầu-cử là lễ kết-nạp đoàn-viên để quan-trọng-hoa công-tác của hiệu-đoàn. Trong buổi lễ này các đoàn-viên mỗi lớp và toàn-thể các cấp đội sẽ cùng tuyên-thệ nguyện giữ danh-giá của Hiệu-đoàn, phục-vụ Hiệu-đoàn, tận-tâm và nêu cao danh-giá cùng tinh-thần gương-mẫu của đoàn-viên.

Hai lần trong mỗi năm, nhằm ngày nghỉ lễ Phục-sinh và nghỉ hè, sẽ có tổ-chức đại-lễ tuyên-dương công-trạng các đoàn-viên và kích-thích sự cõ-gắng của mọi người.

Tên đội, tên liên-đội, tên hiệu-đoàn, Cấp-hiệu và phù-hiệu. Một đội, liên-đội, hiệu-đoàn đều có tên riêng. Đội-trưởng, đội-phó, liên-đội-trưởng, ban chấp-hành hiệu-đoàn đều đeo cấp-hiệu riêng trong những ngày đại-lễ, ngày đại-hội hiệu-đoàn, các cuộc cắm-trại và du-ngoạn. Ngoài ra tất cả học-sinh trong trường đều nên mang phù-hiệu riêng.

Mỗi đội, liên-đội và hiệu-đoàn đều phải có cờ riêng mang tên mỗi đội, liên-đội và hiệu-đoàn.

Tinh-thần cần-thiết để thi-hành công-tác hiệu-đoàn. Mục-dịch của hiệu-đoàn, như trên đã nói, là tập-trẻ con có tinh-thần tháo-vát, dâng-dương công-việc từ nhỏ đến lớn. Đức-tính ấy sẽ giúp trẻ con không bỡ ngỡ khi bước chân vào trường-dài. Vậy giáo-chức chỉ hướng dẫn một cách kín đáo trong mọi việc, nghĩa là để chúng làm tất cả mọi việc dưới sự chấm-nom của giáo-chức. Nếu chúng thất-bại trong một công-việc gì, giáo-chức phải tìm ra nguyên-nhân sự thất-bại ấy, chờ không nên thay thế chúng mà làm lại. Sự tận-tâm hướng-dẫn của giáo-chức sẽ giúp

chúng rèn-luyện cho cứng-rắn đức-tính lãnh-đạo sảng-suốt và khoa-học đê sau này đi đến một cao-vọng khác.

c. Công việc hoạt-động thanh-niên.

(Xem sách Hoạt-động thanh-niên đã được Bộ Quốc-gia Giáo-đục duyệt.y).

— Chương trình hoạt-động thanh-niên gồm có : hát và nhảy múa, thắt nút dây, trò chơi, đấu lối đi, kịch ngắn, làm bếp, cấp-cứu, truyền-tin, tìm phương-hướng, âm-nhạc, cắm-trại, cuộc du-ngoạn (Xem chương-trình tiểu-học hiện hành).

— Thời-gian và cách dạy môn hoạt-động thanh-niên; mỗi tuần nên có sự hội-hợp của mỗi đội hoặc liên-đội vào giờ hoạt-động thanh-niên. Trong các buổi họp ấy các em học chuyên-môn được chơi, hát với nhau. Trong những buổi họp này cần cho các đội làm việc theo lối thi-dua để thêm phần hăng-hái của các đội. Theo thời-khoa-hiệu hàng tuần về môn Hoạt-động-thanh-niên, giáo-chức có thể dạy âm-nhạc hoặc ca-hát và phần chuyên-môn xen lẫn nhau. Mỗi tháng phải có buổi hội-hợp đầy đủ theo chương-trình kiêu-mẫu dưới đây :

Hát chính thức (bài hát riêng do liên-đội chọn-lựa).

Liên-đội trưởng nói về một vấn-đề nâng cao tinh-thần đoàn-viên hay giảng một điều luật.

Hát hoặc làm tiếng reo.

Học chuyên-môn (nút dây, cứu thương, làm bếp).

Trò chơi.

Học hát hoặc kè-chuyen.

Liên-đội-trưởng dặn-dò các công-việc.

Cuộc du-ngoạn và cắm-trại.

Các cuộc du-ngoạn giúp trẻ con có dịp quan-sát những cảnh đẹp, núi sông, cây lá, chim-muỗng, gió mây.

những công-trình nhân-tạo (đường sá, cầu cống, nhà cửa, chợ phố v.v...)

Trước khi khởi-hành, trẻ con được dặn dò kỹ lưỡng về sự quan-sát các địa-diểm, các cảnh-vật v.v... để cho cuộc du-ngoạn có tính-cách bồ-ich đối với chúng.

Trong những ngày nghỉ, giáo-chức đưa trẻ con đến cắm trại gần một núi cao, trên bờ biển hoặc giữa cánh đồng để tầm con mắt chúng được mở rộng, trí tuệ chúng được kích-thích. Trong các buổi cắm-trại này, trẻ con sẽ tiếp xúc với cảnh thiên-nhiên, sẽ tập yêu-tạo-vật và luôn đấy, tập làm mọi việc một cách nhanh-nhẹn, khôn-ngoan. Nhân cơ-hội này, giáo-chức sẽ sống gần trẻ con và sẽ hiểu chúng nhiều hơn.

Khi sắp đi cắm trại, giáo-chức phải chuẩn-bị các việc sau đây :

Chuẩn-bị : Xin phép ông Thanh-trạ, ông Hiệu-trưởng, nhà Hành-chánh địa-phương ; sắp-đặt đầy-dủ hộp cùu-thương, các thức-ăn cần-thiết, đê ý đến sức-khỏe của học-sinh, lựa chỗ cắm trại cho hợp vệ-sinh (có đủ nước uống được, có chỗ trú mưa to) đê-phòng tai-nạn bằng cách kiểm-soát sự di-dứng của các đội-viên một cách chặt-chẽ.

Lúc cắm trại : Có lều thì cắm chỗ khuất gió và khô ráo. Tránh cắm trại trên đỉnh núi vì có nhiều gió và tránh chân núi vì bị ẩm-thấp. Cho trẻ con ăn no, ngủ ngon, chơi nhiều. Cần phải tạo một hố vệ-sinh. Nếu cắm trại gần xóm làng thì tránh sự làm méch lòng dân chúng vì trẻ con hay khuấy-phá vườn-tược, cây trái của họ. Về khoản này cần có sự dặn-dò kỹ-lưỡng trước ngày đi.

Lúc về : Kiểm-điem sự hiện-diện tất cả trẻ con. Thanh-toán một cách ôn-thảm với dân chúng địa-phương nếu có xích méch giữa trẻ con và đồng bào ấy. Lắp các hố vệ-sinh và quét dọn sạch-sẽ nơi cắm trại trước khi ra về,

d. *Sự áp-dụng cách tổ-chức thanh-niên vào các môn học khác.* Trong các công việc làm tại lớp, giáo-chức cần chia chương-trình hoạt động về mỗi môn ra mấy công-tác sau đây : trật-tự, vệ-sinh, kỷ-luật, lê-phép, rồi giao mỗi công-tác cho mỗi đội.

Liên-đội phó có trách-nhiệm đôn-đốc và nhắc-nhở các công-việc cho các đội-trưởng. Đội phó hướng-dẫn các đội-viên của đội mình trong sự thi-hành công-tác của đội.

Đến giờ dạy toán-học, giáo-chức áp-dụng phương-sách La Martininère. Giáo-chức ra lệnh cho các đội trong lớp tự kiềm-soát lấy đội mình sau khi đã nêu lên kiều-mẫu câu trả lời đúng. Giáo-chức chỉ cần đợi các đội-trưởng báo-cáo tên các đội-viên làm sai, viết sai là đủ.

Về vấn-đề học-tập (làm bài, học bài thuộc một môn nào hoặc điểm-danh mỗi buổi sáng và chiều) thì giáo-chức cũng áp-dụng lối làm việc tập-thể ấy và đặt tín-nhiệm ở các đội-trưởng và đội-phó.

e. *Kết-luận.* Nói tóm lại, môn Hoạt-động thanh-niên ngày hôm nay được coi là quan-trọng ; nó là sự tổng-hop về ba phương-diện : trí-dục, đức-dục và thể-dục. Nó còn là một phương-pháp rèn-luyện ý-chí của người thanh-niên : quả-cảm, sáng-suốt, đầy-dủ tinh-thần hy-sinh và ái-quốc.

E. THƠ-VIỆN NHÀ TRƯỜNG

Nhà trường cần có hai loại thơ-viện như sau : Thơ-viện giáo-sư và thơ-viện học-sinh.

1. **Thơ-viện giáo-sư.** Thơ-viện này gồm có các sách giúp sự tham-khảo các tài-liệu cần-thiết cho giáo-sư về các môn dạy. Loại sách này chính nhà trường phải xuất quỹ

của nhà trường để mua. Loại sách này cần được đầy-dù để giúp sự soạn bài của các giáo-sư.

Tho-viện giáo-sư được đặt dưới sự chăm-nom của nhóm nhân-viên Văn-phòng nhà trường.

2. **Thơ-viện học-sinh.** Thơ-viện gồm tất cả các loại sách giáo-khoa, các loại sách đọc lành-mạnh giúp học-sinh tự bồ-túc sự hiều-biết của mình. Các loại sách này, một phần được nhà trường xuất tiền ra mua, một phần được các bậc phụ-huynh, các giáo-sư và các nhà tài-mắt hiến, hoặc do các cơ-quan chánh-quyền gởi tặng.

Tho-viện này cũng được đặt dưới sự chăm-nom của Văn-phòng nhà trường. Ở nhiều nơi, học-sinh các lớp lớn của nhà trường được cất phiền nhau trong coi sự cho mượn các loại sách ấy trong những giờ chơi, giờ nghỉ.

F. HỌC XƯỞNG

Tức là xưởng-trại, dựng lên trong chu-vi nhà trường. Đến giờ thủ-công, trẻ con sẽ được giáo-chức dắt xuống đó tập làm những công việc bằng tay như : làm những vật-dụng nhỏ bằng gỗ, bằng kim-khi, đan các vật-dụng bằng tre, bằng mây, nặn các hình tượng nhỏ, các vật-dụng nhỏ bằng đất sét v. v...

Mỗi trẻ con phải có một bàn, một chỗ làm việc riêng biệt để chúng tập làm riêng các công việc ấy cho quen tay.

Về nữ học-sinh thì có một phòng riêng trong đó có đủ bàn may-máy, và các dụng-cụ về nữ-công. Ngoài ra lại có một phòng trù-lớn, rộng để cho nữ sinh tập nấu ăn : một phòng để chúng học giặt-ủi quần-áo v.v..

G. HỌC-ĐƯỜNG VIÊN

Tức là khu vườn riêng của nhà trường trong ấy có phần dành riêng cho nam học-sinh và phần dành riêng cho nữ học-sinh.

1. Phần dành riêng cho nam học sinh. Trong khoảng đất này, nam học sinh áp dụng những điều học hỏi thiết thực về cách phân-chất đất, cách bón phân, xới cày, cách trồng rau, trồng cây ăn trái, trồng lúa, khoai, ngô v.v... Chúng cũng học cách chăn nuôi cá, bò, trâu ngựa v.v...

2. Phần dành riêng cho nữ học sinh. Trong khoảng đất này, nữ học sinh học trồng các thứ hoa, cách nuôi các thú-vật nhà thuộc loại nhỏ như gà, vịt, thỏ.

Hiện nay ở nhiều tỉnh của Việt-Nam Cộng-Hòa, chính-quyền đã mở những trường cộng đồng dân-dao và đã mở hai khóa huấn-luyện giáo-viên canh-nông. Những học-dường vien này sẽ do giáo-chức chuyên-môn ấy phụ-trách.

H. HỌC-DƯỜNG HỢP-TÁC-XÃ

1. Mục-đich. Học-dường hợp-tác-xã có mục-đich qui-tụ các cá-nhan có thiện-chi chung-quanh nhà trường để làm những việc mà chín-h-phủ và thôn-xã không thể chăm nom được một cách thường-xuyên và cấp-tốc hữu-hiệu là : sự giữ-gìn và tu-bổ trường-ốc, sự mua sắm và tu-bổ các học-cụ ngày một trở nên cần-thiết cho sự giáo-dục hoạt động theo lối mới. Sự tò-chức học-dường hợp-tác-xã cẩn-cù vào sự tin-nhiệm ở tinh-chất hảo-thiện của trẻ con, ở sự tin-tưởng ở hiệu-năng của sự tự-do, ở sự kêu gọi đến sáng-kiến của mọi người.

2. Những hội-viên của Học-dường hợp-tác-xã. Đầu hết là các học-sinh các lớp sơ-tiêu, hội-viên hoạt-động. Thứ đến các bậc phụ-huynh, các nhà tài-mắt địa-phương, hội-viên tán-trợ. Nếu là hợp-tác-xã dành riêng cho một lớp thì giáo-chức trong coi lớp có thể là hội-trưởng hoặc là hội-viên tán-trợ. Nếu là hợp-tác-xã chung

cho toàn trường thì vị Hiệu-trưởng có thể là hội-trưởng hoặc là hội-viên tán-trợ. Nếu giáo-chức hoặc Hiệu-trưởng không đảm-nhận các phận-sự trên thì it ra hai công-chức ấy phải mặc-nhiên có quyền dự các buổi hội họp của hai loại hợp-tác-xã ấy.

3. Điều-lệ và nguyệt-liêm. Điều-lệ của Học-dường hợp-tác-xã lẽ dĩ-nhiên phải được giáo-chức hoặc Hiệu-trưởng trường sở-tại thảo ra. Các học-sinh gia-nhập vào hợp-tác-xã nói trên phải được xem bản điều-lệ ấy và chấp-thuận. Chính chúng đã tự ấn-định số tiền nguyệt-liêm mà mỗi hội-viên phải nộp mỗi tháng.

4. Những khoản thu của học-dường hợp-tác-xã. Các khoản-thu của học-dường hợp-tác-xã là :

- a. Tiền nguyệt-liêm do các hội-viên hoạt-động nộp.
- b. Tiền thu trong các cuộc hát, các cuộc đá bóng-tròn, các buổi chiếu bóng, các cuộc xô-số.
- c. Tiền trợ-giúp của các nhà hảo-tâm.
- d. Tiền bán gà, vịt, lợn, thỏ v.v... do hợp-tác-xã nuôi.
- e. Tiền bán các loại giải-khát, các tập giấy, bút chì bút mực, giấy rờ trong cửa hàng con của hợp-tác-xã lập tại nhà trường.

5. Những khoản chi của học-dường hợp-tác-xã. Các khoản ấy là :

- a. Mua thêm sách vở, báo chí, tập-san cho thư-viện học-sinh.
- b. Mua sắm thêm những học-cụ cần-thiết cho học-cụ khổ của nhà trường (tranh-ảnh, đư-đồ, dụng-cụ về đo-lường, máy hát nói, máy chiếu bóng đứng, máy phát thanh, máy chiếu bóng), các thứ hạt giống phân bón và

các nòng-cụ cho học-viên, tu-bồ bàn-ghế, tủ-kệ của nhà trường, sơn-phết trường-ốc, xây-cất và sơn-phết nhà vệ-sinh, trợ-cấp tú-thuốc nhà trường, ngọ-phạn điếm, mua một phần các phần-thưởng cho lê-tất-niên, dài-tho khoản chi-phí các buổi-lễ, các cuộc du-ngoạn, các cuộc nghỉ hè.

6. Phận-sự của một hội-viên. Mỗi hội-viên chẳng những có bồn-phận phải đóng nguyệt-liêm một cách đầy-đủ mà còn phải tham-gia vào các công-việc như sau : tu-bồ và trang-trí các phòng-học, giữ-sổ-sách của hợp-tac-xã và của tho-viện, giữ-gìn bồ-túc học-cụ khô và học-đường-viên, chuẩn-bị các cuộc thi-nghiệm của môn Khoa-hoc thường-thức (mua các vật cần-thiết cho bài-dạy), trông nom, săn-sóc những cuộc thi-nghiệm trường-kỳ (gieo hạt trong lọ đất), nuôi-nòng-nọc (cá nhái), nuôi-sâu-bọ, nuôi-tằm v.v..., tổ-chức các cuộc lễ, các cuộc du-ngoạn.

7. Kết-luận. Nói tóm-lại, nhờ sự hoạt-động của Học-đường hợp-tac-xã mà trường-ốc luôn luôn được giữ-sạch-sẽ, đẹp-de, đầy-dủ dụng-cụ về mọi-mặt. Những hoạt-động của hợp-tac-xã giúp trẻ con trực-tiếp tham-dự vào công-cuộc giáo-huấn của nhà trường và làm cho chúng rất thích-thú. Chúng sẽ hân-hiện mà nói rằng : nhà trường là của chúng.

Lại nữa, nhờ hoạt-động về nhiều-mặt mà trẻ con được chuẩn-bị về đời sống thực-tế. Học-đường hợp-tac-xã là một dân-chủ cộng-hòa thu-hình trọng-ý trẻ con tập sống đời sống công-dân và đời sống xã-hội.

I. HỘI PHỤ-HUYNH HỌC SINH

1. Mục-dịch. Hội phụ-huynh học-sinh được lập ra với các mục-dịch sau đây :

a. Giúp nhà trường làm tròn sứ-mạng giáo-hóa các thế-hệ thanh-thiếu-niên bằng cách thông-cảm đường-lối giáo-dục của nhà trường và giúp nhà trường thực-hành chương-trình học-khoa một cách hữu-hiệu.

b. Làm cho nhà trường biết rõ tình-trạng của toàn-thể học-sinh về phương-diện sức-khỏe, tri-tuệ và tinh-tinh.

c. Cho ý-kiến về chương-trình học-khoa và thời-dụng biếu riêng cho mỗi lớp.

b. Tham-gia các công-cuộc bồ-túc nhà trường có ích-lợi cho các trẻ con học-sinh.

2. Sự cần-thiết của Hội Phụ-huynh học-sinh. Hội phụ-huynh học-sinh là một hậu-thuẫn cần-thiết của nhà trường về phương-diện vật-chất cũng như tinh-thần,

3. Kết-luận. Không có Hội phụ-huynh học-sinh, nhà trường sẽ làm công-việc «dã-tràng xe-cát» vì lẽ nhà trường xưởng mà không ai họa lại. Như vậy nhà trường sẽ gặp không-bao-trở-ngại bởi sự không-hiểu nhau giữa nhà trường và các gia-dinh.

II. HỘI BẢO-TRỢ HỌC-SINH

1. Mục-dịch. Hội bảo-trợ học-sinh có mục-dịch nâng-dỗ các trẻ con học-sinh ngoài những giờ-học trong khi cha mẹ chúng mắc-tay ở các xưởng, các hảng. Trong thời-gian ấy, Hội tự-dảm-nhận săn-sóc trẻ con về sự-hành, về sự-tổ-chức các cuộc chơi-hữu-ich khiến trẻ con không-thể đi lang-thang ngoài đường và tránh được những ảnh-hưởng xấu-xa và những tai-nạn xe-cộ.

2. Thành-phần của Hội bảo-trợ học-sinh. Thành-phần của Hội bảo-trợ học-sinh gồm những nhà-tử-thiện, những thân-bảo của các khu-phố thật-tinh-thần.

yêu trẻ con. Họ là những người bạn quí của nhà trường.

Hội này được tổ-chức do ý-khiến của nhà trường đưa ra.

3. Kết-juận. Hội bảo-trợ học-sinh có một công-dụng xã-hội rất lớn. Đối với nhà trường nó tiếp tay với nhà trường trong sự chăm nom trẻ con ngoài giờ học để cho sự làm bài, học bài được chu-đáo, sự chơi giõn của trẻ được hợp-lý và không nguy-hiểm. Đối với cha mẹ học-sinh phần nhiều thuộc giới lao-dộng đó là một sự giúp-dỗ hết sức lòn-lao. Cha mẹ học-sinh sẽ an-tâm mà làm việc ở các xưởng, các hang khồi phải nom-nóp lo sợ con mình ở nhà không ai trông nom.

Nha-Thác-nhi (Garderie d'enfants) hiện nay có một hình-thức tương-trợ như Hội bảo-trợ học-sinh. Nhưng nó chỉ áp-dụng cho những hài-nhi chưa đến tuổi đi học mà thôi.

III. NHỮNG CÔNG-CUỘC GIÚP-ÍCH TRẺ CON SAU KHI CHỨNG THÔI HỌC

Công-cuộc ấy là : Hội cựu học-sinh.

Hội cựu học-sinh.

1. Mục-đích. Mục-đích của Hội cựu học-sinh là :

a. Làm sống lại mối tình đồng-song xưa giữa những người cùng một thế-hệ.

b. Tương-trợ lẫn nhau về phuong-diện tinh-thần lẫn vật-chất.

c. Tạo một hậu-thuẫn hùng-hậu để bảo vệ danh-nghĩa của nhà trường và giúp nhà trường ngày một phát-đạt hầu làm sống mãi danh-dự chung.

❶ 2. Thành phần của Hội cựu học-sinh. Thành phần Hội cựu học-sinh gồm những thế-hệ học-sinh đã thụ-giao tại nhà trường từ khi nhà trường mới được dựng lên cho đến ngày nay. Những thế-hệ ấy gồm đủ hạng người và đủ hạng tuổi, chiếm những địa-vị từ thấp lên cao trong xã-hội.

❷ Điều-lệ và cách tổ-chức.

a. *Điều-lệ* : Dự-án điều-lệ đã được một ít cựu học-sinh có tuổi-tác và có kinh-nghiệm đứng ra soạn-thảo và trình lên đại-hội-dồng duyệt-y. Sau đó điều-lệ ấy phải trình lên chính phủ chấp-thuận.

b. *Tổ-chức* : Sau khi điều-lệ của Hội được chính-phủ công-nhận rồi thì ban trị-sự lâm-thời sẽ triệu-tập đại-hội lần thứ nhì để công-cử ban trị-sự thiết-tho dung theo sự tổ-chức đã được ấn-dịnh trong điều-lệ theo lối bỏ phiếu-kín.

Ngoài nhân-viên ban trị-sự ra, tất cả đều là hội-viên. Có ba loại hội-viên : hội-viên tán-trợ, hội-viên sáng-lập và hoạt-động hội-viên.

c. *Quỹ của hội* : Quỹ của hội gồm có hai khoản, thu và chi.

Khoản thu gồm có : Tiền nguyệt-liễm, tiền ủng-hộ của các nhà từ-thiện, các nhà tai-mắt trong vùng, tiền vò cửa trong các buổi hát, buổi chiếu bóng, các buổi đá bóng-tròn.

Khoản chi gồm có : Tiền chi-phí về văn-phòng của hội, chi-phí về các đại-hội, tiền trợ-giúp các hội-viên bị tai-nạn, cấp học-bỗng cho các học-sinh nghèo hiếu-học của trường.

❸ Sự hữu-ích của Hội cựu học-sinh. Hội cựu học-sinh của nhà trường là một điểm-tựa cần-thiết cho các thế-hệ học-sinh đã chung-sống dưới mái nhà trường

về phương diện tinh-thần lẫn vật-chất. Không có Hội cựu học-sinh ấy, các thế-hệ thanh-niên, sau khi rời ghế nhà trường sẽ tự nhận thấy bơ-vơ, không nơi nương tựa, mặc tinh cho sóng gió của trường-dời đưa dồn !

5. Kết-luận. Nói tóm lại Hội cựu học-sinh đối với nhà trường cũng như toàn thể lá cây của một cõi thụ. Nếu không có nhựa sống để giữ các lá cây ấy lại trên cành thì cõi thụ kia sẽ bị tro-trọi, khô héo dần rồi đồ ngã mất. Trái lại nếu Hội cựu học-sinh được thành-lập thì nhà trường sẽ được ủng-hộ một cách đường-hoàng và sẽ sung-túc mãi như cõi thụ kia trên các cành đều đầy hoa lá.

IV. CÁC CÔNG CUỘC CÓ TÍNH-CÁCH XÃ-HỘI VÀ GIẢN-TIẾP GIÚP ÍCH CÁC CỰU HỌC-SINH

Các tổ-chức ấy là như sau : Lớp học tối, những buổi diễn-thuyết công-cộng, những buổi đọc sách bình-dân, thư-viện lưu-dộng.

A. LỚP HỌC TỐI

1. Định-nghĩa. Tức là lớp học dành cho những người lớn tuổi, phần nhiều thuộc hạng lao-dộng. Các lớp này được mở vào buổi tối, từ 8 đến 10 giờ, cho những người mắc lầm-lụng không hở tay ở các sở, các xưởng.

2. Mục-dịch. Lớp học tối giúp hạng người nói trên học hỏi thêm để cải-thiện nghề-nghiệp mình. Vậy các lớp học tối không phải có một chương-trình tông-quát của các lớp sơ-tiểu. Nó chỉ gồm những môn có ích một cách thiết-thực cho hạng người nói trên. Hạng người này không đủ thi giờ để học hết các môn, và đi sâu vào chi-tiết.

3. Sự hữu-ích của lớp học tối. Hạng lao-dộng, vì tình-cảnh gia-dinh, đã bị thất-học ngay từ buỗi thiếu-thời. Lớn lên họ phải vào xưởng, vào trại, để tìm kẽ sinh-nhai và không có thì giờ để tự học nữa. Lớp học tối sẽ giúp họ, trong vài tiếng đồng hồ, thu-thái những tri-thức cần-thiết cho sự hành-nghề của họ.

4. Kết-luận. Nói tóm lại, lớp học tối rất có ích cho giới lao-dộng. Nhưng cần đề ý đến điều này : sau khi đã làm việc cực-nhọc suốt ngày và tối lại có can-dảm đến học lớp học tối thì thật là một cõi-gắng quá lớn. Vậy giáo-chức lớp học này không nên làm họ chán-nản mà trái lại làm họ thích-thú bằng cách soạn bài thiết-thực, có ích-lợi rõ-rệt cho nghề-nghiệp của họ.

B. NHỮNG BUỔI DIỄN-THUYẾT CÔNG-CỘNG

1. Mục-dịch. Những buổi diễn-thuyết công-cộng có mục-dịch giúp thính-giả phần nhiều thuộc giới lao-dộng, các cựu học-sinh và nhân-dân trong vùng học hỏi thêm những điều cần-thiết, hữu-ích, những ý-kien hay, đúng luân-lý, và phát-triển tinh-thần dân-chủ ở mọi người.

Giảng-viên thường là giáo-chức của trường sở tại. Các cuộc diễn-thuyết ấy được tổ-chức ngay trong giảng-dường của nhà trường, hay trong một công-thịt nào to rộng của địa-phương, mỗi tháng hai hay ba lần để thay thế các buổi học-hỏi.

2. Đề-tài các cuộc diễn-thuyết. Đề-tài các cuộc diễn-thuyết ấy thuộc về loại văn-chương bình-dân, về môn Sử-địa hay về Khoa-hoc thực-hành. Các đề-tài không cần theo một thứ-tự nào.

Các đề-tài khác thuộc về các khoa như : Y-tế, Bảo-chế, Canh-nông, Kỹ-nghề, Thương-mai, Büro-diễn, v.v... có thể

được đem ra trình-bày do các nhân-viên các ngành chuyên-môn ấy.

3. Công-hiệu của các cuộc diễn-thuyết công-cộng. Nếu các đề-tài được chọn-lựa khéo thì các buổi diễn-thuyết ấy sẽ hấp-dẫn được một số đông thính-giả và dần-dần tập cho họ thích nghe, thích học-hỏi để sau khi đó họ đến học lớp tối cho nhiều.

4. Kết-luận. Nói tóm lại, những buổi diễn-thuyết công-cộng là lối giáo-dục quần-chúng thông-dụng nhất từ xưa đến nay. Nó giúp một số lớn người dân thất-học có dịp bồi-túc những chỗ thiếu sót của mình về tri-thức. Các cuộc diễn-thuyết ấy cần được khuyến-kích luôn.

C. NHỮNG BUỔI ĐỌC SÁCH BÌNH-DÂN

1. Mục-đích. Các buổi đọc sách bình-dân có một mục-đích tương-tự như mục-đích các buổi diễn-thuyết : giáo-dục đại-chung, giúp đại-chung biết thưởng-thức một bài thơ hay, một trang văn-chương tuyệt-tác, một vở tuồng tuyệt-mỹ.

2. Cách tổ-chức một buổi đọc sách bình-dân. Buổi đọc sách này sẽ được tổ-chức trong một nơi công-cộng rộng lớn. Bài thơ, bài văn, vở tuồng được đọc lên với một giọng trầm, hõng, mượt, chậm, thích-ứng. Nếu là một bài văn với hình-thức vấn-đáp thì giáo-chức sẽ cậy nhiều cựu học-sinh lên sân khấu, đóng các vai trong bài phụ-lực với vai chính là giáo-chức. Sân-khấu rất đơn-giản và chỉ gồm những chiếc sập (bệ) kê khít lại và trên ấy có đè một cái bàn. Không cần gì phải màn, trường, tranh, ảnh, trí tuồng-tượng của thính-giả toàn là người lớn sẽ có bao-phận bồi-túc những chỗ thiếu sót ấy.

3. Các đề-tài. Đề-tài các buổi đọc sách công-cộng này đều rút trong những tác-phẩm của các thi-bà, các đại văn-hào của nước nhà. Các đề-tài ấy phải lựa-chọn cách nào để cảm-xúc một cách lành-mạnh, cao-khiết, tâm-hồn thịnh-giả.

4. Sự ích-lợi của các buổi đọc-sách bình-dân. Các buổi đọc-sách bình-dân là những lối tiêu-khiến lành-mạnh, thanh-cao nhất và được đại-chung thưởng-thức nhất. Nó có phần dễ tồ-chức hơn là các cuộc diễn-thuyết công-cộng vì không đòi hỏi một sự sửa-soạn quá ư tỉ-mỉ, công-phu.

5. Kết-luận. Buổi đọc-sách bình-dân là một trong các lối giáo-dục đại-chung rất có công-hiệu, và cần được khuyến-kích. Các văn-sĩ, nghệ-sĩ, luật-sư có thể cùng tham-dự và giúp sức với giáo-chức để đứng ra thay-thế nhà trường tồ-chức các cuộc ấy.

D. THƠ-VIỆN LƯU-ĐỘNG

1. Mục-đích. Thơ-viện lưu-động được lập lên để giúp dân-chúng ở nhiều khu trong chau-thành, nhiều làng trong thôn-quê trong số ấy có các cựu học-sinh của nhà trường, thích xem sách, thích học-hỏi thêm bằng cách đọc ngầm. Thơ-viện sở-dĩ phải lưu-động là để cho dân-chúng đọc-giả luôn luôn có sách mới để đọc, và công-quỹ của nhà trường khỏi phải xuất ra nhiều, để mua các sách mới, một khi các sách hiện có đã được công-chúng đọc hết.

2. Cách tổ-chức. Thơ-viện lưu-động của nhà trường. (A) sau khi dừng bước lại ở một làng xã nào trong một thời-hạn mấy tuần-nhật thì lại được di-chuyển qua làng kề-cận. Tiếp theo đó là thơ-viện của nhà trường (B) đến với một lô sách của nhà trường (B) và v.v.,

Người ta có thể chia các quyền sách của nhà trường (A) ra làm nhiều lô : A.B.C.D v.v... rồi phát các lô ấy đi các khu, các làng lân-cận, và sau một thời gian lâu hay mạn các lô sách ấy sẽ tuần-tự được thay thế trong các khu, các làng vừa kề.

3. Kết-luận. Thư viện lưu-động là hậu-quả của các cuộc diễn-thuyết công-cộng và đọc sách bình-dân. Nó sẽ được đại-chung quí-trọng một khi mà mọi người thích đọc sách, thích học một mình.



CHƯƠNG XII

NHÀ GIÁO - DỤC

NHÀ GIÁO-DỤC

I. GIÁO-CHỨC

A. NHỮNG ĐIỀU-KIỆN CẦN-THIẾT CHO QUYỀN-LỰC (AUTORITÉ) HAY LÀ UY-QUYỀN CỦA GIÁO-CHỨC

Nghề giáo-dục là nghề rất quan-trọng vừa đối với quốc-gia vừa đối với thế-hệ thanh-thiếu-niên và toàn-thể quốc dân đồng-bào. Bởi thế, giáo-chức phải đủ uy-quyền để hướng-dẫn trẻ con một cách hữu-hiệu.

Uy-quyền ấy phải căn-cứ vào những điều-kiện cần-thiết sau đây :

1. Công-văn chứng-nhận sự ủy-thác của quốc-gia cho giáo-chức quyền giáo-huấn trẻ con ở một nơi nào. Công-văn ấy là sự-vụ-lệnh của chánh-phủ thuyên-bồ giáo-chức.

2. Cấp-bằng chứng-minh khả-năng sur-phạm của giáo-chức để đảm-nhiệm công việc nói trên.

3. Các đức-tính cần-thiết cho nghề giáo-dục : Các đức-tính ấy có thể được liệt vào hai loại :

a. Về phuơng-diện hữu-hình : Nếu giáo-chức có một hình-dáng đều-dặn, cao-lớn, nét mặt vui-tươi, giọng nói

thanh-tao và rõ-ràng, một tâm con mắt sâu-xa, am-hiều, những cử-dộng khoan-thai, dịu-dàng thì uy-quyền của giáo-chức được gia-tăng một cách dễ-dàng.

Tuy-nhiên đó không phải là những điều-kiện tối-cần là vì có những giáo-chức không đủ tất cả các điều-kiện ấy thế mà rất có uy-quyền đối với học-sinh.

b. Về phương-diện tinh-thần. Đây mới là những điều kiện tối-cần — Nó gồm các đức-tính sau đây :

— *Lòng thương-yêu trẻ con.* Có thương-yêu trẻ con giáo-chức mới tận-tâm dạy-dỗ chúng, chịu cực-khổ để hướng-dẫn chúng, hy-sinh sicc-khỏe, hạnh-phúc cá-nhan vì chúng. Đối lại, học-sinh sẽ cảm-động và nhìn thấy sự hy-sinh vì chúng của giáo-chức, sẽ thương-mến giáo-chức và sẵn-lòng tuân mệnh-lệnh của giáo-chức. Uy-quyền của giáo-chức nhờ thế mà tăng lên.

— *Tinh cương-quyết.* Thương-yêu trẻ con là một việc, mà cương-quyết lại là một việc khác. Đối với những trẻ có xu-hướng làm quấy, giáo-chức phải cương-quyết chặn đứng chúng lại để chúng khỏi sa-ngã. Phản động trẻ con hiếu-học, thích làm việc trong trật-tự. Sự cương quyết của giáo-chức rất cần để bảo-vệ trật-tự trong lớp và được hạng trẻ này hoan-nghinh.

Giáo-chức cương-quyết rất ít nói, nhưng hễ nói phạt hay thưởng thì sẽ thi-hành đúng theo lời hứa.

— *Tinh ôn-hòa, trầm-tĩnh, nhã-nhặn, thiệp-thể.* Giáo-chức phải ôn-hòa, trầm-tĩnh trong những công việc thường phạt để tránh những điều thái-quá hoặc bất-cáp.

Giáo-chức phải nhã-nhặn, thiệp-thể để tránh sự chạm lồng-tự-ái của trẻ con và gia-dinh chúng một cách vô-ích.

— *Tinh công-bình.* Trong những việc thường hay phạt, giáo-chức phải tỏ ra rất công-bình, không tư-vị ai. Điều

mà học-sinh khó chịu nhất là sự bất-công, tính thiên-vi của giáo-chức. Tính công-bình làm tăng uy-quyền của giáo-chức.

Lương-tâm chức-nghiệp, hay là lương-tâm nhà-nghề : Tức là tinh cần-mẫn công việc. Lúc nào giáo-chức cũng nghĩ đến sự làm tròn nhiệm-vụ, dù bè trên có dòm-ngo đến công việc của mình hay là không cũng thế. Ấy cũng là tinh chán-thành, không tự dối mình và dối người. *Lương-tâm chức-nghiệp* bắt-buộc giáo-chức phải đi đúng giờ, soạn bài, sửa bài kỹ-lưỡng và cuối năm phải dạy hết chương-trình.

Sống một đời sống trong-sạch. Đời sống hằng ngày của giáo-chức phải trong-sạch nghĩa là không có chỗ gi chè-trách được. Có như thế thì học-sinh và cha mẹ chúng mới kính-nề giáo-chức và uy-tin của giáo-chức mới toàn vẹn.

Giáo-chức phải là gương-mẫu thường-trực của học-sinh. Từ cách đi, cách ứng, cách nói, cách ngồi và cách trang-phục, giáo-chức phải tỏ ra là người đường-hoàng đê trẻ con bắt-chước, vì ngày ngày chúng vẫn tiếp-xúc với giáo-chức và ảnh-hưởng của giáo-chức đối với chúng, rất là sâu-xa. Tại trường, nơi tư-thất, ngoài đường hoặc bất-cứ ở một nơi nào, giáo-chức đều bị muôn ngàn con mắt tò-mò dòm ngó ; trong số đó hẳn có con mắt của các học-sinh giáo-chức.

B. GIÁO-CHỨC CẦN PHẢI HỌC-HỎI THÊM KHÔNG ?

Xin trả-lời rằng : có. Sự tự học-hỏi thêm rất cần cho giáo-chức, vì các lẽ sau đây :

1. Giáo-chức cần học-hỏi thêm để cải-thiện nghề minh bởi vì khoa-học ngày một tiến-bộ thì các phương-sách giáo-dục cũng do đó mà thay đổi. Nếu không có sự tùy-thời canh-tân ấy thì lối dạy của giáo-chức sẽ bị coi là lỗi-thời và sẽ có hại cho sự giáo-hoa trẻ con.

2. Giáo-chức cần học-hỏi thêm để phát-triển đúng mức môn học sở-trường của mình, hầu chiếm một địa-vị xứng đáng trong xã-hội. Lối học của giáo-chức ở trường Sư-phạm là lối học tông-quát, cần thiết cho sự hành-nghề của giáo-chức. Ngoài ra giáo-chức còn có khả-năng đặc-biệt về một vài môn nào trong chương-trình. Môn ấy cần được học-hỏi thêm một cách rộng-rãi chu đáo và sẽ là môn sở-trường của giáo-chức. Nó sẽ ấn-định giá-trị của giáo-chức trong giáo-giới và trong xã hội.

3. Giáo-chức cần học-hỏi thêm để có một kiến-thức rộng hẫu giải-quyết dễ-dàng những bài toán bất-ngoè đưa đến cho giáo-chức trong khi dạy học (thí dụ : những câu hỏi khó do học-sinh nêu lên).

4. Giáo-chức cần học-hỏi thêm để giúp-ich đồng bào vùng quanh nhà trường là vì giáo-chức lâu ngày sẽ được dân-chúng coi là vị cố-vấn của hương-thôn và khi hữu-sự đồng-bào thường đến hỏi ý-kien giáo-chức. Ấy là những việc làm tăng uy-tin của giáo-chức đối với mọi người.

C. SỰ TIẾP XÚC VỚI ĐỜI

Khi được bò đến dạy học ở một nơi nào, giáo-chức dần-dần phải tiếp-xúc với dân-chúng vùng ấy. Trong sự tiếp-xúc, giáo-chức phải tỏ ra lịch-thiệp, nhã-nhặn để được dân-chúng trong vùng ưng-hộ, giúp đỡ. Tuy nhiên, trong sự giao-thiệp ấy giáo-chức lúc nào cũng biết tự-trọng giữ phẩm-giá minh. Nói một cách khác, giáo-chức phải biết chọn người đức-hạnh, lớn, uy-tín nhiều trong vùng mà giao-thiệp. Được như vậy thì sự giao-hảo mới có ích. Bằng không nó chỉ làm hại danh-giá của giáo-chức mà thôi. Giáo-chức cần tham-dự các cuộc tế-lễ cộng-dồng, các cuộc quan, hôn, tang, tế của các gia-dình học-sinh để khỏi mang tiếng là : người lập-dị, khinh người.

D. KẾT-LUẬN

Nói tóm lại, để làm tròn sứ-mạng cao-cả của mình giáo-chức phải có nhiều đức-tính tốt, sống một đời sống trong-sạch có một học-thức rộng và ngày ngày vẫn học thêm để tự tiến. Có như thế giáo-chức mới có một ảnh-hưởng lâu dài đối với cái thế-hệ thanh-niên và gia-dình chúng trong một địa-phương. Có như thế giáo-chức mới xứng-đáng là nhà mô-phạm, được dân-chúng mến yêu.

II. HIỆU-TRƯỞNG VÀ NHÂN-VIÊN

A. HIỆU-TRƯỞNG

Sau nhiều năm kinh-nghiệm trong nghề giáo-dục, một giáo-chức được chính-phủ nhắc lên một địa-vị cao hơn, quan-trọng hơn : địa-vị Hiệu-trưởng một ngôi trường.

Nhiệm-vụ của Hiệu-trưởng trong một ngôi trường thật là nhiều và được liệt vào ba loại như sau :

a. Nhiệm-vụ hành chánh : Với tư-cách là một nhơn-viên hành-chánh đại-diện chính-phủ để quản-trị nhà trường, vị Hiệu-trưởng phải đảm-dương những công-vụ sau này :

a. Nhận các huấn-lệnh, các chỉ-thị để thi-hành trong phạm-vi nhà-trường. Điều-khiển công việc văn-phòng.

b. Làm phúc-trình lên cấp trên để báo-cáo tình-hình của nhà trường về mọi mặt, nhứt là về những việc bất-thường có thể xảy ra trong phạm-vi nhà trường, làm đề-nghị xin sửa-chữa trường-ốc, bàn ghế, học-cụ v.v... xin thăng thưởng và xin thêm các nhân-viên.

c. Tiếp các phụ-huynh học-sinh.

d. Đại-diện nhà trường để dự các cuộc đại-hội, các công-tác xã-hội v.v...

2. Nhiệm-vụ chuyên-môn : Với tư-cách nhà giáo-dục có kinh-nghiệm, vị Hiệu-trưởng phải đảm-nhiệm các việc như sau :

- a. Phân-phối các giáo-chức dạy các lớp tùy-năng-lực của mỗi vị.
- b. Phân-phối học-sinh ở các lớp đầu-niên khóa.
- c. Áp-dụng nội-luật của nhà trường để thực-hiện trật-tự và kỷ-luật trong các lớp và các cơ-sở của nhà-trường.
- d. Trong-nom sự phân-phối chương-trình các môn và thời-khoa-biểu các lớp.
- e. Triệu-tập hội-đồng giáo-chức, hội-đồng giáo-khoa.
- f. Tổ-chức hiệu-doàn.
- g. Tổ-chức các cuộc học-tập.
- h. Tổ-chức cuộc thi trong phạm-vi nhà trường theo chỉ-thị của thượng-cấp.

3. Phần bảo-vệ trường-ốc về phương-diện vật-chất: Về phần này, vị Hiệu-trưởng có nhiệm-vụ trông-nom các nhân-viên tùy-thuộc, các lao-công thực-hành các công-việc sau đây :

- a. Trang-trí trường-ốc cho được mỹ-lệ.
- b. Cho quét dọn các sân, các cơ-sở của nhà trường được sạch-sẽ, trang-nghiêm.
- c. Giữ-gìn các bàn ghế, kệ-tủ, học-cụ-khổ và học-cụ được sạch-sẽ toàn-hảo.

4. Những điều cẩn-bản trong nhiệm-vụ Hiệu-trưởng : Để cho công-việc tiến-dều và nhà trường ngày thêm phát-đạt, vị Hiệu-trưởng cần đặc-biệt để ý những điểm sau-day :

- a. Tất cả nhân-viên của nhà trường phải nhứt-trí trong sự-làm việc. Câu ấy có nghĩa là trong nội-bộ nhà

trường không nên có sự chia-bè, lập-phe và cảnh-dâng tiếc «trống đánh xuôi, kèn thổi ngược».

b. Đối với chính-phủ, Hiệu-trưởng phải hoàn-toàn chịu-trách-nhiệm về bước tiến-thoái của nhà-trường. Bởi thế, từ việc lớn đến việc nhỏ, vị Hiệu-trưởng phải đề-mắt vào, nhất là cách dạy-dỗ của mỗi giáo-chức.

c. Các lớp-học của nhà-trường không phải là những tiêu-học-hiệu riêng-biệt nhau, để có sự tương-trợ, sự bô-túc lẫn-nhau.

Bởi các lẽ nói trên, vị Hiệu-trưởng phải có những đức-tính sau đây :

a. Trông-xa thấy-rộng để chậm-dừng những việc dâng-tiếc có thể xảy-ra. Hoặc thúc-đẩy guồng-máy nhà-trường hoạt-dộng theo đường lối đem-lại sự-ích-lợi chung.

b. Giao-thiệp khéo và rộng để có sự giúp-dỗ mâu-ch้อง của các cơ-quan chánh-quyền khác đối-với nhà-trường.

c. Rất tử-tế nhã-nhận đối-với các nhân-viên dưới-quyền mình, và trái-lại, rất cương-quyết đối-với những hành-dộng quá-ư lệch-lạc.

d. Vị Hiệu-trưởng sẽ rất khéo-léo, có thiệp-thể, khi đến viếng một lớp-học nào, để tránh sự-chạm-lòng tự-ái của giáo-chức lớp ấy; tinh-kín-dào, lời-khuyên nhẹ-nhàng của vị Hiệu-trưởng sẽ làm cho giáo-chức lớp nòi trên cảm-phục và vui-lòng nghe-theo các lời-khuyên.

e. Vị Hiệu-trưởng phải biết, trong sự-mưu-đồ hạnh-phúc và tiền-bộ chung, phối-hop những cố-gắng của toàn-thể nhân-viên.

f. Nhiều-khi vị Hiệu-trưởng, cần-biết bỏ qua một ít lối-làm nhỏ để kẻ-phạm lối-nhận-thấy mà tự-sứa-mình.

g. Cần đề cho mỗi giáo-chức có chút ít tự-do và sáng-kiến trong sự điều khiền lớp học của mình.

B. PHẬN-SỰ CÁC GIÁO-CHỨC VÀ CÁC NHÂN-VIÊN PHỤ-TÁ

1. Các giáo-chức và các nhân-viên phụ-tá phải nhận những lời khuyên-bảo của vị Hiệu-trưởng một cách thành-kinh vì lẽ vị Hiệu-trưởng được cử lên địa-vị ấy là nhờ số thâm-niên công-vụ và nhất là kinh-nghiệm dày-dặn trong nghề.

2. Các giáo-chức và các nhân-viên phụ-tá cần bân bạc với vị Hiệu-trưởng về mọi công việc rất có lẽ-độ, tôn kính.

3. Sự bất đồng ý-kiến giữa vị Hiệu-trưởng và một giáo-chức hoặc một nhân-viên phụ-tá có thể có (và đó là điều đáng tiếc). Nhưng đó chỉ là bề trong. Bề ngoài, giáo-chức hoặc nhân-viên phụ-tá nói trên phải giữ lẽ-phép đối với vị Hiệu-trưởng để làm gương cho các học-sinh hoặc cho nhơn-viên cấp dưới khác.

4. Các giáo-chức cũng như các nhơn-viên phụ-tá có bồn phận giúp việc cho vị Hiệu-trưởng một cách chân-thành, tận-tâm để đạt kết-quả tốt-dep chung cho toàn trường.

C. HỘI-DÒNG CÁC GIÁO-CHỨC

Tức là hội-dòng giáo-chức toàn trường, có mục-dich giúp giáo-chức các lớp gặp mặt bắt tay nhau để hiểu biết nhau một cách thân-mật và sau đó sẽ có sự trao đổi ý-kiến và sự giúp đỡ lẫn nhau về phương-diện chuyên-môn.

D. KẾT-LUẬN

Nói tóm lại, các nam Hiệu-trưởng và các nữ Hiệu-trưởng tuy rằng lúc nào cũng siêng-năng, chu đáo và cương-quyết, cần phải tỏ lòng tử-tế và tin-nhiệm đối với những người cộng-sự với mình,

Như vậy, sống trong bầu không-khi yên-vui và chắc chắn rằng những cố-gắng của mình được bồi trên đánh-giá đúng mực, các cộng-tác-viên ấy sẽ hết lòng làm việc để đưa công việc chung đến kết-quả tốt-dep cuối cùng.

Nếu người ta đã nói được rằng :

«Chủ nhà tốt, tạo nên những tôi-tớ tốt», thì ở đây với một ý nghĩa nhẹ hơn, người ta cũng có thể nói rằng :

«Những Hiệu-trưởng tốt, đào tạo những phụ-tá viên tốt».

PHẦN PHỤ THÊM

BÀI ĐỌC THÊM

Bài thứ I — NỀN GIÁO-DỤC và HỌC-VĂN Ở MỸ

(Rút trong Minh-Tân Nguyệt-San số 92)

Ở bên Mỹ, trẻ em từ 3, 4 hay 5 tuổi trở lên đã được gửi tới vườn trẻ, để tập sống xa nhà, khi vắng mặt cha mẹ và được tự-do nô-đùa thỏa-thích với các trẻ khác. Đó là bước đầu chung sống với xã-hội. Năm 1954 có 1 triệu 8 trăm ngàn trẻ em được gửi tới Vườn chơi (5/6 trẻ em đã đến các vườn chơi công-cộng).

Đến 6 tuổi là tuổi cưỡng-bách giáo-dục, trẻ em phải vào học ở trong 122 ngàn trường Tiểu-học (110.200 trường công và 11.800 trường tư). Trường tư do các họ đạo hay một vài nhà giáo-dục độc-lập dựng nên; trường công tổ-chức bởi những Hội-đồng địa-phương, do cuộc phò-thông đầu phiếu bầu lên. Chính Hội-đồng này tuyển bồ-vị Tông-Giám đốc các trường Tiểu-học và Trung-học địa-phương, ký giao-kèo với các hiệu-trưởng và giáo-viên, quyết-định việc xây cất trường-sở, việc phát-hành công-thãi và đặt các thứ thuế mới để lấy tiền trang-trại công-nợ, chấp-thuận chương-trình do các nhà giáo-dục trình-bày. Sự liên-lạc mật-thiết hay sơ-sài giữa Hội-đồng này, với Nha Học-chánh của Chánh-phủ là tùy theo từng Tiểu-bang nhưng trong mọi trường-hợp, họ đều có quyền tự-trị. Chính-sách giáo-dục được duy-nhứt về chương-trình,

về phương-pháp giáo-khoa, về trình-độ học-vấn mà không cần đến sự can-thiệp của chánh-quyền là nhờ có sự đặc-lực của Hội-đồng địa-phương.

Tổng Giám-đốc, Hiệu-trường và Giáo-viên các cấp đều ở trong đoàn thể quốc-gia, và rất thận-trọng về phương-diện chuyên-môn. Sự liên-lạc giữa các trường và các đại học-đường đều giống nhau; sự thâu-nhận sinh-viên vào các đại học-đường đều phải theo một quy-chế chung.

Bậc Tiêu-học và Trung-học ở Mỹ đều miễn-phí, và có 25 triệu học-sinh; giáo-dục bị cưỡng-bách đến 16 tuổi và ở một vài Tiêu-bang đến 17 hay 18 tuổi. Tình-trạng hiện-thời là thiếu-thay và thiếu-lớp trong 100 lớp thời 60 lớp có hơn 30 chục học-sinh, 10 lớp có hơn 40 học-sinh. Về thầy người ta luôn luôn cải-thiện sự tuyển-bồ; trong 100 thầy, thời 24 người có bằng cử-nhan (Master of Arts) và 54 người có bằng Tú-tài (Bachelor of Arts) còn 22 người không có văn-bằng. Vì lương bô-uug nghè gỗ đầu trẻ em không được hậu-lâm, (lương đồng-niên một thầy giáo mới từ 3.000 đến 3.600 Mỹ-kim và rất ít người lương-tot bực được quá 6 ngàn MK 1 năm) nên đã để trôi qua mất nhiều-nhà tài, nhất là về toán-học và khoa-học là hai môn rất được trọng-dụng ở các nơi khác (vừa rồi, 32 Tiêu-bang thiếu 2.237 giáo-sư toán mà chỉ có 1.305 người tinh-nguyễn). Vì thế quá-nửa trường Trung-học không có giờ vật-lý, 1/4 không có giờ lý-hóa và 23% không có giờ hình-học.

Vấn-đề trường-sở và giáo-viên càng ngày càng nan-giải, do số học-sinh hàng-năm tăng-lên rất nhanh. Hiện nay, trung-bình số học-vấn hàng-năm của mỗi trẻ em đã tốn của chánh-phủ 270 MK. Người dân Mỹ phải nộp thuế không khói-chóng-mặt, khi nghỉ đến hàng-tỷ Mỹ-kim mà mình sẽ phải đóng-góp một ngày gần đây. Ngay từ niên-học 1955-56, đã phải tiêu 2 tỷ rưỡi Mỹ-kim để xây-cất 69 ngàn lớp học

(người ta ước-lượng việc xây-cất một trường học chưa được 300 học-sinh tốn hết 588 ngàn MK, một trường cho 900 học-sinh 1 triệu 765 ngàn MK, một lớp đủ tiện-nghi và học-cụ tốn từ 38 đến 49 ngàn MK).

Với những tài-nguyên hiện-hữu, người ta đã áp-dụng đủ mọi phương-thức để giải-quyết bài-toán khó này: Như việc tận-dụng các trường sở chia học-sinh ra làm 2 toán, toán-học buổi-sáng và toán-học buổi-chiều; thực là vạn-bất đặc-dĩ. Như việc đã áp-dụng ở Aliquippa, Pensylvanie; chia học-sinh ra làm 4 toán để thay-phiên nhau nghỉ-hè trong-suốt cả-niên-học.

Trong thời-kỳ chiến-tranh và hiện-nay cũng vẫn còn thi-hành ở Californie và nhiều-nơi khác, người ta kêu-gọi từ-tâm-của các bà-mẹ có văn-bằng đến dự-một khóa huấn-luyện Sư-phạm rồi nhận một chức-vụ trong giáo-giới. Ở-nơi này, các bà-mẹ đến cộng-tác với giáo-sư để giảng-day các-môn thường và đã giúp-ich rất-nhiều cho nền-học-vấn của trẻ-em. Ở-nơi kia, người ta thử-dùng Vô-tuyến-Truyền-Hình; hăng-xe Ford đã xuất-vốn trong việc thi-nghiệm này và ước-lượng rằng sẽ áp-dụng triệt để V.T.T.H. trong phương-pháp giáo-khoa có-thể thay-thế được 10.vạn giáo-viên. Ở Hagerstown, các giáo-sư được lựa-chọn để giảng-day bằng V.T.T.H. đều là những người tỏ-ra có-năng-khiếu đặc-biệt về-môn này. Một ngày họ chỉ có 1 giờ để soạn và giảng-bài. Ở trong-lớp, học-sinh và thầy-giáo cũng theo dõi bài-học trên màn-ảnh rồi sau cùng thầy-giáo giảng-nghĩa thêm và hỏi-lại các học-sinh.

Hàng ngày, mỗi-lớp học chỉ có 1 bài V.T.T.H. và mỗi ngày thầy-giáo sẽ-bớt được 1 giờ làm-việc. V.T.T.H đặc-biệt thích-hợp cho những bài-học cần-nhiều chứng-minh bay-thí-nhiệm mà phim-ảnh phản-chiếu lại rất rõ-rệt. Học-âm-nhạc V.T.T.H. sẽ-bớt được ở mỗi-lớp một-dàn-dương-cầm.

Từ năm 1920, các chương trình và phương-pháp giáo-khoa đã bị tiến-triển một cách hơi quá trớn do ảnh-hưởng của J.Dewey cho thay thế khoa sư-phạm nghiêm-ngặt và sự cỗ-gắng luyện trí nhớ bằng một nền giáo-dục «tăng-tiến». Uy-quyền của thầy giáo được thay bằng những phương-pháp xét ra «dân-chủ» hơn. Cô-giáo không bảo học-sinh : «Các em làm...» nhưng bảo : «Chúng ta làm...». Đáng lẽ phải học thuộc-lòng thì người ta lại thảo-luận về trí nhớ và những kinh-nghiệm của học-sinh người ta pha-loãng chương-trình, và những môn khó được để tùy-ý. Những học-sinh giỏi thì buồn-nản, có thói quen không cần phải cỗ-gắng và hay làm mất thi giờ. Các nhà giáo-dục chân-chính đã bắt đầu bùi ngùi và ngạc-nhiên về sự phao-phí nhân-lực như vậy.

Nhưng trường học không phải chỉ là nơi dạy-bảo các điều ghi trong sách, trước hết đây cũng là nơi rèn-luyện về công-dân giáo-dục. Các trẻ em cũng học-tập để cư-xử như một người công-dân thuần-túy, nghĩa là những hội-viên có trách-nhiệm trong đoàn-thề của mình. Chính các em được giao-phó cho một phần nhiệm-vụ để giữ-gìn trật-tự và bảo-dảm an-ninh cho mình. Bắt đầu niên-học mỗi trường lựa chọn trong đám học-sinh lớn những em tinh-nguyễn đứng gác ở ngã ba, ngã tư đường phố có trường học và coi chừng, chỉ để cho các em khác băng qua đường khi nào sự lưu-thông cho phép. Những em tinh-nguyễn này, trai hay gái, khi đứng gác, đều có đeo ở vai một cái băng trắng, do Câu-Lạc-Bộ Xe-Hơi cung-cấp và suốt trong niên-học sẽ đứng nguyên một góc đường phố hai ba mươi phút, trước giờ vào học hay sau khi tan học.

Nhà trường còn tập-luyện cho học-sinh theo đời sống xã-hội ; những cuộc tiêu-khiển hát múa luôn luôn được tổ-chức và sự tham-gia có ghi ở chương-trình chung. Tập-thể dục và thể-thao hàng ngày, tập nói chuyện trước

PHẦN PHỤ THÊM

341

công-chúng cũng can-hệ như các môn học khác, mục-đich làm cho trẻ em nở-nang về mọi phương-diện và trở nên một hội-viên hoạt-động, tri-não thăng-bằng trong đoàn-thề.

Nhờ sự viếng thăm các phiên họp của Hội-đồng thị-xã, các kỹ-nghệ trong tỉnh, các bảo-tàng và thư-viện, các danh-lam thắng-cảnh trong Tiêu-bang, du-ngoạn Hoa-Thịnh-Đốn mà học-sinh sẽ được chiêm-ngưỡng bản chánh Hiến-pháp, Tối-cao Pháp-viện, toà Ngũ-giác, toà Bạch-Óc và những đền-kỷ-niệm ba vị Tổng-thống danh-tiếng nhất Hoa-Kỳ ; tất cả những điều đó đều có ghi trong chương-trình giáo-dục. Học-sinh bắt cứ da trắng hay đen, vàng hay đỏ, đều tự-hào mình là dân Mỹ, lấy làm hân-diện về quê-hương mình và tin-tưởng triệt-dễ các nguyên-tắc tự-do, dân-chủ và bình-dâng.

Tuy vậy, vẫn còn nhiều trẻ em lẩn-trốn khỏi nền giáo-dục này. Hội «Lo cho trẻ em khỏi trốn học» chưa hề biết đến những trẻ em không đi học bao giờ. Ở vùng quê miền Nam, người ta không cương-quyết bó-buộc con em các nông-dân da đen đến trường học. Vậy nên hãy còn nhiều người mù chữ. Năm 1952, hãy còn 11 vạn người mù chữ và nay số đó chắc-chắn đã giảm bớt nhiều trong đám thanh-niên. Khóa động-viên năm 1952, Bộ Quốc-Phòng tự-động cải-tạo hết những tân-binh mù chữ, cương quyết giáo-dục họ và đã đạt được kết-quả khả-quan. Bi-chạm lòng tự-ái và thấy dân-tộc mình hãy còn có người mù chữ, từ đó người Mỹ hết sức mở-mang nhiều trường ở các miền hẻo-lánh và lập ra ở khắp mọi nơi các lớp bồ-túc cho những người đứng-tuồi mới biết đọc, biết viết, hay đọc viết chưa thông-thạo.

Như chúng ta được biết, ngay từ khi mới đến nhà trường, trẻ em Mỹ đã học tập làm việc và kiếm tiền. Vì thế chúng rất được gia-dinh và bạn-hữu quý-mến. Mọi lén

5 tuổi, trong những buổi nắng hè, chúng đã bày ra trước cửa nhà một vài cái ly để bán lẻ cho khách bộ-hành. Với những đồ chơi hình máy dệt các em gái dệt những cái chuỗi xoong, chảo (để lót tay cho khỏi nóng) rồi cùng với một bạn gái nhỏ đem đi bán từng nhà ở trong phố. Ngoài công việc bồn-phận chúng phải làm để cho nhà cửa được ngăn-nắp, sạch-sẽ (dọn buồng riêng, rửa chén đĩa, lau nhà...) chúng lại còn sén cỏ ở sân hay rửa xe hơi để lãnh thưởng. Mỗi buổi sáng, chúng đi đưa báo lẻ (Báo Mỹ hàng ngày ra gần 60 trang và hơn 200 trang ngày chủ nhật không do nhà Bưu-Điện phân-phối nhưng do một hệ thống các nhà thầu đưa báo đến từng khu-phố, để các em lãnh đem đi từng nhà). Nếu đi đưa báo buổi sáng thì ngày nào các em cũng phải dậy trước 6 giờ sáng và các bà mẹ cũng dậy theo để cho chúng ăn điểm-tâm. Về buổi chiều, chúng đi giữ con thuê, tính giờ.

Việc sử-dụng số tiền kiếm riêng và tiền thưởng của cha mẹ cũng là việc thực-tập về giáo-đục Một phần tiền dùng để tiêu riêng : giải-khát, mua bánh kẹo và thết bạn hữu, một phần để quyên vào nhà thờ hay các hội thiện còn một phần lớn để may-mặc, sắm-sửa hay chi-tiêu về việc học-hành.

Các trò chơi, các môn thể-thao cũng là một phần trong chương-trình giáo-đục trẻ em. Thường thường các trẻ em Mỹ được cha mẹ mua cho rất nhiều đồ chơi. Về buổi chiều, người ta trông thấy xe đạp ba bánh của chúng đi trên hè phố, trước sân cỏ nhà. Các em gái chơi búp-bê hay chơi tiếp khách. Các trò chơi tập-doàn rất được ưa chuộng. Một em đứng riêng một chỗ đọc sách hay lẵn-thần chơi một mình sẽ làm cho người mẹ áy-náy : bà tự hỏi không biết con mình có được khỏe-mạnh hay trí-não có thăng-bằng không?

Các em trai đá bóng hay chơi bóng chuyền. Chúng biết

biết rằng các nhà vô-dịch về môn thể-thao này được toàn dân quí mến là đường nào, nên sự mo-ước đầu tiên của chúng là cũng được lừng-danh như-thế... Và sau này chúng có thể trở nên Tổng-thống Mỹ nữa. Nếu chúng tỏ ra xuất-sắc trong những cuộc tranh đua thể-thao ở nhà trường thì tương-lai chúng sẽ được bảo-dảm vì các trường Trung-học, Đại-học sẽ tặng học bổng để lôi cuốn chúng gia-nhập các hội thể-thao của trường mình.

Quen phụ giúp cha làm các việc vặt, nên ngay từ thuở nhỏ các trẻ em đã biết sử-dụng một vài khí-cụ thông-thường.

Các trẻ em ở thành phố, muốn nô-đùa thỏa-thích, đã sẵn có những sân chơi, sân quần vợt ở chung quanh trường-học, những trung-tâm giải-trí ở trong khu các lô nhà rẻ tiền, những vườn chơi công-công, trong đó các trò chơi được tổ-chức dưới sự hướng-dẫn của các huấn-luyện-viên do đại-học đường đào-tạo. Những vườn chơi ấy cũng có cả mái lợp để có thể tiếp-tục chơi dùa trong khi mưa nắng. Một thành phố như CHICAGO có 68 vườn chơi kiều trên với một số nhân-viên sẵn-sàng ứng-trực sau giờ tan-học. Sở cảnh-sát cũng tổ-chức ở gần khắp nơi những câu lạc-bộ cho các em trai. Với một số tiền đóng góp tượng-trưng, các em có đủ ở đó các trò chơi phòng bóng bàn, hồ tắm, thư-viện, phòng Hướng-dạo-sinh, xưởng thợ mà các em có thể làm các việc vặt, in, vẽ, làm đồ gỗ dưới sự hướng-dẫn của huấn-luyện-viên, những em lớn lại có huấn-luyện viên về quyền-thuật và nhu-đạo, YMCA và YWCA, hiệp-hội của những thanh-niên, thiếu-niên do các nhà hảo-tâm tình-nguyễn trông coi mà người ta thấy ở khắp cả mọi nơi, cũng là trung-tâm điểm của chương-trình thể-thao và giải-trí cho các thanh thiếu-niên.

Thư-viện, bảo-tàng rất chăm lo đến các trẻ em và đều có những phòng riêng biệt cho chúng. Thư-viện công

cộng và các chi-nhánh (một tỉnh 125.000 dân như Knoxville (Tennessee) có 1 thư-viện trung-ương, 9 chi-nhánh và 1 xe hơi lưu-dộng chở sách báo đi khắp hang cùng ngõ hẻm), bên cạnh những phòng người lớn, lại có những phòng dành riêng cho trẻ em (thường-thường có 1 phòng cho các em bé nhứt, 1 phòng cho các em từ 10 tới 15 tuổi và 1 phòng cho các em lớn hơn). Trong mỗi phòng bàn ghế đều hợp với tầm thước của khách-hàng ; sách từng loại trên mỗi ngăn, vừa tầm tay với và người nữ quản-thủ thư-viện đã được đặc-biệt đào-tạo để hướng-dẫn các em. Có sự hợp-tác chặt-chẽ giữa nhà trường và thư-viện : nhà trường gởi con em đến thư-viện để tìm-lời học hỏi thêm các điều liên quan đến nền học-vấn.

Viện bảo-tàng có các chuyên-viên (đôi khi là những người hảo-tâm đến tình-nguyễn giúp đỡ như Saint Louis (Missouri) để tổ chức cho trẻ em những cuộc viếng thăm linh-hoạt và hảo-hứng làm cho chúng rất ưa thích, lại muôn đến nhiều lần sau nữa, đi một mình hay cùng vài người bạn. Vì thế các viện bảo-tàng ở Mỹ ngày nào cũng đầy nhóc trẻ em tụ đến một mình.

Thường-thường các trẻ em Mỹ đều hoạt-động trong các hội-doàn, hiện có hàng triệu nam-nữ Hướng-dạo-sinh. Những tổ-chức của người lớn như hội Hồng-Thập-Tự cũng có một ban riêng cho các em lớn nhất. Một trong những hoạt-động đặc-biệt và ngộ-nghĩnh nhứt của thanh thiếu-niên ở đồng quê là hội 4-H, thành-lập năm 1910. Năm 1954, người ta đã đếm được 88 ngàn câu-lạc-bộ 4-H, qui-tụ hơn 2 triệu hội-viên. Sở dĩ có danh từ 4-H là do cam-doan của các trẻ em khi mới gia-nhập hội :

«Tôi cam-doan sẽ dùng đầu (Head) để suy nghĩ rõ ràng, chính-chắn hơn, trái tim (Heart) để trung-thành, tận-tâm hơn, hai tay (Hands) để làm việc hăng-hái hơn,

sức khoẻ (Health) để sống ích lợi hơn cho tôi, cho làng xóm tôi và cho xứ sở tôi.

Được công-nhận là một hội-viên 4-H các trẻ từ 10 hay 12 đến 18 tuổi. Hội-viên thường tụ-hop chung-quanh các nhà hảo-tâm, tình-nguyễn đến dìu-dắt các em. Thường thường đó là các nhà diễn-chủ khai-khần đã qua một lớp huấn-luyện sự-phạm và được nhân-viên địa-phương giúp đỡ (nhân-viên địa-phương là cố-vấn kỹ-thuật của các nhà nông, là dây liên-lạc giữa nông-dân với trường CANH-NÔNG và sở-nghiên-cứu tim tôi). Các em trai hay gái tập nuôi một con bê hay con cừu, rồi đem dự hội chợ triển-lãm trong miền và nếu được thưởng sẽ đem bán đấu-giá với một giá đắt gấp mười, đủ tiền chi-tiêu sau này cho một năm học đầu ở trường Trung-học. Các em gái may thù, làm bánh, mứt, kẹo và đồ hộp. Các em trai học làm thợ mộc, làm các đồ vật chạy điện. Chúng thường cùng nhau tụ họp để nô đùa thỏa-thích, múa hát những khúc điệu có dân-tinh để giúp vui cho một cuộc hội-hợp ở nhà hàng xóm.

Các em ở thành-phố cũng được hưởng những sự ích-lợi của các đoàn-thể tương-tụ từ 16 đến 18 tuổi, các em đã học-tập tham-gia sự lồng-chức công-ty thu-hẹp ; thời-hạn là một niên học do những người hảo-tâm ở các giới tình-nguyễn làm cố-vấn. Cùng một lúc các em là những người góp cổ-phần, là nhân-viên trong ban trị-sự, thợ thuyền hay là người bán hàng cho công-ty. Với một kinh-nghiệm thực-tế như vậy, các em đã học vỗ-lòng về đời sống kinh-tế.

Khi một thanh-niên đã học qua bậc trung-học, thời em ấy bắt đầu định-hướng về việc chọn nghề. Trường học đã dành cho em đủ mọi chương-trình về văn-chương, thương-mại, kỹ-thuật để tùy ý em lựa chọn môn học nào hợp với năng-khiếu của em do giáo-sư hướng-dẫn và

khuyễn-khích. Cứ mỗi lục cá-nghẹt, các em có thể theo sự chọn cũ hay đổi hướng khác.

Mỗi trường học đều có một thư-viện chứa đủ các tài-liệu về sưu-tầm, khảo-cứu : những đề-tài riêng biệt cho mỗi vần-de do Chính phủ Liên-bang, Chính-phủ từng Tiều-bang, các xưởng kỹ-nghệ các hãng buôn, xí-nghiệp, các trường chuyên-môn trình-bày rất tì-mi. Học-sinh tha-hồ tra-cứu để thử năng-lực và xu-hướng của mình.

Trong một vài trường-hợp, nhờ có khâu-hiệu đoàn-kết giữa trường và các giới, học-sinh có thể đến thực-tập hay làm việc tại chỗ, bán hàng hay làm ở văn-phòng trong vụ hè và những ngày lễ, giáo-sư liệu cách gởi học-sinh đến các xí-nghiệp địa-phương. Ngoài những buổi học sáng hay chiều, học-sinh lại đến làm việc ở các hãng và được trả công như thường lệ. Thỉnh-thoảng giáo-sư lại kiểm-soát sự làm việc của học-sinh, dò hỏi các chủ xí-nghiệp nơi học-sinh đang thực-tập để biết rõ các nhu-cầu cho nền học-vấn của chúng. Những điểm về tập-sự của học-sinh cũng được coi như điểm trong niêm-học, sẽ được tính để cấp phát văn-bằng lúc thi ra.

Chỉ có 60,1% tổng số 2.690.000 học-sinh của 29.500 trường Trung-học (4 ngàn từ với 750 ngàn học-sinh) theo học cho đến khi có văn-bằng, còn những em khác, khi đến tuổi mà sự cưỡng-bách giáo-dục không cần-thiết nữa, liền rời khỏi ghế nhà trường. Nhưng hiện nay, càng ngày các nhà dùng nhân-công càng đòi hỏi văn-bằng nên số người có văn-bằng lại tăng nhanh hơn dân số sinh-sản.

¶ Một số lớn thanh-niên theo quá-bậc Trung-học, vào trường Cao-dâng, theo các ngành Cao-học, sau 4 năm sẽ thi bằng Tú-tài Kỹ-nghệ hay Tú-tài Khoa-học chia ra thành nhiều chương-trình : có thứ giống như Tú-tài Pháp nhưng

trình độ cao hơn, có thứ sửa soạn thi ra Kỹ-sư, chia ra làm nhiều ngành. Học-sinh đỗ Tú-tài (B.A. hay B.S.) khoảng từ 21 đến 23 tuổi. Bên cạnh những trường Cao-dâng còn có những trường Cao-học với chương-trình 2 năm, khi thi ra không có văn-bằng nhưng chỉ có một chứng chỉ.

Sau khi đậu Tú-tài, học-sinh được tùy ý lựa chọn một môn trong các Đại-học-đường : Luật-khoa, Y-khoa, Nha-khoa, Văn-chương, Khoa-học, Công-tác xã-hội... Thi ra sẽ đậu Cử-nhân rồi Tiến-sĩ.

Hiện nay ở Mỹ có 1863 trường Cao-dâng và Đại-học (trong số có 69 trường Canh-nông, 459 trường Cao-học) và 265.000 giáo-sư. Ở miền Bắc, sinh-viên da đen và da trắng học chung trong các Đại-học-đường, còn ở miền Nam 77 ngàn sinh-viên da đen học riêng biệt trong 105 Đại-học với 7 ngàn giáo-sư.

Năm 1900, một trong 25 thanh-niên vào Đại-học-đường năm 1930 một trong 12 người và hiện nay 3 trong 4. Người ta tiên đoán sau này, 1 trong 2 thanh-niên sẽ vào Đại-học-đường. Cũng có nhiều người bỏ học nửa chừng và 45 phần trăm bỏ cuộc ngay năm thứ nhất. Tuy thế tổng số sinh-viên năm 1900 là 250 ngàn người và hiện nay là 3 triệu 200 ngàn người. Người ta đương chờ đợi con số đó sẽ tăng gấp đôi sau đây 10 năm, sẽ gấp 3 vào năm 1975. (Hiện nay số thanh-niên từ 18 đến 21 tuổi là 9 triệu và sẽ gần 14 triệu vào năm 1967). Vì thế, một Đại-học-đường lớn như trường CALIFORNIA hiện có 40 ngàn sinh-viên sẽ có 96 ngàn vào năm 1970 và trường MICHIGAN hiện có 22 ngàn sinh-viên, sẽ có 40 ngàn sau đây 10 năm.

Nhất là từ sau cuộc đại-chiến vừa qua, nền Đại-học lại càng thực-hành : quân-nhân nào giải-ngủ và có đơn xin đều được Chính-phủ cấp cho một học-bông toàn phần để theo học. Kết-quả sự nâng-dỗ này rất mỹ-mãnh, quá sức tưởng-tượng. Các Đại-học-đường đều thấy số

sinh-viên tăng gấp đôi và phải tìm đủ mọi cách để đối-phô với tinh-hình. Các thanh thiếu-niên này đều đứng tuổi, chín-chắn, là những phần-tử ưu-tú của nhà trường. Khi lán sóng hiếu-học đã qua, mọi người đều ngạc-nhiên khi thấy tòng-số sinh-viên các Đại-học đường từ từ rút xuống rồi hàng năm lại bắt đầu tăng lên đều đặn.

Tuy nhiên, sự chi tiêu ở nền Đại-học rất tốn kém : từ 750 đến 2.300 mỹ-kim một năm ở miền Nam như trường Đại-học tư-thục HARVARD. Nguyên tiền ký danh đã từ 300 MK một năm trong một trường Đại-học công-lập, rẻ nhất tới 1.000 MK trong các trường Đại-Học tư-thục. (Số tiền này chỉ tính với người dân ở ngay Tiều-bang, nếu dân ở Tiều-bang khác đến hay người ngoại-quốc lại còn đắt hơn nữa). Hiện có 150 ngàn học-bông toàn phần hay bán phần trị giá 31 triệu MK do các hội ái-hữu cựu sinh-viên, các kỹ-nghệ gia và các đoàn-thể trợ-cấp. Các Đại-học đường lại dành nhiều công việc ở buồng ăn, ở văn-phòng, ở phòng thi-nghiệm cho sinh-viên làm để lấy phí-tồn lưu-trú. Cha mẹ đã vào hội bảo-kê cho các con từ thuở nhỏ để sau này họ sẽ dài-thọ các chi-phí về việc học-vấn của các em. Cũng đã nghĩ đến việc cấp phát học bông của Liên bang : nhưng người dân Tiều-bang lúc nào cũng e ngại Chính-phủ Trung-tuong lấn quyền của Chính-phủ địa-phương nên có vẻ hờ-hững, không thiết-tha mấy. Trong nhiều Tiều-bang lại có chế-độ vay danh-dự. Như ở MASSACHUSETTS có một hội-doàn, do tặng-hảo của các tu-nhân lập nên, bảo-dám số tiền của các sinh-viên, sau khi đã học rất tần-tới hết năm thứ nhất, vay ở Ngân-Hàng để chi-phí về việc học-hành. Số tiền hoàn lại sẽ phải trả dần từng năm một và thời-hạn đầu tiên là 6 tháng sau khi được cấp phát văn-bằng. Người ta ước-lượng hàng năm tòng cộng số tiền vay danh-dự và tiền các Đại-học đường trả công sinh-viên về việc làm phụ len tới 80 triệu MK.

Nhưng nếu ngành Đại-Học vừa tốn kém vừa khó

nhọc (học thành tài Bác-sĩ Y-khoa tốn chừng 40 ngàn MK) thời trai-lại, sau khi tốt nghiệp, sinh-viên đại-học kiếm được rất nhiều tiền và trung-bình số lợi-túc kiếm được gấp ba người sinh-viên không có văn-bằng. Sự tìm công việc làm rất dễ-dàng, nhứt là khi họ chuyên-môn về Khoa-học, vật-lý, điện-lực, toán-học, thống-kê, sinh-vật-học.

Trong niên-học, nhân-viên Chánh-phủ hay đại-diện các hãng lớn thường đến thăm các Đại-học đường để mở những cuộc trao-dồi ý-kiến về các nhu-cầu nghè-nghiệp mà họ dành cho sinh-viên, phỏng vấn các sinh-viên đứng đắn muốn tìm việc và có kinh nghiệm dài-thọ phi-tồn cho sinh-viên đến thăm trụ-sở của họ. Thi-dụ như ở trường Bách-khoa GEORGIA trong niên học 1956—57, tám trăm công-ty đã mở 28 ngàn cuộc phỏng vấn 1.100 sinh-viên và đã bằng lòng trả lương tháng từ 400 đến 600 MK. Năm ngàn sinh-viên tốt-nghiệp trường Bách-khoa ILLINOIS đã được 1.500 hãng buôn tặng 24 ngàn chỗ làm. Một vài hãng buôn muốn thuê dụng những sinh-viên xuất-sắc đã trả lương rất hậu thời kỳ tập-sự trong việc nghỉ hè. Một vài hãng khác lại thỏa-thuận với các Đại-học đường để cho sinh-viên vào làm việc phụ ở trong hãng, nhứt thế vừa có thể thực-tập về nghè-nghiệp vừa kiếm thêm tiền để chi-tiêu về việc học. Thường thường cứ từng cặp 2 sinh-viên cùng nhận một công việc tại một chỗ. Họ luân chuyển nhau làm việc ở xưởng và học ở trường mà ở cả hai nơi đều đặc-biệt hòa-hợp ; trong 5 năm họ sẽ đậu kỹ-sư và có một địa-vị xứng đáng trong một ngành mà họ đã biết rõ ràng, thấu đáo chừng chi-tiết.

Một thanh-niên hay thiếu-nữ, nứa chừng bỏ học vì lý do nào đó, lại có thể tiếp-tục việc học-hành bất cứ ở tuổi nào ; dư luận quần-chúng không hề chú ý đến diêm này trai-lại còn khuyễn-kích nữa. Mỗi năm, báo chí lại phổ-trương hình ảnh một vai bà mẹ, trước kia đã học dở dang nay lại cùng đi đến trường đại-học với con gái và có khi hai mẹ con cùng lãnh văn-bằng hay áo mao-tan-khoa một

ngày. Có hàng triệu người vẫn theo học các lớp buổi tối của trường Trung-học hay Đại-học mà chương-trình rất dày-dense. Có những người này cố theo đuổi để giặt lấy mảnh bảng, có những người khác muốn luyện thêm cho hoàn-toàn về môn nào đó. Vả lại, sự tìm-tôi và nghiên-cứu hằng ngày đưa đến những tiến-bộ không ngừng, phát minh ra nhiều phầm-chất mới lạ, nhiều máy-móc tối-tân nên hàng năm người ta đã tổ-chức trong các Đại-học đường những khóa huấn-luyện đặc-biệt để chỉ dẫn cho các học-viên thông-thạo về những tiến-triển hiện tại do hàng trăm ngàn nhà chuyên-môn đủ các giới: kỹ-sư, bác-sĩ, nha-y-sĩ, giáo-sư theo học. Để tăng cho nền « Giáo-dục liên-tục », hội Kellogg đang xây cất trên các khoảng đất trống của 8 Đại-học-đường công-lập và tư-thục ở Mỹ những ngôi nhà guy-nga đồ-sộ, đủ tiện-nghi như một khách-sạn hạng nhứt để lấy chỗ học-tập cho các đoàn-viên những đoàn-thể và hội Ái-hữu những người lớn tuổi. Có những Đại-học-đường như Harvard, Chicago tổ-chức các lớp huấn-luyện và bồi-túc cho nhân-viên cao-cấp các ngành (chính-quyền, công-kỹ-nghệ, thương-mại...) mà tuổi trung-bình là 45, ít nhứt là 38. Vì có rất nhiều người ghi tên nêu những lớp « đào-tạo cấp chỉ-huy » phải cố-gắng lăm moi thỏa-mãn được 1 trong 4 người xin theo học.

NGHỀ-NGHIỆP

Sau khi rời ghế nhà trường Trung-học hay Đại-học, có văn-bảng hay không, các thanh-niên, thiếu-nữ đều kiếm công việc làm do Sở tìm việc của nhà trường hết sức giúp-dỗ. Vì giám-dốc sở này thường liên-lạc mật-thiết với các công-ty, xí-nghiệp, thương-diếm... ở địa-phương để biết rõ những nhu-cầu hiện-tại và tương-lai, và lại nhờ cả những sở tìm việc công-cộng nữa. Người ta luyện-tập cho các thanh-niên, thiếu-nữ biết cách-thức

tìm việc ở đâu, viết bài nguyệ-n-vọng ra sao, đến trình-diện và trả lời thế nào để hái được kết-quả tốt-dep. Có nhiều cuốn sách nhỏ chỉ-dẫn tường-tận về vấn-dề này, lại có một vài trường cho lên sân-khấu một màn kịch phỏng-vấn những thí-sinh tươn g-lai do một giáo-sư thủ vai chủ-nhơn ông các công-ty hay xí-nghiệp.

Phần nhiều các thiếu-nữ tìm nghề đánh máy hay thợ-ký. Có nhiều người chuyên về nghề dệt, hay thêu, thuộc da, làm trong xưởng thợ hay các kỹ-nghệ và thực-phẩm, các đồ điện, có máy điện-lực. Một phần tư công-nhơn ở Mỹ và đại đa-số người bán hàng ở các tiệm là đàn bà. Nhưng họ không liên-tiếp làm những công việc kè-trên. Thường thường người thiếu-nữ xin thôi sau khi lấy chồng độ 1 hay 2 năm, khi đã có đứa con đầu lòng và khi đã trang-trái hết các món nợ về việc xây dựng hạnh-phúc gia-dinh.

Nếu có dịp thời người đàn bà bắt đầu tìm việc làm trong dịp Noel, trong những ngày nghỉ cuối tuần (chiều thứ bảy và ngày chủ-nhật) hay trong lúc các con đi học. Khi tất cả các con đã rời khỏi nhà để vào các Đại-học-đường, để hoạt động trong các giới hay để thành-lập gia-dinh thời không phải là việc hiếm-lạ khi ta thấy các bà mẹ lại tìm việc làm hoặc là để cho quỹ gia đình thêm dồi-dào hoặc là để cho đời sống hàng ngày thêm ý-nghĩa. Trong trường-hợp này trước khi tìm việc, họ sẽ theo một lớp huấn-luyện bồi-túc ôn-lại các điều cần thiết để tìm ngay được một việc hợp với khả-năng của mình.

Người đàn ông lựa chọn nghề-nghiệp do những sự tinh-cờ hay cơ-hội thuận-tiện, nhưng họ không ngần-ngại gì mà thay nghề đổi chủ-luôn. Các xưởng thợ muốn củng cố nhân-viên nên thường tặng nhiều quyền-lợi cho những người đã làm việc lâu-năm. Còn về ngành giáo-dục và công-chanye, thường hay có nhiều khue quęo mà

nguyên-nhân chính, nếu không phải tại những đợt biến của tư-tưởng hay tinh-tinh bắp-bệnh của tuổi trẻ, là chứng cớ hiền-nhiên của một sinh lực rỗi-rào, một tham vọng vô-biên của thanh-thiếu-niên Mỹ. Thường-thường người ta thấy một thanh-niên tốt-nghiệp Đại-học-đường, sau khi dạy một vài năm ở trường Trung-học, lại xin thôi-dé làm một nhân-viên Chính-phủ rồi lại trở về nghề gõ đầu-trẻ với một kinh-nghiệm dồi-dào và cụ-thề.

Như chúng ta đã biết, sự phân-phối một số đông nhân-công (66 triệu về năm 1957) cho mọi ngành hoạt động đã thay đổi nhiều từ 20 năm nay : Cảnh-nông dùng 9 phần trăm (hai lần kém năm 1957) ; nhân-viên văn-phòng và dân-thầy (cô áo trắng) chiếm 34% ; hơn cả dân-thợ (cô áo xanh) 31% ; các công-chức có 13% ; chuyên chở và giao-thông 7% ; số còn lại 6% các nghề tự-do : kỹ-giả, luật-sư...

Trung-bình, đời sống dân Mỹ hoạt-động đến 65 tuổi ; nhưng ta cũng thấy thợ-thuyền hay cấp-chỉ-huy các ngành làm việc tới ngoài 70 tuổi. Một Đại-tướng về hưu sẽ được ngay một xi-nghiệp lớn hay một Đại-học-đường mời làm Hội-trưởng hay Khoa-trưởng mà đây không phải là một chức-vụ ngồi rỗi nhai-lương. Trước năm 40 tuổi, một công-nhân thường phải cố-gắng tìm lấp một công-việc vĩnh-viễn vì nếu quá tuổi đó sẽ khó lòng kiếm được chỗ dung-thân, nếu mình không có tài-năng đặc-biệt hay không quen-biết nhiều để có người giới-thiệu và nâng đỡ.

MINH-ĐẠO N.B.N

Ghi-chú : Tài liệu do Võ-Lang cung-cấp và dịch theo đoạn «L'éducation et l'instruction» trong cuốn «La Vie Américaine par Geneviève d'Haucourt» (một nữ ký-giả Pháp).



Bài thứ II.— NỀN GIÁO-DỤC BÊN ANH-CẤT-LỢI (do ông T.G. Nguyễn-đuy-Cần soạn)

Tại nước Anh, người dân được quyền nghe và nói bất cứ về vấn-dề nào. Họ có quyền đọc sách hoặc viết sách bất luận về vấn-dề gì họ thích và nếu muốn, họ có quyền mua sách báo nói về những vấn-dề họ nghiên-cứu một cách tự-do, không ai có quyền cấm cản. Họ có quyền tổ-chức những cuộc hội-hop để bàn cãi hoặc giải-thích về bất luận vấn-dề gì. Họ có quyền bàn cãi và ăn nói tự-do ngoài đường, tại các quán nước, ở các câu-lạc-bộ, bất luận nơi nào không sợ ai cấm cản hay thóc-mách với chánh-quyền, vì người dân Anh nếu không bằng lòng chánh-quyền cũng có quyền nói thẳng. Tóm lại, người dân Anh ngày nay đã chẳng những được hưởng tất cả quyền tự-do cá-nhân thực sự đã ban-bổ trong bản Đai-hiến-chương Magna Carta mà lại còn hưởng được những quyền tự-do chính-trị thật rộng-rãi.

1. Nền giáo-dục của nước Anh. Như trên đây chúng ta đã nói sở dĩ người dân Anh mà được hưởng quyền tự-do dân-chủ rộng-rãi như thế là vì tinh-khi dân-chúng Anh rất xứng-đáng với chế-độ của họ. Một phần không kém quan-trọng cũng do lối giáo-dục của họ thật là thích-ứng với chế-độ của họ.

Ở nước Anh, quan-niệm về giáo-dục khác nhau xa quan-niệm giáo-dục ở các nước khác bên Âu-châu nhất là nước Pháp.

Ta thử theo dõi lối giáo-dục đưa trẻ Anh từ lúc nó còn ở trong nôi đến ngày nó ra tranh-dấu với đời. Từ buổi ấu-thơ đến tuổi trưởng-thành, nó phải qua 2 thế-giới tuy nhỏ, nhưng ảnh-hưởng thật to-tát và quyết-định đến đời sống sau này của nó.

Đứng hàng đầu tất cả, trong xã-hội nước Anh, có hai giới thượng-lưu : giới tự-lập, (self-made men) tức là hạng tự-mình lập-thân nhờ nơi sự tranh-đấu trong đường đời, và giới học-thức do nhà trường đào-tạo (university men). Cả hai giới thượng-lưu ấy đều bắt nguồn giáo-dục ở gia-dinh cả.

Nơi mà gia-dinh người Anh phát-triển là cái nhà của họ. Cái căn nhà mà gia-dinh họ đoàn-tụ ấy, đối với họ, là một thiêng-liêng, bất-khả xâm-phạm. Tất cả những ai không cùng ngồi xung-quanh lò sưởi thì kề như những kẻ lạ. Gia-dinh người Anh là nơi ấm-cúng nhất, thân-mật nhất. Đối với người Anh, gia-dinh là nơi an-đon nhất, che chở con người khỏi những nỗi phap-phong lo-sợ khỏi mọi sự xâm-phạm bên ngoài, không có những ngờ-vực và ly-tan. Nơi đó người ta sống trong mọi sự yêu thương chân-thật, che-chở bao-bọc nhau tin tưởng nhau một cách tuyệt-đối không sợ có sự lừa-bịp dối-trá hay phản-phúc nào có thể len lỏi vào đó được cả.

Người chủ-gia-dinh là người chúa-tể tuyệt-đối. Người Hoa-kỳ lấy làm ngạc-nhiên khi nhận thấy rằng, ở bên Anh trong gia-dinh, người đàn bà Anh luôn luôn xem chồng như vị chúa. Họ bảo : «Nước Anh là thiên-dàng của người đàn ông...». Người chủ-gia-dinh tạo ra nhà cửa, lo nuôi-du dưỡng tất cả người trong gia-dinh và chịu tất cả trách-nhiệm trước xã-hội và pháp-luat. Bởi vậy, họ lại được tất cả người trong gia-dinh mến-yêu và kính-phục. Làm một người cha trong gia-dinh, họ lo cách nào được mọi người trong gia-dinh kính-nể hơn là được yêu-thương. Người cha trong gia-dinh Anh không thân-mật với con như người «cha bạn-bè» của con ở nước Pháp. Trước pháp-luat, ông cha người Anh còn có trọn quyền định-đoạt gia-tài, miêu-cho ai thì cho, không có luật nào bắt-buộc phải để cho ai và ai là người có quyền thừa-hưởng.

Bà mẹ trong gia-dinh thì phần động rất nhẫn-nại, can-dảm, không quá lo sợ những ám-ảnh của tương-lai nên không rut-rè, nhút-nhát. Vì đàn bà Anh là một bà mẹ rất âu-yêm con, nhưng cũng rất bình-tĩnh : họ làm phận-sự một người vợ và một người mẹ rất là chu-dáo. Đối với con, tình thương ít khi yếu-đuối.

Đứa trẻ Anh, ngay buồi ấu-thơ, đã được huấn-luyện cách nào mà chính nó tự lo-lắng cho nó, tự mình xoay-trở cho mình, tự có kinh-nghiệm trực-tiếp với những khó-khăn của cuộc đời, không bao giờ ỷ-lại vào ai cả, nếu không cần thiết lắm. Người mẹ Anh săn-sóc con với một tình thương chu-dáo thật, nhưng ít chịu can-thiệp đến đời sống của con mình, để tự nó làm lấy. Nếu đứa trẻ có té, nhưng thấy rằng không nguy-hiểm, người mẹ Anh không nói gì cả, không giúp gì cả và để cho đứa trẻ ấy tự tìm cách ngồi dậy, tự lo-lắng cho mình. Ngay trong ấu-trú-viên đứa trẻ biết đi hay bắt đầu hiểu-biết thì giáo-dục đã hoàn-toàn cẩn-cù vào lòng tin-nhiệm. Người ta cốt làm cho trẻ em có lòng tự-tin bằng cách để cho tự mình nó xoay-xở với những khó-khăn trớ-ngại trong đời nó nếu nó mạnh khoẻ ; người ta tập cho nó biết ham nhận lấy trách-nhiệm những hành-vi của nó bằng cách để tự nó lựa chọn những điều phải, lẽ quấy, — dĩ-nhiên người lớn cũng cảnh-cáo trước, nhưng chỉ cảnh-cáo thô. Nếu nó làm quấy, nó sẽ phải chịu hậu-quả không hay, tức là hình-phạt tự nhiên hành-vi nó. Những lỗi của nó, cũng như sự yếu đuối của nó không bao giờ có thể tiên-doán được : người ta sẽ không coi chừng nó để tránh cho nó khỏi té ; người ta cũng không rình-rập để bắt nó «tại trộm» trong khi nó làm việc quấy. Người ta chỉ dạy cho nó biết «đó» những sự dối-trá. Bao giờ người ta cũng tin nó bằng lời đồn khi nào người ta có đủ bằng cớ rằng nó nói dối sẽ hay. Vì vậy, đứa trẻ lớn lên, bao giờ cũng thành-thật và cương-nghị ; nó

luôn luôn có lòng tự-tin tự-trọng và đáng cho mọi người tin cậy ; nó đã tập quen cái tính chỉ tin-cậy nơi mình chứ không ỷ-lại ai tất-cả dù là người thân-thích bực nào. Cái thói «trẻ cậy cha, già cậy con» không có trong xã-hội người Anh.

Trừ ra trong những gia-dinh quý-tộc hay giàu có, — và đối với những đứa con đầu lòng thôi, — người cha chỉ có phận-sự nuôi-nấng và cho ăn học tới 16, 17 tuổi thôi ; chính chúng nó phải tự xoay-xở mà tìm cách sinh-hoạt lấy môt mình. Lại nữa, người con cũng biết rằng mình cũng không thể tin-cậy nơi gia-tài của cải của cha mẹ đê lại, bởi vì ông cha có quyền cho hay truất phần gia-tài, tùy ý.

Đứa trẻ cảm thấy chỉ có mình, mìn phải tự lo-liệu cho cuộc đời, không khác nào một người cô-dộc, và nhờ vậy họ bắt-buộc phải có tài tháo-vát sẵn-sàng đối phó với mọi trở-ngại trong đời.

Vì vậy tất cả đời sống của người Anh chỉ có một mục-tiêu học-tập và dạy-dỗ cái phương-pháp «tự-lập» (self help) nghĩa là mình tự giúp cho mình trước hết.

2. Giáo-dục ở nhà trường. Lối giáo-dục hùng-tráng ấy ở gia-dinh lại được nhà trường tiếp-tục giáo-hoa thêm. Ở đây đứa trẻ Anh lại cũng sống theo cái nếp sống mà nó đã từng sống ở gia-dinh. Học đường đối với đứa trẻ, chỉ là một gia-dinh rộng lớn hơn thôi.

Học-đường có sức mạnh tiếp-tục giáo-dục đứa trẻ một cách rộng-rãi hơn về cả 3 phương-diện : thể-dục, tri-dục và đức-dục.

Điều đặc-sắc nhứt mà ta nên để ý là ở nước Anh, giáo-huấn (instruction) và giáo-dục (éducaion) không phân

bép nhau. Ở học-đường nước Anh người ta chỉ dùng tiếng giáo-dục để nói chung hai việc kề trên. Dù là thuộc về thể-dục, tri-dục hay đức-dục, thầy đều có những nguyên-tắc chung, kỷ-luat chung. Người dân Anh không thể quan-niệm người có học là người không có giáo-dục.

a. Thể-dục :

Nhà triết-học Herbert Spencer nói : «Phải có một thân-thể tráng-kiện, đó là điều-kiện đầu-tiên để được thành-công» và một quốc-gia mà các phần-tử đều là những người tráng-kiện là một quốc-gia phồn-thịnh nhứt». Câu nói ấy của Herbert Spencer cũng là câu nói tiêu biểu ý-kiến chung của một phần đông dân-tộc Anh. Ngày nay dân-chúng Anh đã chấp-nhận nguyên-tắc ấy và không đâu dân chúng lo săn-sóc thân-thể cho được tráng-kiện bằng dân-chúng Anh bên Âu-Châu.

Bên Anh, thể dục được đề cao ngang hàng với sự ăn ở sạch-sẽ và vệ-sinh. Bất cứ là đứa trẻ nào ở nhà trường, người trưởng-thàuh nào trong những giờ nghỉ... đều phần đông chơi thể-thao ngoài trời ; họ dành cho thể-dục và thể-thao thời giờ nhiều nhất với tất cả nghị lực của họ. Trên toàn cõi nước Anh, các cảnh đồng ménh mông được dùng làm sân thể-thao như sân đá bóng, sân quần vợt v.v..., dưới dòng sông thì các thuyền bui đầy dãy người tập-dượt. Trước đây dân-chúng thích rượu chè, sống tấp-nập ở các ca-lau, túu-diếm. Ngày nay họ ào ra ngoài trời và lo đủ mọi thể-thao. Bất cứ người Anh nào đều sợ cái cảnh «béo mõ» và cho đó là một cái nhục... đều thích được một thân-thể cứng-rắn, cường-tráng. Họ tập-dượt thân-thể không phải để tranh những giải quán-quân, mà là để trước hết có một thân-thể tráng-kiện. Dù là thuộc về chuyên-môn nhà nghề hay không, phần đông người dân Anh có một tinh-thần thể-thao rất cao :

Những trò chơi trong nước, trò chơi thể thao ngoài trời đã chẳng những đào luyện gần-cốt con người, nó lại là trường học huấn-luyện tinh-trầm-tĩnh và kỷ-luật dân-chúng. Tinh-thần thể-thao tập cho con người có óc sáng-khiến, có tinh-thần kỷ-luật, nó giúp cho người dân Anh trở thành những công-dân đứng-dắn, có tinh-thần dân-chủ vì họ luôn luôn liêm-sỉ, không bao giờ tìm cách gian-lận chánh-quyền cùng pháp-luật cũng như khi họ hoạt động trên sân vận-động. Anh-hưởng tinh-thần do những cuộc chơi tạo nên không thể chối cãi được. Thể-dục ở Anh thật là nền-tảng thực-tế của đức-dục : những phương-pháp mà người Anh dùng để điều-luyện thể-chất là những phương-pháp đào-luyện tinh-thần. Thể-dục và đức-dục liên-quan rất là mật-thiết.

b. Đức-dục :

Ở khắp nơi, ở gia-đình cũng như ở học-đường, đứa trẻ Anh luôn luôn được người ta dành cho cái lòng tôn-trọng chân-lý và rất ghét sự dối lão dưới mọi hình-thức. Cái lỗi to nhất của một học-sinh là nói dối : không có cái đại nhục nào bằng bị người ta gán cho mình cái danh-từ «người nói lão» (liar).

Nhà trường nước Anh là một nền-tảng xã-hội nhỏ-nhỏ. Cùng một trật-tự, một tò-chức, một phương-pháp một chánh-phủ tượng-trung quyền-lực nhưng không tha hồ áp-dụng quyền-lực của mình, ít can thiệp đến những hành-động cá-nhan được chứng nào hay chứng nấy, luôn luôn tôn-trọng quyền tự-do của mỗi người, nếu quyền-lợi chung không bị thương-tồn. Mỗi người học trò là một công-dân trong một nước dân-chủ : ai ai cũng lo gìn giữ trật-tự, trọng kỷ-luật và rất tôn-trọng tự-do của mình cũng như của kẻ khác nhất là không bao giờ tìm cách gian-lận.

Ở học-đường nước Anh ít bao giờ thấy sự trùng-phạt.

Người ta không muốn áp-dụng chánh-sách khùng-bô nhưng muôn khêu gợi lòng tự-trọng và tinh-thần trách-nhiệm. Khi nào phải dùng đến hình-phạt chỉ là ở những trường-hợp bất-dắc-dĩ và tuyệt-vọng. Khi những bài vở làm sai hay những bài không thuộc, người ta bắt phải làm lại, thay vì bắt giam-giữ trẻ lại trong những giờ chơi. Đứa trẻ Anh đã được giáo-dục thế nào mà suốt đời nó không bao giờ có tâm-cảm tự-ti, tim những lối thoát giả-dối để được thành-công.

c. Tri-dục :

Về văn-de tri-dục, người Anh rất ghét lối học nhồi-sọ. Một điểm quan-trọng mà tất cả các thầy người Anh đều đồng-ý là : rất ô sự nhồi-sọ và không thích giam-giữ học sinh nhiều giờ quá trong phòng học. Đó là hậu quả của quan-niệm chung của họ về văn-de thể-dục. Những giờ học trong phòng học thường bị rút ngắn lại. Đứa học-sinh Anh làm việc 8 giờ một ngày là mức tối-da. Trong tất cả các học-đường Anh, mỗi tuần phải dành ít lắm là 3 buổi chiều để dùng làm thể-thao và những cuộc chơi ngoài trời.

Trong các Đại-học-đường thì sự học tiếng Hy-lạp và La-tinh là được đề-cao nhất. Bởi vậy nguồn-gốc văn-minh nước Anh bắt nguồn ở văn-hóa Hy-La. Chưa có nước nào mà được người ta ló săn-sóc vui-quen nền văn-hóa cõi truyền Hy-La bằng ở Anh. Nhất là về văn-hóa Hy-lạp người Anh còn đi sâu hơn người Pháp nhiều.

Ngoài những giờ học, người sinh-viên Anh được sống tự-do rất nhiều để tìm cách tạo thành một bản-lĩnh cá-nhan, nếu họ thích cố-gắng và óc tò-mò. Những đầu óc có bản-lĩnh sẽ được phát-triển một cách đầy đủ hoàn-toàn, không cần ai nâng-dỡ săn-sóc. Họ sống một cách tự-do như những cội cây trong hoang-dã... Dĩ-nhiên cái đó có lợi nhưng cũng có hại. Lợi là cho những tâm-hồn cứng-rắn, có bản-lĩnh, chịu nổi thử-thách của một đời

sống cá-nhân hoàn-toàn tự-do. Họ đã áp-dụng khâu-hiệu của thuyết «sanh-tồn cạnh-tranh, ưu-thắng liệt-bại». Một phần tri-thức vượt bực tạo thành một nhóm thượng-lưu đặc-sắc nhất, đầy nhựa sống, một đám quần-chúng tăm-thường bị loại ra chịu cảnh dốt-nát. Nhưng hạng bình-dân này, họ biết rõ sở-phận của họ và không có cao-vọng vì fit ra họ đã được giáo-dục rất kỹ ở trình-độ sơ-đẳng của họ. Họ luôn luôn ham học thêm, và bước chân ra trường đời có đủ điều-kiện tối-thiều để tự dùu-dắt lấy mình và cũng đã có đủ cơ-sở để bắt đầu một đời sống tự-học.

Nói chung, người dân Anh, dù họ là một sinh-viên lối-lạc nhất, khi họ bước chân ra khỏi học-dường không bao giờ có cao-vọng là sự hiếu biết của họ đã đến mức cuối cùng rồi, không còn học hỏi gì nữa. Họ không bao giờ tin-tưởng rằng các cấp-bằng Đại-học của họ kia là chứng-chỉ rằng họ đã biết tất cả và sự giáo-dục của họ đã viên-mãn. Mà thực sự chỉ lúc họ bước chân ra đường đời mới là ngày khởi đầu họ học mà thôi, học một cách thực-tế. Ngay những kẻ có một cơ-sở học-thức trung-bình, vì có nhiều người vì sinh-nhai, phải rời bỏ ghế nhà trường rất sớm, nhưng họ đã được huấn-luyện có phương-pháp lúc còn ở sơ-học và trung-học nên họ biết cách tự-học tự đào-tạo cho mình một đường lối tinh-thần và không biết bao nhiêu người đã leo thật cao trên đài vinh-quang. Nhóm thượng-lưu của nước Anh có hai phần; một phần thuộc về đám người tự mình tìm lấy con đường tự học với cuộc đời mà lên được, tức là hạng thượng-lưu tự lập (self-made men) và hạng thượng-lưu do nhà trường un-đúc (university men). Hạng trung-lưu nước Anh có thể là hạng người có một cái học không được rộng-rãi nhưng là hạng người có một đầu óc liêm-sí, thẳng-thắn. Họ biết không nhiều, nhưng cái gì họ biết là họ thật biết, biết một cách đứng-dắn. Không như

ở phần đông các nước khác, cái gì họ cũng biết nhưng không có một cái gì họ thực biết!

Bấy nhiêu đó đã làm thành một nền-tảng chắc-chắn cho chế-độ dân-chủ Anh mà ta có thể tin rằng sẽ vững-vàng nhất trên thế-giới ngày nay. Với lối đại-cương như trên, người dân Anh không bao giờ có thể bị chế-độ dân-chủ của họ phản-bội họ nỗi. Văn-hóa và chính-trị ở nước Anh luôn luôn đi đôi với nhau và nương nhau mà phát-triều và chính nhờ thế mà sự tiến-bộ chế-độ dân-chủ của họ đi bước nào chắc bước ấy.

**Bài thứ III.— TRẺ CON KHÔNG PHẢI CHỈ SỐNG
BẰNG SỰA MÀ CÒN SỐNG BẰNG TÌNH THƯƠNG-YÊU**
(Trích trong quyển «*Thời mới dạy con theo lối mới*,
tác-giả Nguyễn-hiến-Lê)

«Rose Vicent và Roger Murchielli, trong cuốn *Comment connaître votre enfant*, nói : trẻ con có ba nhu-cầu cốt-yếu : nhu-cầu được yêu, nhu-cầu yên-ôn và nhu-cầu tự bảo-vệ. Theo tôi, tự bảo-vệ là một bản-năng chờ không phải là một nhu-cầu ; và trẻ chỉ có mỗi một nhu-cầu được yên-ôn sống để phát-triển một cách đầy-dủ. Nhưng muốn yên-ôn sống trẻ phải có cảm-tưởng là được người lớn yêu-mến, nâng-niú. Rút cục, nhu-cầu được yên-ôn và nhu-cầu được yêu chỉ là một.

Các nhà nghiên-cứu về nhi-dồng giáo-duc gần đây đã phát-minh điều rất quan-trọng này là : **trẻ không phải chỉ sống bằng sữa mà còn bằng tình-yêu**.

Những công việc của Spitz ở Nữu-ước, của Bowlby ở Luân-Đôn, của bà Aubry ở Ba-Lê đều chứng tỏ rằng tình áu-yếm cẩn-thiết cho sự phát-triển của trẻ, như một sinh-tố ! Thiếu tình đó, trẻ ăn uống không tiêu, chậm lớn, kém thông-minh, dễ bị bệnh và tử-suất của chúng (số trẻ con chết trong số 100 trẻ sơ-sinh) cũng tăng lên nhiều. Nhờ nhận xét đó, người ta mới hiểu hiện-trạng lạ lùng này là : các trẻ dường bệnh lâu trong các nhà thương, mặc dù được đủ tiễn-nghi, đủ thuốc thang, mà vẫn éo-đẹt, ốm-yếu hơn những trẻ dường bệnh tại nhà.

Trong một nhà hộ-sinh kiều-mẫu nở ở Mỹ, người ta nuôi một nhóm trẻ mới sanh với những điều-kiện cực-ky hoàn-hảo và theo đúng quy-lắc vẹ-sinh. Người ta cho chúng sống cách biệt nhau, để tránh vi-trùng. Các nữ điều-dưỡng chỉ được rò-mó chúng khi nào thật cần-thiết, như thay đồ, tắm rửa cho bú.

Thức ăn được tính-toán kỹ-lưỡng tùy theo nhu-cầu mỗi trẻ, bệnh tật được đề-phòng và điều-trị bằng những phương-pháp tối-tân. Vậy mà những trẻ đó không lên cân nhiều, không mạnh khỏe bằng những trẻ ở ngoài sống trong những gia-dình thiểu-thốn, tại những xóm tối-tăm bần-thiú. Các y-sĩ không hiểu tại sao ? Sau ra công cứu-xét thi-nghiệm trong một thời-gian họ mới thấy rằng : nguyên-nhân chỉ do những trẻ đó thiếu sinh-tố tình-yêu. Tức thì trên mỗi cái nôi, người ta treo một tấm thẻ vót hàng chữ : «**mỗi ngày phải âu-yếm trẻ một giờ**».

Từ đó các nữ điều-dưỡng được quyền bồng-bé, hôn-hít, nựng chúng, chuyện trò, chơi đùa với chúng. Kết-quả hoàn-toàn khác hẳn : trẻ bùnbiều hơn; mau lớn vui-vẻ và tinh-ranh hơn.

Bài trên đây làm chúng tôi liên-tưởng đến một việc như sau.

Trong năm 1957, chúng tôi có dịp đến viếng một Cô-nhi-viện ở gần Thủ-đức. Cô-nhi-viện này có hai mươi hai-nhi độ năm sáu tháng. Mỗi trẻ nằm trong một cái nôi gỗ riêng biệt, có nệm, mùng, mền dù. Nhưng vì Cô-nhi-viện này chỉ có hai nữ điều-dưỡng săn-sóc dưới sự chỉ huy của một bà Giám-đốc người Việt nên các trẻ không được bồng-bé áu yếm thường. Thấy chúng tôi vào, các trẻ ngó chúng tôi và tuy chưa biết nói nhưng chúng này lung-lèn tỏ dấu đòi bồng. Người nhà tôi bèn bồng lên một đứa thì thấy trẻ cười và tỏ vẻ thích lắm. Trong lúc ấy thì các trẻ trong các nôi đó ngó theo tỏ ý đòi bồng. Người nhà tôi bèn dè dừa trẻ thử nhứt xuống, tuy rằng nó không bằng lòng, và liên-tiếp bồng vài đứa trẻ khác thì thấy chúng tỏ vẻ thích lắm.

Trời tôi, chúng tỏi từ biệt chúng ra về thì chúng vẫn ngó theo... Thật là cảm-dộng !

Trước khi đọc bài nói trên, chúng tôi cũng nhận thấy rằng : Chúng thiếu sự được bồng-bế, được âu-yếm. Chúng tôi hỏi thì hai nữ điều-duưỡng đều cho chúng tôi biết rằng vì cả ngày bận công chuyện lặt-vặt, nào cho bú, nào giặt mùng, mền, tã, nào cho các trẻ uống thuốc nên có rảnh đâu mà bồng-bế, nâng-niú chúng cho thường !

Kết-quả: Hai mươi trẻ em ấy không đứa nào mạnh-khỏe cả, có em tình-trạng rất nguy-ngập ! Thật là một cảnh thương-tâm, thảm-não, chua sót vô cùng ! Ước mong các nhà từ-thiện, có công lập nên Cô-nhi-viện để đón rước các giọt máu rơi, được đọc và áp-dụng bài này. Có như thế công-trinh tế-độ của chư qui-vị mới là viên-mẫn.



Bài thứ IV.— TRẺ EM ĐẶC-BIỆT

của HỒ-TÂN-VINH

Định-nghia :

Tại Việt-Nam thỉnh-thoảng vẫn-de khảo-cứu này được mang danh là «vẫn-de trẻ em bất-thường». Bất-thường là từ-ngữ dịch từ chữ Pháp ra (*enfants anormaux*). Từ-ngữ có hai khuyết-diểm sau :

— «Bất thường» thường được hiểu theo nghĩa eo-hẹp là kém-cỏi, là thua người bình-thường. Vì thế từ-ngữ trên không thể dùng để chỉ nhóm «đặc-biệt thông-minh» mà phương-diện giáo-dục chúng cũng cần được chăm-sóc riêng biệt.

— Vì «bất-thường» bị hiểu theo nghĩa eo-hẹp, nó mang theo một ngụ-ý khinh khi thóa-mạ. Nếu ta bảo một đứa trẻ rằng nó là một đứa trẻ bất thường, dẫu cho nó không hiểu rõ chữ đó nghĩa là gì, nó cũng sẽ nghĩ đến một cái gì ghê-gớm lắm làm cho nó mất nhân-phầm. Đứa trẻ từ ngày mang trên lưng hai chữ «bất-thường» sẽ tự-ti mặc-cảm, cho rằng mình không phải là con người nữa mà là một quái-vật.

Để tránh hai khuyết-diểm trên. Tôi đề-nghị từ-ngữ «trẻ em đặc-biệt» dịch từ-ngữ Anh ra (*special children, exceptional children*), Hình dung-từ «đặc-biệt» vừa bao gồm tất-cả trẻ em khác thường vừa không có nghĩa thóa-mạ.

Thế nào là đặc-biệt, thế nào là bình-thường ?

Không thể bình-thường là đặc-biệt. Bình-thường và đặc-biệt khác nhau vì vậy chỉ có thể định-nghĩa tương-đối với nhau và định-nghĩa đó cũng có giá-trị tương-đối mà thôi. Ta sẽ lấy da-số làm tiêu-chuẩn và ta nói cái nào da số có là bình-thường, cái nào da số không có là đặc-biệt.

Đứng về phương-diện y-học, ta có thể lấy sức khỏe làm tiêu-chuẩn và ta sẽ nói rằng : da số trẻ em không

mắc bệnh-lao ; trẻ em nào mắc phải bệnh ấy là trẻ em đặc-biệt.

Đứng về phương-diện tâm-lý-học, ta có thể lấy những kết-quả trắc-nghiệm làm tiêu-chuẩn. Thi-dụ ta bảo 100 trẻ em đều lên 8 tuổi tìm diện-tích một hình chữ nhựt. Nếu tất cả đều biết làm dễ-dàng, duy chỉ có một đứa không biết, thi ta sẽ nói rằng đứa không biết làm bài toán trên là một đứa đặc-biệt. Nếu tất cả đều không biết làm, duy chỉ có một đứa biết làm thi ta cũng gọi đứa trẻ duy nhất ấy là đặc-biệt.

Đứng về phương-diện xã-hội-học, ta có thể lấy gia-dinh làm tiêu-chuẩn và ta nói : đa số trẻ em đều có cha mẹ. Đứa nào mồ-côi cha mẹ là một đứa đặc-biệt...

Đứng về phương-diện giáo-dục, phương-diện mà ta chọn kẽ từ đây, ta sẽ lấy nền giáo-dục bình-thường, nghĩa là nền giáo-dục mà đại đa số trẻ em không hưởng-thụ làm tiêu-chuẩn và ta định-nghĩa trẻ em đặc-biệt như sau :

Một đứa trẻ đặc-biệt là một đứa trẻ có một hay nhiều điểm về phương-diện cấu-tạo tri-não, xã-hội hay thể-xác mà đa số không có. Điểm khác thường đó phải có tánh cách làm cho đứa trẻ không thể nẩy-nở đúng mức trong nền giáo-dục bình-thường.

Thi-dụ một điểm khác thường về sự cấu-tạo tri-não.

Một đứa trẻ có thể có đủ cha mẹ, gia-dinh giàu-có ; nó không thiếu-thốn gì về vật-chất, bề ngoài nó không có bệnh tật gì cả, nhưng nó có thể thành đặc-biệt nếu trung-bình trẻ em sáu tuổi biết đánh vần mà nó đã tam tuồi rồi lại đã học hai năm lớp năm mà vẫn chưa biết đánh vần. Thường thường đây không phải là lỗi của đứa nhỏ — đứa trẻ làm biếng hẫu như không có — mà vì tri-não của nó không được cấu-tạo đúng-đắn.

Thi-dụ một điểm khác thường xã-hội.

Đứa trẻ bình-thường nào cũng có cha mẹ. Ngày giờ ta có một đứa trẻ chỉ có mẹ mà không có cha từ nhỏ. Tùy trường hợp mà ta gọi đứa trẻ ấy là bình-thường hay đặc-biệt ? Nếu trong lớp đứa trẻ đó học hành vẫn siêng-năng và tinh tinh không có gì khác thường với những trẻ bình-thường thì đứa trẻ đó là một đứa trẻ bình-thường. Nếu vì không có cha, trong gia-dinh thiếu một uy-quyền vững-vàng, đứa trẻ đó ngỗ-nghịch, gày-lộn, đánh lộn với chúng bạn trong lớp nghĩ vẫn-vơ, không thích học-hành thì đứa trẻ đó là một đứa trẻ đặc-biệt.

Thi-dụ một điểm khác thường thể-xác.

Đứa trẻ bình-thường nào cũng có hai bàn tay. Ngày giờ ta có một đứa trẻ cụt một tay. Tùy trường-hợp mà ta sẽ gọi nó là bình-thường hay đặc-biệt. Nếu nó là một đứa trẻ thiên-hữu (droitier) và cụt tay trái thì sự cụt không cản-trở việc học-hành của đứa trẻ. Nếu nó là một đứa trẻ thiên-hữu mà cụt tay phải thì sự cụt tay cản-trở việc học của nó vì nó bị bắt-buộc cầm viết tay trái, tay mà nó không thể điều-khiển nhanh-nhẹn và khéo-léo được. Nó sẽ viết chậm và viết xấu. Sự thua sút này đưa đến những sự thua sút khác. Đứa trẻ trở thành đặc-biệt.

TÁNH-CÁCH CẦN-THIẾT CỦA NỀN GIÁO-DỤC ĐẶC-BIỆT

Theo định-nghĩa trên, ta có thể chia trẻ em đặc-biệt ra hai tông loại. Đó là tông loại đặc-biệt hơn bình-thường và tông loại đặc-biệt kém bình-thường. Đầu là một đứa trẻ đặc-biệt hơn hay đặc-biệt kém, đứa trẻ đặc-biệt không thể nẩy-nở đúng mức trong nền giáo-dục bình-thường và cũng vì thế nó là một trớ-ngai lớn-lao cho sự nẩy-nở đúng mức của đa số bình-thường.

Nếu nó là một đứa đặc-biệt hơn, thí-dụ đặc-biệt thông-minh thì chẳng hạn với một bài toán, cả lớp phải đê hai chục phút làm xong thì đứa trẻ đặc-biệt thông-minh nó chỉ làm có năm phút là xong. Bắt đầu từ phút thứ sáu đến hai chục, nó không có gì khác đê làm. Nhưng đứa trẻ đó không thể ngồi yên chờ chúng bạn, bản-tánh của nó là hoạt-động. Ngoài công việc vẽ của vẽ công trên sách vở bàn-ghế, nó sẽ phóng mực do đứa này, nhắc bài đứa kia, nói chuyện với đứa nọ... Đó là những phản-ứng diền-hình của những trẻ em mà khả-năng không được khai-thác đúng mức. Những phản-ứng đó, như ta đã thấy, đều nhằm mục-đich phá-hại an-ninh học đường mà một kỷ-luật đán-áp khắt-khe chỉ là chứng-cớ bất-lực của nền giáo-dục bình-thường. Khả-năng của đứa trẻ đặc-biệt đó lạc-loài trong thế-giới bình-thường sẽ dần dần lu mờ; một hòn ngọc không giũa, đứa trẻ sẽ trở thành tầm-thường như bao đứa trẻ tầm-thường khác. Biết đâu xuyên qua nó, một nhà bác-học tương-lai đã bị phung-phí?

Nếu đứa trẻ là một đứa trẻ đặc-biệt kém, thí-dụ nó thuộc loại chậm-tiến, thì vẫn-dễ trở nên vô cùng phiêu-taptops. Chẳng hạn cùng với bài toán trên, đứa trẻ chậm tiến phải làm trong ba chục phút mới xong. Nhưng vì ông thầy không thể bảo cả lớp chờ một mình nó, thành-thứ đứa trẻ đó không thể học gì thêm với một bài toán giàn-doạn. Nhưng các bài toán càng lúc càng khó, mà bài toán dễ đã làm chưa hết thì mấy bài toán sau đứa trẻ đó không thể biêt-làm. Hậu quả dày chuyền khiến đứa trẻ càng ngày càng mất cẩn-bản; kết-quả này rất nhanh chóng và rất dễ nhận thấy. Sau tam cá-nguyệt đầu đứa trẻ trở thành ngỗ-nghịch, cứng đầu, hè-tha việc học. Con người nông-cạn sẽ tuyên bố rằng đứa trẻ lười-biếng. Nhưng thật ra vì nền giáo-dục bình-thường không hợp với nó. Cái nhịp học tiến nhanh quá nó không theo kịp. Vì thế những phản-ứng trên rất là hợp-lý.

Đối với trường-hợp này, nền giáo-dục bình-thường giải-quyết như sau: ai không theo kịp nhịp bình-thường thì cuối năm không được lên lớp, ở lại học đõ cũ. Lối giải-quyết thật đơn-giản nhưng không có tinh-cách nhân-bản tí nào. Bị ở lại lúc nào cũng là một tồn-thương tinh-thần mà ảnh-hưởng có thể cấp-kỳ hay xa-xôi (trong 10 hay 20 năm sau).

Ảnh-hưởng cấp-kỳ khi đứa trẻ có cảm-tưởng rằng đõ cũ nó biết rồi, nó không cần cõi-gắng. Thành-thứ học hai năm một lớp mà nó cũng chưa học hết chương-trình.

Ảnh-hưởng có thể xa-xôi khi sự bị ở lại gieo vào đầu trẻ tinh-thần thủ-hại. Tinh-thần này càng ngày càng nảy-nở đến khi trưởng-thành con người với tinh-thần đó là một con người bi-quan, hèn-nhát.

Ngoài ra, vì lý-do công-nhận bởi khoa-học, sẽ nêu ra ở một đoạn sau, ta sẽ thấy rằng có những trẻ em đầu ở lại năm năm một lớp cũng không thể học hết chương-trình của năm học. Đặt những trẻ em này vào một lớp bình-thường chỉ làm mất thì giờ của chúng và làm rầy các bạn khác.

PHÂN-LOẠI VÀ BƯỚNG-LỐI GIÁO-DỤC TRẺ EM ĐẶC-BIỆT HƠN

Ta chia trẻ em đặc-biệt hơn ra làm hai loại.

— Loại đặc-biệt, hơn về trí não.

— Loại đặc-biệt hơn về thể xác.

Loại đặc-biệt hơn về trí não.

Giáo-dục một đứa trẻ đặc-biệt, hơn hay kém đều một công việc tốn kém. Người ta tính trung bình, một đứa trẻ đặc-biệt muốn được giáo-dục đúng mức cần một phí khoản

gấp ba phi khoán cho đứa trẻ bình-thường. Vì lý-do đó mà công cuộc nghiên cứu và giáo-dục trẻ em đặc-biệt hơn về trí não bắt đầu tại Hoa-kỳ. Tại đây người ta quan niệm rằng, cùng một phi tồn như nhau, thay vì mệt công mệt của để giáo-dục những trẻ em kém cỏi học qua tiêu-học, tốt hơn lo giáo-dục những trẻ em đặc-biệt hơn về trí não vì sau này chúng sẽ là những người hữu ích nhất trong xã-hội. Tại một xứ mà người ta chú trọng nhiều về khía cạnh năng xuất thì quan niệm trên rất là hợp-lý. Nền giáo-dục đó dần dần lan tràn ra ngoại-quốc và hiện nay tại Anh-quốc, Úc-đại-lợi, Nga-sô... đều có những trường đặc-biệt này.

Trong loại đặc-biệt hơn về trí não, ta sẽ chia ra làm hai nhóm :

- Nhóm đặc tài.
- Nhóm thông-minh.

Nhóm đặc tài.

Nhóm này gồm những trẻ em bộc lộ năng-khiếu từ thuở nhỏ, những năng-khiếu đó là : văn-chương, vẽ, âm nhạc, toán, kỹ-thuật...

Trước khi nêu cái điểm khác biệt của nền giáo-dục trẻ em nhóm này với nền giáo-dục bình thường, ta cũng nên hiểu qua vai trò quan-trọng của nền giáo-dục bình thường đối với chúng. Vai trò đó là đặt nền tảng văn-hóa vững chắc, vì chỉ có nền tảng văn-hóa vững chắc thì thiên-tài của chúng mới có giá-trị.

Ngoài những giờ theo học một lớp bình thường, những trẻ em có đặc tài về môn nào phải được trau dồi về môn ấy. Sự chuyên-môn hóa rất sớm thật là cần-thiết. Thí-dụ rõ ràng nhất là nghề đàn vĩ-cầm. Theo những người trong nghề, muốn đàn vĩ-cầm cho giỏi thì

tập từ thuở nhỏ. Nếu có một đứa trẻ có đặc tài về đàn vĩ-cầm mà không được tập từ thuở nhỏ để lớn lên tới hai hay ba chục tuổi đầu rồi mới bắt đầu học thì kết quả chỉ rất tầm thường.

Nhóm thông-minh.

Nhóm này gồm những trẻ em hạng nhất trong lớp. Trí-suất (quotient intellectuel) của chúng rất cao. Nhóm này phải được dạy trong những lớp riêng dùng chương-trình bình thường nhưng với một nhịp tiến rất chóng.

Ngoài cái đặc-biệt diêm tốc-lực, người chăm lo giáo-dục nhóm trẻ này còn phải chú trọng đến sức khỏe của chúng. Những trẻ em thông-minh vì làm việc bằng trí óc nên không thích hoạt động bằng tay chân. Sức khoẻ của chúng vì thế mà khó giữ gìn. Ngoài sự chăm lo ăn uống người ta còn bắt buộc chúng phải dành một số giờ quan-trọng cho thể-thao và thể-dục. Sự chăm lo sức khoẻ của chúng mặc dầu rất tốn kém nhưng rất dễ hiểu vì nếu đứa trẻ có tài ba đến đâu mà bệnh-hoạn yếu đuối mới có hai mươi tuổi đã chết rồi thì cái tài ba đó, xã-hội lẫn đứa trẻ không ai nhớ được.

Loại đặc-biệt hơn về thể xác.

Từ ngày những kết quả thể vận có âm vang vào làng chính-trị, hai khối Đông-Tây tranh nhau ráo riết nghiên cứu những phương-pháp giáo-dục cho loại này.

Căn-bản của nền giáo-dục đặc biệt trước hết là một nền giáo-dục bình thường. Đứa trẻ vẫn đi đến những trường học bình thường. Nền giáo-dục bình thường rất cần-thiết đối với chúng vì ngoài mục-dịch đào-tạo cho những người đại diện văn-hóa xí-sở, vì trong đám lực-sĩ tương lai tất nhiên sẽ có những người được tuyển chọn đi tranh tài với những người ngoại-quốc. Trong khi tiếp xúc với họ, ngoài cái kết-quả ở vận-động trường, người

lực-sĩ còn có dịp nêu cao uy-tín hay hối-lộ xú-sở bằng những lời ăn-tiếng nói hay những cử chỉ nhỏ-nhỏ. Nêu cao uy-tín hay hối-lộ là tùy nền giáo-dục bình-thường mà họ hưởng-thụ.

Ngoài những giờ học bình-thường, đứa trẻ con đặc-biệt hơn về thề-xác tùy theo khả-năng chuyên-môn (bơi-lội, quần-vợt, chạy, ném đĩa, banh-bóng...) được trau-giồi đặc-biệt về môn ấy quá sớm rất là quan-trọng. Thí-dụ rõ-ràng nhất là môn quần-vợt. Tại Úc-dai-lợi có những giáo-sư quần-vợt dạy cho trẻ em có khiếu về môn này từ thuở bé. Họ chỉ cho chúng từ điệu-bộ, từ chiến-thuật. Hiện giờ những học-trò cũ của họ là những cát-vợt xuất-sắc nhứt thế-giới đó là những Hoad, Roosevelt...

Sức khoẻ của những lực-sĩ tương-lai tất nhiên là vấn đề định-doạt. Trong khuôn-khổ giáo-dục đặc-biệt, những thực-dơn của họ được nghiên-cứu cẩn-thận. Giữa những tay đua đồng-tài, người này có thề thắng người kia vì uống nước nhiều hay ít, vì uống nước chanh hay nước đường v.v... Dĩ-nhiên mỗi quốc-gia có bí-quyết riêng và những phát-minh trong địa-hạt này thường được giữ-kín.

PHÂN-LOẠI VÀ ĐƯỜNG-LỐI GIÁO-DỤC TRẺ EM ĐẶC-BIỆT KÉM

Những trẻ em này sẽ được nghiên-cứu tì-mi-hơn nhờ số tài liệu quốc-tế xuất-hàn về vấn đề khá dồi-dào.

Công-cuộc nghiên-cứu các trẻ em này bắt đầu ở Bắc Âu. Nơi đây người ta quan-niệm rằng cùng là những trẻ vô-tội, trẻ em đặc-biệt kém trẻ bình-thường cần được giúp đỡ nhiều hơn. Quan-niệm này dường như bắt-đầu trong quan-niệm bác-ái của Cơ-Đốc-giáo. Vì người có công-to trong công-cuộc nghiên-cứu và phò-biển nền giáo-dục này là Binet (1857-1911) và Simon của Pháp,

Decroly (1871 - 1932) của Bỉ, Claparède của Thụy-Sĩ, Montessori (1870-1952) của Ý-Đại-Lợi...

Ta sẽ chia những trẻ em đặc-biệt kém ra làm bốn loại:

- Loại đặc-biệt kém về trí-não,
- Loại đặc-biệt kém về thề-xác,
- Loại đặc-biệt kém về xã-hội,
- Loại đặc-biệt kém về nhiều phương-diện.

a. Loại đặc-biệt kém về tri-não

Đây là loại trẻ em mà tri-não hoặc bị bệnh hoặc bị cấu-tạo không đúng-dắn. Chúng ta chia loại này ra làm ba nhóm :

- Nhóm chậm-tiến (arriéré, déficient intellectuel, slow learning child, retarded child).
- Nhóm khó đọc-khó viết (dyslexique, dysorthographique).
- Nhóm bại-óc (enfant atteint de paralysie cérébrale).

Nhóm chậm-tiến

Đây là nhóm trẻ thiếu-trí-khôn. Sự thiếu-trí-khôn không có gì là tội-lỗi hay xấu-hỗn cả. Đó là do trời sanh. Sự sanh-ra thiếu-trí khôn không tùy thuộc nhà giàu hay nhà nghèo, cũng không tùy trẻ của xứ-kỹ-nghệ hay xứ nông-nghiệp hay của thời-dai này hoặc của thời-dai kia. Sở dĩ nhóm chậm-tiến chỉ được đặt thành vấn-dề ở thế-kỷ này không phải vì sỉ-số của chúng tăng-giá theo bom nguyên-tử hay một lý-do khác, mà chỉ vì khoa-tâm-lý-học tiến-triển, những phương-pháp để tìm-tinh-vi-hay — và người ta phải giục minh khi tìm-thấy số chậm-tiến nhiều quá.

Khác-hơn Binet và Simon một-chút, chúng ta sẽ chia

trẻ em chậm-tiến ra làm bốn toàn sắp hạng như giấy xe lửa :

a. *Chậm tiến hạng nhứt* (*débile léger, dull and backward*)

Nếu ta lấy 100 đơn-vị trí-xuất ($Q : I = 100$) của một đứa trẻ bình-thường, thì đứa trẻ chậm-tiến hạng nhứt có trí-suất từ 79 đến 90. Những trẻ em này hiều rất chậm, nhưng chúng đủ sức hiều những điều trùu-tượng. Trong những lớp học đặc-biệt dành cho chúng, nhà giáo phải cắt chương-trình bình-thường ra làm hai. Thay vì học hết chương-trình bình-thường trong năm, những trẻ em chậm tiến hạng nhứt học trọn năm có một nửa chương-trình, còn một nửa để dành cho năm tới. Nhờ vậy bước tiến của trẻ em rất vững-chắc và lối giáo-dục đó tránh cho chúng khỏi bị ở lại một lớp. Nhưng vì thời-gian học-tập ở tiểu-học trung-hình có năm năm mà chúng phải tốn đến mười năm, như vậy chúng không có thời giờ học xa. Trong một hay hai trăm đứa trẻ chậm tiến may ra có một đứa đi qua khỏi bức tiểu-học. Vì vậy song song với chương-trình văn-hóa cẩn-bản, người ta lo dạy chúng một nghề để chúng sau này có thể tự làm ăn mà sống.

b. *Chậm tiến hạng nhì* (*Débile, Feeble minded, moron*)

Trí-suất của trẻ em chậm tiến hạng nhì ở vào khoảng 50 đến 69. Ta định nghĩa chúng như sau :

Đứa trẻ chậm tiến hạng nhì là một đứa trẻ đầu sau này có lớn thêm tuổi cũng vẫn có một trí khôn của một trẻ bình thường khoảng 7 đến 10 tuổi (viết tắt là từ 7 đến 10 B.S.)

Mục-dịch của giáo-dục đối với những trẻ em này là dạy cho chúng những điều thiêt-thực, có ích cho đời sống hàng ngày của chúng như : biết đọc, biết trả tiền, thời tiền, giữ tiền, tính tiền, cộng trừ những số tiền nhỏ, viết

thư thăm bà con... Ngoài ra nhà giáo cũng cố gắng dạy cho chúng một nghề để sau này chúng tự sống.

c. *Chậm tiến hạng ba* (*imbécile*)

Trí-suất của trẻ em hạng này chỉ khoảng 20 đến 49. Ta định nghĩa chúng như sau :

Đứa trẻ chậm tiến hạng ba là đứa mà đầu sau này có lớn thêm tuổi cũng vẫn có một trí khôn của một em bé bình thường khoảng 5 đến 7 tuổi (viết tắt là từ 5 đến 7 B.S.).

Hậu quả của định-nghĩa trên là « đứa trẻ chậm tiến hạng ba », là đứa trẻ không thể giao-thiệp bằng chữ viết với đồng-loại nó, nghĩa là nó không thể phát-biểu tư-tưởng nó bằng chữ viết mà nó cũng không đọc được chữ in, hay đúng hơn, nếu nó có đọc được, nó cũng không hiểu gì cả. trong khi đó không có một triệu chứng nào ở thị-quan, hoặc một liệt-bại vận-dòng (paralysis motrice) của các trung-tâm có thể giảng-giải sự không thâu-tháp hình-thức ngôn-ngữ, mà chỉ là một tật thuộc về sự khiếm khuyết của tâm-trí (Binet và Simon).

Theo định-nghĩa trên và cái hậu-quả của sự chậm tiến hạng ba, ta thấy rằng vấn-dề giáo-dục văn-hóa không thể đặt ra. Trong trường-hợp này có lẽ ta không nên dùng chữ giáo-dục, chữ « tập-duyet » mới đúng hơn. Ta có thể tập những trẻ em chậm tiến hạng ba những cử-chỉ đơn-giản và máy-móc. Chẳng hạn tám giờ sáng tưới cây. Sau một thời-gian tập, những trẻ này sẽ quen lăn ròi sau đó chúng cứ mỗi buổi sáng nào cũng xách nước tưới cây đúng tám giờ sáng. Nếu được như vậy là quá hóa lầm rồi.

d. *Chậm tiến hạng tư* (*idiot*)

Hạng này nặng nhứt. Trí-suất của trẻ em chậm tiến

hạng tư chỉ vào khoảng 0 đến 20. Ta định-nghĩa trẻ em hạng này như sau :

Trẻ em chậm tiến hạng tư là một đứa trẻ đầu sau có lòn thêm tuổi vẫn có trí khôn của một đứa trẻ bình-thường khoảng hai tuổi (viết tắt là từ 0 đến 2 B.S.).

Hậu-quả của định-nghĩa trên là đứa trẻ chậm tiến hạng tư là một đứa trẻ «không thể giao-thiệp bằng lời với đồng loại nó» nghĩa là không thể lấy lời nói mà phát-biểu tư-tưởng nó hay hiểu những lời người khác nói ra trong khi ấy không có một biến-loạn gì về thính-quan hay cơ-quan phát-thanh mà chỉ do một sự khiếm-khuyết về tâm-trí» (Binet và Simon).

Theo định-nghĩa và hậu-quả của trẻ em chậm tiến hạng tư ta thấy rằng chữ «chậm tiến» đối với hạng này không đúng vì thật ra từ khi ra chào đời đến khi chết, hạng này không tiến gì về tri khôn cả. Y-học đã cố-gắng rất nhiều (tri bằng acide glutamique) nhưng cho đến nay chưa có kết-quả gì, trừ trường-hợp khiếm-giảm trạng-tuyến (insuffisance thyroidienne). Đối với những trẻ em hay người lớn thuộc hạng tư này, công việc tập-dượt chỉ nhằm mục-dich tạo những thói quen sơ-dảng như cầm thiia, cầm muỗng, thay áo, mặc quần, đi tiêu, đi tiểu cho có vệ-sinh... Ngoài ra người ta còn chỉ biết trong nôm họ, đừng dè họ làm hại bản-thân hay người khác.

Đối với luật-pháp, trẻ em hay người lớn chậm tiến hạng tư có một quy-chẽ bất xâm-phạm rộng rãi hơn dân-biều. Nếu họ có cầm dao chém người hay lấy lửa đốt nhà, họ cũng không bị trừng-trị. Chính người chăm sóc không cần-thận mới bị trừng-trị.

Nhóm khó đọc, khó viết.

Ta biết rằng trong não, phần nửa não trái điều-khiển

bộ-phận cơ-thể bên mặt và phần nửa não mặt điều-khiển bộ-phận cơ-thể bên trái, Thi-dụ ta đưa tay trái lấy một món đồ, lệnh trnyễn cho tay trái cử-động xuất phát từ não mặt. Đa số con người đều có một phần nửa não này mạnh hơn phần nửa não kia. Nếu phần nửa não mặt mạnh thì ta là người thiên-tả (gaucher), chuyên-môn dùng tay trái. Nếu phần nửa não trái mạnh thì ta là người thiên-hữu (droitier).

Nếu như không có phần nửa nào mạnh hơn phần nửa nào (ambidextre) thì bộ óc khó điều-khiển, chứng đó thường sinh ra chứng khó đọc, khó viết.

Nếu một đứa bé thiên-tả mà trong nền giáo-đục cũ kỹ người ta bắt buộc đứa bé đó phải cầm viết tay mặt — có khi người ta di đến cả những biện-pháp quái gở như cột tay trái không cho sử dụng—thì sự trái ngược thiên-nhiên đó thường gây ra chứng khó đọc khó viết.

Có người không chấp-nhận giả thuyết trên mà cho rằng chứng khó viết chỉ do màng óc sưng.

Dầu sao các chuyên-viên đều công nhận rằng chứng khó đọc khó viết đó càng bành-trướng vì những tiếng động xe cộ, radio ầm-ỉ cả đêm lẫn ngày làm cho trẻ em xao-lãng tâm-trí.

Khó đọc khó viết là gì ?

Mắc chứng khó đọc khó viết trẻ em sẽ :

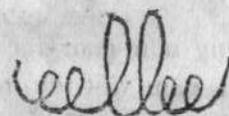
— Đọc ngược (inversion). Chữ chậm-tiến có thể bị viết hay bị nói thành : tạm-chiến hay tiến chậm. Đứa trẻ có thể miệng nói 21 mà tay lại viết 12... h lộn với p (nếu mới học văn).

— Đọc lộn (confusion). Chữ chậm-tiến có thể bị đọc hoặc bị viết thành chậm-tiến hay chậm-tiếng...

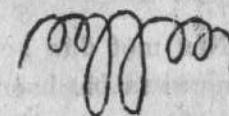
Hiện tượng của đứa trẻ khó đọc khó viết :

- Đứa trẻ không biết phân biệt tay trái hay tay phải.
- Đứa trẻ rất kém về khả-năng cấu-tạo trong không gian (difficulté d'organisation spatiale). Sự kém cỏi này khiến đứa trẻ không biết do bằng cặp mắt thi-dụ như nó không biết viết ngay hàng hay ta bảo nó treo một bức hình lên tường, nó treo xéo mà không biết tự sửa.

Để tìm ra những trẻ em khó đọc khó viết ta có thể dùng cái trắc nghiệm này (từ 6 tới 10 tuổi).



Hình I



Hình II

Trước hết, ta đưa đứa trẻ mẫu hình I và bảo nó vẽ lại trên một miếng giấy khác. Nếu nó vẽ ra hình II thì khả nghi lắm. Sau đó ta đưa mẫu hình II và bảo nó vẽ lại trên một miếng giấy khác, nếu nó vẽ ra hình I thì chắc chắn nó là một đứa khó đọc khó viết.

Lẽ dĩ-nhiên chứng khó đọc khó viết làm cản-trở việc học không ít, bằng cớ là di thi chúng thường hay rớt vì một lẽ dễ hiểu là chúng nghĩ một đường chúng đọc hay viết một ngả.

Giáo-dục trẻ em khó đọc khó viết cần nhiều nỗ-lai. Nhà giáo chuyên-môn phải giúp những trẻ khó đọc khó viết lưu-ý đến những chữ sai và giúp chúng tự sửa lỗi từng tiếng, từ-ngữ một. Ngoài ra người ta còn cho chúng làm nhiều thủ công để gia tăng khả-năng cấu-tạo trong không-gian.

Nhóm bại óc,

Nguyên-do của sự suy-bại này có thể là từ-cung bị

thâm độc (vi-trùng dương-mai, hoa-liêu...) hoặc có thể là trẻ bị não-xuất-huyết (hémorragie) lúc sanh hay bị ngóp-thở lúc sanh.

Khuôn-mặt của những trẻ con bị bại óc rất là đặc-biệt. Những thịt không được óc điều-khiển dễ-dàng thành-thứ hoặc cứng (rigidité des muscles, trường hợp này nhiều nhứt đến 80%), hoặc mềm quá (fluidicité anormale des muscles), ngoài ra còn có những giựt-gân (tics nerveux) ở mặt, ở tay-chơn, ở lưỡi.

Công-việc giáo-dục những người này rất khó khăn và ít đem lại kết-quả tốt đẹp. Những trẻ con này thường cần dùng rất nhiều nhà-chuyên-môn : nhà tâm-lý-học, nhà giáo-chuyên-môn, chỉnh-hình y-sĩ (orthopédiste), y-sĩ lý-học trị-liệu (trị-bằng-diện, bằng-phóng-xạ), chuyên-viên vận động trị-liệu (kinésthérapeute) : người sau này trị-bằng-thề-dục cải-tạo (gymnastique correctionnelle).

b. Loại đặc-biệt kém về xã-hội

Một trẻ con có thể đầy đủ trí-khôn hoặc có tri-khôn hơn người, hoặc có một hình-thể bình-thường nhưng lại là một đứa trẻ đặc-biệt về xã-hội nếu có một nguyên-do xã-hội ngăn-cản sự-học của nó. Những nguyên-do đó có thể rất là phức-tạp hay đơn-giản. Những nguyên-do đó có thể đứng một mình hay hiệp-chung với nhau. Đây là vài thí-dụ :

- Cha mẹ ly-dị hay ly-thân,
- Mồ côi cha mẹ từ thuở bé,
- Một người thân thuộc yêu quí chết thịnh linh,
- Cha mẹ gây lộn luộn,
- Con bị bỏ rơi,
- Con không chánh-thức,

- Có thêm một đứa em,
- Nhà cửa chật chội.
- Dời nhà thường quá,
- Giặc giã với những cảnh giết chóc.
- v.v...

Vì một hay nhiều lý-do trên, trẻ em đặc-biệt kém về xã-hội thường có những cù-chỉ đặc-biệt sau đây :

- Giút gân,
- Hung bạo, gây hấn,
- Loạn ngôn,
- Mất ăn hay khó ăn,
- Cù-chỉ trẻ con, cơn khóc,
- Nói dối, thọc mạch,
- Ăn cắp,
- Tánh tình bất-thường,
- Sợ sệt, lo âu,
- Mơ mộng, không thể chú-ý lâu-dài,
- Đăng tri,
- Cứng đầu...

Những hiện-tượng trên đủ chứng tỏ mạnh mẽ rằng đứa trẻ đặc-biệt kém về xã-hội không thể theo học một lớp bình thường được. Ta chia chúng ra làm hai nhóm.

- Nhóm trẻ đang chơi với (inadapté, irrégulier),
- Nhóm trẻ em phạm pháp (délinquant).

Nhóm trẻ đang chơi với.

Đối với hạng chậm-tiến, nhóm đặc-biệt kém về xã-hội khờ-sở hơn nhiều vì chúng đủ hoặc dư-trí khôn-dễ-nhiu thấy cái khờ của mình.

Chuyện làm đầu tiên trước khi bắt đầu giáo-dục trẻ đang chơi-với là phải tìm nguyên-do của sự chơi-với và phải giải quyết ôn-thỏa những nguyên do đó thì công-cuộc giáo-dục mới có kết-quả. Thường thường người ta tách đứa trẻ ra khỏi khung cảnh đã làm cho nó chơi-với và đem nó vào một nội-trú đặc-biệt. Trường này không được quá đông, chừng sáu chục trẻ trở lại. Mục-dịch là gây lại một bầu không-khi gia-đình. Từ nhiều bầu không-khi mới phải đầm-ấm hơn bầu không-khi cũ. Đứa trẻ sẽ làm quen với những bạn mới, sẽ được những nhà giáo chuyên-môn thông-cảm hướng-dẫn, chừng đó đứa trẻ bắt đầu sống lại.

Nếu như đứa trẻ có đủ tri-khôn thì nền giáo-dục sẽ là một nền giáo-dục bình thường. Tuy nhiên số-số của lớp học phải ít (hai chục trở lại) vì như thế thầy giáo mới có thể chăm sóc từng đứa trẻ. Ta phải biết rằng với tâm-trạng của đứa trẻ chơi-với, nếu chúng gặp một khó-khăn ở học đường mà không được nhà giáo ân-cần giúp đỡ vượt qua thì tình-trạng của chúng có thể nguy-kịch hơn.

Song-song với chương-trình văn-hóa, phần đông trẻ em chơi-với nghèo, thành-thử chúng không thể deo-duỗi việc học lâu được, nhà trường đặc-biệt còn phải lo dạy cho chúng một cái nghè-dè sống. Khi chúng ra trường còn phải lo kiếm chỗ làm cho chúng. Chẳng nhẽ ta tôn công giáo-dục chúng mà khi ra đời chúng không có nghề-nghiệp thì với hai bàn tay trắng chúng sẽ lâm bậy, công giáo-dục của ta chỉ là công-toi !

Trong nhóm chơi-với, cũng có một thiểu-số chỉ chơi-với một thời-gian rồi chúng tim-lại được quân-binh, chúng tiếp-tục việc học cho đến khi tốt-nghiệp về-vang ở Đại-học. Cũng có một số khác, sau một thời-gian tạm-yên chúng lại nghĩ đến những kỷ-niệm xa-xôi, lên cơn điên, cầm dao rượt thiên-hạ. Hiều được những biến-chứng đó,

nha-giao và quan-tòa càng ngày càng giải-quyết vấn-dề một cách nhân-đạo hơn.

Nhóm trẻ em phạm-pháp.

Hỗn-trộm-cướp giết người là bị trừng-phạt. Đó là luật định. Nhưng có những trường-hợp mà trừng-phạt chỉ là những biện-pháp tiêu-cực, tìm cách cứu-vớt con người tội-lỗi mới là tích-cực. Nhứt là khi những tội-lỗi ấy lại gây ra bởi những tội-lỗi đầu tiên của xã-hội.

«Những khảo-cứu của Burt (1907) ở Liverpool và Luân-don và của Healy ở tòa-án nhì-dồng Cook (Illinois) (1909) đưa đến những kết-luận rằng hiện-trạng trẻ em phạm-pháp không những gây ra bởi những nguyên-do thần-kinh phát-cuồng (psychoses), thần-kinh suy nhược (névroses graves), tánh-tinh dể phát-cuồng (tempéramment psychopathique...) mà còn tinh-trạng hoàn-cảnh (nature du milieu), kỷ-luật gia-đình, xáo-trộn tinh-cảm, thất-bại về học-văn hay nghè-nghiệp.» (La psychologie au service de l'école W.D.Wall, tr.28).

Nhờ quan-niệm như vậy mà trẻ em phạm-pháp trên thế-giới càng ngày càng được đối-dãi xứng đáng hơn. Tại Pháp, trước khi một đứa bé phạm-pháp ra trước tòa, đứa đó phải được một nhà tâm-ly-học phân-xét trường-hợp. Sau khi nghiên-cứu xong, nhà tâm-ly-học phải làm tờ phúc-trình lên tòa, gồm đầy đủ chi-tiết về những hoàn-cảnh xã-hội, tiền-án, mức-tiến, và sau đó phỏng-doán về tinh-cảm và nhân-tính của đứa trẻ. Trên căn-bản tờ trình, nhà tâm-ly-học thử giải-thích hành-động của đứa trẻ và đề nghị biện-pháp điều-trị.

Bề-diều-trị chúng phạm-pháp, nhiều nước biến đổi ngực-thắt thành những trường-học nghè-học-chữ. Người ta thường gọi nó là «Trung-tâm cải-huấn». Chữ cải-huấn đây có nghĩa khá mỉa-mai, vì những đứa trẻ đó có

bao giờ được giáo-huấn đâu mà phải cải-huấn. Nếu chúng nó học qua tiểu-học hay trung-học thì chữ cải-huấn còn có nghĩa tào-bạo hơn nữa, nghĩa là cho nền giáo-dục tiểu-học và trung-học đều sai-bết nên mới có vấn-dề cải-huấn lại. Dẫu với từ-ngữ nào, sự thành-lập những «Trung-tâm cải-huấn» vẫn là một tiến-bộ quan-trọng trong đầu óc của người cầm-cân công-ly.

c. Loại đặc-biệt kém về thể-xác (*physiquement handicapé, infirme, diminué physiquement*).

Tinh-cảnh khốn-khổ của những đứa trẻ này đã lưu-ý nhiều nhà hảo-tâm từ xưa. Nhưng những trẻ em này vẫn chưa được chăm-nom chu đáo. Ta sẽ chia những trẻ em này ra thành hai nhóm :

— Bệnh dài hạn (dau tim, lao, nước đái đường, bại-xuội, phù...)

— Nhóm kém về thính-thị và ngôn-ngữ.

Bệnh dài hạn. — Nền giáo-dục đối với những trẻ em này có hai mục-dịch nâng-cao nền văn-hóa đến đâu hay đến đó nếu sức-khoẻ cho phép hoặc gìn-giữ những chữ nghĩa đã học rồi để sau này hết bệnh đứa trẻ có thể tiếp-tục học với những trẻ em bình-thường.

Những trẻ em này phần đông là những trẻ tánh-tinh bình-thường, nhưng từ ngày mắc bệnh tinh-thần bẩn-loạn chúng có thể trở thành hoắc hung-dữ hoặc lo-áu, hoặc sợ-sệt, nhút-nhát. Có những trẻ vì được người ta ân-cần săn-sóc lại trở thành lười-biếng, không chịu làm một cỗ gắng nào, lúc nào cũng đem tấm bình-phong bệnh hoạn để tự bảo-chữa.

Tuy-nhiên nền giáo-dục này thường đem lại nhiều kết-quả khả-quan. Tại Pháp hàng năm có những trẻ mắc bệnh dài hạn vẫn đậu tiểu-học nếu còn nhỏ hoặc tú-tài, cử-nhan, bác-sĩ, thạc-sĩ..., nếu là người lớn.

Dẫu vậy, học-hỏi đối với những trẻ mắc bệnh dài hạn vẫn là chuyện phụ thuộc, chuyện chính là trị bệnh.

Nhóm trẻ kém về thính-thị ngôn-nữ.— Ta phân nhóm này là làm bốn toán :

- Toán nửa điếc (hypo-acousie)
- Toán điếc, câm
- Toán cà lăm, ngọng
- Toán mù.

a. Toán nửa điếc :

Một nhà giáo-duc tinh mắt sẽ dùng những biện tượng sau đây để tìm ra những trẻ nửa điếc :

- Người ta hỏi một đường, nó trả lời một ngả.
- Nó đoán câu hỏi chờ không hiểu liền, vì vậy sau mỗi câu hỏi, nó dùng một thời-gian để hiểu thấy câu hỏi rồi mới trả lời.
- Loạn ngôn : nói lộn chữ, dùng sai chữ
- Trong bài ám-tâ nó chưa nhiều chỗ trống
- Nhìn miệng người đối thoại.

Đi-nhiên khoa-học có những máy móc tinh-vi để đo những trẻ em nào nhà giáo tinh-nghi là nửa điếc. Chẳng hạn người ta bảo trẻ em nghe những tiếng động từ 100 đến 8.000 cycles/s., rồi người ta xem phản-ứng của lỗ tai mà tính mức điếc.

Giáo-duc sẽ tùy mức điếc mà thi-hành.

Nếu trẻ em chỉ điếc 30 décibels, thì nhà giáo chỉ cần để đứa trẻ đó ở hàng đầu — quyền tru-tiền, đầu cho nó cõi con hay lớn tuổi — và nhà giáo dễ ý lúc giảng đứng di sau lưng nó (nó cần ngó cái mòi của nhà giáo).

Nếu đứa trẻ điếc từ 30 đến 50 décibels thì vẫn-de

trở nên phức-tạp : đứa trẻ phải học nói với một chuyên-viên. Học nói vì nó nghe không rõ tức nhiên nó nói sai từ-ngữ. Người chuyên-viên sẽ giúp nó sửa những chữ nói sai và tập cho nó biết ý-thức hình-dáng của tiếng nói bằng cách đọc môi.

Nếu đứa trẻ điếc từ 55 đến 60 décibels, đứa trẻ nghe vắng-vắng mà không hiểu gì cả. Tùy theo số tuổi của đứa trẻ khi bắt đầu bị điếc mà trường-hop trở nên thật nặng hay bớt nặng. Nếu sự điếc xảy ra lúc trẻ mới có 5 hay 6 tuổi thì đứa trẻ sẽ câm hay dần dần trở nên câm. Nếu sự điếc xảy ra trễ hơn vào lúc trẻ được 10 tuổi thì những tiếng mà nó đã học được có thể được giữ gìn. Nhưng ngôn-nữ của nó sẽ rất nghèo nàn đầy những chữ sai, giọng nói không có nhịp-điệu.

Đối với những trẻ em nửa điếc, giáo-duc là tập nói, các môn khác là phụ-thuộc.

b. Toán điếc câm:

Trường điếc đầu tiên do một ông đạo Tây-ban-nha Pedro Ponce sáng lập năm 1520-1584. Như ta đã thấy, thường thường tật điếc gây ra tật câm, nhưng những người điếc rất trễ — từ 20 trở lên — vẫn có thể, giao-thiệp bằng lời nói được. Những khảo-cứu mới đây cho ta biết rằng người điếc có thể dùng xúc-cảm mà nghe đàm và có thể nhảy múa theo nhịp-điệu.

Ngược lại người câm không trở thành điếc. Người điếc và câm có thể học viết được.

c. Toán ngọng, cà-lăm :

Những tật này thường có hai nguyên do :

— Hoặc những gân âm-thanh không cấu-tạo đúng-dắn. Nguyên do này có thể là do một tai nạn cấu-tạo hay một di truyền.

— Hoặc vì tiếp xúc thường xuyên với người ngọng và cà lăm.

Mục-dịch của nền giáo-đục đặc-biệt là tập cho trẻ nói đúng.

d. Toàn mù :

Trường mù đầu tiên của Pháp sáng lập vào năm 1745-1822 do V.Hauy, trường của Anh-quốc trẻ hơn vào năm 1870 tại Liverpool.

Từ ngày ông Louis Braille (1809-1852) phát minh ra chữ nòi, giữa những cánh cửa khép kín tương-lai người mù, một cánh cửa đã được hé mở ; cửa đó là học văn. Người mù từ đó có thể đọc sách viết bằng chữ nòi. Trong cái thế giới tối tăm, lối thoát trên là nguồn an-ủi vô-biên.

Ngày nay, công cuộc giáo-đục người mù bước một bước tiến xa nra với công trình của George Wally người Mỹ. Là một họa-sỹ, George Wally có thêm một thiên khiếu về giáo-đục, ông ta đã biết dùng lời nói, lòng nhẫn-nại tinh thương người để diễn-tả cho người mù từ thuở nhỏ chưa bao giờ thấy một con đường, một cây xanh... thấy được những con đường, những cây xanh.. bằng lý trí. Sau nhiều giai đoạn tập dượt, một ngày nào đó trẻ mù sẽ bỗng la lên : «Tôi thấy». Thấy dây không có nghĩa là thấy bằng mắt. Đó là một cái thấy nội tâm — intervision — 1959, George Wally được trợ giúp tài chánh để lập ra viện khảo cứu thế-giới cho người mù (World Research Centre for the Blind). Trong viện đó, Wally đã thảo ra một chương-trình giáo-đục gồm có những môn : kiến-trúc, âm nhạc, khiêu-vũ, trượt tuyết, nhu đạo. Ngoài ra trong tương lai, Wally còn tính lập một Viện đại-học cho người mù, gồm có những giáo sư mù.

Theo hướng tiến của nhân-loại, ngày xưa, người mù điếc, cảm chỉ biết đi ăn xin, làm nghề khóc mướn, bói vận mạng, ngày nay, ngoài những giúp-dỡ vật chất và

tinh thần, những xứ giàu có cố gắng tạo cho mỗi người mù một nghề thủ-công hay dàn hát để sinh sống.

e) Loại kém về nhiều phương-diện.

Ta đã phân ra nhiều nhóm và nhiều loại khác nhau để tiện việc trình bày, nhưng trên thực-tế, đa số trẻ em đặc-biệt đều kém về nhiều phương-diện. Một đứa trẻ có thể bắt đầu chậm-tiến hạng nhất, rồi vì vậy mà trở thành chơi-vời. Một đứa trẻ có thể vừa bại óc, vừa chậm tiến, vừa mang chứng khó đọc khó viết.

Tuy có vài dòng để nói chung, nhưng độc-giả cũng hiểu rằng loại này là loại quan-trọng nhất. Và vấn đề giáo-đục trẻ đặc-biệt lại càng phức tạp.

VĂN-ĐỀ TRẺ EM ĐẶC-BIỆT ĐỐI VỚI VIỆT-NAM

Trên thực-tế, chỉ có những quốc-gia giàu có mới tinh chuyên giáo-đục trẻ em đặc-biệt hơn. Với hoàn cảnh nước nhà, ta chỉ xét vẫn đề trẻ em đặc-biệt kém đối với Việt-Nam.

Trong cuốn *L'Education et la santé mentale* của Bác-sĩ W. D. WALL do UNESCO xuất-bản, ta thấy một bản thống kê, ta nên nhớ lại rằng sự chậm-tiến không tùy thuộc sự sang hèn hay dân-tộc, một nước kỹ-nghệ hay nông-nghiệp.

Hạng chậm-tiến	Danh-từ ngoại-quốc	Trí suốt Q. I.	Tỷ-lệ với tổng số trẻ em đang tuổi đi học tiêu-học
Hạng nhất	Débile léger (Pháp) Dull and backward (Anh)	70-90	10
Hạng nhì	Débile (Pháp) Moron (Mỹ) Feeble minded (Anh)	50-69	2,26
Hạng ba	Imbécile (Pháp) Imbecile (Anh, Mỹ)	20-49	2,24
Hạng tứ	Idiot (Anh, Pháp, Mỹ)	0-19	0,06

Tại Anh-quốc, tỷ-lệ thiếu niên dưới 15 tuổi vào khoảng 28% dân số. Tại Việt-Nam tỷ-lệ đó chắc chắn cao hơn vì gia-dinh Việt-Nam đông con hơn gia-dinh Anh. Theo kiểm-tra 1936, tỷ-lệ trẻ em Việt-Nam dưới 15 tuổi lên đến 36%. Cho đến nay không có yếu-tố gì dễ có thể nói tỷ-lệ đó giảm đi. Nhưng dẫu sao ta cũng sẽ theo phỏng-doán của Ủy-ban Ngân-sách Quốc-hội khi hàn đến ngân-sách quốc-gia 1961. Theo Ủy-ban chỉ thi-dụ rằng trong 10 người có hai đứa trẻ di học tiểu-học nghĩa là các ông dân-biểu đã lấy tỷ-lệ 20%. Vậy ta tìm thấy số trẻ em đang tuổi di học là 2.400.000, dân số Việt-Nam Cộng-Hòa 12 triệu.

Vậy theo bản thống-kê ta sẽ tìm thấy :

$$\frac{2.400.000 \times 10}{100} = 240.000 \text{ trẻ em chỉ có thể học với một nhịp học rất chậm.}$$

$$\frac{2.400.000 \times 2,56}{100} = 61.440 \text{ trẻ cần một nền giáo-đục hoàn-toàn đặc-biệt.}$$

301.440 trẻ không thể học lớp bình thường.

*
Đối với những trẻ em đặc-biệt kém về xã-hội, ta cũng may mắn có một bản thống-kê trong cuốn sách kẽ trên của W. D. WALL trang 278.

TÁC-GIA NGHIÊN-CỨU	Nguồn thông-tin	Năm	Mẫu trẻ nghiên cứu	Số trẻ		Có triệu chứng chói-vết	Bang với thời nồng	Tổng số
				7 - 13	31,1			
Burt (Anh)	nghiên-cứu từng trường hợp	1927	391	7 - 13	31,1	0/0	0/0	35,4
Wickman (Mỹ)	giáo giới	1923	870	6 - 12	42	7	49	
New Zealand Education Institute	quan-sát của giáo giới	1918	2.363	5 - 14		7,6	7,6	
Heuger và cộng-sự (Pháp)	được các nhà tâm-ly kiêm-soát	1944	95.237	6 - 13			28,6	28,6
Ullman (Mỹ)	giáo giới	1950	810	11	22	8	30	

Con số của nước Pháp hưu-ích đối với ta, vì nước Pháp 1944 cũng như nước Việt-Nam ngày nay, đều bị chiến-tranh dày-xéo.

Vậy theo thống-kê trên, ta có thể nói rằng trong tổng số trẻ con đi học, có ít lăm là 4% trẻ chơi-với thật nặng và con số sẽ lên rất cao 28, 6% nếu trong xã-hội có những yếu-tố nguy-kịch như kinh-tế suy-bại, chiến-tranh, xã-hội bất-đòn...

Đối với hiện-tình nước nhà, trường lấy tỷ-lệ 10% không phải là quá đáng và ta sẽ tìm thấy 240.000 trẻ em đang chơi-với thật nặng.

*

Vài con số nêu ra trên đủ cho ta thấy vấn-dề vô cùng quan-trọng. Quan-trọng vì số trẻ em đặc-biệt quá nhiều, nhưng cũng vì số trẻ em bình-thường hiện nay lâm cảnh thất-học cũng quá nhiều. Số trẻ em đi học tiêu-học công và từ năm 1960-61 lên đến 1.218.841, nghĩa là chỉ lối 50%. Nhìn thấy con số 50% trẻ em thất-học, ta không nên vội bi-quan, vì công việc hiếm thấy, lập-trường để cho hơn một triệu trẻ em có chỗ học không phải là dễ-dàng, và trong 7 năm độc-lập 50% trẻ em đi học được là một kết-quả vô cùng tốt đẹp.

Nhưng giữa hơn triệu trẻ em thất-học và hơn năm trăm ngàn trẻ em đặc-biệt ta nên lo cho trẻ nào trước?

Câu trả lời sẽ dứt-khoát: ta phải lo cho trẻ bình-thường trước đã. Nhưng ta biết rằng sớm muộn gì vấn-dề trẻ em cũng phải được giải-quyết, vì hiệu-năng của nền giáo-đục tùy thuộc. Trong một lớp học, đứa giỏi kéo đứa kém trí, đứa bình-thường sẽ không yên-thân học-hành. Nền giáo-đục áp-dụng cho đám trẻ hồn-dộn sẽ bị té-liết.

Đề sửa-soạn giải-quyết vấn-dề trẻ em đặc-biệt, đây là những biện-pháp vừa cấp-bách vừa trường-kỳ:

— Gởi sinh-viên ra ngoại-quốc vừa học vừa tu-nghiệp tại những phòng nghiên-cứu trẻ em đặc-biệt.

— Mời chuyên-viên quốc-tế đến Việt-Nam giảng-dạy về môn này.

Trong năm năm, ta sẽ có vài chuyên-viên để bắt đầu mở một vài trường thí-diệm tại Việt-Nam. Trường thí-diệm đó sẽ hoạt-động trong năm năm để nghiên-cứu vấn-dề hành-trường nền giáo-đục đặc-biệt cho toàn quốc. Vậy ta hy-vọng trong 10 năm, trẻ em bình-thường sẽ có đủ trường để học. Nói khác đi, trong 10 năm vấn-dề thất-học sẽ được giải-quyết. Chừng đó ta có đủ phương-tiện và chuyên-viên cho vấn-dề đặc-biệt.

HỒ TÂN VINH

In tại

Nhà in ĐOAN VIÊN

131, Công Quỳnh

SAIGON

C N 6

HOT ✓

Giá : 150đ.